

PGS.TS. ĐẶNG CẨM TÚ (Chủ biên)

**GẮN KẾT VÀ  
CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG**  
TẦM NHÌN VÀ  
TRIỂN VỌNG CỦA  
**ASEAN**  
SAU NĂM 2025

(SÁCH CHUYÊN KHẢO)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản  
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN  
Chịu trách nhiệm nội dung  
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP  
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung:	ThS. CÙ THỊ THÚY LAN TS. HOÀNG MẠNH THẮNG ThS. HOÀNG THU QUỲNH LÊ THỊ HẰNG TRẦN PHAN BÍCH LIỄU LÊ HÀ LAN
Trình bày bìa:	LÊ MINH ĐỨC
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THỊ LƯƠNG TẠ
Sửa bản in:	THU THỦY NGUYỄN QUANG TRUNG LÊ THỊ HẰNG VIỆT HÀ
Đọc sách mẫu:	

---

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 2266-2021/CXBIPH/7-23/CTQG.  
Số quyết định xuất bản: 419-QĐ/NXBCTQG, ngày 29/6/2021.  
Nộp lưu chiếu: tháng 7 năm 2021.  
Mã ISBN: 978-604-57-6892-1.

**GẮN KẾT VÀ  
CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG**  
TẦM NHÌN VÀ  
TRIỂN VỌNG CỦA  
**ASEAN**  
SAU NĂM 2025

**Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Đặng Cẩm Tú

Gắn kết và chủ động thích ứng: Tầm nhìn và triển vọng của ASEAN sau năm 2025 / Đặng Cẩm Tú. - H. : Chính trị Quốc gia, 2021. - 280tr. ; 21cm

ISBN 9786045764770

1. Hợp tác quốc tế 2. Việt Nam 3. ASEAN  
327.597059 - dc23

CTM0433p-CIP

PGS.TS. ĐẶNG CẨM TÚ (Chủ biên)

**GẮN KẾT VÀ**  
**CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG**  
TẦM NHÌN VÀ  
TRIỂN VỌNG CỦA  
**ASEAN**  
SAU NĂM 2025

(SÁCH CHUYÊN KHẢO)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT  
Hà Nội - 2021

## **NHÓM TÁC GIẢ**

PGS.TS. ĐẶNG CẨM TÚ

GS.TS. NGUYỄN VŨ TÙNG

TS. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

THS. NGUYỄN LÊ NGỌC ANH

## **LỜI NHÀ XUẤT BẢN**

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ngày 08/8/1967 với 5 thành viên, sau đó dần phát triển thành một tổ chức hợp tác toàn diện và chặt chẽ, bao gồm cả 10 quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Trải qua 5 thập kỷ xây dựng và phát triển, từ những thành tựu đã đạt được cùng mong muốn tạo ra môi trường thuận lợi, gắn kết trên các mặt chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội cho các quốc gia thành viên, Cộng đồng ASEAN chính thức được thành lập ngày 31/12/2015 chính là kết quả hợp tác đầy nỗ lực, đồng thời phản ánh mức độ liên kết nội khối tương đối chặt chẽ của ASEAN. Tuy chất lượng của Cộng đồng ASEAN vẫn còn ở mức độ nhất định do sự khác biệt khá lớn về chế độ chính trị và trình độ phát triển giữa các nước thành viên, nhưng cho đến nay, ASEAN đang được xem là một trong những tổ chức hợp tác khu vực thành công nhất trên thế giới, có vai trò quan trọng trong khu vực; là nhân tố hàng đầu trong việc bảo đảm hòa bình, ổn định và hợp tác vì phát triển ở khu vực Đông Nam Á.

Tuy nhiên, bối cảnh tình hình khu vực và thế giới tiếp tục có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp cũng đang đặt ra không ít thách thức và yêu cầu mới cho ASEAN. Chính vì vậy, ASEAN cần tiếp tục thể hiện vai trò trung tâm, là động lực thúc đẩy các tiến trình đối

thoại, xây dựng lòng tin vì hòa bình, an ninh và ổn định ở khu vực, ủng hộ chủ động, hiệu quả hơn với các thách thức đặt ra cũng như đóng góp tích cực hơn nữa vào các nỗ lực bảo đảm hòa bình và phát triển của cộng đồng quốc tế. ASEAN cũng cần bảo đảm cách tiếp cận bao trùm, phát triển đồng đều, bền vững, có sự tham gia rộng rãi hơn của người dân và mang lại những lợi ích thiết thực hơn cho người dân.

Năm 2025 là năm kết thúc quá trình thực hiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, do đó việc đánh giá quá trình hình thành và phát triển của Cộng đồng ASEAN kể từ khi thành lập, vừa đánh giá những thuận lợi, khó khăn cũng như thách thức đã và đang đặt ra cho ASEAN trong thời gian qua, đồng thời nhận diện và dự báo những chiều hướng phát triển của ASEAN trong tương lai, từ đó đề xuất các định hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của ASEAN sau năm 2025 là việc làm hết sức cần thiết. Đây là nội dung chính của cuốn sách ***Gắn kết và chủ động thích ứng: Tầm nhìn và triển vọng của ASEAN sau năm 2025*** do PGS. TS. Đặng Cẩm Tú làm chủ biên. Cuốn sách là một nguồn tư liệu tham khảo rất có giá trị. Bên cạnh nội dung trên, tác giả cũng đưa ra những đánh giá về quá trình Việt Nam tham gia ASEAN và những khuyến nghị nhằm nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN sau năm 2025.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 02 năm 2021*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
AADMER	ASEAN Agreement on Disaster Management and Emergency Response	Hiệp định ASEAN về quản lý thảm họa và ứng phó khẩn cấp
ACMP	ASEAN Communication Master Plan	Kế hoạch tổng thể về truyền thông ASEAN
ACTIP	ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Especially Women and Children	Công ước ASEAN về phòng, chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em
ACWC	ASEAN Commission on the Promotion and Protection of the Rights of Women and Children	Ủy ban ASEAN thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em
ADMM	ASEAN Defence Ministers' Meeting	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN
ADMM+	ASEAN Defence Ministers' Meeting Plus	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng
AEC	ASEAN Economic Community	Cộng đồng Kinh tế ASEAN
AFAS	ASEAN Framework Agreement on Services	Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ

AFTA	ASEAN Free Trade Area	Khu vực thương mại tự do ASEAN
AHA	ASEAN Humanitarian Assistance	Trung tâm hỗ trợ nhân đạo ASEAN
AIA	ASEAN Investment Area	Khu vực đầu tư ASEAN
AICHR	ASEAN Intergovernmental Commission on Human Rights	Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền
AICO	ASEAN Industrial Cooperation Scheme	Chương trình hợp tác công nghiệp ASEAN
AMF	ASEAN Maritime Forum	Diễn đàn biển ASEAN
AMM	ASEAN Foreign Ministers' Meeting	Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN
AMMSWD	ASEAN Ministerial Meeting on Social Welfare and Development	Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về phúc lợi xã hội và phát triển
AOIP	ASEAN Outlook on the Indo-Pacific	Tài liệu quan điểm của ASEAN về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương
APEC	Asia-Pacific Economic Cooperation	Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
APSC	ASEAN Political Security Community	Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN
ARF	ASEAN Regional Forum	Diễn đàn khu vực ASEAN
ASCC	ASEAN Socio - Cultural Community	Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ASEAN + 1	ASEAN Plus One	Cơ chế hợp tác giữa ASEAN với từng đối tác đối thoại

ASEAN + 3	ASEAN Plus Three	Cơ chế hợp tác giữa ASEAN và 3 quốc gia Đông Bắc Á là Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc
ASEANAPOL	Organisation of the ASEAN Chief of National Police	Tư lệnh cảnh sát các nước ASEAN
ASEM	Asia-Europe Meeting	Hội nghị Thượng đỉnh Á - Âu
ASOEN	ASEAN Senior Officials on the Environment	Hội nghị các quan chức cao cấp ASEAN về môi trường
ASW	ASEAN Single Window	Cơ chế một cửa ASEAN
ATR	ASEAN Trade Repository	Cơ sở dữ liệu thương mại ASEAN
AU	African Union	Liên minh châu Phi
BRI	Belt and Road Initiative	Sáng kiến Vành đai, Con đường
C/O	Certificate of Origin	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa
CEP	Comprehensive Economic Partnership	Đối tác kinh tế toàn diện
CLMV	Cambodia-Laos-Myanmar-Vietnam	Campuchia, Lào, Mianma, Việt Nam
CLV	Cambodia-Laos-Vietnam	Campuchia - Lào - Việt Nam
COC	Code of Conduct in the South China Sea	Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông
COSD	Commission on Social Development	Ủy ban Phát triển xã hội
COST	Committee on Science and Technology	Ủy ban Khoa học và Công nghệ
COSTI	Committee on Science, Technology, and Innovation	Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

CPR	Committee of Permanent Representatives	Ủy ban các đại diện Thường trực bên cạnh ASEAN
CPTPP	Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership	Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
DOC	Declaration on the Conduct of Parties in the South China Sea	Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông
EAMF	Expanded ASEAN Maritime Forum	Diễn đàn biển ASEAN mở rộng
EAS	East Asia Summit	Hội nghị Cấp cao Đông Á
e-ASEAN	e-ASEAN Framework Agreement	Hiệp định khung về ASEAN điện tử
EU	European Union	Liên minh châu Âu
FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FOIP	Free and Open Indo-Pacific	Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở
G20	Group of Twenty	Nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu thế giới
FTA	Free Trade Area	Khu vực thương mại tự do
FTAAP	Free Trade Area of the Asia Pacific	Khu vực thương mại tự do châu Á - Thái Bình Dương
GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
HDI	Human Development Index	Chỉ số phát triển con người
HPA	Hanoi Plan of Action	Chương trình Hành động Hà Nội
IAI	Initiative for ASEAN Integration	Sáng kiến Liên kết ASEAN

IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ quốc tế
IPS	Indo - Pacific Strategy	Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương
JIM	Jakarta Informal Meeting	Cuộc gặp không chính thức Jakarta về vấn đề Campuchia
MEA	Multilateral Environmental Agreement	Thỏa ước đa phương về Môi trường
MPAC	Master Plan on ASEAN Connectivity	Kế hoạch tổng thể về kết nối ASEAN
NAM	Non-Aligned Movement	Phong trào Không liên kết
NATO	North Atlantic Treaty Organization	Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương
OAS	Organization of American States	Tổ chức các quốc gia châu Mỹ
OUA	Organization of African Unity	Tổ chức thống nhất châu Phi
OECD	Organization for Economic Co-operation and Development	Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế
OPEC	Organization of the Petroleum Exporting Countries	Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ
RCEP	Regional Comprehensive Economic Partnership	Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực
SDGs	Sustainable Development Goals	Mục tiêu phát triển bền vững
SEAMEC	Southeast Asian Ministers of Education Council	Hội đồng Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á
SEAMEO	Southeast Asian Ministers of Education Organization	Tổ chức Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á

SEANWFZ	Southeast Asia Nuclear-Weapon-Free Zone	Hiệp ước khu vực Đông Nam Á không vũ khí hạt nhân
SEATO	Southeast Asia Treaty Organization	Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á
SME	Small and Medium-sized Enterprise	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
SOMSWD	Senior Officials Meeting on Social Welfare and Development	Hội nghị các quan chức cao cấp về phúc lợi xã hội và phát triển
TAC	Treaty of Amity and Cooperation in Southeast Asia	Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á
TPP	Trans-Pacific Partnership	Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương
UN	United Nations	Liên hợp quốc
UNCTAD	United Nations Conference on Trade and Development	Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển
UNESCO	United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc
USD	US Dollar	Đôla Mỹ
VAP	Vientianne Action Programme	Chương trình Hành động Viên Chăn
WB	World Bank	Ngân hàng Thế giới
WEF	World Economic Forum	Diễn đàn Kinh tế thế giới
WEF ASEAN	World Economic Forum on ASEAN	Diễn đàn Kinh tế thế giới về ASEAN
WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại thế giới

ZOPFAN	Zone of Peace, Freedom and Neutrality	Tuyên bố về khu vực hòa bình, tự do và trung lập
--------	--	--





## MỞ ĐẦU

Cách đây 53 năm, vào ngày 08/8/1967, Tuyên bố Băng Cốc đã được ký kết, đưa đến sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Trong lịch sử quan hệ quốc tế nói chung và ở khu vực Đông Nam Á nói riêng, sự tồn tại và phát triển của ASEAN trong nửa thế kỷ qua thường được viện dẫn để minh chứng cho sức sống dẻo dai của một mô hình hợp tác khu vực. ASEAN đã khẳng định được vai trò của mình trong việc vượt qua những hậu quả nặng nề do chủ nghĩa thực dân để lại, đương đầu với những biến động to lớn trong cả giai đoạn Chiến tranh lạnh và hậu Chiến tranh lạnh, tự định vị trong mối quan hệ phức tạp giữa các nước lớn và trên hết, khẳng định được vai trò không thể thiếu trong tiến trình xây dựng, phát triển đất nước của từng thành viên và duy trì hòa bình, ổn định, hợp tác của khu vực Đông Nam Á. Những thành tựu này đã đưa ASEAN trở thành một trong số ít các mô hình hợp tác khu vực thành công trên thế giới. Tuy nhiên, trong thời gian tới, để tiếp tục thành công và phát huy vai trò, vị trí ở khu vực và trên thế giới, ASEAN sẽ phải vượt qua nhiều thách thức từ cả bên trong và bên ngoài.

Từ xuất phát điểm với 5 thành viên trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, ASEAN đã phát triển, mở rộng và trở thành một Cộng đồng gắn kết của 10 quốc gia Đông Nam Á. Cho đến nay, ASEAN đã có những đóng góp được cộng đồng quốc tế ghi nhận rộng rãi trong việc thúc

đẩy hợp tác, đối thoại và liên kết không chỉ ở Đông Nam Á mà ở cả khu vực châu Á - Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Trong mạng lưới hợp tác đa phương ở khu vực, có thể nhận thấy các cơ chế của ASEAN đóng vai trò không thể thiếu, thu hút sự tham gia của nhiều đối tác lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, EU, Ấn Độ,... Mặc dù còn có nhiều đánh giá khác nhau về hiệu quả hoạt động của những cơ chế hợp tác này, song không thể phủ nhận vai trò khởi xướng của ASEAN cũng như khả năng của ASEAN trong việc thu hút sự tham gia thường xuyên của các nước, đặc biệt là các nước lớn.

Nhìn lại hơn 5 thập kỷ tồn tại và phát triển của ASEAN, có thể thấy ASEAN đã đạt được những thành tựu to lớn. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, ASEAN cũng đang gặp phải những thách thức xuất phát không chỉ từ sự khác biệt về lợi ích trong nội bộ các nước thành viên, mà còn từ tình hình bất ổn định của thế giới và khu vực. Câu hỏi đặt ra là, tầm nhìn và triển vọng phát triển của ASEAN sau năm 2025 sẽ theo hướng nào và tác động ra sao đối với các quốc gia thành viên - trong đó có Việt Nam, và tương lai của cả khu vực? ASEAN sẽ được định vị và có vai trò như thế nào trong tổng thể chính sách đối ngoại của các quốc gia thành viên? Theo đó, Việt Nam nên nhận thức về ASEAN đồng thời tham gia ASEAN theo hướng nào trong thời gian tới?

Nhằm góp phần tìm lời giải cho những câu hỏi trên, cuốn sách *Gắn kết và chủ động thích ứng: Tầm nhìn và triển vọng của ASEAN sau năm 2025* là một đóng góp đúng thời điểm và thiết thực, thể hiện ở những khía cạnh sau:

*Thứ nhất*, đối với ASEAN, năm 2025 đánh dấu tròn 10 năm Cộng đồng ASEAN chính thức được thành lập, đến năm 2027 ASEAN tròn 60 năm tuổi và 20 năm ra đời Hiến chương ASEAN. Năm 2025 cũng là một dấu mốc quan trọng để từ đó ASEAN chuyển sang một giai

đoạn phát triển mới - kết thúc quá trình thực hiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và bước sang thập kỷ thứ hai hoạt động với tư cách một Cộng đồng dựa trên một tầm nhìn mới. Do đó, việc tổng kết chặng đường hơn 50 năm qua và dự báo triển vọng phát triển của ASEAN sau năm 2025 là việc làm thiết thực, có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn để chuẩn bị cho giai đoạn phát triển tiếp theo của ASEAN.

*Thứ hai*, Việt Nam đang trong quá trình tổng kết việc triển khai đường lối đối ngoại của Đại hội lần thứ XII của Đảng và hoạch định đường lối đối ngoại của Đại hội lần thứ XIII của Đảng, trong đó nhấn mạnh việc chủ động tham gia, tích cực đóng góp, xây dựng, định hình các thể chế đa phương; chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh. Việc dự báo chiều hướng phát triển của ASEAN và những vấn đề đặt ra cho các nước thành viên nói chung, Việt Nam nói riêng, từ nay đến sau năm 2025 sẽ cung cấp những luận cứ khoa học cần thiết và có giá trị, phục vụ thiết thực công tác tham mưu hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại nhằm nâng cao tính chủ động và hiệu quả tham gia hợp tác ASEAN của Việt Nam, đáp ứng đúng trọng tâm đối ngoại mà Đảng đã đề ra. Việc nâng cao tính chủ động và hiệu quả tham gia ASEAN của Việt Nam ngày càng trở nên có ý nghĩa cấp bách và quan trọng khi Việt Nam chủ trương đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030 theo Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp và khó lường, chính sách và sự tham gia ASEAN của các thành viên khác cũng có khả năng chuyển biến khác trước. Đặc biệt, nhận thức về vị trí và vai trò của ASEAN trong quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nói chung và trong đối ngoại của Việt Nam nói

riêng cần được tiếp tục xây dựng và hoàn thiện, nhất là khi khu vực đang chứng kiến nhiều sự vận động và thay đổi lớn, cách nhìn nhận và theo đuổi lợi ích của Việt Nam về an ninh, phát triển và vị thế cũng khác so với giai đoạn trước. Theo đó, các thành công và hạn chế, mặt mạnh và mặt yếu của ASEAN cần được nhận thức đúng và rõ hơn để phục vụ việc xây dựng chính sách và triển khai sự tham gia của Việt Nam trong ASEAN hiệu quả và thực tế hơn.

*Thứ ba*, năm 2020 đánh dấu mốc 25 năm Việt Nam gia nhập ASEAN và lần thứ hai đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN. Việt Nam đã lựa chọn và đưa ra chủ đề cho năm Chủ tịch ASEAN 2020 là “Gắn kết và chủ động thích ứng”. Lịch sử đã chứng minh việc tăng cường đoàn kết nội khối và chủ động ứng phó hiệu quả với các thay đổi của tình hình là hai yếu tố cơ bản đưa đến thành công và bảo đảm thành công của ASEAN. Đây đã, đang và tiếp tục là hai điều kiện then chốt mà ASEAN cần có để vượt qua thách thức, nắm bắt cơ hội tiếp tục phát triển và phát huy vai trò đối với các nước thành viên cũng như đối với khu vực, nhất là khi các thế lực lôi kéo, chia rẽ và những biến động của tình hình trong và ngoài khu vực đang tác động ngày càng mạnh hơn đến ASEAN. Cuốn sách góp phần làm rõ tầm quan trọng và nội hàm mới của sự gắn kết cũng như khả năng thích ứng của ASEAN không chỉ ngắn hạn trong năm 2020 khi Việt Nam giữ vai trò Chủ tịch ASEAN mà còn có giá trị xa hơn trong những năm tiếp theo, qua đó cho thấy tầm nhìn xa và tinh thần chủ động, tích cực, có trách nhiệm của Việt Nam đối với tiến trình hợp tác ASEAN trong chặng đường phát triển mới của Hiệp hội. Phát biểu khai mạc Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 53 ngày 09/9/2020 tại Hà Nội, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã nhấn mạnh: “Gắn kết và chủ động thích ứng không chỉ đơn thuần là chủ đề của năm 2020 mà điều đó cùng với tinh thần chủ động và trách nhiệm đã trở thành

một “thương hiệu” của ASEAN, khi chúng ta tay trong tay, ngẩng cao đầu đối diện với khó khăn thách thức, đoàn kết cùng vượt sóng gió, tự tin tiến lên”<sup>1</sup>.

Với ý nghĩa như vậy, cuốn sách tập trung đánh giá thực chất quá trình phát triển, dự báo tầm nhìn và triển vọng của ASEAN sau năm 2025, trên cơ sở đó phân tích những vấn đề đặt ra cho Việt Nam và gợi mở một số ý tưởng về định hướng tham gia ASEAN của Việt Nam trong thời gian tới.

Cụ thể, cuốn sách đi sâu vào các nội dung sau:

- Nghiên cứu tổng quan quá trình phát triển của ASEAN kể từ khi thành lập đến nay, đánh giá thực lực các mặt của ASEAN, những thành tựu và hạn chế trong quá trình hoạt động của ASEAN, từ đó làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của hợp tác ASEAN, vai trò của ASEAN trong khu vực và trên thế giới;

- Xác định và phân tích những nhân tố bên trong và bên ngoài tác động đến chiều hướng phát triển của ASEAN từ nay đến sau năm 2025, trên cơ sở đó dự báo về chiều hướng phát triển và vận động của ASEAN, làm rõ tính kế thừa và phát triển của ASEAN từ lịch sử đến hiện tại và tương lai;

- Đánh giá quá trình Việt Nam tham gia hợp tác ASEAN, phân tích các thành công, hạn chế của Việt Nam trong quá trình tham gia hợp tác ASEAN cũng như vai trò của ASEAN trong việc bảo vệ và theo đuổi các lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam;

- Phân tích các vấn đề đặt ra cho Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN sau năm 2025, đưa ra một số khuyến nghị về định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Việt Nam trong ASEAN

---

1. <http://baoquocte.vn/thu-tuong-nguyen-xuan-phuc-gan-ket-va-chu-dong-thich-ung-da-tro-thanh-mot-thuong-hieu-cua-asean-123327.html>

nói riêng và trong công tác đối ngoại đa phương nói chung về ngắn hạn và trung hạn.

Liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu ASEAN, cho đến nay, đã có khá nhiều bài viết và công trình nghiên cứu trong nước, khu vực và trên thế giới tập trung đánh giá hoặc có đề cập ở những mức độ khác nhau về triển vọng phát triển của ASEAN với Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025. Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu về tầm nhìn và triển vọng phát triển của ASEAN sau năm 2025 nhìn từ góc độ những dấu ấn quan trọng (10 năm thành lập Cộng đồng, tròn 60 năm tuổi, 20 năm ra đời Hiến chương ASEAN, kết thúc quá trình thực hiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025) và bước sang thập kỷ thứ hai hoạt động với tư cách là một Cộng đồng dựa trên tầm nhìn mới sau năm 2025. Do đó, các công trình nghiên cứu về ASEAN vẫn cần và đang được tiếp tục đào sâu, cập nhật, và cuốn sách *Gắn kết và chủ động thích ứng: Tầm nhìn và triển vọng của ASEAN sau năm 2025* có thể xem là một nỗ lực đóng góp theo hướng này.

Cuốn sách là công trình đánh giá tổng thể, hệ thống về tiến trình phát triển của ASEAN và dự báo tầm nhìn và triển vọng của ASEAN sau năm 2025 với mục đích bổ sung thêm các luận cứ khoa học cho việc tổng kết, xây dựng và triển khai chiến lược hội nhập quốc tế và đối ngoại đa phương của Việt Nam liên quan đến ASEAN, đưa ra một số quan điểm về sự tham gia của Việt Nam trong các tổ chức và cơ chế của ASEAN hoặc do ASEAN làm nòng cốt nhằm tiếp tục phục vụ hiệu quả việc thực hiện các mục tiêu đối ngoại của đất nước trong thời gian tới. Cuốn sách cũng góp phần quảng bá tới bạn đọc trong và ngoài nước tầm nhìn cùng những đóng góp tích cực, chủ động và có trách nhiệm của Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN nói riêng, trong hợp tác vì hòa bình, ổn định và thịnh vượng ở khu vực và quốc tế nói chung.

## *Chương I*

### **ASEAN TỪ NĂM 1967 ĐẾN NAY**

Tính đến năm 2017, ASEAN đã qua chặng đường tròn nửa thế kỷ thành lập và phát triển. Từ một Hiệp hội gồm 5 quốc gia sáng lập trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, ASEAN đã phát triển, mở rộng thành viên và trở thành một Cộng đồng gắn kết 10 quốc gia Đông Nam Á\*, vượt qua những chuyển biến lớn, phức tạp và sâu sắc trong tình hình quốc tế và khu vực từ sau Chiến tranh lạnh đến nay.

Năm 2027 là dấu mốc quan trọng tiếp theo khi ASEAN tròn 60 năm tuổi, 20 năm ra đời Hiến chương ASEAN, hoàn thành tiến trình thực hiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và bước sang thập kỷ thứ hai vận hành Cộng đồng với một tầm nhìn mới. Để có cơ sở dự báo triển vọng của ASEAN khi đạt tới các dấu mốc quan trọng này, cần nhìn lại 5 thập kỷ tồn tại và phát triển để thấy rõ hơn bản chất của hợp tác ASEAN, đánh giá thực lực trên các lĩnh vực, tổng

---

\* Đến nay, khu vực Đông Nam Á bao gồm 11 nước. Quốc gia “trẻ” nhất - Timo Lexte, thành lập năm 2002 - là quốc gia duy nhất trong khu vực chưa phải là thành viên ASEAN. Hiện ASEAN chấp thuận cho Timo Lexte làm quan sát viên, trong khi quốc gia này tiếp tục nỗ lực để được gia nhập ASEAN (BT).

kết những thành tựu, hạn chế và lý giải nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế đó trong quá trình hoạt động của Hiệp hội.

## I. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ASEAN TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

### **1. Sự ra đời của ASEAN lý giải từ góc độ lý luận và thực tiễn**

ASEAN là kết quả của quá trình khu vực hóa và là biểu trưng của chủ nghĩa khu vực ở Đông Nam Á trong những thập kỷ đầu của thời kỳ Chiến tranh lạnh. Khu vực hoá được hiểu là tiến trình hình thành các nhóm, hiệp hội giữa các quốc gia trên cơ sở gần gũi về địa lý. Tiến trình này đòi hỏi các đơn vị cấu thành (các quốc gia) có mức độ hợp tác cao và hình thành các cơ chế nhất định để thúc đẩy sự phối hợp trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị - an ninh hoặc xã hội. Joseph Nye định nghĩa khu vực liên quốc gia (quốc tế) là “một số lượng nhất định các quốc gia gắn bó với nhau bởi quan hệ về địa lý và mức độ phụ thuộc lẫn nhau”<sup>1</sup>. Trên cơ sở đó, Louis Fawcett định nghĩa chủ nghĩa khu vực là “sự hình thành các nhóm liên quốc gia trên cơ sở đặc trưng của các khu vực khác nhau”<sup>2</sup>. Ở đây, chủ nghĩa khu vực được mô

---

1. Nye, Joseph (1968), “Regionalism in Historical Perspective”, *International regionalism*, Little Brown and co., Boston., p. 11.

2. Fawcett, L. and Hurrell, A. (ed) (1995), *Regionalism in World Politics*, Oxford University Press, New York, p. 11.



tả như một tiến trình hình thành những tổ chức liên chính phủ trong một khu vực địa lý có sự đa dạng về số lượng thành viên.

Trong một nghiên cứu về quan hệ giữa Liên Xô trước đây và ASEAN, Bilveer Singh định nghĩa tổ chức khu vực “là một nhóm có số lượng nhất định các quốc gia chính thức bị ràng buộc bởi một tập hợp các mục tiêu chung, bất kể hoàn cảnh địa lý, mối ràng buộc về truyền thống văn hóa, tư tưởng, kinh tế hay quốc phòng và được thiết lập bởi các hiệp định liên chính phủ”<sup>1</sup>. Theo đó, dù có thể được nhóm lại theo các chức năng về chính trị, kinh tế, kỹ thuật hay quân sự, các tổ chức ít khi tự giới hạn mình vào một lĩnh vực hoạt động cụ thể<sup>2</sup>.

Hợp tác giữa nhóm quốc gia ở cấp độ khu vực là nhân tố cốt lõi thúc đẩy sự phát triển của tiến trình khu vực hóa và chủ nghĩa khu vực. Về khái niệm, hợp tác được coi là quá trình phối hợp chính sách, trong đó các nước vì lợi ích của mình mà điều chỉnh hành vi thuận theo lợi ích của nước khác và đáp ứng nhu cầu của các nước khác trong một số lĩnh vực quan hệ. Điều này có nghĩa là, hợp tác được hình thành khi các chủ thể điều chỉnh các chính sách và hành vi của họ để đi đến phối hợp hành động trên một số vấn

---

1. Singh, Bilveer (1989), *Soviet Relations with ASEAN*, Singapore University Press, Singapore.

2. Alagappa, Muthiah (1993), “Regionalism and the Quest for Security, ASEAN and the Cambodian Conflict”, *Australian Journal of International Affairs*, Vol. 47, No. 4.

đề/lĩnh vực với các chủ thể khác<sup>1</sup>. Hợp tác không phủ nhận sự tồn tại của khác biệt và xung đột giữa các nước. Trong nhiều trường hợp, nhu cầu hợp tác nảy sinh từ chính sự khác biệt lợi ích và khả năng xung đột tiềm tàng. Keohane cho rằng “nếu thiếu vắng bóng ma xung đột thì (các quốc gia) không cần phải hợp tác”<sup>2</sup>.

Các lý thuyết về quan hệ quốc tế đưa ra những cách tiếp cận khác nhau về việc lý giải nguồn gốc của hợp tác quốc tế giữa các quốc gia<sup>3</sup>. Thuyết hiện thực cho rằng an ninh quốc gia là động lực dẫn đến sự hợp tác giữa các nước với nhau. Nói một cách khác, nguy cơ đe dọa an ninh khiến các nước xác định rõ hơn bạn và thù để từ đó hình thành mối quan hệ xung đột và hợp tác với các đối tượng cụ thể. Như vậy, để trả lời câu hỏi tại sao các nước hợp tác với nhau, những người thuộc trường phái hiện thực cho rằng, khi xuất hiện nguy cơ đối với an ninh quốc gia, các nước phải tìm cách hoá giải nguy cơ đó và từ đó hợp tác ra đời<sup>4</sup>.

---

1. Robert Keohane (1984), *After Hegemony: Cooperation and Discord in the World Political Economy*, Princeton University Press, New Jersey, p. 51.

2. Robert Keohane (1984), *After Hegemony: Cooperation and Discord in the World Political Economy*, Ibid, p.54; PGS.TS. Đặng Đình Quý (Chủ biên): *Chủ nghĩa đa phương trên thế giới và đối ngoại đa phương của Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr. 46-47.

3. PGS.TS. Đặng Đình Quý (Chủ biên): *Chủ nghĩa đa phương trên thế giới và đối ngoại đa phương của Việt Nam*, Sđd, tr. 48-59.

4. Morgenthau, H. (1985), *Politics among Nations: The Struggle for Power and Peace*, McGrawhill, New York.

Theo thuyết thể chế tự do, các thể chế/tổ chức khu vực là phương án tốt nhất giúp các quốc gia đạt được hợp tác, và sự ra đời của các thể chế/tổ chức cũng phản ánh việc các quốc gia không thể tồn tại riêng lẻ mà phải phụ thuộc lẫn nhau trong sự vận động của nền chính trị và kinh tế quốc tế. Các quốc gia có xu hướng hợp tác với nhau trong khuôn khổ thể chế, vì các thể chế quốc tế có vai trò/tác dụng điều tiết quan hệ giữa họ thông qua việc cung cấp và thực hiện các phương cách để khuyến khích sự tuân thủ cam kết của các thành viên, tăng cường thông tin về hành vi của các nước liên quan, giảm chi phí giao dịch..., từ đó làm giảm mối lo ngại, nghi kỵ, giúp củng cố lòng tin chính trị giữa các quốc gia, mở ra các diễn đàn giúp thúc đẩy hợp tác để cùng đạt được lợi ích chung, đồng thời giúp các quốc gia có thể giám sát các thỏa thuận cam kết của các đối tác khác<sup>1</sup>.

Thuyết kiến tạo cho rằng, các quốc gia dễ hợp tác với nhau khi giữa họ tồn tại bản sắc chung, trong đó bản sắc là một quá trình xây dựng mang tính chủ động mà các quốc gia tìm và chọn lựa cho riêng mình. Các quốc gia lấy bản sắc làm tiêu chí cho việc xây dựng quan hệ hợp tác (hoặc đấu tranh) của họ, vì bản thân quá trình chọn lựa bản sắc cũng được kết hợp với yếu tố lợi ích: bản sắc nào không phù hợp với lợi ích của các nước thì hầu như không nằm trong sự

---

1. Jackson, R. and Sorensen, G. (2007), "Chapter 4: Liberalism", *Introduction to International Relations: Theories and Approaches*, Oxford University Press, Oxford, pp. 110-111.

lựa chọn<sup>1</sup>. Các nhà kiến tạo chủ nghĩa cho rằng, các tổ chức quốc tế thành công là nơi các nước có cùng bản sắc tập hợp lại với nhau trong một dạng quan hệ quốc tế phục vụ những lợi ích cụ thể. Theo đó, hợp tác quốc tế muốn thành công cần có chung bản sắc, chung lợi ích (thường là lợi ích an ninh và chiến lược), và chung những điểm tương đồng về văn hoá và lịch sử. Bản sắc được xem là có tác dụng hạn chế tác động tiêu cực của tình trạng vô chính phủ. Những điểm tương đồng về bản sắc càng nhiều thì khả năng hợp tác và duy trì hợp tác càng cao (nếu kết hợp thêm với tương đồng lợi ích). Như vậy, liên minh dựa trên bản sắc mạnh và hình thành trong phạm vi khu vực thường có cơ hội thành công lớn hơn<sup>2</sup>.

Sự ra đời của ASEAN đã phản ánh các nội dung lý luận về hợp tác quốc tế, khu vực hóa và chủ nghĩa khu vực. Tuyên bố Băng Cốc thành lập ASEAN vào ngày 08/ 8/1967 đã nêu rõ mục đích của 5 nước ở Đông Nam Á (Inđônêxia, Malaixia, Philíppin, Xingapo và Thái Lan) liên kết với nhau

---

1. Checkel, J. (1998): "The Constructive Turn in International Theory," *World Politics*, Vol. 50, No. 2, and Hopf, T. (1998), "The Promise of Constructivism in International Relations Theory", *International Security*, Vol. 23, No.1.

2. Theo Barnett, khi bản sắc trở thành tiêu chí để các nước nhìn nhận nhau thì nó cũng sẽ trở thành công cụ để các nước xác định bạn - thù. Xem Barnett, M. (1996), "Identity and Alliances in the Middle East", *Culture of National Security in World Politics*, Columbia University Press, New York, pp. 400-447; Trích trong PGS.TS. Đặng Đình Quý: *Chủ nghĩa đa phương trên thế giới và đối ngoại đa phương của Việt nam, Sđd*, tr. 57.

trong một hiệp hội mang tính liên chính phủ nhằm ba mục tiêu chủ yếu, đó là: mang lại hoà bình và ổn định cho khu vực; tuân thủ luật lệ và nguyên tắc công bằng; và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa.

Trên thực tế, ASEAN đã ra đời trong bối cảnh các nước đế quốc, nhất là Mỹ và Anh, buộc phải giảm bớt sự hiện diện ở khu vực Đông Nam Á, Cách mạng Đông Dương phát triển, Trung Quốc và Liên Xô tích cực mở rộng và cạnh tranh ảnh hưởng. Tại thời điểm đó, Trung Quốc thực hiện “Đại cách mạng văn hóa”, thúc đẩy sự phát triển và sử dụng các Đảng Mao-ít ở Đông Nam Á để gia tăng ảnh hưởng. Năm 1969, Liên Xô đưa ra khái niệm “an ninh tập thể châu Á” để tập hợp lực lượng trước tình hình Mỹ có xu hướng rút lui và Trung Quốc triển khai mạnh hoạt động trong khu vực. Trước đó, năm 1966, Pháp đưa ra khái niệm “trung lập hóa Đông Nam Á” để đề phòng khi Mỹ phải rút quân khỏi Đông Dương. Tình hình nội bộ các nước Đông Nam Á diễn biến hết sức phức tạp với nhiều xung đột, tranh chấp biên giới lãnh thổ, mâu thuẫn, nghi kỵ lẫn nhau.

Trước tình hình đó, một số nước Đông Nam Á (sau này là 5 thành viên sáng lập của ASEAN) có nhu cầu tập hợp lực lượng với mục tiêu công khai là tăng cường hợp tác kinh tế - xã hội nhưng thực chất là muốn tập hợp với nhau nhằm đối phó với tác động của cuộc chiến tranh ở Việt Nam, ngăn chặn tác động của chủ nghĩa cộng sản ở trong nước, hợp tác vì mục đích chính là bảo đảm ổn định và an ninh, tạo

sức mạnh tập thể để chuẩn bị ứng phó trước khoảng trống quyền lực có thể xuất hiện.

Mặc dù ASEAN được thành lập trước hết nhằm mục đích bảo vệ an ninh quốc gia mà thực chất là sự tồn vong của các chế độ cầm quyền chứ không phải vì mục tiêu hợp tác kinh tế, nhưng theo nguyên Tổng thư ký ASEAN Rodolfo C. Severino, Tuyên bố Băng Cốc vẫn nhấn mạnh mục tiêu hợp tác kinh tế vì lãnh đạo các nước ASEAN không muốn tạo ra ấn tượng các nước Đông Nam Á đang lập một liên minh quân sự dạng NATO hoặc SEATO nhằm chống lại Liên Xô hoặc Trung Quốc, gây thêm nghi kỵ, căng thẳng và đối đầu trong khu vực. Hơn nữa, đúng như nhận định của Bilveer Singh, hợp tác trong khuôn khổ của một tổ chức khu vực như ASEAN không thể chỉ giới hạn ở lĩnh vực an ninh - chính trị, mà sẽ bao hàm cả lĩnh vực kinh tế, bởi hợp tác kinh tế cũng là nhu cầu thiết yếu để các nước Đông Nam Á thành viên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, nâng cao năng lực tự cường, giữ vững chế độ và củng cố vị thế trong quan hệ với các nước lớn.

Nói cách khác, quan tâm lớn nhất của các nước thành viên sáng lập ASEAN là thúc đẩy sự tự chủ của khu vực và tránh sự can thiệp từ bên ngoài hơn là chống chủ nghĩa cộng sản. Trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực giữa hai siêu cường Mỹ - Liên Xô, các nước này lo ngại sự can thiệp từ bên ngoài vào tình hình trong nước như xung đột sắc tộc,

đói nghèo, bất ổn chính trị, xã hội<sup>1</sup>. Đây được coi là những động lực chính thúc đẩy chủ nghĩa khu vực ở Đông Nam Á để các nước thành viên giữ vững an ninh, giải quyết tranh chấp, tăng cường hợp tác và phát triển kinh tế.

Đồng thời, thông qua tổ chức khu vực, các nước cũng mong muốn thể hiện thiện chí của mình trong việc cải thiện quan hệ song phương giữa các nước thành viên, cụ thể Indônêxia muốn cam kết với Malaixia và Xingapo rằng đất nước này sẽ chủ trương hòa bình với các chính sách khác thời Sukarno; Thái Lan muốn liên kết với các nước láng giềng không theo phe cộng sản - là các thành viên của phong trào Không liên kết; Philíppin muốn có một diễn đàn để đẩy mạnh các yêu sách của mình đối với Bắc Borneo; Xingapo tìm kiếm sự đồng tình và ủng hộ từ các nước láng giềng để tăng cường ổn định và an ninh trong khu vực<sup>2</sup>.

Một yếu tố khách quan khác góp phần thúc đẩy quyết tâm của các nước Đông Nam Á liên kết trong khuôn khổ một tổ chức khu vực là sự phát triển của xu thế hợp tác liên kết khu vực, được xem như phản ứng của các nước nhỏ nhằm bảo vệ lợi ích của mình trong bối cảnh đối đầu của các cường quốc Đông - Tây. Trước và trong cùng khoảng thời

---

1. Ayoob, M. (1995), *The Third World Security Predicament: State Making, Regional Conflict and the International System*, Lynne Rienner, Boulder.

2. Lý Quang Diệu: “19. ASEAN - Một khởi đầu không thuận lợi, một tương lai đầy hứa hẹn,” trong *Bí quyết hóa rồng: Lịch sử Singapore 1965-2000*, Nxb. Trẻ, Hà Nội, 2000.

gian ASEAN được thành lập, nhiều tổ chức khu vực và quốc tế đã ra đời với các mục tiêu và ưu tiên riêng, như Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC), Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU), Liên minh châu Phi (AU), phong trào Không liên kết (NAM)...

Tuyên bố Băng Cốc thành lập ASEAN năm 1967 đề ra một bộ máy hoạt động khá đơn giản, bao gồm 4 cơ chế chủ yếu: (i) Hội nghị hằng năm của các Bộ trưởng Ngoại giao (AMM); (ii) Ủy ban thường trực ASEAN để điều phối các công việc thường nhật của ASEAN trong thời gian giữa các kỳ Hội nghị AMM; (iii) các ủy ban chuyên trách và các ủy ban thường trực gồm các chuyên gia và quan chức phụ trách các lĩnh vực cụ thể; và (iv) Ban Thư ký quốc gia ở mỗi nước thành viên để thay mặt nước mình thực hiện các công việc của Hiệp hội và phục vụ các cuộc họp của ASEAN. Tuyên bố Băng Cốc không có các điều khoản mang tính ràng buộc, không đòi hỏi các nước phải thông qua, không có điều khoản về sửa đổi, không tạo ra các cơ chế thực thi.

Tuyên bố Băng Cốc đã thể hiện nỗ lực của các nước đồng sáng lập nhằm ngăn chặn các tranh chấp phát triển lên thành xung đột, cũng như nỗ lực sát cánh bên nhau vì các mục tiêu chung - dù vào thời điểm đó, các mục tiêu chung còn chưa được nhận diện một cách rõ ràng. Đồng thời, tuyên bố Băng Cốc cũng phản ánh quyết tâm của các nước thành viên nhằm bảo đảm an ninh và ổn định, không bị kéo vào những mâu thuẫn, tranh giành ảnh hưởng giữa



các nước lớn ở Đông Nam Á dưới bất kỳ hình thức nào, để có thể bảo tồn bản sắc quốc gia phù hợp với lý tưởng và khát vọng của người dân và nắm quyền định đoạt số phận của khu vực<sup>1</sup>. Như vậy, có thể nói ASEAN được thành lập là biểu hiện sơ khai nhất của chủ nghĩa khu vực ở Đông Nam Á với mức độ hợp tác về kinh tế và chính trị thấp nhất trong các mức độ khu vực hóa.

## **2. Các giai đoạn phát triển của ASEAN-5**

Ngay sau khi ASEAN ra đời vào năm 1967, Malaixia và Philíppin đã đối đầu nhau trong cuộc tranh chấp lãnh thổ ở Sabah. Các nước thành viên đã tránh đưa vấn đề này ra các cuộc họp của ASEAN. Từ năm 1969, quan chức hai nước đã gặp gỡ, họp bàn giải quyết tranh chấp, mặc dù không đưa ra được giải pháp cuối cùng nhưng xung đột giữa hai bên đã không leo thang. Đây có thể xem là thành công đầu tiên của ASEAN trong việc thúc đẩy tinh thần hợp tác, tạo môi trường quản lý tranh chấp, xung đột giữa các nước thành viên.

Năm 1971, ASEAN đã thông qua Tuyên bố về khu vực hoà bình, tự do và trung lập (ZOPFAN) ở Đông Nam Á. Tuyên bố là nỗ lực của ASEAN nhằm xử lý khéo léo mối quan hệ với các nước lớn, hạn chế đối đầu và không chấp nhận sự can thiệp của các nước lớn bên ngoài vào nội bộ

---

1. *The ASEAN Declaration (Bangkok Declaration)*, Bangkok, 8 August 1967.

các nước thành viên ASEAN, ngăn ngừa khả năng các thành viên ASEAN bị lôi kéo vào các xung đột quyền lực ngoài khu vực và bảo đảm loại bỏ các căn cứ quân sự nước ngoài trên lãnh thổ các nước ASEAN.

*Giai đoạn 1971-1978* là giai đoạn ASEAN bắt đầu đi vào vận hành, việc hợp tác giữa các nước thành viên ban đầu còn tương đối lỏng lẻo, sự phối hợp hoạt động cũng chưa cao. Hầu hết các quốc gia thành viên đều ưu tiên quan hệ song phương với Mỹ hơn là cơ chế ASEAN. Các nước này cần Mỹ để bảo đảm an ninh và viện trợ kinh tế do nội bộ gặp nhiều khó khăn sau khi giành độc lập và để chống lại sự mở rộng của chủ nghĩa cộng sản<sup>1</sup>. Do đó, trong giai đoạn này, sự hiện diện của Mỹ được các nước ASEAN coi là nhân tố bảo đảm an ninh và ổn định ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng thông qua một số hiệp ước an ninh song phương giữa Mỹ và các nước khu vực<sup>2</sup>.

Sau khi Mỹ rút khỏi Đông Dương năm 1975, ASEAN chuyển sang cách tiếp cận toàn diện hơn đối với an ninh khu vực, tập trung vào mục tiêu phát triển kinh tế - được coi là sự bảo đảm an ninh tốt nhất đối với khu vực Đông Nam Á. Thủ tướng Malaixia Mahathir Mohamad cho rằng,

---

1. Evans, G. and Newnham, J. (1992), *The Dictionary of World Politics*, Harvester & Wheatsheaf, London.

2. Mohd Azizudin Mohd Sani (2001), "America Strategy to Control East Asia Region", *Pemikir* 24.

hiện đại hóa kinh tế và phát triển thịnh vượng là cách thức để thúc đẩy các nước láng giềng cùng tham gia vào hợp tác khu vực. Quan điểm này được các nước thành viên hưởng ứng mạnh mẽ và trở thành định hướng quan trọng cho ASEAN trong giai đoạn tiếp theo<sup>1</sup>.

Cơ cấu tổ chức của ASEAN và chức năng của từng cơ quan từng bước được củng cố với 5 ủy ban kinh tế cùng 4 ủy ban chuyên ngành được thành lập thêm. Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao là cơ quan quyết sách cao nhất. Ban Thư ký ASEAN chính thức được thành lập và hoạt động từ năm 1976 để tăng cường phối hợp thực hiện các chính sách, chương trình, hoạt động giữa các cơ quan khác nhau trong ASEAN.

Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ nhất năm 1976, ASEAN đã ký 2 văn kiện quan trọng là Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC) và Tuyên bố Hòa hợp ASEAN I (ASEAN Concord I). Hai văn kiện đã khẳng định ASEAN không nhằm xây dựng một hiệp ước quân sự khu vực, mà nhằm tạo ra một khu vực hoà hợp và phát triển kinh tế hiện đại, đồng thời đề ra các nguyên tắc cơ bản, cơ chế và lĩnh vực hợp tác của ASEAN. Cũng trong giai đoạn

---

1. Mohamad, M. (2004), *Reflections on ASEAN: Selected Speeches by Mahathir Mohamad*, Hashim Makaruddin (ed.), Pelanduk Publications, Subang Jaya; Xem thêm Mohamad, M. (1997), Opening Remarks at the 30<sup>th</sup> ASEAN Foreign Ministers Meeting, Subang Jaya, Malaysia, 24 - 25/7/1997, và Mohamad, M. (1997), "The Challenges and Opportunities We Face", *Issue of ERI*, Vol. 24, No.40.

này, ASEAN bắt đầu có cơ chế đối thoại với các nước không phải thành viên, thiết lập quan hệ đối tác đối thoại với Ôxtrâyliia năm 1974, Niu Dilân năm 1975 và Nhật Bản năm 1977. Năm 1977, các hội nghị cấp cao lần đầu tiên giữa ASEAN với từng đối tác đối thoại đã được tổ chức.

*Giai đoạn 1979-1990*, hầu như toàn bộ hoạt động của ASEAN đều chịu ảnh hưởng của vấn đề Campuchia. ASEAN coi sự có mặt của quân đội Việt Nam tại Campuchia cùng sự gia tăng mạnh mẽ hiện diện của Liên Xô ở Đông Dương là mối đe dọa hiện hữu. ASEAN trở nên gắn kết hơn trước nguy cơ chung và trở thành một tổ chức có tiếng nói chung trong mặt trận ngoại giao thống nhất.

Từ giữa những năm 1980, Chiến tranh lạnh đi vào giai đoạn cuối, tạo điều kiện cho ASEAN điều chỉnh quan hệ đối ngoại theo chiều hướng độc lập và tự chủ hơn. Hợp tác ASEAN giai đoạn này chủ yếu là về chính trị; hợp tác kinh tế, chuyên ngành trong nội khối chưa nhiều. Tuy nhiên, các nước thành viên đã tranh thủ quan hệ với các nước lớn và các nước phát triển để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế. ASEAN bắt đầu giảm phụ thuộc vào Mỹ và cải thiện quan hệ với các nước láng giềng Đông Dương, củng cố và tăng cường các mối quan hệ hợp tác bên trong và bên ngoài khối. Trong quá trình đó, các nước nhận thức và xác định rõ hơn vai trò của ASEAN trong khu vực, dần hình thành tinh thần cộng đồng, tạo nền tảng cho quá trình hợp tác

kinh tế, chính trị giai đoạn sau<sup>1</sup>. Việc ASEAN chủ động thúc đẩy tìm giải pháp cho xung đột Campuchia thông qua các hoạt động ngoại giao không chính thức (JIM 1, JIM2) phản ánh nhận thức này và khiến cho Hiệp hội có vai trò lớn hơn trong khu vực.

*Giai đoạn 1991-1995* chứng kiến những chuyển biến mạnh mẽ trong nền chính trị quốc tế và khu vực. Liên Xô sụp đổ, Mỹ rút căn cứ quân sự khỏi Philíppin, Việt Nam rút dần lực lượng quân tình nguyện khỏi Campuchia, Hiệp định Paris về Campuchia được ký kết, Trung Quốc và Việt Nam bình thường hóa quan hệ, kinh tế các nước ASEAN phát triển mạnh mẽ. Trong bối cảnh đó, ASEAN chuyển trọng tâm sang hợp tác về kinh tế, thúc đẩy sự tham gia của các nước Đông Dương vào hợp tác khu vực nhằm tạo ra môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế, mở rộng thị trường buôn bán và đầu tư, đối phó với sự lấn át kinh tế của các nước công nghiệp phát triển. Có ý kiến cho rằng, trong bối cảnh Mỹ và Nga giảm bớt sự hiện diện ở khu vực, lo ngại về “mối đe dọa Trung Quốc” đã thúc đẩy các nước ASEAN hợp tác với nhau chặt chẽ hơn và ngày càng gia tăng sự độc lập, tự chủ trong hành động<sup>2</sup>. Một trong những minh chứng là việc ASEAN chủ động đàm phán, tiến tới bình thường

---

1. Hussey, Antonia (1991), “Regional Development and Cooperation through ASEAN”, *Geographical Review*, No. 81, pp. 87-98.

2. MF Keling, H Md Som, MN Saludin, M Shuib (2011), “The Development of ASEAN from Historical Approach”, *Asian Social Science*, No.7, pp. 169-190.

hóa quan hệ với Việt Nam và cùng phối hợp giải quyết vấn đề Campuchia.

Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ tư (01/1992) đánh dấu việc ASEAN mở rộng phạm vi hợp tác chính trị, đồng thời lấy hợp tác kinh tế làm trọng tâm ưu tiên. Tại Hội nghị, ASEAN đã đề ra kế hoạch xây dựng Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) và Khu vực đầu tư ASEAN (AIA). Điều này cũng phù hợp với xu thế phát triển chung trong bối cảnh toàn cầu hóa và khu vực hóa gia tăng mạnh mẽ, nhất là trong lĩnh vực kinh tế vào những năm đầu sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc.

Về an ninh chính trị, Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) được thành lập vào tháng 7/1994 tại Hội nghị Bộ trưởng ASEAN lần thứ 27 tổ chức ở Băng Cốc (Thái Lan) với 18 thành viên gồm 6 nước ASEAN, các đối tác đối thoại của ASEAN và các đối tác khác<sup>1</sup>. Đây được xem là diễn đàn an ninh đa phương đầu tiên trong khu vực với mục tiêu thúc đẩy đối thoại và tham vấn mang tính xây dựng về các vấn đề an ninh và chính trị thuộc lợi ích và quan tâm chung của các nước, đóng góp vào các nỗ lực xây dựng lòng tin và ngoại giao phòng ngừa trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương<sup>2</sup>.

---

1. Sáu thành viên ASEAN lúc đó là Brunây, Indônêxia, Malaixia, Philippin, Xingapo và Thái Lan. Các đối tác đối thoại của ASEAN là Ôxtrâyliya, Canada, EU, Mỹ, Nhật Bản, Niu Dilân, Hàn Quốc. Các đối tác tham vấn của ASEAN là Trung Quốc và Nga. Ba quan sát viên là Lào, Papua Niu Ghinê và Việt Nam.

2. [aseanregionalforum.asean.org](http://aseanregionalforum.asean.org).

Chương trình nghị sự của ARF được xây dựng trên cơ sở quan niệm và cách tiếp cận an ninh toàn diện, bao gồm các vấn đề an ninh kinh tế, an ninh chính trị, an ninh xã hội và các vấn đề xuyên quốc gia, tức là cả an ninh truyền thống và phi truyền thống. Diễn đàn áp dụng cách tiến triển tiệm tiến do sự đa dạng về quan điểm và chế độ chính trị của các nước thành viên, với những lợi ích và tính toán chiến lược khác nhau.

Tháng 12/1995, ASEAN ký Hiệp ước khu vực Đông Nam Á không vũ khí hạt nhân (SEANWFZ), và ra Tuyên bố Manila về tình hình Biển Đông. ASEAN chủ động mở rộng quan hệ hợp tác thông qua các khuôn khổ mới do ASEAN dẫn dắt như ASEAN+1, ASEAN+3, Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), để giành quyền chủ động trong kiến tạo cấu trúc an ninh ở khu vực. ASEAN cũng tăng cường phối hợp với Liên hợp quốc về các vấn đề chính trị - an ninh.

Sự thay đổi mạnh mẽ này chủ yếu xuất phát từ nhận thức của các nhà lãnh đạo các quốc gia Đông Nam Á cho rằng đoàn kết, thống nhất và hợp tác nội khối là cách giải quyết các vấn đề hiệu quả, đồng thời tránh sự chi phối của các nước lớn. Hơn nữa, các nước ASEAN cần phải mở rộng hợp tác để bắt kịp với xu hướng đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ quốc tế trên cả lĩnh vực chính trị và kinh tế. Kết quả là ASEAN đã thiết lập được một loạt các cơ chế đối thoại và hợp tác với các đối tác quan trọng, qua đó tạo

vị thế nhất định cho ASEAN trong cấu trúc an ninh và chính trị ở khu vực<sup>1</sup>.

## II. ASEAN SAU CHIẾN TRANH LẠNH: MỞ RỘNG THÀNH VIÊN VÀ XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, ASEAN thúc đẩy tiến trình mở rộng quy mô từ 5 nước thành viên sáng lập và kết nạp Brunây vào năm 1984 đến bao gồm toàn bộ 10 nước ở Đông Nam Á, cụ thể: kết nạp Việt Nam ngày 28/7/1995, Lào và Mianma ngày 23/7/1997, và Campuchia ngày 30/4/1999. Việc hoàn thành tiến trình mở rộng thành viên đã góp phần hiện thực hóa giấc mơ “đại gia đình” ASEAN bao gồm 10 nước ở khu vực Đông Nam Á. ASEAN-10 là bước khởi đầu cho giai đoạn phát triển mới về chất của ASEAN, từ một tổ chức tiểu khu vực trở thành tổ chức của khu vực Đông Nam Á, đặt viên gạch đầu tiên cho quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN. ASEAN-10 cũng tạo nền tảng thiết yếu cho Hiệp hội phát triển thành một tổ chức hợp tác toàn diện, liên kết sâu rộng và có vai trò ngày càng quan trọng ở khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương.

Trong bối cảnh hậu Chiến tranh lạnh, xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, tình hình tại các điểm nóng trong khu vực như Biển Đông và

---

1. Nguyễn Phú Tân Hương: “Nguyên nhân ASEAN điều chỉnh trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 187, 2015, tr. 16-23.



bán đảo Triều Tiên vẫn có những diễn biến phức tạp, nội bộ một số nước như Mianma và Ấn Độ có nhiều bất ổn, các vấn đề tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố quốc tế gia tăng. Bối cảnh đó đặt ra yêu cầu tăng cường hợp tác khu vực, theo đó hợp tác ASEAN bắt đầu đi vào thực chất, tương đối toàn diện cả về chính trị, an ninh, kinh tế, xã hội và văn hóa. Tháng 12/1997, nhân kỷ niệm 30 năm thành lập, ASEAN đã thông qua văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020, xác định định hướng phát triển của ASEAN trong thế kỷ XXI là trở thành “một nhóm hài hòa các dân tộc Đông Nam Á, gắn bó trong một cộng đồng các xã hội đùm bọc lẫn nhau”<sup>1</sup>. Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ sáu tổ chức tại Hà Nội tháng 12/1998 đã thông qua Chương trình Hành động Hà Nội (HPA) cho giai đoạn 1999-2004, trong đó đề ra các biện pháp và hoạt động thúc đẩy hợp tác ASEAN trên các lĩnh vực chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội và quan hệ đối ngoại. Đặc biệt, dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa và cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính năm 1997-1998, ASEAN chú trọng thúc đẩy hợp tác để đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội, phát triển nguồn nhân lực, xóa đói giảm nghèo, và thu hẹp khoảng cách phát triển. Tuy nhiên, hiệu quả hợp tác ASEAN trong giai đoạn này chưa cao, chủ yếu do hạn chế về nguồn lực và đôi khi lợi ích quốc gia được đề cao hơn lợi ích chung của Hiệp hội và chi phối việc xây dựng, thông qua các dự án.

---

1. ASEAN Vision 2020.

Tháng 10/2003, lãnh đạo các nước ASEAN đã ký Tuyên bố Hòa hợp ASEAN II (còn gọi là Tuyên bố Bali II), nhất trí đề ra mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2020 với ba trụ cột chính: Cộng đồng An ninh ASEAN (ASC) - sau chuyển thành Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC); Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC); và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN(ASCC); đồng thời khẳng định ASEAN sẽ tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng quan hệ với các đối tác bên ngoài vì mục tiêu chung là hòa bình, ổn định và hợp tác cùng có lợi ở khu vực. Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 10 tháng 11/2004 tại Viêng Chăn (Lào), ASEAN đã thông qua các Kế hoạch hành động xây dựng ba trụ cột Cộng đồng ASEAN nói trên, trong đó có phần quan trọng là Sáng kiến Liên kết ASEAN (IAI) nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN và Chương trình Hành động Viêng Chăn (VAP) giai đoạn 2004-2010 với các biện pháp và hoạt động cụ thể về xây dựng cộng đồng.

Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 12 vào tháng 01/2007, trên cơ sở những thành tựu Hiệp hội đã đạt được sau 40 năm thành lập và phát triển, đặc biệt với kết quả thực tiễn triển khai các kế hoạch và chương trình hành động xây dựng cộng đồng, các nước thành viên ASEAN đã nhất trí đẩy nhanh tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, ký Tuyên bố Cebu về đẩy sớm việc hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 (thay vì năm 2020 như kế hoạch ban đầu).

Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 13 họp tại Xingapo tháng 11/2007, lãnh đạo các nước ASEAN đã ký Hiến chương ASEAN nhằm tạo cơ sở pháp lý và khuôn khổ thể chế để đẩy mạnh liên kết khu vực, trước mắt là hỗ trợ mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015. Ngày 15/12/2008, Hiến chương ASEAN (gồm 13 chương và 55 điều) bắt đầu có hiệu lực<sup>1</sup>. Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 14 tháng 02/2009 đã thông qua Tuyên bố về Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN kèm theo 3 kế hoạch tổng thể xây dựng 3 trụ cột Cộng đồng ASEAN và Kế hoạch công tác về IAI giai đoạn II (2008-2015).

Ngày 22/11/2015, tại Thủ đô Cuala Lămpơ, Malaixia, lãnh đạo 10 nước ASEAN đã ký Tuyên bố Cuala Lămpơ về việc thành lập Cộng đồng ASEAN 2015 và Tuyên bố Cuala Lămpơ về Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025. Các văn kiện này đều thể hiện niềm tin rằng sự hình thành của Cộng đồng ASEAN sẽ tạo ra một dấu mốc trong tiến trình liên kết, bảo đảm hòa bình, an ninh và tự cường dài lâu trong một khu vực hướng ra bên ngoài, với các nền kinh tế năng động, cạnh tranh và liên kết sâu rộng và một cộng đồng dung nạp dựa trên ý thức mạnh mẽ về sự gắn kết và bản sắc chung.

---

1. Các nội dung chính của Hiến chương ASEAN: Các mục tiêu và nguyên tắc; Tư cách pháp nhân; Thành viên; Các cơ quan; Các thực thể liên quan với ASEAN; Các ưu đãi và miễn trừ; Ra quyết định; Giải quyết tranh chấp; Ngân sách và tài chính; Hành chính và thủ tục; Bản sắc và biểu tượng; Quan hệ đối ngoại; và Các điều khoản chung và cuối cùng.

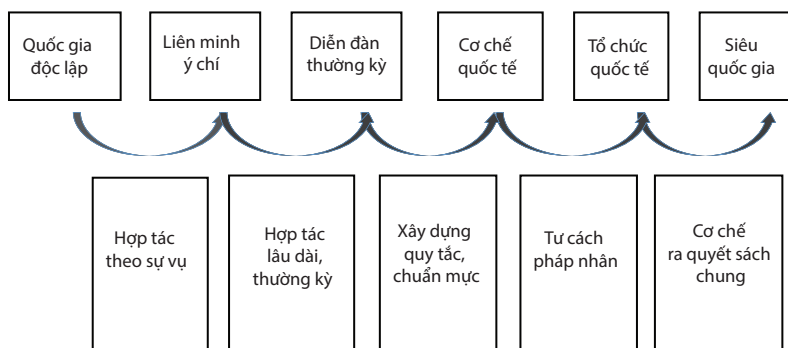
Về hình thức và thể chế, vào thời điểm trở thành Cộng đồng năm 2015, ASEAN là một tổ chức quốc tế liên chính phủ (inter-governmental), không phải là một thể chế siêu quốc gia (super-national). Hiến chương và các văn kiện chính của ASEAN đều khẳng định các mục đích và nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội là: (i) duy trì hoà bình, an ninh, ổn định và thúc đẩy hợp tác khu vực; (ii) tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp công việc nội bộ của nhau; (iii) không đe dọa và sử dụng vũ lực, giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hoà bình; (iv) các nước không tham gia và không cho phép bất kỳ quốc gia, đối tượng nào được sử dụng lãnh thổ của một nước thành viên để chống lại một nước thành viên khác.

Về cơ chế hoạt động, kể từ khi thành lập đến nay, bộ máy của ASEAN vận hành dựa trên nguyên tắc đồng thuận, không có sự uỷ thác chủ quyền cho cơ chế cấp cao hơn trong bất kỳ lĩnh vực nào. Chức năng, nhiệm vụ của Ban Thư ký ASEAN chủ yếu là bộ phận giúp việc, không có quyền tham gia quyết sách.

Quá trình ASEAN mở rộng từ hợp tác về chính trị - an ninh sang hợp tác kinh tế và các lĩnh vực khác, tiến tới xây dựng và thành lập Cộng đồng, phản ánh sự phát triển của tiến trình khu vực hóa ở Đông Nam Á. Về lý thuyết, khu vực hóa dẫn đến các mức độ hội nhập khác nhau, thể hiện cụ thể ở 3 thước đo chính: *về hình thức*, chủ yếu liên quan đến tính chất, cơ chế hợp tác, quản trị quan hệ giữa các thành

viên; về *chức năng*, thể hiện ở mức độ hội nhập về chính sách, cơ chế quản lý trong các lĩnh vực cụ thể; về *thực chất*, thể hiện qua mức độ tương tác, phụ thuộc lẫn nhau, chia sẻ giá trị chung giữa các đơn vị thành viên.

### Biểu đồ: Các cấp độ hợp tác quốc tế



Nguồn: Satoshi Amako et al (eds), *Regional Perspective in East Asia: Theoretical and Historical Perspectives*, Tokyo: United Nations University Press, 2013, p. 7.

Hội nhập trong lĩnh vực chính trị có thể được chia theo mức độ quan hệ giữa các thành viên từ thấp đến cao gồm hiệp hội và các hình thức liên kết lỏng lẻo, các tổ chức khu vực, quốc tế, và các tổ chức siêu quốc gia. Mức độ hội nhập thấp nhất là “liên minh ý chí” (coalition of the willing), tức là hợp tác vì một số mục đích nhất định và ngắn hạn. Ở mức độ tiếp theo, các quốc gia thành lập các mạng lưới hay “diễn đàn trao đổi thường kỳ” (regularised forum) để xử lý nhiều vấn đề khác nhau, qua đó làm giảm chi phí giao dịch

và thúc đẩy chia sẻ thông tin. Trên cơ sở đó, hợp tác có thể được thể chế hóa thành các “cơ chế quốc tế” (international regime), trong đó hệ quy tắc và chuẩn mực chung được xác lập để giải quyết các vấn đề phát sinh và điều chỉnh hành vi của các thành viên. Tổ chức khu vực, quốc tế có mức độ hội nhập cao hơn, cụ thể các quốc gia giao một số thẩm quyền, chức năng cho cơ chế quốc tế liên quan để thực thi một số nhiệm vụ nhất định, ví dụ như thu thập dữ liệu, giám sát quá trình thực thi. Tuy nhiên, các tổ chức quốc tế không có chức năng quyết định thay các quốc gia thành viên. Ở mức độ cao nhất, hội nhập hình thành các cơ chế, tổ chức siêu quốc gia (supernational) có thẩm quyền quyết định (qua bỏ phiếu) và thực hiện một số hoạt động vượt qua khuôn khổ của từng quốc gia đơn lẻ trong một số lĩnh vực hay vấn đề nhất định.

Hội nhập về kinh tế được chia làm 5 cấp độ, đó là các thỏa thuận thương mại (song phương hoặc đa phương) ưu đãi; khu vực thương mại tự do (FTA); liên minh thuế quan (CU); thị trường chung; và liên minh kinh tế và tiền tệ (theo kiểu EU). Quy chế khu vực thương mại tự do xoá bỏ các hàng rào thuế quan và một số hàng rào phi thuế quan giữa các nước thành viên với nhau, trong khi đó liên minh quan thuế hướng tới hình thành một khu vực thương mại tự do với những chính sách chung về thuế quan và các biện pháp liên quan (như hạn ngạch) đối với hàng hóa và dịch vụ đến từ các quốc gia bên ngoài. Thị trường chung cho phép các

yếu tố sản xuất (lao động và tư bản) được lưu chuyển tự do. Liên minh kinh tế và tiền tệ là cấp độ hội nhập cao hướng tới một thị trường chung với chính sách kinh tế, tiền tệ và lao động thống nhất<sup>1</sup>. Trong 5 cấp độ liên kết kinh tế nói trên, khu vực thương mại tự do là hợp tác “có đi có lại”, trong khi liên minh thuế quan là hình thức hội nhập khác hẳn về chất, đó là có sự ủy thác về một số thẩm quyền quốc gia liên quan đến chính sách thuế quan.

Hội nhập trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh có thể chia thành 4 cấp độ gồm diễn đàn an ninh, hoạt động quân sự và trao đổi quân sự trên thực tế, dàn xếp an ninh tập thể, và liên minh quân sự. Trong đó, cộng đồng an ninh được xem là một hình thức dàn xếp an ninh tập thể<sup>2</sup>. Cộng đồng an ninh được xây dựng trên 3 thành tố cơ bản, đó là sự chia sẻ các giá trị căn bản trong các cộng đồng xã hội, sự phụ thuộc chặt chẽ về an ninh và kinh tế giữa các nước thành viên, và sự hình thành các quy tắc, chuẩn mực để quản lý quan hệ giữa các quốc gia nhằm bảo đảm hoà bình bền vững<sup>3</sup>. Tuy nhiên, cộng đồng an ninh không đòi hỏi các quốc gia thành viên phải ủy thác về chủ quyền (trên thực tế, các nguyên tắc về chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của

---

1, 2. Bùi Thanh Sơn (Chủ biên): *Hội nhập quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr. 71-72, 73-74; Balassa, B. (1961), *The Theory of Economic Integration*, Routledge, London.

3. Adler, E. and M. Barnett (eds) (1998), *Security Communities*, Cambridge University Press, New York.

các quốc gia vẫn được đề cao) mà cơ bản tôn trọng nguyên tắc không sử dụng bạo lực để giải quyết tranh chấp<sup>1</sup>.

Từ cách tiếp cận này, có thể thấy có 3 hình thức tương tác an ninh khác nhau ở cấp độ khu vực: cạnh tranh, xung đột; cơ chế an ninh; và cộng đồng an ninh. Ở hình thức thứ nhất, các nước tham gia vào các cuộc xung đột, hình thành các liên minh cạnh tranh với nhau trên cơ sở cân bằng quyền lực. Ở hình thức thứ hai, các nước hình thành các cơ chế an ninh tập thể ở cấp độ khu vực với các nguyên tắc, quy tắc và chuẩn mực để điều chỉnh hành vi của các quốc gia (nhưng không loại trừ khả năng chiến tranh do nhiều nhân tố khác nhau). Ví dụ, Chiến tranh lạnh là cơ chế an ninh giữa Mỹ và Liên Xô, trong đó hoà bình được duy trì không phải là do cam kết của hai bên mà chủ yếu là do biện pháp răn đe hạt nhân. Ở hình thức thứ ba, cộng đồng an ninh không chỉ đòi hỏi các bên cam kết giải quyết mâu thuẫn thông qua các quy trình được thể chế hóa mà cộng đồng này còn phải được xây dựng dựa trên cơ sở các bản sắc, giá trị chung<sup>2</sup>.

Hội nhập trong lĩnh vực xã hội nhấn mạnh yếu tố chia sẻ các giá trị nền tảng, hệ thống tín ngưỡng và bản sắc giữa các cộng đồng dân cư khác nhau trong cùng một khu vực. Những giá trị và nhận thức chung được hình thành trong

---

1. Pouliot, V. (2010), *International Security in Practice: The Politics of NATO–Russia Diplomacy*, Cambridge University Press, New York.

2. Buzan, B. and O. Wæver (2003), *Regions and Powers: The Structure of International Security*, Cambridge University Press, New York.



quá trình tiếp xúc, giao lưu, trao đổi giữa các cư dân thuộc các tập hợp riêng biệt. Sự tiếp xúc, giao lưu, trao đổi càng dày và càng mật thiết sẽ thúc đẩy hội nhập sâu, hình thành các bản sắc chung<sup>1</sup>.

Căn cứ các mức độ hội nhập kể trên, Cộng đồng ASEAN ở một nấc thang cao xét về mặt hình thức và thể chế tổ chức. Tuy nhiên, xét về mức độ hội nhập thực chất trên các lĩnh vực, ba cộng đồng trụ cột của ASEAN (Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN, và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN) vẫn còn ở mức khá sơ khai. Song cũng cần khẳng định rằng, hội nhập theo mô hình Liên minh châu Âu lại không phải là mục tiêu mà ASEAN hướng tới, ít nhất là về trung hạn.

### III. ASEAN SAU 50 NĂM: THÀNH TỰU, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Sau hơn 5 thập kỷ tồn tại và phát triển, có thể thấy quá trình vận động của ASEAN từ Hiệp hội trở thành Cộng đồng là một quá trình phát triển tiệm tiến từ thấp đến cao, tiến triển theo nhu cầu, lợi ích và khả năng hợp tác thực tế của các nước thành viên, thích ứng với những biến chuyển của tình hình kinh tế, chính trị, an ninh, xã hội của từng nước, khu vực và trên thế giới.

---

1. Ikenberry, J.G. and Kupchan, A. C. (1990), "Socialization and Hegemonic Power", *International Organization*, Vol. 44, No. 3, pp. 283-315.

## 1. Thành tựu

Sau hơn 50 năm hình thành và phát triển, ASEAN đã tạo được một nền tảng vững chắc dựa trên sự trưởng thành ở 3 phương diện chính: *thứ nhất là*, nhận thức về mục tiêu và lộ trình hợp tác và hội nhập; *thứ hai là*, cơ sở pháp lý và phương thức hoạt động; và *thứ ba là*, phạm vi hợp tác liên kết, bao trùm hầu như tất cả các lĩnh vực trên cả 3 trụ cột chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội.

### *a) Về nhận thức*

Khi ASEAN ra đời năm 1967, trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, sự khác biệt về ý thức hệ đã tạo ra những mối nghi kỵ lẫn nhau trong quan hệ giữa các nước trong khu vực. Như đã nêu ở trên, do các nhà lãnh đạo ASEAN đã tỏ ra khá thận trọng với hợp tác chính trị - an ninh nên ASEAN được thành lập với mục tiêu công khai ban đầu là hợp tác kinh tế và văn hóa - xã hội. Nhưng thực chất đây là một tập hợp chính trị nhằm đối phó với tác động của cuộc chiến tranh ở Việt Nam khi đó và ngăn chặn nguy cơ phát triển chủ nghĩa cộng sản (cả từ bên ngoài và bên trong). Tuy nhiên, theo thời gian, qua quá trình mở rộng thành viên và thúc đẩy hợp tác toàn diện trong ASEAN, sự tin cậy lẫn nhau ở Đông Nam Á ngày càng gia tăng, tạo nền móng cho nhận thức và quyết tâm phát triển quan hệ toàn diện hơn ở khu vực. Quyết tâm này trong giai đoạn sau đã được thể hiện qua nỗ lực xây dựng Cộng đồng ASEAN.

Trên thực tế, ý tưởng về xây dựng Cộng đồng ASEAN đã được khởi nguồn ngay từ Tuyên bố Băng Cốc năm 1967, thể hiện qua các mục tiêu: “Đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa trong khu vực, nhằm xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hòa bình ở Đông Nam Á”<sup>1</sup>. Tuy nhiên, Tuyên bố Băng Cốc không nói rõ về thời hạn, lộ trình, mô hình Cộng đồng mà ASEAN hướng tới. Ba mươi năm sau đó, “Tầm nhìn ASEAN 2020” đã xác định mốc thời gian và kế hoạch cụ thể để ASEAN hướng tới trở thành “một cộng đồng các xã hội đùm bọc lẫn nhau vào năm 2020”<sup>2</sup>. Tiếp đó, trong Tuyên bố Bali II năm 2003, ASEAN xác định rõ hơn mô hình, cách thức hoạt động của Cộng đồng ASEAN dựa trên 3 trụ cột (chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội) và xây dựng lộ trình hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2020. Năm 2005, các nhà lãnh đạo ASEAN đã nhất trí rằng ASEAN cần có cơ sở pháp lý là một bản hiến chương để “tạo điều kiện thuận lợi cho tiến trình xây dựng cộng đồng hướng tới thành lập Cộng đồng ASEAN và xa hơn”<sup>3</sup>. Theo khía cạnh đó, việc Hiến chương ASEAN được thông qua được xem là dấu mốc lịch sử của ASEAN,

---

1. *The ASEAN Declaration (Bangkok Declaration)*, Bangkok, 8 August 1967.

2. ASEAN Vision 2020.

3. Kuala Lumpur Declaration on the Establishment of the ASEAN Charter, Kuala Lumpur, 12 December, 2005.

thể hiện tầm nhìn và cam kết chung của các nước thành viên đối với sự phát triển của Cộng đồng ASEAN<sup>1</sup>.

Trên cơ sở quyết định rút ngắn thời hạn hoàn thành Cộng đồng của các nhà lãnh đạo các nước thành viên, ngày 15/12/2015, Cộng đồng ASEAN đã chính thức ra đời. Đây là một dấu mốc quan trọng về mức độ liên kết và định hướng phát triển của ASEAN. Cho đến nay, xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh đã trở thành một trong những mục tiêu chung quan trọng của các nước Đông Nam Á.

*b) Về xây dựng cơ cấu, tổ chức thể chế và phương cách hoạt động*

Tuyên bố Băng Cốc năm 1967 chỉ là một tuyên bố chính trị, có nội dung đơn giản, không đưa ra những nguyên tắc hay khung thể chế hợp tác khu vực có tính ràng buộc về mặt pháp lý. Do tính chất nhạy cảm trong quan hệ giữa các nước thành viên sáng lập, hợp tác ASEAN được thúc đẩy một cách tiệm tiến, tránh các vấn đề có thể gây tranh cãi hay ảnh hưởng đến đoàn kết nội khối và uy tín của Hiệp hội.

Chín năm sau khi thành lập, ASEAN mới đạt được hiệp ước chính thức đầu tiên - Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC), ký tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ nhất (Bali, Indônêxia năm 1976). Hiệp ước bảo đảm rằng các nước ASEAN cam kết thực hiện các chuẩn mực ứng xử chung trong quan hệ giữa các quốc gia và định hướng hợp

---

1. Chairman's Statement of the 13<sup>th</sup> ASEAN Summit, "One ASEAN at the Heart of Dynamic Asia", Singapore, November 20, 2007.

tác khu vực, bao gồm độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia, không sử dụng vũ lực hay đe dọa sử dụng vũ lực, và giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình. Hiệp ước cũng kêu gọi các nước thành viên hợp tác về kinh tế và các lĩnh vực khác.

Vừa kiên định vừa thích ứng linh hoạt trong việc áp dụng phương cách ASEAN vào giải quyết các vấn đề của Hiệp hội là một trong những khía cạnh nổi bật và quan trọng nhất khi nói đến những bước tiến triển của ASEAN. Không giống như Liên minh châu Âu (EU), ASEAN không theo đuổi mô hình siêu quốc gia, không có quốc hội và toà án chung. Hợp tác ASEAN thường dựa vào các thoả thuận lỏng lẻo và không chính thức, quan hệ cá nhân giữa các nhà lãnh đạo và quan chức, sự đồng thuận và lợi ích chung, hơn là các cam kết có tính ràng buộc. Cựu Bộ trưởng Ngoại giao Ấnônêxia Mochtar Kusumaatmadja đã có nhận xét: “Bản chất sự hợp tác khu vực giữa các nước thành viên là lỏng lẻo, một sự hợp tác thật sự tự nguyện giữa các nước có chủ quyền, không có các cơ quan siêu quốc gia hoặc các thể chế. Về hình thức, nó thật sự là một Hiệp hội chứ không phải là một tổ chức”<sup>1</sup>.

Điều này xuất phát từ việc các nước Đông Nam Á mới được độc lập đều là những nước bị đô hộ trong hàng thập kỷ,

---

1. Leszek Buszynski (1987), “ASEAN: A Changing Regional Role,” *Asian Survey*, Vol.27, No.7, pp. 764-786.

rất coi trọng chủ quyền quốc gia. Tranh chấp giữa các quốc gia này phần lớn liên quan đến di sản từ thời thuộc địa cũng như hoàn cảnh giành độc lập của họ. Giữa các nước Đông Nam Á mới giành độc lập, đặc biệt là các nước hải đảo như Indônêxia, Malaixia, Philíppin và Xingapo đều có sự nghi kỵ, căng thẳng và mâu thuẫn với nhau liên quan tới những nhân tố nhạy cảm như sắc tộc, dân tộc, tôn giáo.

Các nguyên tắc hoạt động của ASEAN được hình thành một cách chính thức trên cơ sở các văn kiện quan trọng như Tuyên bố Băng Cốc, Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC), Tuyên bố về sự hòa hợp giữa các nước ASEAN, Tuyên bố về khu vực hòa bình, tự do và trung lập (ZOPFAN), Hiến chương ASEAN. ASEAN đã nỗ lực để TAC không chỉ là bộ quy tắc ứng xử giữa các nước thành viên mà còn là bộ quy tắc ứng xử trong mối quan hệ với các đối tác bên ngoài. Cho đến nay, đã có 29 nước ngoài ASEAN tham gia TAC, với hai nước vừa gia nhập tháng 9/2020 là Cuba và Côlômbia, trong khi một số nước khác cũng đang tỏ ý muốn tham gia.

Trong từng nội dung, phương thức hoạt động chính của ASEAN là tham vấn, đồng thuận, bao gồm xây dựng lập trường chung và hoạt động chung trên cơ sở thống nhất và đoàn kết, tiệm tiến và thoả mái với tất cả các bên. Nguyên tắc này cũng được áp dụng trong quan hệ với các đối tác đối thoại của ASEAN. Đồng thuận là nguyên tắc bao trùm trong hoạt động của ASEAN. Một quyết định được coi là của

ASEAN khi tất cả các nước thành viên đều nhất trí thông qua. Nguyên tắc này đòi hỏi nhiều thời gian để đi đến thỏa thuận, bị chỉ trích là khiến hoạt động của Hiệp hội trì trệ, ít hiệu quả, nhưng bảo đảm được lợi ích quốc gia của các nước thành viên. Trên thực tế, đồng thuận vẫn đạt được khi một hoặc vài nước không thực sự thoải mái nhưng sẵn sàng thỏa hiệp; đồng thuận chỉ không đạt được khi một hay một vài nước thành viên thể hiện sự phản đối công khai.

Trong quá trình phát triển của ASEAN những thập kỷ qua, vào những thời điểm nhất định một số nước thành viên đã đặt vấn đề thay đổi các nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội, trong đó có nguyên tắc đồng thuận và không can thiệp. Ngay trước Hội nghị Cấp cao không chính thức của ASEAN năm 2000, Philíppin đã dự định đưa ra thảo luận việc xem xét lại nguyên tắc đồng thuận. Thái Lan đề nghị lập cơ chế Troika để giúp giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình, ổn định ở khu vực. Đề nghị này xét về thực chất là để tạo tiền đề cho việc thay đổi các nguyên tắc cơ bản của ASEAN. Một số thành viên ASEAN cũng muốn thúc đẩy sửa đổi Hiến chương để điều chỉnh các nguyên tắc cơ bản của ASEAN. Một số tổ chức bên ngoài cũng phê phán nguyên tắc đồng thuận, coi đó là lý do làm cho hoạt động của ASEAN trì trệ, không hiệu quả và đề xuất ASEAN sử dụng phương thức đưa ra quyết định theo đa số thay vì dựa trên tham vấn và thuyết phục, áp dụng kể cả trong các vấn đề chính trị - an ninh. Tuy nhiên, cho đến nay, nguyên tắc đồng thuận vẫn

được duy trì và là một nguyên tắc cơ bản của Cộng đồng ASEAN.

Để tạo thuận lợi và đẩy nhanh các chương trình hợp tác kinh tế ASEAN, năm 1992, các nước ASEAN đã thỏa thuận công thức ASEAN-X, theo đó hai hay một số nước thành viên có thể thực hiện trước các dự án của ASEAN nếu các nước còn lại chưa sẵn sàng tham gia. Nguyên tắc này được quy định trong Hiệp định khung về tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN năm 1992: “Tất cả các thành viên ASEAN sẽ tham gia các thỏa thuận kinh tế nội khối, trong quá trình thực hiện, hai hay nhiều hơn hai nước thành viên có thể thực hiện trước nếu các nước thành viên khác chưa sẵn sàng”<sup>1</sup>. Điều này có lợi là việc thực hiện các thỏa thuận liên kết khu vực không diễn ra ở tốc độ chậm nhất. Tuy nhiên, việc lạm dụng công thức này có thể gây ảnh hưởng tới tính cộng đồng của ASEAN. Thực tế đến nay cho thấy, ASEAN đã áp dụng thành công nguyên tắc này, thể hiện rõ nhất qua những thành tựu về hội nhập kinh tế trong khuôn khổ Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

Nguyên tắc không can thiệp là nền tảng cho hoạt động của ASEAN, được nêu trong nhiều văn kiện chính trị quan trọng của Hiệp hội. Tuyên bố Băng Cốc năm 1967 kêu gọi các nước Đông Nam Á “bảo đảm ổn định và an ninh trước sự can thiệp từ bên ngoài bằng bất cứ hình thức nào”, ngụ ý

---

1. ASEAN (1992), *Framework Agreement on Enhancing ASEAN Economic Cooperation*, Singapore.



về việc can thiệp của các cường quốc ngoài khu vực như Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc, cũng như giữa các nước Đông Nam Á. Tuyên bố ZOPFAN (1971), Hiệp ước TAC (1976), Tuyên bố Bali II (2003) cũng đều nhấn mạnh nguyên tắc này.

ASEAN chủ trương áp dụng nguyên tắc không can thiệp là do đa số các nước thành viên ASEAN đều từng là thuộc địa, mới giành được độc lập, có nhu cầu và lợi ích ổn định trong nước để phát triển, không muốn bị các nước trong và ngoài khu vực can thiệp vào công việc nội bộ và lợi dụng vấn đề sắc tộc, tôn giáo, văn hóa. Liên quan đến nhu cầu và lợi ích này, Ấn Độ đã đề xuất các khái niệm “tự cường quốc gia” và “tự cường khu vực”, theo đó, ổn định trong nước của từng thành viên ASEAN là điều kiện tiên quyết để bảo đảm an ninh và hợp tác khu vực. ASEAN luôn nêu cao việc “tự cường” và “xây dựng Cộng đồng tự cường” đã được Xingapo lựa chọn làm chủ đề trong năm Chủ tịch ASEAN 2018. Tự cường được xem là nền tảng cơ bản nhất để ASEAN tồn tại và phát triển trong hơn 50 năm qua, vượt qua những biến cố của các giai đoạn lịch sử khác nhau.

Đáng chú ý, việc áp dụng nguyên tắc không can thiệp trong ASEAN không cứng nhắc và không có nghĩa là các nước thành viên ASEAN phớt lờ các nhu cầu của nhau hoặc hoàn toàn đứng ngoài các diễn biến bên trong các nước thành viên. Trong nhiều trường hợp, ASEAN đã thể hiện tốt tiếng nói chung về tình hình một nước (có thể trong hoặc ngoài khu vực), thường thông qua hình thức Tuyên bố sau khi

tham vấn nước đó. Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 24 (tháng 4/2014), các nhà lãnh đạo ASEAN đã ra tuyên bố về tình hình ở Thái Lan, nhấn mạnh ASEAN ủng hộ giải pháp hòa bình cho những vấn đề của nước này thông qua đối thoại, tôn trọng các nguyên tắc dân chủ và nhà nước pháp quyền, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của tiến trình dân chủ trong việc khôi phục luật lệ và trật tự, thúc đẩy hòa giải dân tộc và đưa tình hình trở lại bình thường. Trong năm 2017, ASEAN đã đưa ra 4 tuyên bố của Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN về vấn đề thử tên lửa và vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên.

Bên cạnh đó, ASEAN khuyến khích các nước liên quan tự chia sẻ về vấn đề họ gặp phải để các nước khác hỗ trợ. Việc tham vấn lẫn nhau trước khi đi đến quyết định chính thức giữa các quốc gia thành viên ASEAN được thực hiện ngày càng thường xuyên và hiệu quả. Một ví dụ điển hình là trong tranh chấp giữa Thái Lan và Campuchia đối với việc sở hữu khu đất xung quanh đền Preah Vihear. Trên nguyên tắc tham vấn lẫn nhau, các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN đã thảo luận về những diễn biến xung quanh vấn đề Preah Vihear; gợi ý để Thái Lan và Campuchia có thể sử dụng sự trợ giúp thông qua các cơ chế của ASEAN nếu cần; gợi ý lập nhóm liên lạc ASEAN để hỗ trợ tìm kiếm giải pháp hòa bình. Tuy nhiên, ASEAN đã không đạt đồng thuận về việc thiết lập nhóm này. Mặc dù vậy, các ví dụ kể trên cho thấy, ASEAN không hoàn toàn đứng ngoài khi một nước thành viên gặp

vấn đề nội bộ hoặc giữa hai nước thành viên phát sinh vấn đề có thể ảnh hưởng đến hòa bình, ổn định ở khu vực.

Trong những năm 1990, Malaixia và Thái Lan đã lần lượt đề xuất các nguyên tắc “can thiệp mang tính xây dựng” và “can dự linh hoạt” nhằm thích ứng nguyên tắc không can thiệp với tình hình mới trong bối cảnh nảy sinh vấn đề ở Mianma. Chủ trương “can thiệp mang tính xây dựng” được đưa ra với hàm ý chủ yếu can dự về kinh tế giữa từng nước ASEAN với Chính phủ Mianma. “Can dự linh hoạt” được xem là bước ngoặt trong cách tiếp cận của ASEAN đối với Mianma. Đây còn được coi là bước tiến triển quan trọng trong việc ASEAN áp dụng nguyên tắc không can thiệp đối với các vấn đề khu vực. Khái niệm này được cho là mượn từ ý tưởng “can thiệp mang tính xây dựng” của Phó Thủ tướng Malaixia Anwar Ibrahim. Theo đó, từ nửa cuối thập kỷ 1990, các thành viên ASEAN bắt đầu trao đổi với Mianma về vấn đề cải cách chính trị. Tháng 11/2000, bên lề Hội nghị Cấp cao APEC lần thứ tám tại Brunây, Quốc vương Brunây đã triệu tập họp các lãnh đạo cấp cao ASEAN và đề xuất việc ASEAN sẽ thảo luận vấn đề Mianma trong cuộc họp tiếp theo của ASEAN. Tại Hội nghị Cấp cao không chính thức lần thứ tư của ASEAN tổ chức ngay sau đó tại Xingapo, Tổng thống Mianma được đề nghị cung cấp thông tin về tình hình chính trị của Mianma.

Ngoài ra, trong quan hệ giữa các nước ASEAN đã dần hình thành một số nguyên tắc tuy không chính thức nhưng

được các nước tôn trọng và áp dụng như: nguyên tắc giữ thể diện, không gây đối đầu, có thái độ hữu nghị và thân thiện. Theo thông lệ, các quan chức và bộ trưởng các nước ASEAN thường thiết lập các mối quan hệ cá nhân và công việc với nhau, tạo thuận lợi trong việc giải quyết các vấn đề song phương một cách không chính thức trước khi các vấn đề này trở thành đề tài để thảo luận với một thành viên thứ ba và mở rộng ra toàn ASEAN. Khi các nước chưa giải quyết được những tranh chấp thì vai trò của họ là nêu các ý kiến và đề nghị thăm dò trước khi đưa vấn đề ra các cuộc họp chính thức. Mục đích là nhằm hạn chế bất đồng và tranh cãi, nhất là liên quan đến các vấn đề được coi là nhạy cảm. Các quan chức ASEAN thường tránh đối đầu với nhau mà thường cùng tìm kiếm sự nhất trí; khi không tìm được sự nhất trí, họ thu xếp một giải pháp thỏa hiệp tạm thời hoặc một cam kết hợp tác. Các nước ASEAN cũng thường áp dụng nguyên tắc cho và nhận, có đi có lại<sup>1</sup>, nguyên tắc ngoại giao thăm lặng, cá nhân, không tuyên truyền, không tố cáo qua báo chí.

Sự kết hợp hài hòa giữa các nguyên tắc chính thức và không chính thức, công khai và không công khai đã tạo thành “phương cách ASEAN” vận hành trên nền tảng nguyên tắc cao nhất là đồng thuận, giữ gìn đoàn kết ASEAN

---

1. Theo nghĩa là trong quá trình hợp tác giữa các nước ASEAN, nếu nước này nhân nhượng nước kia một vấn đề thì sẽ được nước kia đáp lại bằng một nhân nhượng khác cho vấn đề nước này quan tâm (TG).

và bản sắc chung. Các nguyên tắc và phương cách này vẫn luôn có giá trị và được áp dụng phổ biến trong các hoạt động của ASEAN, góp phần quan trọng trong việc củng cố đoàn kết, thống nhất, làm cơ sở cho sự phát triển của ASEAN cho đến nay.

Bước sang giai đoạn xây dựng và thành lập Cộng đồng ASEAN, bên cạnh việc tiếp tục ghi nhận “phương cách ASEAN”, các nước ASEAN đã điều chỉnh một số cách thức hoạt động và đưa vào Hiến chương ASEAN, đồng thời đúc kết và hệ thống hóa những mục tiêu, nguyên tắc và thỏa thuận đã có của ASEAN một cách thống nhất, có cập nhật nhằm phù hợp với tình hình mới trên cơ sở đồng thuận.

Trước hết, Hiến chương ASEAN đã điều chỉnh và bổ sung bộ máy hoạt động để phù hợp với tình hình mới và mục tiêu xây dựng Cộng đồng trên ba trụ cột của ASEAN. Theo đó, bộ máy tổ chức của ASEAN đã được hệ thống hóa theo Hiến chương, thể hiện những bước tiến hoàn chỉnh hơn so với trước đây. Hệ thống các cơ quan ASEAN được điều chỉnh bám sát các mục tiêu của Hiệp hội, khắc phục đáng kể sự phân tán của bộ máy, tổ chức ASEAN trước khi Hiến chương ASEAN ra đời. Điều này thể hiện qua việc hệ thống hóa các cơ quan liên quan và các cơ quan giúp việc trực thuộc trong cơ cấu tổ chức của từng Hội đồng Cộng đồng ASEAN. Bên cạnh đó, vai trò của các cơ quan trong ASEAN cũng được tăng cường hơn, các chức năng hoạt động của từng bộ phận cũng được quy định cụ thể hơn.

Ví dụ, Hội nghị Cấp cao ASEAN ngoài thẩm quyền như trước đây, còn có thêm chức năng xem xét những tranh chấp, mâu thuẫn nảy sinh giữa các nước thành viên mà không thể giải quyết bằng tham vấn và đồng thuận. Vai trò của Tổng Thư ký ASEAN và nước Chủ tịch ASEAN cũng có những nét mới theo hướng tích cực hơn, như Tổng Thư ký ASEAN và nước Chủ tịch ASEAN có thể đóng vai trò là trung gian hòa giải trong giải quyết tranh chấp giữa các nước thành viên khi có yêu cầu.

Đáng chú ý, các nhà Lãnh đạo ASEAN khá thận trọng khi 9 năm sau khi thành lập mới tổ chức Hội nghị Cấp cao ASEAN đầu tiên, sau đó là Hội nghị Cấp cao ASEAN kỷ niệm 10 năm thành lập, 10 năm tiếp theo mới tổ chức Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ ba, và Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ tư diễn ra 5 năm sau đó, dù Hội nghị Cấp cao chính là cơ chế có chức năng giúp thúc đẩy tiến trình khu vực hóa. Việc cải tổ Ban Thư ký ASEAN cũng diễn ra tương tự như vậy. Ban Thư ký ASEAN được thành lập từ năm 1976, nhưng phải tới năm 1992, tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ tư, các nước thành viên mới lần đầu tiên có thỏa thuận tăng cường Ban Thư ký theo hướng mở rộng cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ để thực hiện hiệu quả các hoạt động của ASEAN. Điều này thể hiện cách tiếp cận thận trọng và chủ trương phát triển tiệm tiến của ASEAN trong việc xây dựng cơ cấu tổ chức, thể chế hóa liên kết khu vực và hoàn thiện phương thức hoạt động.

Như vậy, sau hơn 50 năm hợp tác, đặc biệt với sự ra đời của Hiến chương ASEAN, Hiệp hội đã thể hiện được bước tiến đáng kể về thể chế, bộ máy tổ chức, nguyên tắc hoạt động, giúp ASEAN vận hành chủ động, ổn định hơn, bám sát các mục tiêu đã đề ra và đạt được những thành tựu về hợp tác và hội nhập khu vực khá toàn diện trên các mặt chính trị - an ninh, kinh tế, và văn hóa - xã hội.

### *c) Về chính trị - an ninh*

Trước hết, ASEAN đã trở thành nhân tố chính đóng góp cho hòa bình và ổn định ở Đông Nam Á. ASEAN ra đời trong một bối cảnh phức tạp. Chiến tranh lạnh và cạnh tranh nước lớn lan rộng, quan hệ giữa các nước thành viên còn nhiều căng thẳng do tranh chấp lãnh thổ, khác biệt về thể chế và mô hình phát triển, sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nước trong khu vực còn hạn chế bởi các rào cản chính trị và ngoại giao cũng như di sản của chế độ thực dân. Do đó, sự ra đời của ASEAN đã đánh dấu một bước phát triển mới trong quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á, thể hiện nỗ lực của các nước thành viên trong việc tìm ra công thức chung sống giữa các nước láng giềng với nhau. Những nguyên tắc mà Tuyên bố Băng Cốc năm 1967 nhấn mạnh, như tôn trọng độc lập chủ quyền, không sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực, giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình/hòa giải, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, quyết sách dựa trên đồng thuận và nhất trí, đối thoại dựa trên lòng tin, giữ thể diện cho nhau, và duy trì sự

thống nhất trong đa dạng, đã trở thành “bộ luật ứng xử” của ASEAN. Việc ASEAN kiên trì áp dụng các nguyên tắc này đã góp phần quan trọng trong việc giữ hòa bình và ổn định trong quan hệ giữa các nước thành viên, từ đó tạo cơ sở vững chắc để củng cố nền độc lập và tạo điều kiện tiên quyết cho các nước này tập trung phát triển kinh tế - xã hội.

Trong cục diện đối đầu và cạnh tranh quyền lực nước lớn của Chiến tranh lạnh, việc các nước thành viên ASEAN điều hòa được quan hệ với nhau đã hạn chế khả năng các nước lớn can thiệp vào khu vực Đông Nam Á thông qua chính sách lôi kéo hay chia để trị. Điều này đã góp phần củng cố sự tự cường khu vực, tạo cho ASEAN khả năng tự xử lý quan hệ đối ngoại trong phạm vi liên quan đến các nước thành viên. Nói cách khác, sự ra đời của ASEAN còn thể hiện ý chí và nguyện vọng của các nước thành viên về quyền tự quyết của khu vực, nhất là sự độc lập của Đông Nam Á trong cạnh tranh quyền lực giữa các nước lớn.

Đáng chú ý, ngay từ đầu không một nước lớn nào ủng hộ sự ra đời của ASEAN. Ngoài ra, một số nước Đông Nam Á không phải thành viên sáng lập ASEAN cũng hoài nghi về bản chất của ASEAN khi tổ chức này được thành lập. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, các rào cản nhận thức mới thực sự được dỡ bỏ để các nước trong khu vực có hiểu biết và nhận thức đầy đủ hơn về sự tương đồng trong mục tiêu chính sách đối nội và đối ngoại giữa các nước thành viên ASEAN và các nước khác ở Đông Nam Á. Theo đó, ASEAN



đã được nhìn nhận rộng rãi như một công cụ hữu hiệu để các nước thành viên theo đuổi quyền lợi quốc gia - dân tộc của mình. Giữ vững độc lập, tự cường, phát triển kinh tế - xã hội, duy trì chế độ chính trị và giữ vững bản sắc quốc gia - dân tộc đã trở thành mẫu số chung để các nước trong khu vực Đông Nam Á tập hợp với nhau trong tổ chức ASEAN. Chính vì lý do đó, ASEAN đã có điều kiện mở rộng ra toàn bộ khu vực Đông Nam Á vào năm 1999 khi tất cả các nước trong khu vực đều trở thành thành viên của Hiệp hội. Từ một Hiệp hội gồm 5 quốc gia khởi thủy, ASEAN đã phát triển, mở rộng thành viên và trở thành một Cộng đồng gắn kết của 10 quốc gia Đông Nam Á. Với vai trò kết nối và thúc đẩy hợp tác của ASEAN, từ một khu vực có nhiều xung đột, căng thẳng, Đông Nam Á đã trở thành khu vực hòa bình, ổn định và phát triển. Từ các quốc gia đa dạng và khác biệt về nhiều mặt, 10 nước Đông Nam Á đã ngày càng thống nhất và đoàn kết, cùng nhau củng cố thói quen đối thoại, xây dựng đồng thuận, tăng cường hợp tác để xử lý các vấn đề chung của khu vực.

Riêng về vấn đề Biển Đông, tuy chưa đáp ứng được những kỳ vọng khác nhau, nhưng ASEAN đã có nhiều nỗ lực và vai trò quan trọng trong việc kiểm soát tình hình và tạo cơ chế thảo luận. Điều này được phản ánh qua việc các hội nghị của ASEAN thường xuyên lên tiếng cảnh báo về nguy cơ, thu hút sự quan tâm và can dự của các nước đối tác và cộng đồng quốc tế, đề cao việc tuân thủ các nguyên tắc cơ

bản của luật pháp quốc tế, cung cấp diễn đàn, tiến hành các biện pháp xây dựng lòng tin và các quy tắc ứng xử, thúc đẩy đối thoại và hợp tác về các vấn đề trên biển nhằm góp phần ngăn ngừa nguy cơ đụng độ và xung đột, bảo đảm an ninh, an toàn hàng hải và hàng không ở Biển Đông.

*d) Về kinh tế*

ASEAN đã có đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế của các nước thành viên. Trong môi trường hòa bình, ổn định và hợp tác khu vực, các nước thành viên đều có điều kiện thuận lợi để tập trung nguồn lực phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế khu vực, trong khi các nước đối tác có thêm cơ hội tăng cường thương mại và đầu tư với các nền kinh tế ASEAN. Kết quả là, các nước ASEAN đều đã đạt nhiều thành tích đáng kể trong phát triển kinh tế - xã hội, thoát khỏi tình trạng đói nghèo, vươn lên thành các nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao trong số các nước đang phát triển. Sự thống nhất và đoàn kết nội khối đã giúp nâng cao vị thế khu vực và quốc tế của từng thành viên trong chiến lược của các nước đối tác đối thoại của ASEAN. Có thể thấy, quy chế thành viên ASEAN đã mang lại lợi ích nhiều mặt cho các nước thành viên. Theo điều tra của Diễn đàn Kinh tế thế giới lấy ý kiến của 24.000 người dân các nước Malaixia, Indônêxia, Philíppin, Xingapo, Thái Lan và Việt Nam trong độ tuổi từ 16 đến 22, có đến 90% trong tổng số người được hỏi biết về ASEAN, 76% cho rằng kinh tế nước

họ sẽ phát triển tốt hơn trong khuôn khổ hợp tác ASEAN và 64% cho rằng triển vọng cuộc sống của họ sẽ tốt hơn khi có ASEAN<sup>1</sup>.

Xét về tổng thể, ASEAN đã trở thành một thực thể kinh tế mạnh. Năm 2019, quy mô kinh tế của ASEAN đứng thứ ba trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và thứ năm thế giới, với tổng GDP đạt gần 3.200 tỷ USD<sup>2</sup>. Nếu tiếp tục duy trì động lực tăng trưởng, ASEAN có tiềm năng trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trên thế giới vào năm 2050<sup>3</sup>. Khu vực Đông Nam Á hiện có trên 650 triệu dân, lớn hơn dân số Liên minh châu Âu (EU) và Bắc Mỹ, với lực lượng lao động lớn thứ ba trên thế giới, chỉ sau Trung Quốc và Ấn Độ, và phần lớn dân số nằm trong độ tuổi trẻ (khoảng 400 triệu người). ASEAN là khu vực xuất khẩu lớn thứ tư thế giới, chỉ sau EU, Bắc Mỹ và Trung Quốc (bao gồm cả Hồng Kông). ASEAN tham gia đóng góp 7% lượng hàng hóa xuất khẩu toàn cầu. Các quốc gia thành viên đang ngày càng chú trọng phát triển khả năng sản xuất các hàng hóa có giá trị gia tăng cao. Tổng kim ngạch thương mại hàng hóa và dịch vụ của ASEAN năm 2018 lần lượt là 2,8 nghìn tỷ USD và 778,6 tỷ USD,

---

1. World Economic Forum (2017), "Tech-Empowered Youth Will Drive the ASEAN Dream of Connectivity and Inclusion," *News Releases*, May 12.

2, 3. Xem Ủy ban quốc gia ASEAN 2020: *25 năm Việt Nam tham gia ASEAN qua góc nhìn của người trong cuộc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.180.

trong đó kim ngạch thương mại hàng hóa đã tăng 2,3 lần chỉ trong vòng 13 năm qua. Năm 2018, ASEAN thu hút FDI với tổng giá trị trên 154,7 tỷ USD, chiếm 10% tổng dòng vốn FDI của thế giới, trong đó doanh nghiệp nội khối chiếm 18,5%, lần đầu tiên vượt qua EU (16,4%)<sup>1</sup>.

Từ những dự án cụ thể, mang tính chất đơn lẻ trong giai đoạn đầu mới thành lập, hợp tác kinh tế ASEAN đã ngày càng mang tính bao quát, liên ngành. Bước chuyển quan trọng là năm 1992, khi ASEAN quyết định coi hợp tác kinh tế là trọng tâm và lập Khu vực thương mại tự do ASEAN. Bên cạnh đó, ASEAN cũng đã có nhiều thoả thuận, hiệp định hợp tác trong nhiều lĩnh vực như đầu tư, công nghiệp, năng lượng, dịch vụ, hàng không, hàng hải, giao thông đường bộ, hải quan, nông, lâm và ngư nghiệp, lao động... ASEAN hiện đang tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình và dự án hiện có như AIA, AICO, AFAS, e-ASEAN, mạng lưới điện - khí đốt ASEAN, tuyến đường bộ xuyên Á, đường sắt Xingapo - Côn Minh, các dự án hợp tác Tiểu vùng Mê Công, nhằm thúc đẩy phát triển ở những vùng kém phát triển trong khu vực. Đồng thời, ASEAN cũng đẩy mạnh liên kết kinh tế với các đối tác bên ngoài, ký các hiệp định xây dựng quan hệ đối tác kinh tế toàn diện, trong đó có việc thiết lập các khu vực thương mại tự do (FTA).

---

1. *ASEAN Key Figures 2019*, xem tại [https://www.aseanstats.org/wp-content/uploads/2019/11/ASEAN\\_Key\\_Figures\\_2019.pdf](https://www.aseanstats.org/wp-content/uploads/2019/11/ASEAN_Key_Figures_2019.pdf).

AEC hướng tới một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó không còn thuế quan đối với hàng hóa và có sự lưu chuyển thông thoáng hơn về dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề, có sự hợp tác chặt chẽ hơn trong các lĩnh vực kinh tế ngành và kết nối nhiều hơn với kinh tế toàn cầu. Mục tiêu của hợp tác và liên kết kinh tế trong AEC là giúp mở rộng thị trường, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư - kinh doanh nội khối, đồng thời tạo ra sự hấp dẫn, thu hút đầu tư - kinh doanh từ bên ngoài vào ASEAN.

Theo Báo cáo của Ban Thư ký ASEAN, đến thời điểm năm 2015, khi Cộng đồng ASEAN chính thức ra đời, AEC đã hoàn thành 92,7% kế hoạch, tương đương với 469/506 các biện pháp ưu tiên. Trong lĩnh vực thương mại hàng hóa, ASEAN-6 đã xóa bỏ thuế nội khu vực với 99,2% dòng thuế ở mức 0%. Số liệu của các nước chậm phát triển hơn (CLMV) là 90,86%<sup>1</sup>. Bước sang giai đoạn thứ hai của Cộng đồng ASEAN, tính đến tháng 9/2019, tức là sau 2 năm thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược hợp nhất nhằm thực hiện Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2025, hơn một nửa trong tổng số 647 dòng hành động đã được hoàn thành đầy đủ hoặc một phần, trong đó có 17,7% dòng hành động đã được triển khai trên thực tế<sup>2</sup>.

---

1. ASEAN Secretariat (2015), *ASEAN Economic Community 2015: Progress and Key Achievements*, Jakarta.

2. *ASEAN Integration Report 2019*, API Report No.3, September 2019.

Với sự hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN, nội lực và sức cạnh tranh của nền kinh tế của cả khu vực và từng nước thành viên đều được nâng cao, thể hiện trên 4 khía cạnh:

*Thứ nhất*, AEC là một thị trường hàng hóa và cơ sở sản xuất duy nhất (với sự lưu thông tự do, thông thoáng hơn của 5 yếu tố cơ bản là hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, lao động có tay nghề và vốn) thúc đẩy phát triển mạng lưới sản xuất trong khu vực, nâng cao năng lực của ASEAN với vai trò là một trung tâm sản xuất đáp ứng yêu cầu đối với chuỗi cung ứng toàn cầu, mang lại lợi ích cho 12 ngành được ưu tiên tham gia hội nhập, gồm: nông nghiệp, hàng không, ô tô, e-ASEAN, điện tử, ngư nghiệp, chăm sóc sức khỏe, cao su, dệt may và thời trang, du lịch, ngành công nghiệp gỗ và các ngành dịch vụ khác.

*Thứ hai*, AEC là một khu vực kinh tế có năng lực cạnh tranh cao, thịnh vượng và ổn định trên cơ sở ưu tiên 6 yếu tố chủ chốt, bao gồm: chính sách cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng, quyền sở hữu trí tuệ, phát triển kết cấu hạ tầng, hệ thống thuế, và thương mại điện tử.

*Thứ ba*, AEC là một khu vực phát triển kinh tế đồng đều với 2 điểm nhấn: hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) phát triển bằng cách thuận lợi hóa phương pháp tiếp cận thông tin, tài chính, kỹ năng, phát triển nguồn nhân lực và công nghệ; và thực hiện Sáng kiến Liên kết ASEAN (IAI) nhằm thu hẹp khoảng cách giữa ASEAN-6 và CLMV, qua đó thúc đẩy hội nhập kinh tế của CLMV, cùng hướng tới một

mục tiêu chung và bảo đảm tất cả các quốc gia này đều được lợi trong quá trình hội nhập kinh tế.

*Thứ tư*, AEC hội nhập vào nền kinh tế thế giới, giúp ASEAN có thể cạnh tranh thành công trên thị trường toàn cầu, trở thành nơi cung ứng quan trọng cho thị trường quốc tế, đồng thời bảo đảm thị trường ASEAN có sức hấp dẫn với các nhà đầu tư nước ngoài.

Theo đó, AEC có thể tạo nên sự liên kết chuỗi giữa các doanh nghiệp ASEAN, thúc đẩy các mạng lưới sản xuất và thương mại trong ASEAN, tạo thị trường thống nhất hơn cho các doanh nghiệp và người tiêu dùng, góp phần tăng năng lực cạnh tranh của ASEAN trong nền kinh tế thế giới. Mỗi liên kết chặt chẽ giữa các nền kinh tế thành viên sẽ nâng cao nội lực và khả năng phục hồi của nền kinh tế ASEAN ngay cả khi đối mặt với các cú sốc kinh tế và những biến động khác.

Ngoài ra, tính cạnh tranh của nền kinh tế ASEAN nói chung và các nước thành viên nói riêng cũng tăng mạnh nhờ các định hướng và chính sách về đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, tăng trưởng theo năng suất, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác sở hữu công nghệ cao của ASEAN như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ôxtrâyliá...

Về quan hệ kinh tế ngoại khối, việc ASEAN tiếp tục nỗ lực hội nhập nền kinh tế toàn cầu thông qua các FTA/CEP và Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) không

chỉ củng cố vị thế của ASEAN là một nền kinh tế khu vực cởi mở và toàn diện<sup>1</sup>, mà còn nâng cao vị thế và tăng cường sự tham gia của các quốc gia thành viên trong các chuỗi giá trị toàn cầu, góp phần củng cố nền tảng để ASEAN tiếp tục duy trì vai trò trung tâm trong cấu trúc kinh tế khu vực.

#### *đ) Về văn hóa - xã hội*

Trong lĩnh vực xã hội, Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC) tập trung vào những lĩnh vực thiết thực và cụ thể như giáo dục, y tế, an sinh xã hội, bình đẳng giới, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng và chống thiên tai, thúc đẩy giao lưu văn hóa và nhân dân,... Kết quả lớn nhất ASEAN đã đạt được trong lĩnh vực này là tạo ra những cơ chế và khuôn khổ hợp tác, hài hòa hóa các quy định và tiêu chuẩn chung cũng như nâng cao năng lực cho các nước thành viên trong việc thực hiện các chính sách thúc đẩy bình đẳng và công bằng xã hội, phát triển bền vững, cải thiện cuộc sống của nhân dân, tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân tham gia và đóng góp vào hợp tác ASEAN, nâng cao nhận thức về ASEAN. Về cơ bản, nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia và các cộng đồng vẫn là những ưu tiên chính trong ASEAN.

---

1. Nếu thành công, các quốc gia tham gia vào RCEP có thể tạo thành một khối thương mại khổng lồ với hơn 3 tỷ dân và GDP đạt 21.000 tỷ USD, chiếm khoảng 30% thương mại toàn cầu.



Hợp tác trên lĩnh vực văn hóa - xã hội trong ASEAN rất đa dạng và phong phú trên các lĩnh vực văn hóa thông tin, xã hội, khoa học công nghệ, môi trường; y tế, giáo dục, đào tạo, lao động, phát triển nông thôn và xoá nghèo; quản lý thiên tai, phòng chống các bệnh dịch như SARS, HIV/AIDS, COVID-19; phụ nữ, thanh niên và trẻ em; phòng chống ma túy, tội phạm xuyên quốc gia và khủng bố; tư pháp, xuất nhập cảnh,... Tiến trình hợp tác và xây dựng ASCC đã giúp các nước nâng cao năng lực và nguồn lực cũng như hình thành nhiều cơ chế, khuôn khổ hợp tác để giải quyết các thách thức chung của khu vực. Hợp tác ngày càng được mở rộng trên tất cả các lĩnh vực gắn liền với lợi ích thiết thực của người dân, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm thiểu rủi ro, thiệt hại cho người dân. Một số thành tựu nổi bật là tỷ lệ người nghèo và nghèo cùng cực đã giảm hơn 4 lần ở các nước thành viên trong hơn một thập kỷ qua, đặc biệt là giảm số người sống ở mức nghèo cùng cực (dưới 1,25 USD/ngày) từ 138 triệu người năm 2000 xuống 44 triệu người năm 2015<sup>1</sup>. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi tử vong giảm mạnh, từ 3,93% năm 2005 xuống còn 2,56% năm 2017. Tuổi thọ trung bình của người dân các nước ASEAN tăng khoảng 2,5 năm trong giai đoạn 2005-2017. Tỷ lệ biết chữ ở người lớn tại 7/10 nước ASEAN đã

---

1. Hoàng Tuấn: “ASEAN và bài toán xóa đói nghèo, thu hẹp khoảng cách phát triển”, Báo An ninh Thủ đô, ngày 31/01/2018.

tăng lên trên 90%. Tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học đạt trên 95% ở tất cả các nước thành viên<sup>1</sup>.

Cùng với đó, các chương trình giao lưu nhân dân, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ASEAN, đặc biệt là Kế hoạch tổng thể về truyền thông ASEAN và Kế hoạch tổng thể về kết nối của ASEAN, đều xác định trọng tâm là thúc đẩy kết nối con người, qua đó tăng cường sự gắn bó mật thiết giữa các nước thành viên, dần hình thành cảm nhận cộng đồng (we feeling) giữa nhân dân các nước, góp phần tạo dựng một bản sắc chung của ASEAN.

*e) Về đối ngoại và vai trò trong cấu trúc khu vực*

Cùng với những thành tựu về ổn định an ninh, tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội, thành tựu về đối ngoại cũng là khía cạnh nổi trội và tạo thế mạnh đặc biệt cho ASEAN. Đến nay, ASEAN đã thiết lập quan hệ đối tác đối thoại với 14 nước và tổ chức quốc tế, trong đó bao gồm tất cả các nước lớn, các nước chủ chốt tại châu Á - Thái Bình Dương và Liên minh châu Âu; 91 quốc gia đã cử Đại sứ tại ASEAN, 10/14 đối tác đối thoại đã lập phái đoàn riêng tại ASEAN, và 50 Ủy ban ASEAN tại nước thứ ba hoặc tổ chức quốc tế được thiết lập. Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC) được ký kết tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ nhất tại Bali (Indônêxia) năm 1976 nhằm thúc đẩy

---

1. *ASEAN Key Figures 2019, Tlđđ*; Hoàng Trung Hiếu: “ASEAN: Đổi mới để thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững và xóa nghèo”, *Báo Thế giới & Việt Nam*, ngày 04/9/2019.

hòa bình, thân thiện và hợp tác giữa các thành viên hiện đã trở thành cơ chế quan trọng trong việc điều phối các hoạt động của ASEAN trong quan hệ với các đối tác. Đây cũng là bộ chuẩn mực ứng xử chung được công nhận rộng rãi trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Việc 39 nước tham gia hiệp ước này cho thấy mong muốn mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác bên ngoài của ASEAN, khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của ASEAN trong việc thúc đẩy hợp tác vì an ninh và phát triển, đồng thời thể hiện sự công nhận và cam kết của các đối tác, đặc biệt là các nước lớn, đối với hòa bình và ổn định ở khu vực với vai trò trung tâm của ASEAN.

Từ một tổ chức hợp tác có tính tiểu khu vực của Đông Nam Á, ASEAN đã trở thành “hạt nhân” đóng vai trò “trung tâm” trong các cơ chế hợp tác và cấu trúc khu vực, quy tụ nhiều nước và tổ chức quốc tế, đặc biệt là tất cả các nước lớn, can dự và cam kết cao đối với hòa bình, ổn định và hợp tác ở châu Á - Thái Bình Dương. Các cơ chế hợp tác đa phương như Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+), Diễn đàn biển ASEAN mở rộng (EAMF), và các cơ chế ASEAN+1, ASEAN+3 trong đó ASEAN đóng vai trò khởi xướng và nòng cốt, đã trở thành các diễn đàn quan trọng để các nước ngoài khu vực Đông Nam Á khẳng định cam kết, ủng hộ và tham gia đối thoại nhằm thúc đẩy hợp tác, duy trì và củng cố hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á, châu Á -

Thái Bình Dương đồng thời mở rộng ra cả phạm vi lớn hơn của khu vực địa - chính trị đang nổi lên là Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Những năm gần đây, khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương được đề cập nhiều với tư cách là một khu vực địa - chính trị và địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng giữa Mỹ và Trung Quốc, đặc biệt từ sau khi chính quyền Donald Trump đề ra Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở, Nhật Bản và Ấn Độ cũng đưa ra tầm nhìn riêng trong chiến lược của họ đối với khu vực này. Trong bối cảnh đó, tháng 6/2019, ASEAN công bố Tài liệu quan điểm của ASEAN về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (AOIP). Tài liệu AOIP khẳng định vai trò trung tâm và chiến lược của ASEAN trong việc định hình cấu trúc an ninh và kinh tế của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết phải củng cố và tối ưu hóa các cơ chế, diễn đàn đa phương hiện có do ASEAN làm nòng cốt. Các cơ chế này tiếp tục tạo nền tảng đối thoại, xây dựng lòng tin và triển khai hợp tác, ứng phó tốt hơn với các thách thức và nắm bắt những cơ hội mới trong bối cảnh hiện nay và sắp tới, nhằm bảo đảm hòa bình, tự do và thịnh vượng của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương<sup>1</sup>. Đây được xem như định hướng cho sự tham gia của ASEAN trong khu vực rộng

---

1. *ASEAN Outlook on the Indo-Pacific*, xem tại [https://asean.org/storage/2019/06/ASEAN-Outlook-on-the-Indo-Pacific\\_FINAL\\_22062019.pdf](https://asean.org/storage/2019/06/ASEAN-Outlook-on-the-Indo-Pacific_FINAL_22062019.pdf).

lớn bao gồm châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Tài liệu AOIP cũng có ý nghĩa như một cơ sở tham chiếu chung, cho phép các quốc gia thành viên ASEAN tham gia hợp tác với các quốc gia khác trong khu vực trên cơ sở các nguyên tắc được nêu trong tài liệu này<sup>1</sup>. Những nguyên tắc cơ bản đó là: vai trò trung tâm của ASEAN, rộng mở, minh bạch, dung nạp, tôn trọng chủ quyền, không can thiệp, dựa trên luật lệ, tôn trọng luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi và các nguyên tắc như đã nêu trong Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á như giải quyết hòa bình các tranh chấp, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực<sup>2</sup>.

Các nước ngoài ASEAN, đặc biệt là các nước lớn, khi đưa ra quan điểm và tầm nhìn về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nhìn chung vẫn đều công nhận vai trò trung tâm của ASEAN trong khu vực rộng lớn này và tiếp tục tham gia các cơ chế hợp tác đa phương do ASEAN làm nòng cốt. Với vai trò trung tâm, ASEAN đã thành công trong việc điều hòa quan hệ với các nước lớn trong khu vực và trên thế giới. ASEAN đã trở thành một “hiện tượng đặc biệt” trong quan hệ quốc tế hiện đại khi một tập thể gồm 10 nước vừa và nhỏ đã có thể dẫn dắt và lôi kéo các nước lớn vào một mạng lưới các khuôn khổ đối thoại để quản lý xung đột, đồng thời đẩy

---

1. Simon Tay & Jessica Wau, “The Indo-Pacific Outlook: A New Lens for ASEAN,” *East Asia Forum Quarterly*, January-March 2020.

2. *ASEAN Outlook on the Indo-Pacific*, *Ibid*.

mạnh hội nhập kinh tế, chính trị và văn hóa - xã hội ở châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Có thể nói, sau hơn 50 năm tồn tại và phát triển, ASEAN đã trở thành một thực thể chính trị - kinh tế lớn mạnh và gắn kết, có vai trò “trung tâm” đối với hòa bình, an ninh ở Đông Nam Á nói riêng và châu Á - Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nói chung. Đây là những thành tựu không thể phủ nhận, đưa ASEAN trở thành một trong những tổ chức khu vực thành công nhất. Trong bối cảnh hiện nay, khi các tổ chức khu vực ở Tây Âu, Nam Á, Trung Đông và Mỹ Latinh đều đang phải đối mặt với nhiều khó khăn thì thành công và sức sống của ASEAN càng được thể hiện rõ nét.

## **2. Hạn chế và tồn tại**

### *a) Về thể chế và nguồn lực*

ASEAN còn nhiều hạn chế về nguồn lực và cơ chế hoạt động, nhất là trong việc thực hiện các cam kết liên quan đến việc hiện thực hóa Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025.

Tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của ASEAN chưa thực sự hiệu quả. ASEAN họp và thỏa thuận nhiều nhưng việc triển khai trên thực tế còn bất cập, chưa có chế tài bảo đảm việc thực thi, đặc biệt chưa có đủ khả năng giải quyết tranh chấp hoặc xung đột. Mặc dù đã có Hiến chương ASEAN, song tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của

ASEAN còn cồng kềnh, chồng chéo. Bên cạnh đó, một trong những hạn chế của bộ máy tổ chức ASEAN khi so sánh với bộ máy của EU đó là ASEAN chưa có nhiều cơ quan hoạt động thường kỳ. Ngoài hai cơ quan là Ủy ban các Đại diện thường trực bên cạnh ASEAN (CPR) và Ban Thư ký ASEAN, các cơ quan của ASEAN chủ yếu tiến hành họp theo định kỳ hoặc khi cần thiết. Điều này khiến mối liên hệ giữa các cơ quan trong ASEAN lỏng lẻo và hạn chế khả năng chỉ đạo, điều hành của những cơ quan này khi có biến động, khó khăn, bất thường xảy ra.

Nhân sự của Ban Thư ký ASEAN chỉ bằng 1/10 của Hội đồng châu Âu, nhỏ hơn Ban Thư ký của Liên minh châu Phi, do đó còn hạn chế về năng lực cung cấp các phân tích, đánh giá, tư vấn có giá trị cho các nhà lãnh đạo. ASEAN cũng không có lực lượng gìn giữ hoà bình chung như của Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (OAS) và không có cơ chế thúc đẩy thực thi quyền con người như Liên đoàn Ả-rập<sup>1</sup>.

Hợp tác ASEAN chủ yếu là giữa các cơ quan chính phủ và phần nào là cơ quan lập pháp, chưa có sự tham gia rộng rãi của các đối tượng trong xã hội và chưa mang lại nhiều lợi ích thiết thực để người dân các nước thành viên có thể nhận thức và thụ hưởng. Nhiều ý kiến cho rằng, ASEAN

---

1. Kurlantzick, J. (2012), "ASEAN's Future and Asian Integration", *Council on Foreign Relations' Working Paper*, Council on Foreign Relations, New York, p. 1.

thiếu tiến bộ thực chất trong các vấn đề quan trọng như thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các thành viên, tăng thương mại và đầu tư nội khối (tỷ lệ thương mại và đầu tư nội khối của ASEAN hiện tương ứng ở mức gần 25% và 19%, so với mức 63% và 28% của EU)<sup>1</sup>.

#### *b) Về chính trị - an ninh*

Kết quả hợp tác ASEAN còn hạn chế, sự đoàn kết và thống nhất giữa các nước thành viên dễ bị tác động bởi các nhân tố bên ngoài, nhất là trong một số vấn đề liên quan đến các nước lớn như vấn đề Biển Đông hoặc một số vấn đề nhạy cảm, phức tạp liên quan đến chủ quyền, an ninh, dân chủ, nhân quyền của các nước thành viên ASEAN. Sự khác biệt về lợi ích và quan điểm chính trị, sự tồn tại của các tranh chấp lãnh thổ vẫn là những rào cản đối với tin cậy chính trị giữa các nước thành viên.

Trong lĩnh vực chính trị - an ninh, về cơ bản ASEAN vẫn là một cơ chế an ninh chứ không phải là một cộng đồng an ninh theo mô hình EU. Giữa các nước thành viên ASEAN có cam kết không đe dọa và sử dụng vũ lực, giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hoà bình như đã nêu trong TAC và các văn kiện quan trọng khác. Nhưng ASEAN, với tư

---

1. ASEAN Secretariat, *ASEAN Investment Report 2018: Foreign Direct Investment and the Digital Economy in ASEAN*; Lurong Chen & Ponciano S. Intal, Jr (2017), "Chapter 2: ASEAN Foreign Trade, Investment and Integration in Comparative Perspectives," in *ASEAN @ 50*, Economic Research Institute for ASEAN and East Asia (ERIA), Vol. 3.



cách là một tổ chức, không có chức năng ngăn chặn và giải quyết xung đột giữa các nước thành viên. ASEAN đã phát triển cơ chế giải quyết tranh chấp (được nêu trong TAC và Hiến chương ASEAN), nhưng về cơ bản vẫn xoay quanh nguyên tắc chủ quyền quốc gia, tự nguyện và đồng thuận. Hầu hết tranh chấp lãnh thổ giữa các thành viên, ví dụ như tranh chấp giữa Thái Lan và Campuchia liên quan đến đền Preah Vihear, tranh chấp giữa Xingapo và Malaixia về chủ quyền đối với đảo Pedra Branca, tranh chấp giữa Malaixia và Indônêxia về chủ quyền đối với 2 hòn đảo Ligitan và Sipadan đều không được giải quyết bằng cơ chế của ASEAN.

Mặc dù tương đối thành công trong việc ngăn chặn chiến tranh và xung đột giữa các nước thành viên kể từ khi ra đời, ASEAN mới chỉ dừng lại ở các biện pháp xây dựng lòng tin, chưa có tiến triển trong thể chế hóa các cơ chế ngoại giao phòng ngừa và giải quyết xung đột. Các biện pháp xây dựng lòng tin của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) chỉ hạn chế ở việc chia sẻ thông tin và đối thoại giữa các thành viên, nâng cao vai trò của Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) trong công tác tư vấn cho APSC và mở rộng hợp tác với các đối tác đối thoại. Hợp tác quốc phòng nội khối ASEAN cũng ở mức hạn chế. ASEAN chưa có chính sách quốc phòng và an ninh chung do quan niệm và lợi ích an ninh của các nước thành viên còn nhiều khác biệt và các nước đều lo ngại về những vấn đề an ninh truyền

thống, đặc biệt là cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và tranh chấp chủ quyền, biển đảo trên Biển Đông<sup>1</sup>.

*c) Về kinh tế*

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) đem lại những tiến bộ thực chất hơn trong việc xây dựng khu vực thương mại tự do và kết nối cơ sở hạ tầng, nhưng chưa có bước phát triển đột phá về thể chế để hình thành các liên kết kinh tế ở cấp độ cao hơn như liên minh thuế quan. Để giảm chi phí thương mại, các nước ASEAN đã đơn giản hóa quy tắc xuất xứ (ROO), cho phép các chương trình tự chứng nhận, thiết lập Cơ chế một cửa quốc gia (NSW) và tham gia Cơ chế một cửa ASEAN (ASW). Tuy nhiên, rào cản phi thuế quan (NTB) vẫn là thách thức lớn. NTB được phát triển dưới dạng tiêu chuẩn quốc gia, quy tắc về tỷ lệ nội địa hóa, thuế xuất khẩu/nhập khẩu, giấy phép và các rào cản khác. Đây là những nhân tố làm hạn chế đáng kể tác động tích cực từ việc cắt giảm thuế quan và các biện pháp thuận lợi hóa thương mại khác.

Trên thực tế, cộng đồng doanh nghiệp ASEAN chưa nhận thức rõ những thay đổi mà AEC mang lại. Mặc dù ASEAN có các cơ chế tạo thuận lợi cho tự do hóa thương mại, đơn giản hóa thủ tục hải quan và đầu tư để tạo lợi thế về quy mô kinh tế, nhưng các sáng kiến về tự do hóa đầu tư và di chuyển lao động có tay nghề lại được áp dụng

---

1. Nouwens, V. (2017), "ASEAN at 50: Time for a Stronger Political and Security Community", *Royal University Service Institute*.

theo từng trường hợp cụ thể. Chính sách cạnh tranh và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cơ bản thuộc thẩm quyền của các quốc gia. Mặc dù kết nối là điều kiện thiết yếu để hội nhập nhưng hạn chế về tài chính và nguồn lực kỹ thuật khiến cho yếu tố này khó được cải thiện trong ngắn hạn và trung hạn. Rất nhiều chính sách, biện pháp của ASEAN mới chỉ trên giấy tờ, chưa được thực thi trên thực tế<sup>1</sup>. Do đó, bước tiếp theo trong hội nhập kinh tế của ASEAN là giảm bớt các rào cản phi thuế quan và từng bước tiến tới hài hòa hóa các thủ tục hải quan để chuẩn bị cho việc thành lập một liên minh thuế quan.

Bên cạnh đó, mức độ liên kết kinh tế nội khối ASEAN chưa cao, do các nước còn khác nhau về trình độ phát triển và lợi ích quốc gia, trong khi cơ cấu kinh tế lại tương đối tương đồng, mang tính cạnh tranh nhiều hơn là bổ trợ lẫn nhau, kết quả là hợp tác mang tính “hướng ngoại” nhiều hơn “hướng nội”. Thu nhập bình quân đầu người của các nước ASEAN có sự tương phản sâu sắc, ví dụ: thu nhập bình quân đầu người của Xingapo cao gấp hơn 40 lần Campuchia và gấp hơn 50 lần Mianma. Theo báo cáo cạnh tranh toàn cầu của WEF năm 2016-2017, năng lực cạnh tranh của các quốc gia ASEAN cũng có sự khác biệt lớn, cụ thể: Xingapo xếp thứ 2, Ấnôxêxia xếp thứ 41, Việt Nam xếp

---

1. Sacnchita Basu Das (2016), “Huge Challenges Awaits AEC 2025”, *ISEAS Perspective*, No. 48, Singapore.

thứ 60, Campuchia xếp thứ 89 trên thế giới<sup>1</sup>. Theo số liệu do Ban Thư ký ASEAN công bố, tổng thương mại nội khối của ASEAN chỉ chiếm khoảng 25% tổng ngoại thương của ASEAN, trong khi thương mại với 4 đối tác hàng đầu ngoài ASEAN là 40,7%<sup>2</sup>.

Hạn chế về nguồn lực kinh tế - tài chính khiến ASEAN khó có khả năng “tự cứu mình” khi xảy ra những đột biến, khủng hoảng kinh tế, tài chính lớn. Cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ khu vực xảy ra vào năm 1997-1998 là một minh chứng rõ nét. Một số nước ASEAN như Thái Lan, Indônêxia, Philíppin, Malaixia đã rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, thậm chí hỗn loạn về chính trị như ở Indônêxia. Trong bối cảnh đó, ASEAN gần như không có các hành động, biện pháp tập thể để giúp đỡ nhau mà chủ yếu trông chờ vào sự giúp đỡ từ bên ngoài, như Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế, Nhật Bản và Trung Quốc. Trong các lĩnh vực hợp tác, nhất là hợp tác chuyên ngành, ASEAN đề ra rất nhiều chương trình, kế hoạch hành động nhưng một số lượng lớn các dự án, hoạt động cụ thể phải dựa trên nguồn tài trợ từ các đối tác bên ngoài, vì các nguồn vốn tự huy động và quỹ của ASEAN quá nhỏ bé.

#### *d) Về văn hóa - xã hội*

Trong khuôn khổ Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN,

---

1. World Economic Forum (2017), *The Global Competitiveness Report 2016-2017*.

2. ASEAN Economic Community Chartbook 2017.

những chương trình hợp tác đã được đề ra và triển khai nhưng kết quả còn ở mức khiêm tốn và chưa rõ nét, chủ yếu do hạn chế về nguồn lực và việc hợp tác trải rộng trên nhiều lĩnh vực nhưng thiếu sự gắn kết giữa các lĩnh vực với nhau. Các quốc gia ASEAN khác biệt về ngôn ngữ, tôn giáo, truyền thống, kết cấu kinh tế và hệ thống chính trị. Chính vì vậy, mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo trong phạm vi một quốc gia như trường hợp cộng đồng người Rohingya ở Miama có thể trở thành nguồn gốc xung đột giữa các quốc gia thành viên. Mặc dù ngày càng chú trọng “lấy người dân làm trung tâm” (people-oriented/centred), nhưng ASEAN nhiều năm qua vẫn là một “đại dự án” do giới tinh hoa dẫn dắt. Mức độ hiểu biết và quan tâm của những người dân thường trong khu vực về ASEAN còn thấp. Sự đa dạng về văn hóa, tôn giáo và trình độ phát triển khiến cho quá trình xây dựng nhận thức, bản sắc chung khá chậm và khó khăn<sup>1</sup>.

#### *d) Về quan hệ đối ngoại*

ASEAN chưa có khả năng thường xuyên chủ động dẫn dắt trong quan hệ với các nước lớn, vẫn trông chờ nhiều vào sự hợp tác và hỗ trợ từ bên ngoài. Vai trò của ASEAN trong khu vực không phải lúc nào cũng phát huy hiệu quả, trong nhiều trường hợp chưa thể hiện được sự đoàn kết, lập trường chung thống nhất và mạnh mẽ trên một số vấn

---

1. Directorate-General for External Policy - European Parliament (2017), “The Future of EU-ASEAN Relations”, *Report to European Parliament*, p. 17.

đề khu vực và quốc tế, cũng như trong quan hệ với các nước lớn.

\*  
\*   \*   \*

Tóm lại, ASEAN là sản phẩm và là biểu trưng của quá trình khu vực hóa và chủ nghĩa khu vực ở Đông Nam Á. Lịch sử cho thấy, sự ra đời và phát triển của ASEAN là kết quả của sự tương tác giữa ba nhân tố chủ yếu, gồm: lợi ích của các quốc gia thành viên, các nhân tố nội tại của ASEAN, và các tác nhân bên ngoài - có thể là sức ép buộc các nước tăng cường hợp tác, hoặc là tác nhân gây chia rẽ. Bản chất của ASEAN là một tổ chức hợp tác liên chính phủ, bình đẳng về chủ quyền và ra quyết định bằng đồng thuận; là sự tập hợp của các nước nhỏ và vừa với sự đa dạng về nhiều mặt và sự hạn chế về nguồn lực cũng như năng lực. Hợp tác và liên kết trong ASEAN tiến triển trên cơ sở nâng dần mẫu số chung về lợi ích của các nước thành viên và hoàn thiện dần về thể chế, bộ máy và kỹ năng phối hợp trong quan điểm và hành động chung. Đây là những nhân tố cốt lõi quyết định chặng đường hơn 50 năm qua của ASEAN, bao gồm cả thành công và hạn chế.

Có ba nhân tố cơ bản lý giải những thành công mà ASEAN đã đạt được. *Một là*, các nước thành viên đều chia sẻ nhận thức và lợi ích chung về hòa bình, ổn định và hợp tác cũng như nhu cầu liên kết khu vực nhằm phục vụ mục tiêu an ninh và phát triển của từng nước và của cả khu vực.

*Hai là*, ASEAN đã bảo đảm được sự “thống nhất trong đa dạng” trên cơ sở những lợi ích chung, các mặt tương đồng và các nguyên tắc cơ bản của “phương cách ASEAN”, đặc biệt là hai nguyên tắc đồng thuận và không can thiệp vào công việc nội bộ. *Ba là*, ASEAN đã thể hiện sự năng động và linh hoạt, kịp thời điều chỉnh và thích ứng với sự thay đổi của tình hình, biết tận dụng các ưu thế về địa - chính trị, địa - chiến lược và địa - kinh tế, giữ được vai trò cân bằng và điều hòa lợi ích của các nước lớn trong khu vực.

Nguyên nhân của những hạn chế và tồn tại chủ yếu liên quan đến sự đa dạng về điều kiện và lợi ích kinh tế, chính trị và văn hóa giữa các nước thành viên. Trong lĩnh vực kinh tế, ASEAN là một tập hợp lỏng lẻo giữa các quốc gia có trình độ phát triển khác nhau gồm nhóm nước phát triển hơn như Brunây, Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Philíppin, Thái Lan và nhóm các nước gia nhập sau là Campuchia, Lào, Mianma và Việt Nam<sup>1</sup>. Văn hóa của ASEAN cũng gồm nhiều tôn giáo đa dạng như Hồi giáo chiếm đa số ở Indônêxia, Malaixia; Thiên Chúa giáo ở Philíppin; và Phật giáo ở Thái Lan, Mianma<sup>2</sup>. Mười nước thành viên có hệ thống chính trị khác nhau trong cả tổ chức nhà nước và chế độ chính trị. Nhìn chung các nước trong khu vực Đông Nam Á có trình độ phát

---

1. “Chênh lệch trình độ phát triển giữa các nước trong khối ASEAN - thực trạng và giải pháp”, Báo *Nhân dân Điện tử*, ngày 03/10/2010.

2. Manning, R. (2016), “Time to Rethink ASEAN”, *Nikkei Asian Review*, September 6.

triển không đồng đều, đa dân tộc, tôn giáo, thậm chí tồn tại mâu thuẫn lịch sử như tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải. Do đó, ASEAN khó có sự hài hòa, thậm chí khác biệt nên dễ dẫn đến mâu thuẫn<sup>1</sup>. Thêm vào đó, do sự khác biệt lớn về nhiều mặt nên trong nhiều trường hợp, các nước thành viên ASEAN theo đuổi những lợi ích cụ thể và ưu tiên khác nhau, nhất là trong quan hệ với các nước lớn, do đó thường gặp khó khăn về chính trị nội bộ, chưa dành cam kết chính trị đủ mạnh và nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh và mạnh liên kết ASEAN. Vấn đề càng trở nên khó khăn hơn khi Đông Nam Á từ trong lịch sử và ASEAN từ khi ra đời luôn chịu những tác động đáng kể của chính sách và sự cạnh tranh giữa các nước lớn cũng như tác động của những chuyển biến trong tình hình quốc tế và khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Mặc dù còn những hạn chế xuất phát từ cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, nhưng bề dày thành tựu mà ASEAN đạt được trong hơn 5 thập kỷ qua đã tạo nền tảng quan trọng và củng cố thêm lý do để ASEAN tiếp tục tồn tại và phát triển. ASEAN đã trở thành nhân tố quan trọng hàng đầu trong việc duy trì môi trường hòa bình, an ninh và hợp tác vì phát triển ở Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, là nhân tố thiết yếu hỗ trợ đắc lực cho việc theo đuổi mục tiêu an ninh, phát triển và vị thế của từng nước thành viên cũng như cả khu vực.

---

1. Trần Thị Bảo Hương: “Củng cố vị trí trung tâm của ASEAN trong bối cảnh TPP”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 4 (99).



Thực tiễn đã cho thấy sức sống dẻo dai và khả năng thích ứng của ASEAN trước những biến đổi của thời cuộc. Sự ra đời của Cộng đồng ASEAN năm 2015 và Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 là một minh chứng rõ nét, đưa đến một giai đoạn phát triển mới của ASEAN theo hướng gắn kết và bền vững hơn.

## *Chương II*

### **ASEAN TRÊN CHẶNG ĐƯỜNG PHÍA TRƯỚC: TRIỂN VỌNG 60 NĂM VÀ TẦM NHÌN SAU NĂM 2025**

Sự ra đời của Cộng đồng ASEAN vào ngày 31/12/2015 là một dấu mốc quan trọng thể hiện sự trưởng thành và lớn mạnh của ASEAN, đồng thời cũng định ra cho ASEAN hướng phát triển mới với những yêu cầu hướng tới sự liên kết chặt chẽ và sâu sắc hơn giữa các nước thành viên. Tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 27 tháng 12/2015, sau khi chính thức tuyên bố sự ra đời của Cộng đồng ASEAN, các nhà lãnh đạo ASEAN đã ra Tuyên bố “ASEAN 2025: Cùng vững vàng tiến bước”, thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và các kế hoạch tổng thể của 3 cộng đồng trụ cột để triển khai Tầm nhìn. Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 được xây dựng trên cơ sở đồng thuận, phản ánh nhu cầu, nguyện vọng, sự quan tâm và lợi ích của tất cả các nước thành viên, đồng thời đề ra những định hướng phát triển chính của ASEAN trong thập kỷ tiếp theo.

Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 được cụ thể hóa thành các kế hoạch phát triển theo đặc trưng của từng Cộng đồng trụ cột, khắc họa bức tranh toàn cảnh về Cộng đồng

ASEAN trong thập kỷ tới vì các mục tiêu hòa bình, thịnh vượng và hạnh phúc. Theo đó, đến năm 2025, Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN được kỳ vọng sẽ là một cộng đồng đoàn kết và tự cường, mang lại cho người dân một cuộc sống an bình trong môi trường hài hòa. Liên kết kinh tế ASEAN cũng sẽ sôi động và sâu sắc hơn trong khuôn khổ Cộng đồng Kinh tế ASEAN. Những mục tiêu đề ra cho Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN thể hiện đậm đà tính nhân văn, vì người dân.

## I. TẦM NHÌN CỘNG ĐỒNG ASEAN 2025

Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 là nền tảng cơ sở cho một giai đoạn phát triển mới của ASEAN - từ Hiệp hội trở thành Cộng đồng. Tầm nhìn không chỉ mở ra một chương mới trong lịch sử của ASEAN, đưa hợp tác ASEAN lên một tầm cao mới mà còn nhằm mục tiêu bao trùm là đưa ASEAN trở thành một tổ chức khu vực có mức độ liên kết sâu rộng hơn và có vai trò quan trọng hơn ở châu Á - Thái Bình Dương, thực sự vận hành theo luật lệ, có sự tham gia rộng rãi hơn của người dân và mang lại những lợi ích thiết thực cho chính phủ và người dân của các quốc gia thành viên. Hơn nữa, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 được gắn kết với Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc về phát triển bền vững, qua đó cũng cho thấy ASEAN đang tích cực tham gia vào những nỗ lực chung, phấn đấu nâng cao vị thế trong cộng đồng quốc tế.

## **1. Mục tiêu Cộng đồng ASEAN qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025**

Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và các kế hoạch tổng thể về Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN, Cộng đồng Kinh tế ASEAN, và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN đã phác họa hình ảnh tương lai dựa trên các mục tiêu cụ thể của Cộng đồng trên 3 lĩnh vực trụ cột.

- Về chính trị - an ninh, ASEAN hướng tới xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN 2025 với 4 mục tiêu lớn:

*Một là*, hoạt động theo luật lệ, hướng tới người dân và lấy người dân làm trung tâm với các nội dung: tuân thủ và phát huy các nguyên tắc, giá trị, chuẩn mực của ASEAN và luật pháp, nguyên tắc quốc tế; củng cố các giá trị dân quyền, pháp trị, quản trị tốt, chống tham nhũng, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản; thúc đẩy các giá trị hòa bình, khoan dung, ôn hòa;

*Hai là*, duy trì hòa bình, an ninh và ổn định khu vực, tăng cường đoàn kết, thống nhất với các nội dung: nâng cao năng lực xử lý các thách thức; kịp thời ứng phó với khủng hoảng và các trường hợp khẩn cấp; giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình; tăng cường an ninh và hợp tác trên biển; giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống; là một khu vực không có vũ khí hạt nhân và vũ khí hủy diệt khác;

*Ba là*, tăng cường đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN với các nội dung: củng cố vai trò trung tâm

của ASEAN trong cấu trúc khu vực đang định hình; nâng cao hiệu quả của các cơ chế khu vực do ASEAN giữ vai trò chủ đạo; tăng cường hợp tác thực chất với các đối tác đối thoại; thúc đẩy hợp tác hiệu quả với các đối tác khác; xem xét mở rộng hợp tác với các đối tác tiềm năng mới;

*Bốn là*, tăng cường năng lực thể chế và sự hiện diện của ASEAN với các nội dung: nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy ASEAN; tăng cường nhận thức về ASEAN và quảng bá về ASEAN<sup>1</sup>.

Theo đó, đến năm 2025, Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN sẽ có ba đặc trưng: (i) Một Cộng đồng hoạt động theo luật lệ trên cơ sở các giá trị và chuẩn mực chung; (ii) Một khu vực gắn kết, hòa bình, ổn định và tự cường, chia sẻ trách nhiệm vì một nền an ninh toàn diện; (iii) Một khu vực năng động, rộng mở với bên ngoài trong một khu vực ngày càng liên kết chặt chẽ và tùy thuộc lẫn nhau<sup>2</sup>.

- *Về kinh tế*, ASEAN hướng tới xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2025 với 5 mục tiêu chính, bao gồm:

*Một là*, ASEAN xây dựng một nền kinh tế thống nhất và liên kết cao, tạo thuận lợi cho sự lưu thông hàng hóa, dịch

---

1. The ASEAN Secretariat (2015), *ASEAN 2025: Forging Ahead Together*, Jakarta.

2. Bộ Ngoại giao - Vụ ASEAN: *Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN*, 2015. Xem tại <http://asean.mofa.gov.vn/thong-tin/12/cong-dong-chinh-tri-an-ninh-asean.html>.

vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề cũng như thiết lập một thị trường lớn, thống nhất thông qua các chiến lược về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, môi trường đầu tư, tăng cường tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu;

*Hai là*, ASEAN xây dựng một nền kinh tế năng động, đổi mới sáng tạo và cạnh tranh thông qua các biện pháp về chính sách cạnh tranh hiệu quả để tạo sân chơi bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp; bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; thương mại hóa các sản phẩm công nghệ, nghiên cứu và phát triển, sáng chế và tăng trưởng theo năng suất; hợp tác về thuế; quản trị tốt; phát triển kinh tế bền vững; xây dựng chiến lược phù hợp với các xu hướng lớn trên toàn cầu liên quan đến thương mại;

*Ba là*, ASEAN kết nối kinh tế và liên kết theo ngành thông qua các chiến lược về giao thông, công nghệ thông tin và truyền thông, thương mại điện tử, năng lượng, thực phẩm, nông nghiệp và lâm nghiệp, du lịch, chăm sóc y tế, khoáng sản, khoa học và công nghệ;

*Bốn là*, ASEAN xây dựng một cộng đồng tự cường, dung nạp và hướng tới người dân thông qua: vai trò của doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa; vai trò của khu vực tư nhân; quan hệ đối tác công - tư; thu hẹp khoảng cách phát triển; đóng góp của các nhóm, giới khác vào liên kết khu vực;

*Năm là*, ASEAN gắn kết với nền kinh tế toàn cầu chủ yếu thông qua các hiệp định thương mại tự do với các đối tác để

khẳng định nâng cao vai trò của ASEAN trong các liên kết kinh tế khu vực<sup>1</sup>.

- *Về văn hóa - xã hội*, Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN 2025 hướng tới thu hút sự tham gia của người dân và mang lại lợi ích thiết thực cho người dân; thu hút sự tham gia của các nhóm, giới vào các tiến trình của ASEAN; tăng quyền cho người dân và tăng cường các thể chế bảo đảm thực thi. Các mục tiêu cụ thể bao gồm:

*Một là*, cộng đồng dung nạp nhằm đáp ứng tốt hơn lợi ích của người dân về phúc lợi, bảo trợ xã hội, bình đẳng giới, quyền con người, giảm nghèo, y tế, việc làm, giáo dục và thông tin thông qua các biện pháp xóa bỏ rào cản, bất bình đẳng, thúc đẩy khả năng tiếp cận cơ hội đồng đều cho mọi người dân, bảo vệ quyền con người;

*Hai là*, cộng đồng bền vững thông qua các biện pháp: bảo tồn và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển đô thị bền vững về môi trường; thích ứng, giảm thiểu tác động và quản lý nguy cơ biến đổi khí hậu; sản xuất tiêu dùng bền vững;

*Ba là*, cộng đồng tự cường, nâng cao năng lực xử lý những thách thức thông qua tăng cường: khả năng dự báo, xử lý và quản lý thảm họa; khả năng ứng phó với các mối đe dọa về sức khỏe; khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ, chăm sóc phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, người

---

1. The ASEAN Secretariat: *ASEAN 2025: Forging Ahead Together*, Ibid, 2015.

già, người khuyết tật, dân tộc thiểu số, lao động di cư, các nhóm dễ bị tổn thương và yếu thế khác; bảo đảm cung cấp nhu yếu phẩm và các dịch vụ phúc lợi xã hội khác khi xảy ra khủng hoảng; hướng tới một ASEAN “không ma túy”;

*Bốn là, cộng đồng năng động, tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích người dân và doanh nghiệp thích ứng, đổi mới sáng tạo và có trách nhiệm hơn, tích cực đóng góp vào cộng đồng toàn cầu<sup>1</sup>.*

Tổng hòa các mục tiêu cụ thể, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 thể hiện cam kết của các nhà lãnh đạo ASEAN sẽ xây dựng ASEAN vào năm 2025 trở thành “một Cộng đồng hòa bình, ổn định và tự cường với năng lực được nâng cao để ứng phó hiệu quả với các thách thức”, “một khu vực rộng mở với bên ngoài trong cộng đồng các quốc gia toàn cầu, đồng thời giữ vững vai trò trung tâm của mình”, “một Cộng đồng các nền kinh tế liên kết chặt chẽ, bền vững và năng động” và “một ASEAN có năng lực để nắm bắt các cơ hội và hóa giải các thách thức trong thập kỷ tới”. Nói cách khác, mục tiêu chính của Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 là nhằm tăng cường các đặc tính tương hỗ của khu vực Đông Nam Á, với hình ảnh: ASEAN là một nền kinh tế tích hợp và gắn kết cao; một ASEAN cạnh tranh, năng động và sáng tạo; một ASEAN tăng cường kết nối và hợp tác theo

---

1. The ASEAN Secretariat: *ASEAN 2025: Forging ahead together*, Ibid.



ngành nghề; một ASEAN bền vững, hoàn thiện, phát triển có định hướng và tập trung vào con người; và một ASEAN có tầm với toàn cầu<sup>1</sup>.

## **2. Bản chất hợp tác ASEAN qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025**

Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 là sự kế thừa và bổ sung các nội dung hợp tác của Tầm nhìn ASEAN 2020 và các cam kết hợp tác ASEAN trong giai đoạn trước. Những điểm mới và khác của Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 so với các tầm nhìn và cam kết trước đây của ASEAN bao gồm:

*Thứ nhất*, các lĩnh vực hợp tác toàn diện, bao quát nhiều vấn đề hơn, với mức độ chặt chẽ hướng tới hiệu quả hơn. Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 đề ra 8 dòng hành động để “củng cố thể chế, quản trị tốt và chống tham nhũng”. Đây là một trong những điểm mới đáng chú ý. Trong các chủ đề hợp tác, vấn đề phòng, chống và ngăn chặn buôn bán, vận chuyển ma túy, xây dựng cộng đồng không ma túy cũng được nhấn mạnh hơn trong Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025. Tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (AMM) lần thứ 31 năm 1998, các nhà lãnh đạo đã tuyên bố mục tiêu loại bỏ hoàn toàn ma túy ở ASEAN vào năm 2020. Tại Hội nghị AMM lần thứ 33 năm 2000, thời hạn cho mục tiêu trên được rút ngắn xuống năm 2015. Tuy nhiên, mục tiêu này

---

1. Ministry of Foreign Affairs, Thailand, *ASEAN 2025 At a Glance*, 2018.

đã không được hoàn thành đúng thời hạn. Trong Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, vấn đề này được nhấn mạnh với 14 dòng hành động gồm các biện pháp sâu rộng và toàn diện hơn để xây dựng một Cộng đồng ASEAN không ma túy.

*Thứ hai*, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 đã đề cập vấn đề Biển Đông với mức độ cao hơn trước. Tầm nhìn đã đề ra 14 dòng hành động về vấn đề này, chủ yếu tập trung vào việc triển khai nghiêm túc Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC). Đây được xem là nỗ lực của ASEAN nhằm tạo dựng và củng cố tiếng nói chung, quan điểm chung về vấn đề Biển Đông.

*Thứ ba*, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 mở rộng và nâng cấp các thành tố của Cộng đồng Kinh tế ASEAN. Cụ thể, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 hướng tới xây dựng Cộng đồng Kinh tế với 5 định hướng chính: (i) một nền kinh tế thống nhất và liên kết cao; (ii) một nền kinh tế năng động, đổi mới sáng tạo và cạnh tranh; (iii) kết nối kinh tế và liên kết theo ngành; (iv) một cộng đồng tự cường, dung nạp và hướng tới người dân; và (v) gắn kết với nền kinh tế toàn cầu. Những định hướng này đều được phát triển với mức độ toàn diện và cao hơn so với Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2015.

*Thứ tư*, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 bổ sung, cập nhật nhiều thành tố mới mà trước đây chưa nêu trong hợp

tác ASEAN nhằm đáp ứng những yêu cầu và chuyển biến trong bối cảnh phát triển mới của khu vực và quốc tế. Tầm nhìn đã đề ra 4 dòng hành động nhằm tăng cường sự hiện diện của ASEAN và hiểu biết của người dân về Cộng đồng ASEAN. Các dòng hành động này nhấn mạnh việc sử dụng các cách thức đa dạng, trong đó có các trang thông tin điện tử và mạng xã hội. Điều này thể hiện nỗ lực của ASEAN trong việc thích ứng và tận dụng sự phát triển của khoa học công nghệ và các phương tiện truyền thông mới.

Qua những nét mới phản ánh bản chất của hợp tác ASEAN trong khuôn khổ Cộng đồng 2025, ba điểm nhấn quan trọng và đáng chú ý nhất trong Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 là: người dân, luật lệ và vị thế của ASEAN ở cả khu vực và toàn cầu.

*Về người dân*, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 lấy người dân làm trung tâm trong mọi sáng kiến, chính sách và trên từng bước đi xây dựng Cộng đồng. Vai trò của người dân trong khu vực được đề cập lần đầu tiên trong Hiến chương ASEAN năm 2007 và các tuyên bố chính trị sau đó. Với Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, hình ảnh một cộng đồng ASEAN hướng tới người dân được khắc họa rõ nét hơn. Mục tiêu hướng tới người dân được xác định một cách có hệ thống với những nội hàm cụ thể, bao quát trong mọi khía cạnh của đời sống, từ những vấn đề rộng lớn như duy trì môi trường hòa bình, không có chiến tranh hay xung đột, những vấn đề

ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống như chênh lệch giàu nghèo, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, cho tới những vấn đề thường nhật như học tập, việc làm, du lịch, đi lại, tiêu dùng.

Cụ thể, người dân ASEAN sẽ được tiếp tục sống trong một khu vực thống nhất, an toàn, hòa bình và gắn kết hơn, được hưởng lợi từ việc tăng cường quản trị tốt và quản lý môi trường bền vững. Các quyền tự do cơ bản, quyền con người, nhân phẩm và công bằng xã hội sẽ được thúc đẩy và bảo vệ. Người dân ASEAN sẽ là trung tâm của một cộng đồng có trách nhiệm xã hội và được tiếp cận các cơ hội ngang bằng nhau. Người dân ASEAN cũng sẽ được bảo vệ tốt hơn trước các đại dịch, thiên tai và tai nạn do con người gây ra, tội phạm xuyên quốc gia và những thách thức xuyên biên giới.

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) 2025 đặc biệt nhấn mạnh người dân với tư cách là đối tượng thụ hưởng. Mặc dù thương mại, đầu tư trong AEC đem lại lợi ích không chỉ cho chính phủ mà cả người dân và doanh nghiệp trong khối, nhưng đa phần các văn kiện trước đây chưa làm nổi bật mối liên hệ quan trọng này. Điều này dẫn đến những quan điểm phê phán cho rằng ASEAN chủ yếu sử dụng cách tiếp cận chính trị, ra quyết sách từ trên xuống, thiếu quan tâm và định hướng tới người dân. Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 đã đặc biệt nhắc đến người dân, thể hiện rõ mục tiêu

Cộng đồng ASEAN hướng tới người dân và đặt người dân ở vị trí trung tâm. Theo đó, người dân ASEAN sẽ được hưởng sự thịnh vượng hơn thông qua các cơ hội kinh tế tăng lên, kết nối khu vực được tăng cường, dễ dàng đi lại trong nội khối ASEAN và có nhiều cơ hội kinh doanh do sự phát triển năng động của nền kinh tế khu vực đem lại. Người dân ASEAN cũng sẽ được hưởng lợi từ cơ hội việc làm và công việc có chất lượng cao hơn, khả năng lưu chuyển tự do hơn của lao động có tay nghề cao, được tiếp cận các công nghệ mới với nhiều lựa chọn rộng mở, các sản phẩm, dịch vụ an toàn hơn, chất lượng tốt hơn, đồng thời thông qua việc tăng cường kết nối, người dân cũng được hưởng lợi từ việc tiết kiệm chi phí cho các doanh nghiệp cũng như người tiêu dùng. Trên hết, người dân ASEAN sẽ được hưởng lợi từ sự tăng cường năng lực thể chế của ASEAN nhằm thực hiện tốt hơn và hiệu quả hơn chương trình nghị sự kinh tế của ASEAN.

Là một trong ba trụ cột kiến tạo Cộng đồng ASEAN, Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC) được giao nhiệm vụ chính yếu trong việc xây dựng Cộng đồng ASEAN lấy con người làm trung tâm, với mục tiêu quan trọng nhất là thúc đẩy tiến bộ xã hội và xây dựng bản sắc ASEAN<sup>1</sup>. Có ý kiến cho rằng, nếu như APSC kiến tạo hòa bình, AEC thúc đẩy thịnh vượng, thì ASCC đảm nhận

---

1. Xem TS. Luận Thùy Dương: *Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN: tầm nhìn tới năm 2025*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017.

sứ mệnh vì người dân<sup>1</sup>. Như Rodolfo Severino, Cựu Tổng Thư ký ASEAN đã nhận xét: “Nếu suy tính viễn cảnh dài lâu, thì cốt lõi của AC chính là ASCC”<sup>2</sup>.

Đáng chú ý, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 nhấn mạnh người dân vừa là đối tượng thụ hưởng vừa là chủ thể có trách nhiệm đóng góp vào thành công chung của ASEAN. Tầm nhìn thúc đẩy sự tham gia, cam kết và trách nhiệm của người dân trong tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN. Một Cộng đồng ASEAN hướng tới người dân và lấy người dân làm trung tâm chỉ có thể trở thành hiện thực khi tất cả người dân trong khu vực cảm nhận được sự hiện hữu của Cộng đồng ASEAN, nhận thức được sự gắn bó với Cộng đồng ASEAN và ý thức mình là thành viên của Cộng đồng ASEAN. Theo đó, trong 10 năm tới, người dân ASEAN sẽ được tạo điều kiện tham gia từ khâu định hình chính sách, đánh giá chính sách, xây dựng chương trình, triển khai cũng như phản hồi về tác động của chính sách. Sự tham gia trên tinh thần trách nhiệm cũng sẽ giúp gắn kết người dân với nhau và với Cộng đồng ASEAN, góp phần tạo nền tảng cho một bản sắc chung ASEAN đậm đà và bền vững.

---

1. Xem Học viện Ngoại giao: *150 câu hỏi và đáp về ASEAN - Hiến chương ASEAN và Cộng đồng ASEAN*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2010.

2. Narine, Shaun: “ASEAN in the 21<sup>st</sup> Century: A Skeptical Review”, *Review of International Affairs*, Volume 22, No.3, University of Cambridge, Cambridge, 2009, pp. 369-386.

Các nhà lãnh đạo ASEAN nhấn mạnh sẽ dần thể chế hóa việc tham vấn người dân trong tất cả các khâu hoạch định chính sách, bảo đảm tốt hơn sự tham gia cũng như lợi ích sẽ mang lại cho người dân trong tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN. Theo đó, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 đặt mục tiêu hướng tới người dân, lấy người dân làm trung tâm dựa trên các nguyên tắc luật pháp - nơi mà mọi người dân, các nhà đầu tư và mọi lĩnh vực của xã hội có thể đóng góp và hưởng thụ các lợi ích từ một Cộng đồng hội nhập và kết nối hơn dựa trên sự hợp tác tăng cường ở ba trụ cột chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội, vì sự phát triển bền vững, bình đẳng và toàn diện.

*Về luật lệ*, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 đề cao yếu tố luật lệ trong mọi hoạt động của ASEAN. Hợp tác ASEAN khi mới thành lập chủ yếu dựa trên thiện chí, dần đi vào khuôn khổ thể chế sau khi có Hiến chương ASEAN. Tuy nhiên, cho đến nay, mức độ thể chế hóa đi kèm với mức độ thực thi các cam kết vẫn bị coi là một hạn chế của ASEAN. Bước sang giai đoạn phát triển Cộng đồng, ASEAN đứng trước yêu cầu nâng cao hơn nữa yếu tố luật lệ và mức độ ràng buộc về mặt pháp lý trong các hoạt động của Cộng đồng để hiệu quả của các cam kết và theo đó là sợi dây liên kết giữa các nước thành viên được tăng cường và củng cố. Xây dựng một Cộng đồng ASEAN vận hành theo luật lệ sẽ tiếp tục là định hướng xuyên suốt của ASEAN trong 10 năm tới và xa hơn nữa.

Trong lĩnh vực chính trị - an ninh, ASEAN sẽ tiếp tục đề cao và nhân rộng giá trị của các chuẩn mực ứng xử đã được thiết lập như Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC), Hiệp ước khu vực Đông Nam Á không vũ khí hạt nhân (SEANWFZ), Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), tiến tới xem xét, hình thành một văn kiện ràng buộc pháp lý về quan hệ ứng xử giữa các quốc gia ở cả trong và ngoài khu vực. Các nguyên tắc về dân chủ, pháp quyền, quản trị, liên chính sẽ được lan tỏa và lồng ghép vào chính sách và thực tiễn hoạt động của Cộng đồng ASEAN để thu hẹp dần sự khác biệt và gia tăng sự tương đồng trong nhận thức giữa các nước thành viên. Trong lĩnh vực kinh tế, thúc đẩy các nguyên tắc và quy định về quản trị tốt và minh bạch, nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp sẽ là nội dung ưu tiên trong thời gian tới.

Về vị thế của ASEAN, mối liên hệ giữa “tự cường quốc gia” (*national resilience*) và “tự cường khu vực” (*regional resilience*) vốn được chú trọng trong suốt quá trình phát triển của ASEAN, nay được mang những nội hàm mới trong giai đoạn phát triển theo Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025. Tầm nhìn cộng đồng ASEAN 2025 thúc đẩy liên kết nội khối và hợp tác của ASEAN với các đối tác bên ngoài một cách sâu rộng và thực chất hơn, trong đó năng lực tự cường của ASEAN đạt được thông qua liên kết nội khối sẽ có mối liên hệ tương hỗ với vị thế khu vực và toàn cầu của ASEAN được phản ánh qua mối quan hệ với các đối tác bên ngoài.



Trong hơn 5 thập kỷ qua, Đông Nam Á đã từ một khu vực đầy nghi kỵ, đối đầu và xung đột trở thành một khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác thông qua nhiều sáng kiến, cơ chế về chính trị, an ninh và kinh tế. ASEAN đã dần xây dựng được các nguyên tắc, chuẩn mực ứng xử giữa các quốc gia, thống nhất được các mục tiêu chung, tạo dựng được lòng tin và thói quen hợp tác giữa các quốc gia Đông Nam Á, bảo đảm hòa bình và ổn định không chỉ trong khu vực mà còn góp phần tăng cường hòa bình và hợp tác ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, mở rộng ra Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Nền tảng cho các thành tựu trong hơn 50 năm qua là những cơ chế hợp tác nội khối của ASEAN ngày càng đầy đủ và hoàn thiện hơn. Trong bối cảnh mới, việc thúc đẩy hơn nữa liên kết nội khối và hợp tác của ASEAN với các đối tác bên ngoài trở thành yêu cầu cấp thiết. Hiện nay, các nước ASEAN đã thoát khỏi tình trạng kém phát triển, tiềm lực ngày càng được nâng cao. Các đối tác của ASEAN cũng kỳ vọng mức độ hợp tác cao hơn với ASEAN. Do đó, để đáp ứng được nhu cầu phát triển của các nước thành viên và duy trì sự cân bằng trong quan hệ với các đối tác lớn, việc thúc đẩy liên kết nội khối và đưa quan hệ với các đối tác bên ngoài vào chiều sâu là rất cần thiết. Thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, các nhà lãnh đạo ASEAN đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc từng bước xây dựng cơ chế mới và vận dụng những cơ chế hiện có nhằm bảo đảm các mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục

và tiến bộ xã hội của các nước thành viên, xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định, có nền kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển, giải quyết những khác biệt trong nội bộ liên quan đến mối quan hệ giữa ASEAN với các nước và khối nước hoặc các tổ chức quốc tế khác.

Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 hướng đến nâng cao khả năng tự cường của ASEAN để ứng phó, xử lý các thách thức và các biến động bất thường, trên cơ sở đó hướng đến phát huy và nâng cao vai trò của ASEAN ở khu vực và toàn cầu. Theo đuổi chính sách hướng ngoại và rộng mở, ASEAN vẫn được xem là kỳ tích về một tập hợp các nước vừa và nhỏ có khả năng thu hút thành công sự can dự của những đối tác chủ chốt trên toàn cầu tham gia và đóng góp vào hợp tác ở khu vực. Tuy nhiên, khi thành phần tham gia ngày càng đa dạng, luật chơi và mối quan hệ giữa các thành phần ngày càng phức tạp, thách thức đối với ASEAN sẽ ngày càng tăng. Do vậy, thành công của ASEAN trong mục tiêu duy trì hòa bình, an ninh, ổn định ở khu vực sẽ phụ thuộc rất nhiều vào khả năng của ASEAN trong việc xử lý hài hòa tất cả các mối quan hệ giữa các nước ở khu vực và nâng cao vị thế quốc tế của Cộng đồng. Trong bối cảnh đó, các thành viên ASEAN đạt đồng thuận cao về mục tiêu củng cố vững chắc đoàn kết, thống nhất, phát huy mạnh mẽ trách nhiệm, tiếng nói chung và vai trò trung tâm của ASEAN trong xử lý các vấn đề chiến lược, trong quan hệ với các đối tác và trong định hình cấu trúc khu vực.

Đối với các đối tác của ASEAN, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 thể hiện rõ mong muốn và cam kết ASEAN sẽ trở thành một trong những trung tâm kinh tế mới của thế giới, gia tăng cơ hội phát triển kinh tế bằng cách thúc đẩy sự hợp tác giữa bên trong và bên ngoài ASEAN với các nước đối tác như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ôxtrâylia, Canada, Ấn Độ, Niu Dilân, Nga, Mỹ và Liên minh châu Âu. Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 cho thấy mục tiêu của ASEAN trong nỗ lực cung cấp cho các đối tác những lợi ích cạnh tranh chiến lược, đó là: *thứ nhất*, các đối tác của ASEAN sẽ hợp tác với một Cộng đồng ASEAN năng động, cam kết và có khả năng đóng góp vào một khu vực hòa bình, an toàn và ổn định; *thứ hai*, Cộng đồng ASEAN muốn hợp tác và cộng tác với các đối tác cùng chí hướng để thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực, giải quyết các vấn đề quốc tế thuộc quan tâm chung như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, môi trường, phát triển bền vững, chống lại các thách thức an ninh phi truyền thống (như khủng bố, tội phạm ma túy, buôn bán người, buôn lậu, và các vấn đề an ninh hàng hải); *thứ ba*, các đối tác sẽ hành động chung với một Cộng đồng ASEAN có năng lực đáp ứng hiệu quả những thách thức hiện có và đang nổi lên trong khu vực với các cơ chế được tăng cường; *thứ tư*, ASEAN và các đối tác chia sẻ cơ hội hợp tác lớn hơn về các vấn đề quốc phòng và an ninh khu vực, cùng hợp tác để chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, và bài học thành công về chính sách hội nhập, trong khi thừa nhận

rằng các nước thành viên ASEAN sẽ tiếp tục được hưởng lợi từ việc xây dựng năng lực, nguồn lực và đào tạo do các đối tác bên ngoài cung cấp; *thứ năm*, các đối tác sẽ hợp tác với một ASEAN vững mạnh hơn, minh bạch hơn và đoàn kết hơn với vai trò và tiếng nói lớn hơn trong kinh tế toàn cầu và tăng cường đóng góp cho quản trị kinh tế toàn cầu<sup>1</sup>.

Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 cũng đặt trọng tâm vào việc tăng cường sự đóng góp của ASEAN vào những vấn đề toàn cầu. Với thế và lực đang lên và vai trò ngày càng quan trọng ở khu vực, ASEAN có đủ cơ sở và điều kiện để tham gia và mở rộng ảnh hưởng ở những không gian rộng lớn hơn. Bên cạnh đó, ở khu vực Đông Nam Á có sự hiện diện của hầu hết các thách thức an ninh phi truyền thống mà thế giới đang phải đối mặt với mức độ nghiêm trọng ngày càng tăng như chủ nghĩa khủng bố, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, dịch bệnh, thiên tai, tội phạm xuyên quốc gia, di cư,... Do đó, việc ASEAN tham gia đóng góp tích cực ở cấp độ toàn cầu một mặt giúp ASEAN ứng phó và xử lý hữu hiệu hơn các vấn đề cấp bách đó, mặt khác nâng cao hình ảnh, uy tín và vị thế quốc tế của ASEAN.

Như vậy, có thể cho rằng Cộng đồng ASEAN theo viễn cảnh của Tầm nhìn 2025 không thay đổi về bản chất. ASEAN vẫn là một tổ chức liên chính phủ, không theo mô hình EU.

---

1. Ministry of Foreign Affairs, Thailand (2018), *ASEAN 2025 At a Glance, Ibid.*

Tuy nhiên, hợp tác giữa các nước thành viên sẽ ngày càng đi vào chiều sâu và triển khai trên tất cả các lĩnh vực chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội. Sự đan xen lợi ích, gắn kết, kết nối và tương tác giữa chính phủ, người dân, doanh nghiệp ngày càng phát triển, qua đó hình thành giá trị, bản sắc chung giữa các nước thành viên. Xét từ góc độ này, phương cách hợp tác của ASEAN về cơ bản vẫn được duy trì, nhưng điều kiện để hợp tác nội khối đã được tăng lên và cải thiện rất nhiều, mặc dù tính phức tạp cũng cao hơn trước.

## II. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HỢP TÁC ASEAN TRONG KHUÔN KHỔ CỘNG ĐỒNG

Trong quá trình hơn 50 năm phát triển, ASEAN đã thu được nhiều thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, tổ chức này đang phải đối mặt với nhiều chỉ trích về sự thiếu hiệu quả. Thậm chí một số dự báo bi quan đã cho rằng, ASEAN khó có thể tồn tại trong tương lai không xa nếu không thay đổi nguyên tắc và thực tiễn hoạt động. Giống như hầu hết các tổ chức khu vực và quốc tế, các cơ hội và thách thức đặt ra cho ASEAN chủ yếu liên quan đến cơ cấu tổ chức, chức năng, lợi ích và mục tiêu của các nước thành viên đặt trong bối cảnh vận động của môi trường (bên trong và bên ngoài). Đây là những yếu tố chính tác động đến hoạt động và triển vọng của ASEAN, để từ đó ASEAN chứng tỏ tính hợp lý và hiệu quả của mình.

Do đó, đánh giá về các nhân tố tác động đến hợp tác ASEAN trong thời gian tới về thực chất là để trả lời câu hỏi liệu ASEAN, với tư cách là công cụ chính sách của các nước thành viên, tiếp tục có tác dụng trong việc giúp các nước thành viên đạt được mục tiêu lợi ích hay không? Môi trường bên trong và bên ngoài có thuận lợi cho các nước thành viên ASEAN sử dụng công cụ này không? Các chủ thể bên trong và bên ngoài ASEAN có còn sẵn sàng ủng hộ vai trò của ASEAN không, vai trò và mức độ ủng hộ đến đâu? Và trên hết là vấn đề kiểm soát kỳ vọng đối với ASEAN để trả lời câu hỏi thế nào là sự nhìn nhận đúng về ASEAN để có thể xác định rõ tổ chức này đang thành công ở những lĩnh vực nào, những lĩnh vực nào chưa phát huy hết vai trò, và những lĩnh vực nào đứng ngoài các đánh giá về thành công/thất bại của ASEAN vì ASEAN không có chức năng và/hoặc không thể xử lý.

## **1. Các nhân tố thuận lợi**

Có thể nói rằng, những tiền đề bên trong và bên ngoài dẫn đến sự ra đời, tồn tại và phát triển của ASEAN trong nửa thế kỷ qua vẫn tiếp tục tồn tại trong thời gian tới. Những biểu hiện mới của các tiền đề đó tiếp tục khẳng định vai trò của ASEAN trong khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

*Thứ nhất*, hiện nay và trong thời gian tới, tất cả các nước thành viên ASEAN vẫn cần môi trường bên ngoài ổn định,

thuận lợi cho họ thiết lập quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác với nhau để tập trung phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội trong nước. Nhu cầu này càng tăng lên khi các thành viên ASEAN đang tiếp tục trải qua những chuyển biến mạnh mẽ về chính trị, kinh tế - xã hội bên trong mỗi quốc gia. Đa số các nước thành viên, kể cả các thành viên sáng lập, vẫn phải đối mặt với những mâu thuẫn nội bộ như chia rẽ về chính trị, ly khai dựa trên các yếu tố tôn giáo và sắc tộc. Cùng với đó, đòi hỏi về dân chủ hóa ngày càng cao trong nhiều bộ phận dân chúng dưới tác động của tăng trưởng kinh tế trong nước và sự kết nối với các luồng tư tưởng và lực lượng chính trị quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa. Trong bối cảnh như vậy, các lực lượng chính trị bên trong các nước ASEAN thường có xu hướng sử dụng những khác biệt và mâu thuẫn với các nước láng giềng, đề cao chủ nghĩa dân tộc để phục vụ mục tiêu chính trị nội bộ. Không thể loại trừ khả năng căng thẳng xuất hiện trở lại, thậm chí xảy ra xung đột giữa các nước láng giềng. Dựa vào thành công của ASEAN trên khía cạnh này nhiều thập kỷ qua, nhu cầu củng cố ASEAN để duy trì môi trường hòa bình, ổn định và hợp tác giữa các nước thành viên do đó càng được nhận thức rõ hơn. Cựu Ngoại trưởng Ấn Độ Manmohan Singh đã cho rằng “nếu không có ASEAN, các nước ở Đông Nam Á có thể sẽ tiếp tục rơi vào vòng xoáy chia rẽ, mất lòng tin và thù nghịch sâu sắc, và khu vực vẫn

có thể vướng vào vòng xoáy lẩn quẩn của tình trạng chậm phát triển về kinh tế và biến động chính trị, kéo theo những hậu quả nhân đạo và quản trị nghiêm trọng”<sup>1</sup>.

Nhu cầu gìn giữ môi trường bên ngoài hòa bình, ổn định càng trở nên cấp thiết hơn trong bối cảnh hiện nay khi các nước lớn, nhất là Mỹ và Trung Quốc, tăng cường cạnh tranh chiến lược, gia tăng sự hiện diện và tranh giành ảnh hưởng trong khu vực. Theo đuổi một kiểu chính sách trung lập tích cực, theo hướng tăng cường can dự tích cực với tất cả các nước lớn, đồng thời cố gắng giảm thiểu khả năng xảy ra xung đột giữa các nước lớn ở Đông Nam Á đã trở thành nhu cầu chung của các nước ASEAN. Có thể nói, bối cảnh giữa thập kỷ 1960 đưa tới sự thành lập ASEAN dường như đang lặp lại trong thập kỷ thứ hai và thứ ba của thế kỷ XXI theo khía cạnh rằng ASEAN ra đời và hoạt động xuất phát từ nhu cầu hạn chế tác động của cạnh tranh nước lớn.

Trong giai đoạn sắp tới, các nước thành viên càng thấy rõ hơn vai trò của ASEAN trên hai khía cạnh: *một là*, duy trì một cơ chế để các nước vừa và nhỏ có thể can dự với tất cả các nước lớn và hình thành một kiểu tập hợp lực lượng để giúp cải thiện vị trí của các nước này trong chiến lược của các nước lớn, đặc biệt là giữ được chủ quyền, toàn vẹn lãnh

---

1. Natalegawa, Marty (2018), “ASEAN: Past and Future”, *CSCAP Regional Security Outlook 2018*, Council for Security Cooperation in the Asia Pacific, Canberra, p. 26.



thổ, độc lập về chính trị và khả năng tự do hành động - hay còn gọi là sự tự chủ chiến lược. ASEAN vẫn có khả năng giúp các nước thành viên tăng cường vị thế trong quan hệ với các nước lớn dựa trên thế mặc cả tập thể. Theo Natalegawa, “nếu không có ASEAN, chắc chắn các nước Đông Nam Á vẫn là những con tốt và là công cụ trong cuộc cạnh tranh nước lớn”<sup>1</sup>; *hai là*, duy trì và tạo ra các diễn đàn, cơ chế để giúp các nước lớn có thêm cơ hội tương tác, đối thoại, từ đó giảm bớt nghi kỵ và xung đột lẫn nhau cũng như ràng buộc các nước lớn cam kết với hòa bình và ổn định khu vực. Nói cách khác, ASEAN làm giảm khả năng các nước thành viên phải “chọn bên”, giảm sự khó khăn của các nước thành viên trong việc phải đưa ra các lập trường liên quan đến quan hệ nước lớn, giảm bớt tác động của những chính sách do các nước lớn triển khai trong khu vực nhằm lôi kéo các nước thành viên. Do đó, xét về tổng thể, ASEAN tiếp tục là một công cụ hiệu quả giúp các nước thành viên theo đuổi lợi ích quốc gia và khu vực.

Các nước đối tác của ASEAN, kể cả các nước lớn, cũng tiếp tục nhìn nhận và đề cao vai trò trung tâm của ASEAN. Nghi kỵ và cạnh tranh giữa các nước lớn trong thời gian tới sẽ thôi thúc việc tăng cường tranh thủ ASEAN hơn. Trong bối cảnh các nước lớn gia tăng cạnh tranh ảnh

---

1. Natalegawa, Marty (2018), *Does ASEAN Matter? A View from Within*, ISEAS - Yusof Ishak Institute, Singapore, p. 70.

hưởng nhưng không đến mức đối đầu, tăng cường hợp tác nhưng chưa đến mức có thỏa hiệp về chiến lược, họ đều có nhu cầu lôi kéo ASEAN vào các hình thức tập hợp lực lượng phong phú và đa dạng, từ cấp độ lớn (như Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở, Sáng kiến Vành đai, Con đường, Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)) đến nhỏ như chiến lược Tiểu vùng Mê Công. ASEAN nằm ở giao điểm giữa các “đại sáng kiến” nói trên, do đó ASEAN chính là tâm điểm của các tập hợp lực lượng về địa - chính trị và địa - kinh tế ở khu vực. Với vị trí địa - chiến lược và sức mạnh tổng hợp có xu hướng tăng lên, với chủ trương truyền thống trung lập trước cạnh tranh nước lớn, ASEAN có thể tránh bị lôi kéo vào cuộc tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn, thậm chí còn có cơ hội tăng cường quan hệ với cả Trung Quốc, Mỹ và các nước lớn khác. Như Natalegawa nhận xét, từ “con tốt trong Chiến tranh lạnh, ASEAN đã đóng vai trò trung tâm trong kiến trúc an ninh khu vực”<sup>1</sup>. Xét từ góc độ này, vị thế và vai trò của ASEAN nhiều khả năng vẫn được duy trì trong thời gian 5 - 10 năm tới.

Sự phát triển của chủ nghĩa đa phương cũng là yếu tố thuận lợi đối với sự phát triển của ASEAN trong tương lai.

---

1. Natalegawa, Marty (2018), *Does ASEAN Matter? A View from Within*, *Ibid*, p. 72.

Các nước lớn như Mỹ dưới thời chính quyền Donald Trump và Anh dưới tác động của Brexit tuy giảm cam kết với các thể chế đa phương nhưng vẫn không làm đảo ngược được xu thế phát triển của chủ nghĩa đa phương trên thế giới và tại các khu vực khác nhau. Các thể chế đa phương vẫn là công cụ chính sách đối ngoại hữu hiệu của các nước vừa và nhỏ. Trong xu thế phát triển của chủ nghĩa đa phương, ASEAN có điều kiện thuận lợi để nâng cao vị thế và vai trò đối với các thành viên, đối với đối tác và đối với cả khu vực. ASEAN đang nổi lên như một mô hình thành công, đem lại lợi ích nhiều mặt cho các nước thành viên, có vị thế trong quan hệ với các nước và các tổ chức đa phương khác ở tầm khu vực và toàn cầu. ASEAN và các cơ chế do ASEAN dẫn dắt đã trở thành một mô hình quan hệ dạng trục và nan hoa, trong đó ASEAN làm trung tâm. Những thành tựu mà ASEAN đã đạt được đang và sẽ tạo nền tảng để ASEAN khẳng định vị trí của Hiệp hội trong các cơ chế, kiến trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Bên cạnh đó, tăng trưởng, thịnh vượng và sự năng động về kinh tế của khu vực châu Á - Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương là một yếu tố thuận lợi cho sự phát triển của ASEAN thời gian tới. So sánh với các khu vực khác trên thế giới, khu vực này vẫn tiếp tục phát triển nhất về kinh tế với các đầu tàu kinh tế lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ

và Ấn Độ. Các nền kinh tế này tiếp tục là những thị trường lớn cho hàng hóa xuất khẩu của ASEAN cũng như nguồn vốn FDI đầu tư vào ASEAN. Ngoài ra, tiến trình hội nhập kinh tế khu vực đang và sẽ phát huy tác dụng, theo đó các chuỗi giá trị, chuỗi sản xuất, các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương, nhất là CPTPP và RCEP, đã làm gia tăng kết nối giữa các nền kinh tế. Trong khi đó, các dự án kết nối hạ tầng trong khu vực - thông qua sáng kiến BRI của Trung Quốc và đề xuất đầu tư vào cơ sở hạ tầng của Nhật Bản, phần nào là của Mỹ và Ấn Độ, cũng tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các dạng kết nối kinh tế cứng và mềm trong khu vực. Tình trạng lệ thuộc lẫn nhau và đan xen lợi ích kinh tế tăng lên sẽ giúp hạn chế các tính toán chính sách theo hướng cực đoan, nhất là đẩy mạnh xu thế hợp tác phát triển giữa các nước trong khu vực. Trên cơ sở đó, Kishore đã tổng kết, “ba con sóng thủy triều nâng con thuyền ASEAN lên là sự phát triển của chủ nghĩa đa phương, sự trỗi dậy của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, và cạnh tranh nước lớn”<sup>1</sup>.

*Thứ hai*, các chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc hoạt động của ASEAN về cơ bản vẫn không thay đổi. Khi năng lực quốc gia của các nước ASEAN được nâng cao và ổn định chính trị được bảo đảm, nhận thức của các chính phủ và

---

1. Mahbubani, K. and Jeffery Sng (2017), *The ASEAN Miracle: A Catalyst for Peace*, Ridge Books, Singapore, pp. 197-201.

người dân về tầm quan trọng của tổ chức khu vực cũng sẽ tăng lên. Những thành công của tiến trình xây dựng Cộng đồng theo Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 tạo ra những chuyển biến tích cực trong đời sống của người dân các nước. Ý nghĩa của Cộng đồng ASEAN được đánh giá cao, các thành viên ASEAN tin tưởng vào sự cần thiết và những lợi ích mà Cộng đồng mang lại, ASEAN trở thành hướng ưu tiên trong chính sách đối ngoại các nước. Do đó, ASEAN chưa gặp phải sự thúc ép mạnh từ bên trong về yêu cầu thay đổi chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc hoạt động.

ASEAN vẫn là một tổ chức phối hợp liên chính phủ giữa các thành viên, hoạt động theo nguyên tắc tham vấn, đồng thuận, không can thiệp vào công việc nội bộ và giải quyết tranh chấp giữa các nước thành viên bằng biện pháp hòa bình. Những người theo quan điểm phê phán tính hiệu quả của ASEAN thường tập trung vào các yếu tố này để chỉ trích. Tuy nhiên, các yếu tố này cũng tạo cho ASEAN một số thuận lợi để tiếp tục phát triển trong thời gian tới vì 4 lý do chính:

*Một là*, các nước thành viên, nhất là các nước thành viên gia nhập sau, sẽ không phải lo ngại về việc ASEAN xa rời nguyên tắc hoạt động, từ đó tiếp tục cam kết với các nỗ lực xây dựng Cộng đồng ASEAN. Do đó, những trường hợp tương tự như Brexit sẽ ít có khả năng xảy ra trong ASEAN.

*Hai là*, việc vận hành theo thể chế lỏng/mềm (*soft institutionalism*) tiếp tục tạo điều kiện cho ASEAN điều

chỉnh quá trình hợp tác và thích nghi với các thay đổi, từ đó bảo đảm lợi ích của các nước thành viên và đặc biệt là tiếp tục làm cho hợp tác giữa các nước thành viên được triển khai theo tiến độ và tốc độ mà các nước đều có thể theo kịp. Trên thực tế, các nước ASEAN đã có những điều chỉnh, bổ sung quan trọng về thể chế để đáp ứng tốt hơn lợi ích của các thành viên và của cả khu vực.

*Ba là*, ASEAN cũng không gặp phải vấn đề như EU đang phải đối mặt, liên quan đến mở rộng thành viên (kể cả trong trường hợp Timo Lexte gia nhập ASEAN), khủng hoảng nợ công, khủng bố, nhập cư.

*Bốn là*, ASEAN được lập ra trước hết là để tạo môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác giữa các nước thành viên. Điều đó có nghĩa là, từ nguyên lý và thực tiễn hoạt động, ASEAN không nhằm giải quyết tranh chấp, xung đột giữa các nước thành viên cũng như trong nội bộ các nước thành viên. Chức năng chính của ASEAN là tạo môi trường thuận lợi và đóng vai trò trung gian hòa giải để các nước hoặc các bên liên quan có cơ hội đối thoại, tìm kiếm thỏa thuận xử lý tranh chấp bằng các biện pháp thích hợp nhất. Tranh chấp tài nguyên và lãnh thổ chủ yếu vẫn được giải quyết thông qua các biện pháp pháp lý quốc tế. ASEAN cũng không chủ trương can thiệp vào công việc nội bộ của các nước thành viên để xử lý xung đột bên trong phạm vi lãnh thổ của từng nước. Nói cách khác, việc đòi hỏi ASEAN

trở thành một tổ chức giải quyết tranh chấp, nhất là tranh chấp lãnh thổ, là không khớp với căn nguyên của ASEAN.

Xây dựng thành công một nền văn hóa hòa bình, theo đó các nước thành viên không sử dụng vũ lực làm công cụ để giải quyết mâu thuẫn, tích cực sử dụng các biện pháp xây dựng lòng tin và ngoại giao phòng ngừa và không để xảy ra chiến tranh, duy trì nền hòa bình giữa các thành viên là dấu ấn thành công của ASEAN<sup>1</sup>. Chức năng chủ đạo này, theo Farish Noor, lại không được nhìn nhận thích đáng. Noor cho rằng, “một trong những điều trớ trêu nhất của lịch sử là các nước đã từng trải qua chiến tranh đều mong mỗi có hòa bình; thế nhưng khi đã đạt được hòa bình thì những thành quả mà nó mang đến lại được coi là đương nhiên và nhanh chóng bị thế hệ trẻ lãng quên”<sup>2</sup>.

Những điểm tương đồng về mục tiêu chính sách đối ngoại của các nước ASEAN trong thời gian tới tiếp tục bao gồm quản trị tốt quan hệ giữa các nước thành viên, duy trì khu vực Đông Nam Á hòa bình, ổn định và hợp tác, tạo thế cho từng nước thành viên và cả tổ chức ASEAN trong quan hệ với các nước lớn, từ đó hạn chế thách thức cũng như khai thác cơ hội của hợp tác và cạnh tranh nước lớn, đồng thời giữ vai trò của các cơ chế an ninh khu vực do

---

1. Marty Natalegawa (2018), *Does ASEAN Matter? A View from Within*, *Ibid*, p. 70.

2. Farish A. Noor (2017), “ASEAN at 50: Giving Credit Where It Is Due”, *ASEAN Future Forward: Anticipating the Next 50 Years*, Institute of Strategic and International Studies (ISIS) Malaysia, Kuala Lumpur, p. 374.

ASEAN làm nòng cốt dựa trên luật pháp quốc tế. Những điểm tương đồng về mục tiêu chính sách này tiếp tục là cơ sở để các nước ASEAN tăng cường cố kết nội bộ trong thời gian tới. ASEAN không hướng tới mô hình hội nhập kinh tế của EU. Do đó, bên cạnh những yếu tố phê phán, chỉ trích và đề xuất thay đổi “phương cách ASEAN”, cũng có nhiều ý kiến cho rằng trong thời gian tới, ASEAN “nên tăng cường quảng bá về nền văn hóa hòa bình của ASEAN hơn là thay đổi chức năng hoạt động của mình”<sup>1</sup>. Nói cách khác, từ nay đến sau năm 2025, yếu tố kỳ vọng tiếp tục tác động đến hợp tác của ASEAN, do việc kiểm soát tốt kỳ vọng sẽ giúp ASEAN không phải tốn thời gian, công sức và nguồn lực để bàn thảo và tiến hành các điều chỉnh hoặc thay đổi về chức năng, nguyên tắc hoạt động hay quy trình thủ tục của Hiệp hội một cách không cần thiết.

*Thứ ba*, thành công của ASEAN trong những thập kỷ qua đã trở thành tiền đề quan trọng để ASEAN tiếp tục phát triển trong thời gian tới. ASEAN đã trở thành một thực thể có thể và lực đang tăng lên. Đặc biệt, ASEAN có thể mạnh về ngoại giao. Sau hơn 50 năm hình thành và phát triển, ASEAN đã tạo dựng được vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực đang định hình, thông qua hệ thống các cơ chế hợp tác do ASEAN dẫn dắt để bảo đảm hòa bình, an ninh ở

---

1. Farish A. Noor (2017), “ASEAN at 50: Giving Credit Where It Is Due”, *ASEAN Future Forward: Anticipating the Next 50 Years*, Institute of Strategic and International Studies (ISIS) Malaysia, Kuala Lumpur, p. 374.



Đông Nam Á nói riêng và châu Á - Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nói chung. Vai trò trung tâm của ASEAN đã và đang được tất cả các nước công nhận. Hiện nay, ASEAN tiếp tục khẳng định vai trò chủ trì và xây dựng chương trình nghị sự của các sự kiện ngoại giao quan trọng, tập hợp được sự tham gia của các nước lớn, để từ đó tạo ảnh hưởng đối với các vấn đề chính sách của các nước và chiều hướng phát triển của cấu trúc khu vực. ASEAN ngày càng thể hiện vai trò hòa bình, hòa giải quan trọng khi có 2 quốc gia thành viên là Xingapo và Việt Nam đã được chọn làm địa điểm tổ chức hai cuộc gặp Thượng đỉnh Mỹ - Triều Tiên lần lượt vào tháng 6/2018 và tháng 02/2019. Thế và lực của ASEAN tiếp tục nâng giá trị chiến lược của ASEAN trong chính sách của các nước, nhất là các nước lớn. Theo Kishore, do giữa các nước lớn thiếu lòng tin nên họ đều công nhận vai trò của ASEAN trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, coi ASEAN là cơ chế trung lập và hữu hiệu để qua đó có thể can dự, đồng thời giúp giảm cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn<sup>1</sup>. Ngoại trưởng Xingapo G. Yeo nhận xét, “các nước lớn chấp nhận ASEAN ngồi vào vị trí cầm lái là bởi vì không chủ thể nào khác có thể đáng tin bằng ASEAN. Sẽ là tệ hơn nếu không có ASEAN, dù ASEAN vẫn còn nhiều hạn chế”<sup>2</sup>. Đây là điều kiện quan trọng và thuận lợi để củng cố vai trò trung tâm của ASEAN ở khu vực trong thời gian tới.

---

1, 2. Mahbubani, K. and Jeffery Sng (2017), *The ASEAN Miracle: A Catalyst for Peace, Ibid*, p. 183, 183-184.

Quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN đang được đẩy mạnh trên cả 3 trụ cột chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội, giúp tăng cường “chất keo kết dính” cho hợp tác khu vực, tiếp tục đưa ASEAN trở thành một trong những mô hình hợp tác khu vực thành công tiêu biểu trên thế giới. ASEAN đã trở thành một công cụ không thể thiếu trong tiến trình xây dựng một bản sắc chung, bản sắc ASEAN cho các nước trong khu vực. Sự kết nối trong nhân dân ngày càng chặt chẽ, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch, truyền thông, là những điều kiện thuận lợi giúp ASEAN xây dựng bản sắc chung. ASEAN tiếp tục đóng vai trò quan trọng để các nước thành viên hình thành tinh thần cộng đồng thông qua việc tăng cường tương tác và hợp tác trên cả 3 trụ cột của Cộng đồng ASEAN. Theo Kishore, các nước ASEAN đã phát triển được một tinh thần cộng đồng, theo đó ngoài thực tế là không có chiến tranh nổ ra, giữa các nước thành viên ASEAN còn có một mức độ tương tác dày đặc, từ đó lòng tin được xây dựng và các cơ chế kiểm soát sự khác biệt được duy trì. ASEAN đã xây dựng các cơ chế cụ thể để tăng cường và cụ thể hóa tinh thần cộng đồng và các giá trị chung, bao gồm Hội nghị Cấp cao hợp một năm hai lần và các hội nghị cấp cao không chính thức, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN chính thức và không chính thức, cơ cấu Đại sứ thường trực ASEAN của các nước thành viên đặt tại Giacáccta, Indônêxia, 3 hội đồng tương ứng với 3 trụ cột của

Cộng đồng ASEAN, Chủ tịch ASEAN, Cơ quan nhân quyền ASEAN, Quỹ ASEAN và Viện Hòa bình ASEAN<sup>1</sup>.

Theo Thuyết thể chế tự do, các tổ chức quốc tế có thể tồn tại sau khi các điều kiện dẫn đến sự ra đời của chúng không còn nữa. Trường hợp của ASEAN cho thấy, vẫn có các nhân tố bên trong và bên ngoài thuận lợi để chứng tỏ sự cần thiết và tính thích hợp cũng như tính chính danh (necessity, relevancy, và legitimacy) của ASEAN với tư cách là một tổ chức hợp tác khu vực, vốn đã hoạt động khá thành công trong hơn nửa thế kỷ qua. Các nhân tố đó là cạnh tranh nước lớn, nhu cầu xây dựng môi trường khu vực ổn định, hợp tác và sức sống của chủ nghĩa đa phương. Thực tế, đây là những biểu hiện mới của các nhân tố trước đây đã dẫn đến sự ra đời của ASEAN. Ngoài ra, các nhân tố mới như thế và lực của ASEAN đạt được dựa trên những thành tựu và nhu cầu xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN là những yếu tố bổ sung góp phần quan trọng khẳng định xu thế tiếp tục tồn tại và phát triển của ASEAN trong thời gian tới.

## **2. Các nhân tố không thuận lợi và thách thức**

*Thứ nhất*, sự khác biệt về thể chế chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế vốn là hạn chế đặc thù của ASEAN và chưa thể

---

1. Mahbubani, K. and Jeffery Sng (2017), *The ASEAN Miracle: A Catalyst for Peace*, *Ibid*, p.179.

xử lý ngay. Trong giai đoạn trước mắt, sự khác biệt này sẽ dẫn đến khác biệt về cách nhìn nhận và theo đuổi lợi ích quốc gia giữa các nước thành viên, từ đó đưa đến các mức độ cam kết khác nhau của các nước thành viên về đoàn kết và thống nhất của ASEAN. Ví dụ, các nước ASEAN vẫn chủ yếu hướng ngoại, tiếp tục ưu tiên quan hệ với các nước lớn cả về kinh tế, chính trị và an ninh. Tổng thương mại nội khối của ASEAN chỉ chiếm khoảng 25% tổng ngoại thương của ASEAN, trong khi thương mại với 4 đối tác hàng đầu ngoài ASEAN là 40,7%. Đầu những năm 1990, thương mại nội khối ASEAN chỉ chiếm không quá 19% tổng thương mại của ASEAN. Nếu trừ thương mại của Xingapo với Indônêxia và Malaixia, thương mại nội khối ASEAN chỉ chiếm khoảng 4% tổng thương mại ASEAN. Kể cả sau khi AFTA được ký kết, thương mại ngoại khối của ASEAN-6 trong giai đoạn 1993-2004 lớn gấp 4 lần thương mại giữa các nước ASEAN-6. Sau khi Cộng đồng Kinh tế ASEAN được thành lập, thương mại nội khối của ASEAN (năm 2016) vẫn chỉ chiếm 24% so với 76% thương mại ngoại khối<sup>1</sup>.

---

1. Indira M.Hapsari and Carlos Mangunsong (2006), *Determinants of AFTA Members' Trade Flows and Potential for Trade Diversion*, Asia-Pacific Research and Training Network on Trade, Working Paper Series, No.21, November; xem thêm "ASEAN Trade and Investment 1967-2017", tại [aseanstats.org](http://aseanstats.org).

Trong thời gian tới, ASEAN có thể sẽ gặp khó khăn hơn trong việc giữ đoàn kết nội khối và vai trò trung tâm trong cơ chế an ninh khu vực do tình hình nội bộ của các nước thành viên có nhiều diễn biến phức tạp hơn. Dưới tác động của khủng hoảng kinh tế và toàn cầu hóa, các trào lưu tôn giáo cực đoan, chủ nghĩa dân túy và chủ nghĩa khủng bố, nhiều nước ASEAN có xu hướng quay về bên trong, ưu tiên lợi ích quốc gia và có tầm nhìn ngắn hạn hơn, nhất là khi các nước này không còn các nhà lãnh đạo tại vị lâu, có quan hệ cá nhân mật thiết với đồng sự trong khu vực và có tầm nhìn khu vực. Ở Đông Nam Á, các nhân vật dân túy cũng đã lên nắm quyền ở một số nước chủ chốt như Thái Lan, Philippin hay Indônêxia. Xu hướng chung ở các nước này là tập trung xử lý các vấn đề nội bộ, và do đó giảm bớt cam kết với các vấn đề khu vực. Chris Lundry cho rằng cả Tổng thống Indônêxia Jokowi và ứng cử viên tổng thống thuộc đảng đối lập Prabowo trong các cuộc vận động tranh cử năm 2018 đều sử dụng các lập luận dân túy và đề cao chủ trương “Indônêxia trên hết” (*Indonesia first*)<sup>1</sup>. Vì những lý do tương tự, các nước có vai trò dẫn dắt như Indônêxia, Thái Lan, Philippin và Malaixia gần đây đều giảm cam kết đối với ASEAN. Trước tình hình đó, việc xây dựng đồng

---

1. Lundry, Chris (2018), “Assessing Indonesia’s Foreign Policy under Jokowi”, *Asia Policy*, National Bureau of Research, Volume 13, No. 4, Washington DC., p. 35.

thuận và nhất trí trong nội bộ các nước thành viên có thể sẽ khó khăn hơn và tiêu tốn thời gian hơn.

*Thứ hai*, yếu tố cạnh tranh địa - chiến lược giữa các nước lớn. Trong bối cảnh cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc có xu hướng quyết liệt hơn, khả năng các nước thành viên ASEAN bị chia rẽ theo trục Mỹ - Trung Quốc cũng có xu hướng gia tăng. Điều này dẫn tới việc giữ vững đoàn kết và nhất trí trong ASEAN trở nên khó khăn hơn. Theo Thitinan, tình hình nội bộ của từng nước ASEAN đang ngày càng tác động tới mối quan hệ giữa các nước thành viên, theo đó những nước đi theo con đường dân chủ hóa có xu hướng phát triển quan hệ với phương Tây trong khi những nước khác sẽ thiên về phát triển quan hệ với Trung Quốc. Ví dụ, nếu Thái Lan trở nên thân thiết với Trung Quốc hơn, Malaixia thân thiết hơn với Mỹ thì xung đột ở miền Nam Thái Lan giữa những người Thái theo Hồi giáo thân Malaixia và người Thái theo Phật giáo trung thành với chính quyền Băng Cốc sẽ có nguy cơ bùng phát trở lại<sup>1</sup>.

Thực tế là, Trung Quốc đã trở thành cường quốc có nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới, đã và đang cạnh tranh ảnh hưởng và thách thức trật tự do Mỹ dẫn dắt ở châu Á, trước hết là ở Đông Nam Á, buộc các chính quyền Mỹ từ B. Obama đến D. Trump phải phản ứng mạnh hơn. Cạnh tranh vùng

---

1. Mahbubani, K. and Jeffery Sng (2017), *The ASEAN Miracle: A Catalyst for Peace*, *Ibid*, p. 196.

ảnh hưởng giữa các nước lớn, nhất là giữa Mỹ và Trung Quốc tại khu vực, đang có xu hướng tăng lên và sẽ kéo dài trong thời gian tới. Điều này sẽ làm cho quan hệ Mỹ - Trung Quốc trở nên căng thẳng với nhiều nét đối kháng hơn và xu hướng tập hợp lực lượng mới xung quanh trục Mỹ - Trung Quốc tiếp tục mạnh lên. Hiện nay, Biển Đông và Tiểu vùng Mê Công được dự báo là hai tiêu điểm cạnh tranh nước lớn tại khu vực Đông Nam Á.

Dưới thời Tổng thống Donald Trump, quan hệ Mỹ - Trung Quốc trở nên căng thẳng hơn với việc Mỹ gia tăng sức ép toàn diện cả về kinh tế, chính trị và quân sự đối với Trung Quốc. Quan điểm coi Trung Quốc là mối đe dọa chủ yếu và lâu dài của Mỹ (thách thức vị trí lãnh đạo thế giới của Mỹ và thách thức trật tự do Mỹ chi phối) đã chiếm ưu thế trong chính giới Mỹ và trở thành đồng thuận lưỡng đảng, bất kể tình hình nội bộ nước này đang bị chia rẽ sâu sắc. Đây là những tác nhân thúc đẩy xu hướng cứng rắn trong chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc hiện nay và trong thời gian tới trên các lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, an ninh mạng và hệ giá trị. Trong thời gian tới, Trung Quốc tiếp tục gặp phải các thách thức nội bộ về chính trị và kinh tế. Ngoài ra, với tinh thần dân tộc đã lên cao, Trung Quốc cũng khó chấp nhận khuất phục hoặc lùi bước trước sức ép của Mỹ, ít nhất là về biểu hiện bên ngoài. Tuy nhiên, do còn cách Mỹ một khoảng tương đối về sức mạnh tổng hợp, nhất là sức

mạnh quân sự, nên Trung Quốc chủ trương không thách thức Mỹ trực tiếp về quân sự. Do đó, quan hệ Mỹ - Trung Quốc trong thời gian tới tuy đã bước sang giai đoạn cạnh tranh chiến lược toàn diện và dài hạn nhưng có thể sẽ chưa đến mức chiến tranh như Graham Allison dự báo<sup>1</sup>.

Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, hiện đang hình thành ba dạng tập hợp lực lượng chủ yếu xoay theo trục quan hệ Mỹ - Trung Quốc. *Một là*, tập hợp lực lượng do Mỹ dẫn dắt, gồm nhóm đồng minh và đối tác của Mỹ. *Hai là*, tập hợp lực lượng do Trung Quốc dẫn dắt thông qua các sáng kiến về kinh tế, ngoại giao và quan hệ kinh tế song phương với Trung Quốc. *Ba là*, dạng tập hợp lực lượng của các nước đang cố gắng hạn chế tác động tiêu cực của cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc, như trong khuôn khổ hợp tác giữa ASEAN với các đối tác đối thoại ngoài Mỹ và Trung Quốc, và các tập hợp ba bên Ấn Độ - Nhật Bản - Ôxtrâyliya, Ấn Độ - Ôxtrâyliya - Ấn Độ - Pháp - Ôxtrâyliya,... Các nước như Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ôxtrâyliya, Niu Dilân và ASEAN tăng cường hợp tác với nhau và khai thác thế mạnh của cơ chế đa phương do ASEAN dẫn dắt để qua đó đề cao luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử khu vực, nhằm hạn chế ảnh hưởng của chính trị cường quyền nước lớn. Tuy nhiên, tính hiệu quả và giá trị chiến

---

1. Graham T.Allison (2017), *Destined for War: Can America and China Escape Thucydides' Trap?* Scribe Publications, London, United Kingdom.



lực của tập hợp lực lượng giữa các nước vừa và nhỏ, xét về mặt lý luận và thực tiễn, vẫn lệ thuộc vào diễn biến trong quan hệ giữa các nước lớn. Theo Ralf Emmers, các thể chế đa phương hiện hành không thể điều chỉnh quan hệ nước lớn dưới tác động của sự chuyển dịch tương quan so sánh lực lượng giữa các nước lớn. Chính sách của cả Trung Quốc và Mỹ gây ra nhiều khó khăn cho các nước vừa và nhỏ trong việc hình thành một môi trường an ninh khu vực dựa trên luật lệ và thông qua việc đề cao chủ nghĩa đa phương<sup>1</sup>.

Điều này đưa đến một số hệ quả. Vai trò của ASEAN trong chiến lược của các nước lớn có khả năng suy giảm. Cả Mỹ và Trung Quốc đều tiếp tục triển khai các chiến lược như BRI và IPS cũng như tăng cường hoạt động của các cơ chế nhằm khẳng định vị trí dẫn dắt của mình như Hội nghị về phối hợp hành động và các biện pháp xây dựng lòng tin ở châu Á (CICA), Diễn đàn châu Á - Bắc Ngao, Hợp tác Lan Thương - Mê Công (LMC), sáng kiến hạ nguồn Mê Công - Mỹ (LMI) và mới đây là Quan hệ đối tác Mê Công - Mỹ (MUSP),... Vai trò trung tâm của ASEAN tuy được các nước lớn công nhận nhưng thực chất, ASEAN có nguy cơ trở thành diễn đàn để các nước lớn tranh thủ lôi kéo, phục vụ mục tiêu tập hợp lực lượng, từ đó làm suy yếu vai trò trung tâm của ASEAN.

---

1. Emmers, Ralf (2018), "The Role of Middle Powers in Asian Multilateralism", *Asia Policy*, Volume 13, No. 4, National Bureau of Asian Research, Seattle, p. 46-47.

Nói cách khác, vai trò của ASEAN và các cơ chế do ASEAN dẫn dắt có khả năng bị suy giảm trước các cơ chế mới do các nước lớn chi phối. Cụ thể, sáng kiến BRI của Trung Quốc được cho là sẽ làm mất vai trò của ASEAN trong việc đẩy mạnh kết nối khu vực từ thương mại, dịch vụ, đến cơ sở hạ tầng, trong khi giúp Trung Quốc thiết lập một hệ thống theo mô hình quan hệ “triều cống” kiểu mới, theo đó “mọi ngã đường đều dẫn đến Bắc Kinh”<sup>1</sup>. Theo ông Surin Pitsuwan, nguyên Tổng Thư ký ASEAN, việc Trung Quốc từ bỏ phương châm “giấu mình chờ thời” và theo đuổi một chính sách đối ngoại quyết đoán hơn đã giúp “bác bỏ giả định từ lâu nay tưởng như vẫn đứng vững là ASEAN luôn thống nhất lập trường liên quan đến ứng xử với các nước lớn. Thay vào đó, yếu tố Trung Quốc đã làm cho chương trình nghị sự của ASEAN bị đảo lộn, thông lệ của ASEAN bị thay đổi, và tình đoàn kết truyền thống bị xói mòn”<sup>2</sup>. Trong khi đó, chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở của Mỹ với trọng tâm phát triển các mối quan hệ quân sự xung quanh Bộ Tứ\*, mô hình quan hệ trục - nan

---

1. Xem Ahmed Elgen (2017), *All Roads Lead to Beijing: A Neo-Classical Realist Analysis of China's One Belt One Road (OBOR)*, PhD dissertation, University College, London.

2. Pitsuwan, Surin (2017), “Diagnosis of the Past and Prognosis for ASEAN after 50: A Personal Perspective”, *ASEAN Future Forward: Anticipating the Next 50 Years*, Institute of Strategic and International Studies (ISIS) Malaysia, Kuala Lumpur.

\* Tên gọi không chính thức của đối thoại an ninh bốn bên, gồm Mỹ, Ôxtrâyliya, Ấn Độ và Nhật Bản (BT).

hoa của Mỹ với các đồng minh và đối tác dựa trên cách tiếp cận an ninh tập thể và cách tiếp cận thiên về song phương và đối chác của chính quyền D. Trump sẽ làm giảm vai trò của ASEAN trong kiến trúc an ninh đa phương khu vực vẫn dựa trên cách tiếp cận an ninh hợp tác và an ninh toàn diện.

Cạnh tranh giữa Trung Quốc với Mỹ, Nhật Bản, và kể cả Ấn Độ đều có khả năng gây chia rẽ nội khối ASEAN, khiến ASEAN không thể đạt được lập trường chung giữa các nước thành viên về các vấn đề an ninh khu vực liên quan đến nước lớn (như vấn đề Biển Đông, biển Hoa Đông, bán đảo Triều Tiên,...), từ đó khó có thể đóng vai trò dẫn dắt, về cả xây dựng chương trình và thống nhất lập trường chung, trong các diễn đàn và cơ chế an ninh khu vực do ASEAN làm nòng cốt. Natalegawa dự báo rằng cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc sẽ làm gia tăng xu hướng chia rẽ trong nội khối ASEAN, thách thức vai trò trung tâm và tính thống nhất của ASEAN<sup>1</sup>.

Theo đó, sự cố kết trong ASEAN về một số vấn đề đối ngoại tiếp tục có xu hướng suy giảm. Nhìn chung, các nước ASEAN đều triển khai chính sách linh hoạt, thực dụng, tránh “chọn bên” giữa Mỹ và Trung Quốc. Các nước thành viên vừa tranh thủ tận dụng cơ hội hợp tác kinh tế với Trung Quốc vừa tranh thủ Mỹ về mặt an ninh/quốc phòng để phòng

---

1. Natalegawa, Marty (2018), *Does ASEAN Matter? A View from Within*, *Ibid*, p. 142-145.

ngừa các chính sách gây bất lợi của Trung Quốc, đồng thời củng cố quan hệ với các nước như Nhật Bản, Ấn Độ để hạn chế các thách thức từ quan hệ hợp tác hay cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc. Tuy nhiên, một số nước có thể nghiêng hơn về phía Trung Quốc và một số nước khác thân Mỹ hơn cả về xu hướng chính sách tổng thể cũng như trong một số lĩnh vực và thời điểm cụ thể. Khả năng này càng tăng cao trong bối cảnh hiện nay khi căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc gay gắt tới mức khiến một số người nghĩ tới Chiến tranh lạnh phiên bản 2.0. Sức ép chọn bên đối với các nước vừa và nhỏ ở khu vực do đó cũng tăng theo. Tranh luận trong nội bộ từng nước cũng như sự khác biệt giữa các nước ASEAN về quan điểm và chính sách đối với các nước lớn bộc lộ rõ rệt hơn. Trong thời gian tới, lập trường chung của ASEAN trên một số vấn đề, nhất là quan hệ với Mỹ, Trung Quốc và vấn đề Biển Đông, tiếp tục khó hình thành, đồng thời không làm hài lòng các bên liên quan, từ đó củng cố nhận định từ lâu nay coi ASEAN chỉ là “nơi bàn chuyện” (*talk shop*). Theo Maria Ortuoste, “khi quan hệ nước lớn ngày càng trở nên cạnh tranh hơn và các thách thức an ninh phi truyền thống cũng trở nên lớn hơn, các cơ chế như ARF càng tỏ rõ sự kém hiệu quả. Nếu không được khắc phục thì các cơ chế này sẽ sớm trở nên lạc hậu”<sup>1</sup>.

---

1. Ortuoste, Maria (2018), “The ARF as a Strategic Waypoint: A Long View of the Forum’s 25-Year Journey”, *Asia Policy*, Volume 13, Number 4, National Bureau of Asian Research, Seattle, p. 59.

Ở một chiều hướng khác, khả năng thỏa hiệp nước lớn tuy không cao trong tương lai gần nhưng cũng không loại trừ và cũng có thể làm giảm vai trò trung tâm của ASEAN. Tình trạng căng thẳng, cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc được dự báo là sẽ tiếp diễn trong thời gian tới. Tuy nhiên, giữa hai nước vẫn duy trì hợp tác trên một số lĩnh vực, cả song phương và đa phương, đồng thời tình trạng đan xen lợi ích vẫn tiếp tục, và Mỹ khó có thể không công nhận vai trò nước lớn của Trung Quốc trong khu vực và trên thế giới. Hai nước vẫn ở trong quá trình tìm kiếm xây dựng khuôn khổ quan hệ mới. Ngoại trưởng Mỹ Pompeo đã phát biểu sau khi kết thúc đối thoại cấp cao Mỹ - Trung Quốc ngày 09/11/2018 rằng, “kể cả khi phải đối mặt với nhiều khác biệt lớn, mặt hợp tác vẫn rất quan trọng trên nhiều lĩnh vực chủ chốt trong quan hệ giữa hai nước”<sup>1</sup>. Do đó, cả về lý thuyết và thực tiễn, khả năng thỏa hiệp giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn không thể loại trừ và có thể tác động đến ASEAN. Natalegawa cho rằng, ngoài yếu tố cạnh tranh, các nước lớn vẫn có truyền thống “đi đêm” để đi đến hiểu biết và tôn trọng các lợi ích cốt lõi của nhau. Theo đó, việc dàn xếp giữa Mỹ và Trung Quốc về an ninh nếu xảy ra sẽ

---

1. *Remarks by Secretary of State Michael R. Pompeo with Secretary of Defense James Mattis, Chinese Politburo Member Yang Jiechi, and Chinese State Councilor and Defense Minister General Wei Fenghe at a Press Availability, Ben Franklin Room, Washington, D.C. November 9, 2018, tại <https://www.state.gov/secretary/remarks/2018/11/287279.htm>.*

báo hiệu sự kết thúc của chính sách ve vãn ASEAN mà hai nước đang theo đuổi, khi đó không gian tự do hành động của ASEAN sẽ biến mất, ASEAN sẽ bị gạt ra ngoài lề<sup>1</sup>.

Đáng chú ý là khả năng kết hợp của các yếu tố đối nội và đối ngoại dưới tác động của cạnh tranh nước lớn. Do ASEAN tiếp tục chịu tác động tiêu cực bởi cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và do lãnh đạo các nước ASEAN tiếp tục bị các vấn đề nội bộ chi phối, ASEAN có thể sẽ bị suy yếu và chia rẽ hơn nữa. Theo cảnh báo của Kishore, “những cú sốc địa - chính trị thường đem lại các hậu quả bất ngờ, trong đó sự phân tuyến, chia rẽ về văn hóa - xã hội, chính trị - ngoại giao trong từng nước và giữa các nước vốn tiềm ẩn sẽ lại nổi lên mạnh mẽ mà ASEAN chưa có kế hoạch đối phó”<sup>2</sup>. Sự phân tuyến có thể trở nên mạnh hơn giữa các nước lục địa và hải đảo, giữa các nước phát triển và chậm phát triển hơn, giữa các nước theo những mô hình chính trị, văn hóa - xã hội khác nhau ở Đông Nam Á.

Tóm lại, yếu tố cạnh tranh nước lớn đang và sẽ tạo ra thách thức đối với ASEAN trong việc giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong từng nước và trong nội khối cũng như duy trì vai trò trung tâm của tổ chức trong cấu trúc khu vực. Một phần là do trên thực tế các cơ chế do ASEAN

---

1. Natalegawa, Marty (2018), *Does ASEAN Matter? A View from Within*, *Ibid*, p. 142.

2. Mahbubani, K. and Jeffery Sng (2017), *The ASEAN Miracle: A Catalyst for Peace*, *Ibid*, p. 196.

đóng vai trò chủ đạo chưa phát huy hiệu quả, từ đó đặt ra yêu cầu phải đổi mới hơn nữa. Cạnh tranh nước lớn tiếp tục phân hóa các nước ASEAN, làm giảm đồng thuận giữa các nước thành viên và qua đó vai trò của ASEAN cũng bị suy giảm. Gần đây đã xuất hiện xu hướng tập hợp lực lượng “tiểu đa phương” do Mỹ và Trung Quốc dẫn dắt không lấy ASEAN làm nòng cốt, như việc Mỹ đẩy mạnh hợp tác và đề xuất nhóm “Bộ Tứ mở rộng” và mời thêm 3 đối tác là Hàn Quốc, Niu Dilân và Việt Nam tham gia, nâng cấp Sáng kiến hạ nguồn Mê Công lên Quan hệ đối tác Mê Công - Mỹ; Trung Quốc thúc đẩy phát triển cơ chế Hợp tác Mê Công - Lan Thương.

Tuy nhiên, trong 5 - 10 năm tới khó có cơ chế đa phương khu vực nào có thể thay thế ASEAN trong vai trò nòng cốt thúc đẩy đối thoại và hợp tác ở khu vực thông qua các cơ chế do ASEAN làm trung tâm với sự tham gia của tất cả các nước lớn. Lý do là tình trạng “vờn nhau” và nghi kỵ lẫn nhau trong chiến lược và quan hệ nước lớn tiếp tục cho phép ASEAN đóng vai trò trung tâm; các cơ chế mới khó được lập ra, do không một nước lớn nào có đủ sự tin cậy và ủng hộ để đóng vai trò dẫn dắt; các sáng kiến mới, nhất là Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở của Mỹ và Sáng kiến Vành đai, Con đường của Trung Quốc, có tính cạnh tranh và loại trừ nhau; trong khi đó, các nước vừa và nhỏ vẫn tiếp tục ủng hộ vai trò và vị thế của

ASEAN trong việc tăng cường các biện pháp quản lý khủng hoảng, xây dựng lòng tin, hợp tác ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống. Do đó, vai trò của ASEAN vẫn còn được duy trì, mặc dù phần nhiều là do “hoàn cảnh bên ngoài”, chưa hoàn toàn do ASEAN chủ động tạo dựng.

*Thứ ba*, tinh thần cộng đồng ASEAN chưa cao. Kishore đặc biệt nhấn mạnh về tinh thần sở hữu (ownership) đối với ASEAN, theo đó cả người dân lẫn giới tinh hoa đều chưa coi trọng ASEAN, chưa coi ASEAN là một phần trong đời sống của mình, và do đó chưa chú trọng đầu tư xây dựng ASEAN vững mạnh<sup>1</sup>. Natalegawa cũng cho rằng, tinh thần sở hữu và theo đó là sự tham gia vào công việc chung trong ASEAN vẫn là điều mà ASEAN phải tiếp tục hướng tới<sup>2</sup>. Lãnh đạo các nước ASEAN, nhất là Ấn Độ, tiếp sau là Thái Lan, Malaixia, Xingapo,... đều có xu hướng tập trung vào nội bộ và giảm vai trò lãnh đạo trong ASEAN. Ngoài ra, lãnh đạo các nước ASEAN hiện nay, nhất là những nước đang trong tiến trình dân chủ hóa, đều có nhiệm kỳ cầm quyền ngắn hơn so với lãnh đạo ASEAN các giai đoạn trước, và do đó chịu nhiều sức ép nội bộ hơn. Kết quả là, chính sách đối nội thường được ưu tiên hơn chính sách đối ngoại và quan hệ song phương với các nước lớn thường được ưu tiên

---

1. Mahbubani, K. and Jeffery Sng (2017), *The ASEAN Miracle: A Catalyst for Peace*, *Ibid*, p. 167.

2. Natalegawa, Marty (2018), *Does ASEAN Matter? A View from Within*, *Ibid*, p. 18.



hơn so với quan hệ với các nước láng giềng trong khu vực. Kishore nhận xét rằng, kỷ nguyên vàng của ASEAN trong các thập niên 1980 và 1990 sẽ khó lặp lại khi ASEAN không còn các nhà lãnh đạo có tầm vóc như Lý Quang Diệu, Suharto và Mahathir với vị thế áp đảo trong nội trị và đủ tập trung sự quan tâm đến việc phát triển hợp tác khu vực<sup>1</sup>.

Cũng theo Kishore, một điểm yếu khác của ASEAN là việc người dân không hiểu rõ cũng như không thấy ASEAN trực tiếp gắn với lợi ích hàng ngày của họ. Theo kết quả điều tra mới nhất của Ban Thư ký ASEAN tiến hành tại 10 nước thành viên về mức độ nhận thức và gắn kết của doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và người dân đối với Cộng đồng ASEAN, có 100% doanh nghiệp và tổ chức xã hội và 96% người dân đã từng nghe về ASEAN nhưng chỉ có 22% doanh nghiệp, 38% tổ chức xã hội và 23% người dân được hỏi biết về Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột; 42% tự xác định có liên quan chặt chẽ, 38% có liên quan ít nhiều, 14% ít liên quan và 6% không liên quan gì với ASEAN, trong đó chỉ có 39% doanh nghiệp, tổ chức xã hội và 40% người dân được hỏi có hiểu biết về các chính sách của ASEAN và tác động của các chính sách này đối với họ trong 2 năm qua<sup>2</sup>. Farish Noor có

---

1. Mahbubani, K. and Jeffery Sng (2017), *The ASEAN Miracle: A Catalyst for Peace*, *Ibid*, p. 167.

2. ASEAN Secretariat (2018), *Poll on ASEAN Awareness 2018*, *PoAA Report*.

cơ sở khi đưa ra nhận xét rằng, đối với nhiều người dân Đông Nam Á, ASEAN vẫn là một khái niệm xa lạ và trừu tượng, và tác động trực tiếp của ASEAN đối với cuộc sống của hơn 650 triệu người dân vẫn chưa được cảm nhận bằng những tiêu chí cụ thể<sup>1</sup>.

Như vậy, việc lãnh đạo các nước ASEAN muốn giành được sự ủng hộ của người dân về các ưu tiên đối với ASEAN là không dễ dàng. Điều này cũng có nghĩa là, lãnh đạo các nước ASEAN sẽ gặp nhiều trở ngại trong việc thuyết phục người dân ủng hộ nỗ lực của chính phủ đầu tư nguồn lực cho ASEAN, nhất là trong bối cảnh làn sóng dân chủ hóa và đặc biệt là chủ nghĩa dân túy đang tác động mạnh vào nội trị của một số nước ASEAN chủ chốt. Theo Marty Natalegawa, khi lần ranh giữa đối nội và đối ngoại trở nên mong manh, “điểm cân bằng” giữa lợi ích quốc gia và lợi ích khu vực sẽ càng trở nên khó đạt được hơn<sup>2</sup>.

*Thứ tư*, yếu tố thể chế của ASEAN. ASEAN có thể tự hào rằng mô hình thể chế mềm có thể giúp ASEAN linh hoạt xử lý các thách thức địa - chính trị. Tuy nhiên, mô hình thể chế này lại không giúp ASEAN triển khai hiệu quả các quyết định đã được thông qua do các quyết định không được hỗ

---

1. Farish (2017), ASEAN at 50: “Giving Credit Where It Is Due”, *ASEAN Future Forward: Anticipating the Next 50 Years*, *Ibid*, p. 374.

2. Natalegawa, Marty (2018), *Does ASEAN Matter? A View from Within*, *Ibid*, p. 21.

trợ bằng các biện pháp thể chế để bảo đảm sự thực thi, kiểm soát, tuân thủ và trừng phạt. Lý do là ASEAN chưa có Ban Thư ký mạnh, quyền lực của Tổng Thư ký không lớn, kinh phí cho Ban Thư ký cũng bị hạn chế bởi nguyên tắc đóng góp bình đẳng (mỗi nước thành viên đóng góp 2 triệu USD cho Ban Thư ký vận hành, kinh phí của Ban Thư ký ASEAN năm 2016 là 20 triệu USD, thấp hơn nhiều so với 220 tỷ USD của EU)<sup>1</sup>, và Ban Thư ký quốc gia ASEAN trong từng nước thành viên không có nhiều quyền hành.

*Thứ năm*, các yếu tố liên quan đến cách mạng khoa học - công nghệ, toàn cầu hóa và các tác động nghịch kèm theo. Ở các mức độ khác nhau, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 là ngọn nguồn của nhiều biến động trong tình hình từng nước, trong quan hệ giữa các nước, và do đó tác động đến ASEAN. Cuộc cách mạng này dựa trên tiến bộ của công nghệ thông tin và mạng Internet, kết hợp giữa thế giới thực và thế giới ảo, tạo ra nhiều thay đổi về chất trong lực lượng sản xuất, từ đó kéo theo các thay đổi trong quan hệ sản xuất, phương thức sản xuất, cơ cấu lao động, ngành nghề trên các cấp độ quốc gia và toàn cầu, lối sống, lối làm việc, lối tương tác của nhân loại, quốc lực tổng hợp của các nước và trong tương quan so sánh lực lượng giữa các nước, đưa đến thay đổi trong quan hệ giữa các nước, nhất là nước lớn.

---

1. "No reforms for ASEAN anytime soon", *The Jakarta Post*, November 25, 2017.

Từ đó, các thay đổi về chất của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ trở thành tác nhân của những chuyển biến lớn trên hầu khắp các lĩnh vực của đời sống trong nước và quốc tế, trong đó có khu vực Đông Nam Á.

Hiện đã có một số cảnh báo về tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 đối với ASEAN. Ưu thế từ nguồn lao động trẻ, nhân công giá rẻ và nguồn tài nguyên thiên nhiên của các nước Đông Nam Á bị mất dần trước tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0. Xu hướng các tập đoàn hàng đầu của các nước phát triển di chuyển sản xuất về trong nước cũng có thể hạn chế việc các nước phát triển mở rộng đầu tư ở Đông Nam Á. Tại Hội thảo quốc tế về ASEAN diễn ra tại Hà Nội ngày 09/6/2017, nguyên Phó Thủ tướng Vũ Khoan nhận định cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 là một trong những thách thức lớn nhất đối với ASEAN trong tương lai, theo đó mô hình tăng trưởng dựa vào xuất khẩu của hầu hết các nước trong khu vực có thể trở thành lạc hậu<sup>1</sup>.

Theo Steve Wong, các nước ASEAN ở nhiều mức độ khác nhau đều đã nhận thức được thách thức của Cách mạng công nghiệp 4.0, nhưng “về cơ bản vẫn đang ở trong cuộc cách mạng 2.0 khi GDP, việc làm, xuất khẩu và thu nhập vẫn phụ thuộc vào đầu tư nước ngoài và nhập

---

1. “Không nắm được Cách mạng công nghiệp 4.0, ASEAN sẽ tụt hậu”, Báo Tuổi trẻ điện tử, ngày 11/6/2017.

khẩu công nghệ”<sup>1</sup>. Các nước ASEAN đều ở mức phát triển thấp trong 5 lĩnh vực mũi nhọn của cách mạng 4.0 là công nghệ gen, người máy (tự động hóa), internet vạn vật, công nghệ nano và siêu máy tính.

Trong vòng 20 năm tới, khoảng 50% lực lượng lao động của ASEAN có thể sẽ bị mất việc làm do không đáp ứng được yêu cầu mới về trình độ công nghệ. Tỷ lệ này có thể lên tới 60 - 90% trong ngành dệt may và 60 - 70% trong ngành sản xuất ô tô. Đặc biệt, ASEAN thiếu lao động có trình độ trong lĩnh vực dịch vụ và thương mại điện tử. Trong năm 2015, Xingapo là nước duy nhất trong ASEAN dành 2,02% GDP cho nghiên cứu và phát triển (tiếp theo là Malaixia với 1,3% và Thái Lan với 0,63%) trong khi các nước thành viên khác vẫn còn thiếu nhiều điều kiện để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo<sup>2</sup>.

---

1. Wong, Steven (2017), “The AEC and the Fourth Industrial Revolution”, *ASEAN Future Forward: Anticipating the Next 50 Years*, Institute of Strategic and International Studies (ISIS) Malaysia, Kuala Lumpur, pp. 223-226.

2. Pitsuwan, Surin (2017), “Diagnosis of the Past and Prognosis for ASEAN after 50: A Personal Perspective”, *ASEAN Future Forward: Anticipating the Next 50 Years, Ibid*, pp. 21-22. Xingapo có tỷ lệ nghiên cứu viên trên đầu người cao nhất ASEAN là 6.658/1 triệu người (so với Hàn Quốc là 7.087 và Nhật Bản là 5.231); tỷ lệ này ở Malaixia là 2.261 và Thái Lan là 874 (số liệu của UNESCO năm 2017). Xem thêm Mahadi, A. (2017), “A Sustainably Managed ASEAN: Governing the Transition for the Next 50 Years”, *ASEAN Future Forward: Anticipating the Next 50 Years, Ibid*, pp. 320-321.

Toàn cầu hóa sẽ tiếp tục phát triển, cộng thêm tác động của các nhân tố như cạnh tranh nước lớn, dịch bệnh đưa đến sự tái cấu trúc và bố trí lại các hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị trên phạm vi toàn cầu, từ đó thay đổi các mô hình tăng trưởng, các hệ thống sản xuất, quản trị, hệ thống thương mại, đầu tư và tài chính quốc tế. Các hệ giá trị, mô hình chính trị và quản lý nhà nước, và xu hướng văn hóa mới cũng đang hình thành dưới tác động của toàn cầu hóa. Đồng thời, trước sự gia tăng với tốc độ nhanh và trên diện rộng các mặt trái của toàn cầu hóa, các hiện tượng “phản toàn cầu hóa” cũng phát triển mạnh. Sức ép cạnh tranh kinh tế toàn cầu đẩy cao các mâu thuẫn xã hội bên trong các quốc gia, thúc đẩy xu hướng dân túy ủng hộ chủ trương tập trung vào nội bộ quốc gia và chủ nghĩa dân tộc cực đoan trong quan hệ quốc tế. Nó cũng làm gia tăng cạnh tranh và mất cân bằng kinh tế toàn cầu, thúc đẩy tâm lý cảnh giác, cổ vũ bảo vệ sản xuất và thị trường trong nước - là bản chất của chủ nghĩa bảo hộ trong quan hệ kinh tế quốc tế hiện nay và trong thời gian tới.

Trong khi đó, phản ứng chậm và có phần bảo thủ, trì trệ của các thể chế chính trị, kinh tế - xã hội ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu trước diễn biến của toàn cầu hóa góp phần làm tăng “sự thất vọng” về các thể chế đa phương. Chính trị dòng chính - bị tác động bởi lợi ích nhóm, mâu thuẫn nội bộ, tầm nhìn ngắn hạn - đã hạn chế việc đưa ra

các đột phá chính sách để làm cho các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế trở nên thích ứng hiệu quả hơn với sự phát triển nhanh chóng trong đời sống quốc gia và quốc tế và đối phó hiệu quả hơn trước các tình huống khủng hoảng và thách thức của các vấn đề toàn cầu. Lòng tin vào các thể chế quốc gia và quốc tế hiện hành suy giảm. Trong điều kiện đó, xu hướng dân tộc thực dụng được kích hoạt ở nhiều quốc gia, tạo điều kiện cho sự xuất hiện của các trào lưu và nhân vật có xu hướng chống lại chính trị dòng chính. Chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa dân tộc cực đoan là các biểu hiện chính. Các nước ở Đông Nam Á cũng không “miễn nhiễm” trước hiện tượng này, dù ở các mức độ khác nhau.

Các chính quyền và lực lượng dân túy ở nhiều nước phát triển đã lợi dụng tâm lý bất mãn của một bộ phận dân chúng bị thua thiệt do tác động của toàn cầu hóa và tự do hóa kinh tế để dựng lên các rào cản kinh tế - thương mại với khẩu hiệu “bảo vệ người lao động”, “giữ việc làm”, “đưa sản xuất về trong nước”, và “bảo vệ bản sắc và giá trị truyền thống”, đồng thời giảm can dự vào các vấn đề quốc tế, khu vực để ưu tiên các vấn đề nội bộ. Đáng chú ý, trào lưu dân túy trong thời gian tới nhiều khả năng tiếp tục mạnh hơn ở một số nước đóng vai trò chủ đạo trong nền chính trị quốc tế và khu vực với đại diện là các nhân vật chính trị có khả năng nắm quyền lâu dài như Chủ tịch Tập Cận Bình

của Trung Quốc, Tổng thống V. Putin của Nga, Thủ tướng N. Modi của Ấn Độ, Tổng thống J. Widodo của Indônêxia.

Chính sách bảo hộ thương mại nổi lên trong thời gian gần đây xuất phát từ cả động cơ kinh tế (như giảm thâm hụt cán cân thương mại, bảo hộ sản xuất trong nước) và những động cơ chính trị mang tính dân túy (đổ lỗi cho tự do thương mại/dầu tư đem lại tình trạng mất việc làm). Quá trình toàn cầu hóa kinh tế thúc đẩy di chuyển nhiều ngành sản xuất, nhất là các ngành sử dụng nhiều công nghệ và lao động tay nghề thấp và trung bình (ví dụ các ngành gia công, lắp ráp...) sang các nền kinh tế mới nổi, từ đó góp phần làm suy yếu sức cạnh tranh sản xuất trong nước và tăng thất nghiệp ở một số nước công nghiệp phát triển. Do đó, chủ nghĩa bảo hộ tiếp tục được các nước phát triển theo đuổi. Tại Mỹ và một số nước Tây Âu, các lực lượng ủng hộ tự do hóa kinh tế đang suy yếu và co lại, trong khi trào lưu dân túy phản kháng toàn cầu hóa, chống tự do hóa đang trỗi dậy. Về thực chất, các nước này vẫn không tách khỏi hệ tư tưởng thị trường tự do (gồm cả tự do thương mại) truyền thống, song đang ưu tiên “hiệu chỉnh” toàn cầu hóa sao cho “cân bằng” hơn, có lợi hơn cho nước họ, và nhất là cho nhóm người dân mà họ đại diện. Trong khi đó, nhiều nước đang phát triển, trong đó có cả Trung Quốc, tuy bề ngoài kêu gọi “bảo vệ” chủ nghĩa đa phương và toàn cầu hóa kinh tế, nhưng bên trong cũng



theo đuổi chính sách trọng thương bảo hộ về kinh tế - thương mại quốc tế.

Trong xu hướng đó, lĩnh vực bảo hộ mở rộng, số lượng biện pháp bảo hộ tăng mạnh, phức tạp, tinh vi hơn, trong đó việc sử dụng các biện pháp bảo hộ “phía sau biên giới” tăng nhanh. Bảo hộ hiện nay không chỉ giới hạn trong lĩnh vực trao đổi mua bán hàng hóa, dịch vụ mà còn bao gồm cả tài chính, đầu tư, sở hữu trí tuệ, dịch chuyển tự do lao động,... Chủ nghĩa bảo hộ sẽ tác động đến quá trình sản xuất, thương mại và đầu tư toàn cầu, trong đó có khu vực Đông Nam Á là nơi mô hình tăng trưởng vẫn tiếp tục lệ thuộc vào xuất khẩu và đầu tư nước ngoài. Trong trường hợp tăng trưởng kinh tế suy giảm do xuất khẩu giảm và đầu tư nước ngoài chuyển dịch về các nền kinh tế phát triển, các thách thức về chính trị, xã hội có thể sẽ nổi lên. Khi đó, chủ nghĩa dân tộc cực đoan sẽ có điều kiện phát triển mạnh hơn, các phong trào ly khai dựa trên yếu tố sắc tộc và tôn giáo, các lực lượng đối lập sẽ tăng cường chỉ trích chính quyền, và các vấn đề có yếu tố nước ngoài, từ lao động nhập cư đến tranh chấp thương mại và tranh chấp lãnh thổ, đều có thể dễ dàng bị chính trị hóa và khó giải quyết hơn.

Tổng kết về điều này, Pangestu cho rằng công nghệ, toàn cầu hóa, chủ nghĩa bảo hộ và dân túy sẽ tạo nên những yếu tố gây biến động trong xã hội từng nước ASEAN, trong quan hệ giữa các nước thành viên ASEAN, giữa các nước

thành viên ASEAN với các nước đối tác ngoài khu vực, và giữa ASEAN với các tổ chức đa phương khác<sup>1</sup>.

### III. TRIỂN VỌNG CỦA ASEAN SAU NĂM 2025

Trên cơ sở phân tích các nhân tố thuận lợi và không thuận lợi tác động đến hợp tác ASEAN theo định hướng Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, có thể dự báo một số khả năng phát triển của ASEAN trong giai đoạn hậu 2025 như sau:

#### 1. Kịch bản bi quan

Tiến trình ASEAN mất dần động lực, chủ nghĩa ly tâm gia tăng tuy không làm ASEAN tan rã về mặt thể chế. Mâu thuẫn, căng thẳng giữa các quốc gia thành viên tăng lên do nảy sinh hoặc phát tác nhiều vấn đề gây tranh chấp, xung đột trong nội khối. Các nước thành viên ASEAN tiếp tục duy trì các cuộc họp và cơ chế chính của ASEAN, nhưng không cam kết cao, chủ yếu là để giữ cầu. Các cường quốc bên ngoài cũng ít quan tâm đến ASEAN hơn, cử cấp thấp hơn đến tham dự các hoạt động do ASEAN khởi xướng và dẫn dắt. Theo đó, kết quả đạt được từ các hội nghị ASEAN hầu như mang tính hình thức, chậm hoặc ít được triển khai

---

1. Dai Di (2016), "ASEAN Needs a Revolution in Education, Business Leaders Warn", *World Economic Forum*.

trong chính sách của các quốc gia thành viên. Tuy nhiên, với tư cách là một tổ chức liên chính phủ, ASEAN không đi đến tan rã do các thành viên rút khỏi tổ chức vì việc tham gia ASEAN về cơ bản là “chi phí thấp” và đa số các nước thành viên ASEAN vẫn thu được lợi ích trong việc tham gia tổ chức này dù là ít ỏi.

Một phần vì lý do trên, ASEAN mất dần vị thế và ảnh hưởng về mặt chính trị ở khu vực, và bị cạnh tranh bởi các thể chế do các nước lớn dẫn dắt. Cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn sẽ làm ASEAN trở nên chia rẽ hơn về lập trường trong các vấn đề chủ chốt, như vấn đề Biển Đông, vấn đề Đài Loan và vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, cũng như tranh chấp tài nguyên nước trên sông Mê Công. Liên kết kinh tế không có nhiều tiến triển, thậm chí thụt lùi, do các nước thành viên đều ưu tiên hợp tác với các nước lớn, một số nước gia tăng hợp tác kinh tế với Trung Quốc, trong khi các nước còn lại tập trung vào thị trường Mỹ và các nước phát triển khác. Do các nước ASEAN có nền kinh tế cạnh tranh với nhau hơn là bổ sung, các rào cản phi thuế quan cách này hay cách khác vẫn sẽ được duy trì để bảo vệ nền kinh tế các nước thành viên. Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, quá trình xây dựng bản sắc chung gặp nhiều thách thức do bất ổn chính trị - xã hội xảy ra ở nhiều nước. Mâu thuẫn, tranh chấp lãnh thổ và chính trị giữa các nước có khả năng bùng phát.

Kịch bản này có khả năng xảy ra cao trong trường hợp các nước Đông Nam Á hoặc một số nước chủ chốt gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế, bất ổn chính trị nội bộ và các thách thức khác ở trong nước khiến các chính quyền phải tập trung phần lớn sự quan tâm và nguồn lực vào giải quyết các vấn đề bên trong, và/hoặc khi quan hệ Trung - Mỹ leo thang căng thẳng tới mức đối đầu, vượt ra khỏi khả năng kiểm soát, trong khi các cơ chế đa phương ở khu vực không phát huy được tác dụng phòng ngừa xung đột.

Với kịch bản này, khi việc giữ ổn định trong nước, phục hồi kinh tế và củng cố chính quyền trở thành ưu tiên hàng đầu của các nước, hợp tác khu vực sẽ ít được quan tâm thúc đẩy và mức độ gắn kết của các nước trong ASEAN sẽ giảm bớt. Đoàn kết nội khối, vốn luôn là một trong những thách thức của ASEAN, sẽ bị ảnh hưởng lớn, nhất là trong trường hợp một số nước thành viên, do áp lực nội bộ, có thể phải chuyển sang chính sách cứng rắn hơn trong các vấn đề biên giới lãnh thổ hoặc xung đột tôn giáo, sắc tộc. Thực tế, những vấn đề như tranh chấp biên giới Lào - Campuchia, vấn đề người Rohingya, các phong trào ly khai tại Thái Lan, Philippin đều có khả năng bùng phát khi các chính quyền trung ương gặp nhiều khó khăn. Trong trường hợp đó sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới đoàn kết nội khối của ASEAN và tình hình an ninh khu vực.

Khi các nước Đông Nam Á cần tập trung củng cố sức mạnh và sự cố kết trong nội bộ quốc gia, việc cải thiện bộ

máy và các quy định của ASEAN, cũng như tiến trình xây dựng Cộng đồng đều có thể sẽ bị chững lại. Việc tuân thủ Hiến chương ASEAN tiếp tục bị thách thức khi đứng trước những mâu thuẫn, căng thẳng trong khu vực và nội bộ các nước. Việc thực hiện các Kế hoạch hành động theo Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, cũng như các thỏa thuận đạt được trong khu vực (nhất là COC) sẽ chủ yếu mang tính hình thức, ít đem lại hiệu quả thực sự. Những vấn đề đã tồn tại từ lâu của ASEAN như chênh lệch trình độ phát triển, hạn chế về nguồn lực và sự thiếu vắng bản sắc sẽ bộc lộ rõ hơn, trong khi người dân các nước thành viên càng không thấy được những lợi ích mà Cộng đồng ASEAN đem lại. Các thành viên ASEAN sẽ gặp khó khăn không chỉ trong việc hiện thực hóa Cộng đồng ASEAN theo Tầm nhìn 2025 mà còn trong việc xây dựng Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN trong giai đoạn tiếp theo.

Khả năng diễn biến như trên sẽ dẫn tới sự suy giảm lòng tin giữa các nước ASEAN, đồng thời sức hấp dẫn và lợi ích mà ASEAN có thể mang lại cho các đối tác bên ngoài cũng bị giảm sút. Khi căng thẳng giữa Trung Quốc và Mỹ gia tăng tới mức đối đầu, các thành viên ASEAN nhiều khả năng sẽ bị chia rẽ sâu sắc do buộc phải chọn bên. Những nội dung hợp tác với các đối tác bên ngoài có thể được triển khai ở mức độ nhất định, nhưng lại dẫn đến sự bất đồng giữa chính các nước ASEAN do sự tranh giành những dự án

có lợi ích lớn. Vai trò của các cơ chế do ASEAN dẫn dắt sẽ rất mờ nhạt, không giải quyết được những thách thức của khu vực, đồng thời có thể bị các nước lớn lợi dụng, chi phối để phục vụ cho cạnh tranh quyền lực. Trong trường hợp này, xu thế hòa bình, hợp tác ở khu vực sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Vai trò trung tâm của ASEAN không còn được các nước ủng hộ. ASEAN có thể đánh mất ý nghĩa và vai trò với chính các nước thành viên, có thể đứng trước nguy cơ chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

## **2. Kịch bản lạc quan**

Thể chế của ASEAN có biến đổi về chất, cam kết cao hơn với các chế tài giám sát, thực thi chặt chẽ, đặc biệt hình thành một cơ chế hợp tác ở mức cao hơn, có thẩm quyền quyết định các vấn đề cụ thể (tương tự như trường hợp Cộng đồng Thương mại châu Âu). Trong kịch bản này, các nước thành viên ASEAN nhận thức được nhu cầu và khả năng gia tăng tính cố kết cả về thể chế lẫn trong hợp tác thực chất, bảo đảm cho tổ chức có thể phát triển mà không bị chia rẽ bởi sự lôi kéo từ bên ngoài. Về chính trị - an ninh, ASEAN thành công trong việc xây dựng lập trường chung trên một số vấn đề chủ chốt, đồng thời phát triển được thủ tục giải quyết tranh chấp bắt buộc áp dụng được với tất cả các nước thành viên. Hợp tác kinh tế phát triển mạnh và sâu, giảm dần các hàng rào phi thuế quan, đồng thời từng bước tiến đến hài hoà các thủ tục hải quan, hình thành các

cơ chế quản lý siêu quốc gia trong các lĩnh vực nhất định. Lĩnh vực văn hóa - xã hội, giao lưu trao đổi về giáo dục, văn hoá, thể thao,... có những bước phát triển lớn, dần hình thành được nhận thức và bản sắc chung ASEAN. Trong trường hợp ASEAN gia tăng thể chế hóa và thống nhất nội bộ, vai trò quốc tế của ASEAN cũng tăng theo. ASEAN trở thành cơ chế chủ đạo trong khu vực để định hình các quy tắc, luật chơi cho kỷ nguyên đa cực. Điều kiện xảy ra kịch bản này là, các nước Đông Nam Á đạt được những thành tựu vượt bậc trong tăng cường sức mạnh quốc gia (ổn định chính trị trong nước, phát triển kinh tế, giáo dục và khoa học - công nghệ) trong khi cạnh tranh Trung Quốc - Mỹ tiếp diễn nhưng ít có khả năng tiến tới đối đầu.

Khi thực lực của các nước ASEAN được nâng cao và ổn định chính trị được bảo đảm, nhận thức của các chính phủ và người dân về tầm quan trọng của Cộng đồng khu vực cũng sẽ tăng lên. Những thành công của tiến trình xây dựng Cộng đồng theo Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 tạo ra những chuyển biến tích cực trong đời sống của người dân các nước. Do đó, ý nghĩa của Cộng đồng ASEAN được đánh giá cao, cùng với đoàn kết nội khối được tăng cường đáng kể. Các thành viên ASEAN tin tưởng vào sự cần thiết và những lợi ích mà Hiệp hội mang lại, đưa ASEAN trở thành hướng ưu tiên trong chính sách đối ngoại. Đồng thời, các nước đẩy nhanh việc thảo luận để xây dựng Tầm nhìn Cộng

đồng ASEAN đến năm 2040, xác định được những dòng hành động chính của 3 trụ cột và sẵn sàng dành các nguồn lực cho việc thực thi.

Mức độ đan xen lợi ích giữa các thành viên ASEAN sẽ trở nên toàn diện trong hầu hết các lĩnh vực. Trên cơ sở đó, các nước ASEAN đưa ra những điều chỉnh, bổ sung quan trọng đối với Hiến chương ASEAN, trong đó có thể xác định những lĩnh vực, hoặc vấn đề mà các thành viên được thông qua theo nguyên tắc ASEAN-X (không nhất thiết đạt đồng thuận). Việc ứng phó với các thách thức an ninh được thực hiện có hiệu quả hơn, nguy cơ bùng phát các điểm nóng được kiểm soát tốt, thậm chí gần như được loại bỏ. Các cơ chế hợp tác của ASEAN phát huy tác dụng, giúp cho sự tin cậy lẫn nhau giữa các thành viên được nâng cao. Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ vẫn được tôn trọng, nhưng các cơ chế phòng ngừa của ASEAN có thể xem xét một số hướng mới như xây dựng lực lượng gìn giữ hòa bình ASEAN, xác định một số trường hợp mà ASEAN có thể áp dụng các biện pháp để giải quyết hoặc giảm thiểu xung đột.

Sự gắn kết giữa người dân các nước ASEAN tăng lên tạo điều kiện cho việc xây dựng bản sắc ASEAN. Các nước thành viên đạt được đồng thuận về những giá trị cốt lõi và bản sắc của ASEAN. Tiến trình kết nạp Timo Lexte thuận lợi hơn và có thể được các thành viên ASEAN chấp thuận.

Theo kịch bản này, quan hệ giữa ASEAN và các đối tác phát triển sâu rộng, hiệu quả. Các cơ chế do ASEAN dẫn dắt



có sự trưởng thành, được củng cố và có những nội dung hợp tác thực chất. ASEAN có những sáng kiến, đóng góp lớn cho việc điều hòa quan hệ giữa các nước lớn và duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực. Các đối tác lớn đánh giá cao vai trò trung tâm của ASEAN trong việc xây dựng lòng tin, cùng với các nước ASEAN thúc đẩy một cấu trúc khu vực ổn định, bền vững. Hơn nữa, sự hiện diện của ASEAN tại các diễn đàn toàn cầu, nhất là Liên hợp quốc, cũng trở nên đậm nét và hiệu quả hơn. Việc hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc (SDGs 2030) và thúc đẩy vai trò của luật pháp quốc tế, những đóng góp cho một trật tự dựa trên luật lệ (rule-based) đưa ASEAN trở thành mô hình liên kết khu vực thành công, nâng cao đáng kể vị thế của Hiệp hội và các nước thành viên trong khu vực và trên trường quốc tế.

### **3. Kịch bản hiện thực**

Theo kịch bản này, triển vọng ASEAN sau năm 2025 tiếp tục chịu tác động của một số xu hướng chính vốn đang và sẽ tiếp diễn trong thời gian tới, cụ thể:

*Thứ nhất*, ưu tiên của các nước ASEAN, cũng giống như bất kỳ nước nào, vẫn là tập trung vào các vấn đề nội bộ và củng cố sức mạnh quốc gia. Tuy nhiên, hiện nay tại hầu hết các nước Đông Nam Á đều có sự tập trung quyền lực khá mạnh nên các vấn đề nội bộ thường không kéo dài. Mặc dù ưu tiên ổn định chính trị trong nước, nhưng các nước Đông

Nam Á cũng nhận thức rõ tầm quan trọng của việc duy trì môi trường an ninh - đối ngoại hòa bình tại một khu vực luôn là địa bàn trọng yếu trong cạnh tranh chiến lược của các nước lớn. Do đó, các thành viên ASEAN nhiều khả năng sẽ tìm cách dung hòa lợi ích quốc gia và lợi ích của Hiệp hội để tiếp tục duy trì hòa bình, hợp tác và đà tăng trưởng của khu vực.

*Thứ hai*, cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc nhiều khả năng sẽ còn tiếp diễn do hai đảng lớn của Mỹ đã đạt được đồng thuận về sự cần thiết phải tiếp tục các biện pháp nhằm kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc, không để cho sự lớn mạnh của Trung Quốc làm tổn hại tới lợi ích quốc gia và vị thế cường quốc số một thế giới của Mỹ. Tuy nhiên, các cường quốc, các nước vừa và nhỏ trong khu vực đều hiểu rằng sự đối đầu giữa Mỹ và Trung Quốc là không có lợi cho bất kỳ ai. Trước sự gia tăng căng thẳng giữa hai cường quốc hàng đầu thế giới, đa số các nước trong khu vực, kể cả các nước đồng minh của Mỹ (Nhật Bản, Ôxtrâyliya, Ấn Độ, Hàn Quốc), đều có xu hướng thực hiện chính sách đối ngoại cân bằng và đa dạng hóa, nhằm giảm thiểu tác động của nguy cơ đối đầu nước lớn. Chính vì vậy, quan hệ giữa ASEAN với tất cả các đối tác lớn vẫn có khả năng tiếp tục có những bước tiến đáng kể. Các nước ASEAN gần đây cũng đã thể hiện quan điểm trung lập và tiếng nói đoàn kết hơn trong bối cảnh gia tăng căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc. Bộ trưởng điều phối các vấn đề biển và đầu tư của Indônêxia Luhut Binsar

đã khẳng định rằng ASEAN sẽ không chọn bên trong cuộc chiến thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc<sup>1</sup>. Sau khi Malaixia gửi công hàm lên Liên hợp quốc bác bỏ yêu sách trên Biển Đông của Trung Quốc, trong đó có yêu sách đường lưỡi bò, Ngoại trưởng Malaixia Hishammuddin Hussein trong phát biểu tại Quốc hội nước này đã tuyên bố rằng, để giải quyết vấn đề Biển Đông với Trung Quốc, ASEAN phải thắt chặt đoàn kết<sup>2</sup>. Phát biểu tại cuộc họp báo sau Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 53 và các hội nghị liên quan tại Hà Nội ngày 12/9/2020, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Phạm Bình Minh cho biết, trong các hội nghị, ASEAN đã thể hiện rõ lập trường không muốn bị kẹt trong cạnh tranh nước lớn, “khẳng định quyết tâm duy trì khu vực Đông Nam Á hòa bình, an ninh, trung lập và ổn định”<sup>3</sup>.

---

1. Patama Kuentak, “The path forward for ASEAN”, *The Bangkok Post*, ngày 14/9/2020.

2. Văn Khoa: “Ngoại trưởng Malaysia: ASEAN phải đoàn kết để giải quyết vấn đề Biển Đông với Trung Quốc”, *Báo Thanh niên*, ngày 06/8/2020.

3. Phát biểu của Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Phạm Bình Minh tại Hội họp báo quốc tế về kết quả Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 53 và các hội nghị liên quan, ngày 12/9/2020, xem tại [https://www.asean2020.vn/web/asean/xem-chi-tiet1/-/asset\\_publisher/ynfWm23dDfpd/content/phat-bieu-cua-pho-thu-tuong-bo-truong-ngoai-giao-pham-binh-minh-tai-hop-bao-quoc-te-ve-ket-qua-hoi-nghi-bo-truong-ngoai-giao-asean-lan-thu-53-va-cac-hoi-nghi-lien-quan](https://www.asean2020.vn/web/asean/xem-chi-tiet1/-/asset_publisher/ynfWm23dDfpd/content/phat-bieu-cua-pho-thu-tuong-bo-truong-ngoai-giao-pham-binh-minh-tai-hop-bao-quoc-te-ve-ket-qua-hoi-nghi-bo-truong-ngoai-giao-asean-lan-thu-53-va-cac-hoi-nghi-lien-quan); *ASEAN Treads Fine Line as US - China Rivalry, South China Sea loom over Annual Forum*, xem tại <https://www.scmp.com/week-asia/politics/article/3101328/asean-treads-fine-line-us-china-rivalry-south-china-sea-loom>.

*Thứ ba*, từ nay đến sau năm 2025, ít nhất là đến năm 2027 khi ASEAN tròn 60 tuổi, là giai đoạn các nước ASEAN cần nỗ lực hoàn thành Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và xây dựng Tầm nhìn sau năm 2025. Các thành viên ASEAN đều nhận thức rằng, đây thực chất là giai đoạn bản lề để ASEAN khẳng định vai trò, ý nghĩa của Hiệp hội. Nếu ASEAN không thành công trong việc chứng tỏ vai trò và sự cần thiết của mình, thì Hiệp hội khó có thể lớn mạnh trong giai đoạn tiếp theo, thậm chí có thể rơi vào khủng hoảng. Bên cạnh đó, trong hai năm gần đây, Tổng thống Ấn Độ Joko Widodo đã có sự điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng coi trọng ASEAN hơn so với thời gian đầu nhiệm kỳ. Việc xây dựng và thông qua Tài liệu quan điểm của ASEAN về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương thể hiện sự tích cực thúc đẩy của Ấn Độ cũng như lợi ích của các nước trong việc tăng cường hiệu quả và vai trò của ASEAN. Đây là một bước đi quan trọng nhằm xây dựng tiếng nói chung của ASEAN đối với chính sách của các nước lớn, đồng thời tạo ra cơ hội hợp tác và giữ gìn hòa bình, ổn định ở khu vực.

*Thứ tư*, các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, đặc biệt là vấn đề Biển Đông, tình hình bán đảo Triều Tiên, an ninh mạng, an ninh nguồn nước, dịch bệnh, tiếp tục có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp. Những thách thức này, dưới tác động của sự can dự và cạnh tranh nước lớn, một mặt làm gia tăng tính dễ tổn thương

và hoài nghi về triển vọng liên kết của ASEAN, nhất là trong bối cảnh chủ nghĩa đa phương gần đây đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, nhưng mặt khác cũng tạo nhu cầu và động lực để các nước ASEAN tiếp tục thúc đẩy hợp tác và liên kết nhằm ứng phó hiệu quả hơn.

Dưới tác động của những xu hướng trên, với “phương cách ASEAN” tiếp tục được duy trì, có thể dự báo rằng từ nay đến sau năm 2025 ASEAN vẫn tiếp tục cách phát triển tiệm tiến, giữ vững các nguyên tắc nền tảng của khối. Tuy không có đột phá nhưng ASEAN tiếp tục phát huy vai trò là bên thúc đẩy hợp tác và đối thoại giữa các nước nhằm đóng góp cho hòa bình, an ninh khu vực. Các nước Đông Nam Á đều rất coi trọng việc tăng cường thực lực của quốc gia, nên sẽ nỗ lực tận dụng các cơ hội hợp tác và những nguồn lực có được từ quan hệ đối ngoại với các đối tác của ASEAN, cũng như từ các cơ chế đa phương. Sự gia tăng sức mạnh quốc gia giữa các nước Đông Nam Á là không đồng đều, do tiềm lực của các nước rất khác nhau, nên có thể làm khoảng cách về trình độ phát triển của các nước thành viên tăng lên. Tuy nhiên, các nước ASEAN đều có lợi ích lớn trong việc thúc đẩy tự do hóa thương mại, phát triển bền vững nên nhiều khả năng sẽ cùng nhau tìm ra biện pháp để triển khai có hiệu quả Cộng đồng Kinh tế ASEAN và các FTA khác. Hơn nữa, các nước ASEAN vẫn có nhiều mối quan tâm chung và nhiều thách thức chung cần phối hợp ứng phó, đã

được đưa vào các chương trình nghị sự của ASEAN (như an ninh biển, an ninh mạng, phát triển bền vững, kết nối, v.v.). Đây sẽ là những nội dung hợp tác giúp gia tăng đan xen lợi ích giữa các thành viên. Qua đó, mức độ đoàn kết nội khối sẽ được duy trì, các nước sẽ tìm cách điều hòa lợi ích và các mối quan hệ, để tránh nguy cơ một hay một vài thành viên tách khỏi Hiệp hội.

Tiến trình xây dựng Cộng đồng theo Tầm nhìn 2025 là cam kết chung và có lợi cho các nước ASEAN. Cũng nhờ có việc xây dựng Cộng đồng, các thành viên có thể thu hút thêm được nhiều nguồn lực, đẩy mạnh phối hợp chính sách và hành động. Với triển vọng hoàn thành Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và Kế hoạch tổng thể về kết nối ASEAN, người dân các nước ASEAN sẽ được hưởng nhiều lợi ích, nhất là trong giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống, cải thiện cơ sở hạ tầng, xây dựng các thành phố thông minh, áp dụng công nghệ 4.0. Do đó, nhận thức của người dân về lợi ích của Cộng đồng ASEAN sẽ ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, vẫn sẽ tồn tại những phần chưa thực sự hiệu quả trong các nội dung của Cộng đồng. Sự hiểu biết lẫn nhau và gắn kết giữa người dân các nước sẽ tăng lên, nhưng với nền tảng như hiện nay, việc xây dựng một bản sắc ASEAN thực sự sẽ là một quá trình lâu dài. Có khả năng tới năm 2027 khi ASEAN tròn 60 năm thành lập và phát triển, giữa các nước Đông Nam Á sẽ hình thành được một số đặc trưng cụ

thể về bản sắc của ASEAN, nhưng có thể chưa đạt được sự thống nhất và còn phải cùng nhau tiếp tục thảo luận. Chính vì vậy, việc xây dựng Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025 (dự kiến hiện nay là Tầm nhìn đến năm 2040) sao cho phù hợp, hiệu quả và lâu dài sẽ là một nhiệm vụ quan trọng mà các nước ASEAN phải chung tay thực hiện. Rất có thể, tới năm 2027, việc kết nạp thêm thành viên mới là Timo Lexte cũng sẽ trở thành một chủ đề được bàn thảo tích cực. Hiện nay, Timo Lexte đã tham gia vào các hoạt động kết nối người dân của ASEAN. Tuy nhiên, việc kết nạp nước này sẽ còn phụ thuộc rất nhiều vào việc các nước ASEAN có đạt được đồng thuận hay không, cũng như kết quả cải thiện năng lực quốc gia của Timo Lexte.

Sau năm 2025, nhiều khả năng ASEAN sẽ đạt được những bước phát triển mới về thể chế và các quy định, quy trình. Việc tăng cường năng lực của Ban Thư ký, cơ chế Đại diện thường trực (CPR), điều chỉnh và bổ sung Hiến chương ASEAN đã được các nước từng bước thực hiện trong hai năm gần đây. Các nước Chủ tịch luân phiên của ASEAN cũng có những sáng kiến riêng để đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động của Hiệp hội theo hướng tiết kiệm và hiệu quả hơn (ví dụ, việc Lào kết hợp tổ chức 2 hội nghị cấp cao). Trong những năm tới, các nước ASEAN sẽ tiếp tục thực hiện cải cách bộ máy của ASEAN nhằm nâng cao hiệu quả. Tuy nhiên, các nguyên tắc cơ bản của ASEAN như đồng

thuận, không can thiệp vào công việc nội bộ, sẽ vẫn được giữ vững. Bên cạnh đó, vai trò của luật pháp quốc tế và các thỏa thuận của khu vực sẽ tiếp tục được củng cố. Nhiều khả năng Bộ Quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC) sẽ hoàn tất đàm phán và bắt đầu có hiệu lực. Hiệu quả thực tế của COC sẽ còn phụ thuộc vào trạng thái quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc, định hướng chính sách của Trung Quốc từ Đại hội XX (năm 2022) và cả diễn biến thực địa trên Biển Đông.

Về quan hệ với các đối tác bên ngoài, ASEAN đang và sẽ tiếp tục có những bước tiến đáng kể trong việc tăng cường quan hệ với các đối tác. Cụ thể là việc nâng cấp quan hệ với Ôxtrâyliia và Nga. Quan hệ với Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản đều có những tiến triển rõ rệt. Các đối tác đều coi trọng ASEAN, ủng hộ vai trò trung tâm của Hiệp hội, đưa ra nhiều gói sáng kiến và chương trình hành động để thúc đẩy quan hệ. Ít nhất trong 5 - 10 năm tới, các sáng kiến và chương trình hành động đó sẽ được đưa vào triển khai và mang lại lợi ích nhất định cho các nước ASEAN và cả các đối tác. Cũng cần chú ý rằng, cách làm của các đối tác lớn hiện nay là triển khai từng bước, vừa làm vừa rà soát để đánh giá tính hiệu quả và quyết định có tiếp tục đầu tư hay không. Do đó, sự tham gia có hiệu quả của các nước ASEAN, cũng như việc đáp ứng các yêu cầu về tính minh bạch, nâng cao năng lực thể chế, tính hợp pháp là rất cần thiết để các sáng kiến được thực hiện lâu dài và giữ được lòng tin của các đối



tác. Song song với việc thúc đẩy các cơ chế ASEAN+1, các đối tác cũng sẽ quan tâm nhiều hơn tới hiệu quả của những cơ chế hợp tác đa phương khu vực do ASEAN dẫn dắt, nhất là vì mục đích duy trì đối thoại về an ninh. Đây là cơ hội tốt để ASEAN thể hiện rõ hơn vai trò trung tâm trong việc tạo lập cấu trúc khu vực. Cũng không thể phủ nhận rằng, trong quan hệ giữa ASEAN với các đối tác vẫn tồn tại những khác biệt về lợi ích, hệ giá trị và cả sự thiếu hụt lòng tin trong một vài vấn đề nhạy cảm. Các nước ASEAN sẽ phải có biện pháp để duy trì lòng tin và quan hệ lâu dài với các đối tác, từ đó củng cố sức sống và ý nghĩa của Hiệp hội.

\*

\*   \*

Tóm lại, tiếp nối Tầm nhìn ASEAN 2020, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 tái khẳng định cam kết tiếp tục xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh, đồng thời cũng thể hiện những điểm nhấn mới trong việc đề ra mục tiêu liên kết sâu rộng hơn, coi trọng pháp lý, sự đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN và hướng tới người dân. Hơn nữa, các kế hoạch triển khai thực hiện 3 trụ cột của Cộng đồng có sự hỗ trợ, gắn kết xuyên suốt thông qua các văn kiện có tính mở, tạo điều kiện để điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện. Thông qua các văn kiện này, ASEAN cũng thể hiện cho các đối tác và thế giới quyết tâm duy trì vai trò của ASEAN trong việc đối phó với những thách thức

ảnh hưởng đến hòa bình, an ninh và ổn định của khu vực Đông Nam Á nói riêng, châu Á - Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và toàn thế giới nói chung.

Mô hình hợp tác mà ASEAN nỗ lực xây dựng theo Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 sẽ diễn ra trong một môi trường đối nội và đối ngoại ngày càng phức tạp và thách thức hơn dưới tác động của tính chất khó đoán định ngày càng gia tăng từ sự vận động của các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội bên trong mỗi nước, sự điều chỉnh chiến lược của các đối tác chủ chốt của ASEAN, cùng sự biến động thường xuyên của thị trường thế giới và khu vực. Các chuyển biến trong môi trường chính trị, an ninh, kinh tế bên trong và bên ngoài sẽ tạo ra các tác động nhanh, mạnh và bất ngờ hơn đối với ASEAN. Đặc biệt, cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc có khả năng đặt ASEAN vào thế kẹt, theo đó việc ASEAN chủ trương triển khai chính sách cân bằng quan hệ nước lớn có thể sẽ khó khăn hơn.

Các yếu tố cơ bản trong cục diện khu vực Đông Nam Á và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tiếp tục có nhiều diễn biến nhanh với mức độ bất định có chiều hướng gia tăng. Các nước ASEAN vẫn áp dụng chính sách đối ngoại linh hoạt, kiên quyết bảo vệ nền độc lập tự chủ của mình, cố gắng duy trì môi trường an ninh khu vực ổn định thông qua tăng cường đoàn kết nội bộ ASEAN và đề cao vai trò của ASEAN

trong kiến trúc an ninh khu vực, đồng thời tiếp tục tích cực điều chỉnh chính sách để thích ứng tốt nhất trước sự vận động của tình trạng “bình thường mới” trong quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc. Do tương tác giữa các nước lớn và thực tiễn quan hệ đối ngoại của ASEAN, khả năng xuất hiện cơ chế đa phương khu vực thay thế ASEAN không cao. Theo Kishore, dù ASEAN còn nhiều hạn chế, nhưng trong tương lai không có cơ chế đa phương nào có thể thay thế được ASEAN<sup>1</sup>. Cùng mạch quan điểm, Tang Sew Mun cho rằng trong bối cảnh các tổ chức và thể chế đa phương đang bị thách thức ở nhiều nơi trên thế giới, ASEAN tiếp tục chứng tỏ rằng chủ nghĩa đa phương vẫn vững mạnh ở Đông Nam Á và các khu vực kề cận<sup>2</sup>.

Tuy nhiên, vai trò của ASEAN có thể suy giảm trong thời gian tới do ASEAN khó đạt được lập trường mạnh về các vấn đề an ninh khu vực, nhất là Biển Đông, sông Mê Công, trong khi các nước lớn với mục đích tranh giành ảnh hưởng sẽ vừa tăng cường lôi kéo các nước thành viên, qua đó chia rẽ sự đoàn kết ASEAN, vừa tích cực lập ra và dẫn dắt các cơ chế đa phương mới để phục vụ quyền lợi nước lớn một cách trực tiếp và hiệu quả hơn.

---

1. Mahbubani, K. and Jeffery Sng (2017), *The ASEAN Miracle: A Catalyst for Peace*, *Ibid*, p. 183.

2. Mun, Tang Sew (2018), “ASEAN’s Tough Balancing Act”, *Asia Policy*, Volume 13, No. 4, National Bureau of Asian Research, Seattle, p. 52.

Trước sự vận động của các nhân tố tác động thuận lợi và không thuận lợi đối với triển vọng hợp tác của ASEAN theo Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, khả năng hiện thực nhất là ASEAN từ nay đến dấu mốc tròn 60 năm thành lập (năm 2027) vẫn tiếp tục cách phát triển tiệm tiến, giữ vững các nguyên tắc nền tảng của ASEAN, cơ bản đạt được những mục tiêu đề ra trong Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025. Sang giai đoạn hậu 2025, ASEAN vẫn là cơ chế liên chính phủ, trong đó các nước từng bước thúc đẩy hợp tác, liên kết thực chất. Liên kết, kết nối nội khối tăng nhưng không làm thay đổi thể chế của ASEAN, vẫn dựa trên nguyên tắc và cơ chế làm việc hiện tại, trong đó nhấn mạnh đồng thuận, tiệm tiến, tôn trọng chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ. Nghĩa là, các nước thành viên ASEAN sẽ gắn kết chặt chẽ hơn về cơ sở hạ tầng, tỷ trọng trao đổi thương mại nội khối tăng lên do giảm bớt các hàng rào thuế quan và phi thuế quan, nhưng hợp tác vẫn là cơ chế liên chính phủ, không có sự cộng gộp về “chủ quyền” để hình thành các thiết chế siêu quốc gia.

Do duy trì được đồng thuận trong các vấn đề lớn, ASEAN cơ bản vẫn giữ được vị trí trung tâm trong cấu trúc an ninh ở khu vực, có vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định và điều tiết quan hệ giữa các nước lớn. Mặc dù không có tiến bộ trong giải quyết các tranh chấp còn tồn tại, song ASEAN vẫn duy trì được các cơ chế đối thoại đa

phương (ARF, EAS, ADMM+,...) và song phương (ASEAN+1) với các đối tác chính. Đoàn kết trong nội bộ sẽ giúp ASEAN có được sự cố kết tương đối, đủ sức chống chịu sự lôi kéo, chia rẽ của các cường quốc bên ngoài. ASEAN sẽ có hợp tác sâu rộng hơn với các cường quốc hạng trung như Ôxtrâylia, Nhật Bản hay Ấn Độ để duy trì các nguyên tắc căn bản của luật pháp quốc tế. Tuy không có đột phá nhưng ASEAN tiếp tục phát huy vai trò là bên thúc đẩy hợp tác và đối thoại giữa các nước nhằm đóng góp cho hòa bình, an ninh khu vực. Theo đó, cùng với những nỗ lực của ASEAN trong tăng cường liên kết nội khối và chủ động, kịp thời đưa ra những đề xuất cụ thể để xây dựng tầm nhìn chung về cấu trúc khu vực, trong giai đoạn hậu 2025, nhiều khả năng cấu trúc khu vực sẽ được định hình trên nền tảng của một trong những cơ chế do ASEAN dẫn dắt như Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS) cùng với các cơ chế chuyên biệt cho từng lĩnh vực hợp tác (như ARF, ADMM+, EAMF,...). Qua đó, ASEAN có thể góp phần tăng cường lòng tin giữa các nước, điều hòa lợi ích của các bên và củng cố vai trò trung tâm của Hiệp hội.

### *Chương III*

## **VỀ SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM TRONG ASEAN**

Ngày 28/7/1995, tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 28 tại Brunây, Việt Nam chính thức được kết nạp là thành viên thứ 7 của ASEAN. Việc gia nhập ASEAN là dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. Đây cũng là dấu mốc quan trọng với ASEAN, chấm dứt hơn nửa thế kỷ khu vực Đông Nam Á bị chia thành hai trận tuyến, “mở ra thời kỳ mới chưa từng có trong lịch sử khu vực, thời kỳ các bên tăng cường hợp tác cùng phát triển vì lợi ích của mỗi bên và lợi ích chung của toàn bộ khu vực”<sup>1</sup>. Với ASEAN, việc kết nạp Việt Nam làm tăng uy tín và vị thế của Hiệp hội trên trường quốc tế, mở ra triển vọng phát triển của ASEAN trên nhiều lĩnh vực, khẳng định và đẩy nhanh xu thế mở rộng ASEAN bao gồm tất cả các quốc gia Đông Nam Á<sup>2</sup>.

---

1. “ASEAN và vị thế mới của Đông Nam Á”, Tài liệu phục vụ Hội nghị cán bộ ngoại giao quán triệt và triển khai Nghị quyết Đại hội VIII, tháng 8/1996, Hà Nội, tr. 14.

2. Xem Ủy ban Quốc gia ASEAN 2020: *25 năm Việt Nam tham gia ASEAN qua góc nhìn của người trong cuộc*, Sđd.

Sau khi được kết nạp, Việt Nam đã từng bước trở thành thành viên tích cực, chủ động trong các hoạt động chung, có những đóng góp quan trọng, thiết thực đối với sự trưởng thành và lớn mạnh của ASEAN. Trải qua 25 năm tham gia hợp tác trong ASEAN, với tinh thần ngày càng tích cực, chủ động và có trách nhiệm, Việt Nam đã gia tăng sự phối hợp, gắn kết lợi ích với ASEAN trên các lĩnh vực chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội, để qua đó bảo vệ lợi ích quốc gia trên các mặt, tạo lập và duy trì môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia, đẩy mạnh hội nhập quốc tế và nâng cao vị thế quốc gia ở khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, sự tham gia của Việt Nam trong ASEAN vẫn còn có những hạn chế nhất định.

Trong thời gian tới, ASEAN tiếp tục là nhân tố quan trọng trong xử lý các vấn đề an ninh, phát triển của khu vực, đồng thời là một trọng tâm ưu tiên để triển khai chủ trương nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam, trong đó nhấn mạnh việc tham gia đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương, chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh. Vấn đề đặt ra cho Việt Nam là phải xác định các định hướng và giải pháp cụ thể tham gia ASEAN trong bối cảnh mới khi ASEAN đã trở thành Cộng đồng vận hành trong những biến chuyển của tình hình thế giới, khu vực và trong từng nước thành viên, làm sao để phát huy hơn nữa những thành tựu

đã đạt được, khắc phục những tồn tại hạn chế, phục vụ tốt hơn và hiệu quả hơn các lợi ích quốc gia trong thời kỳ mới.

## I. VIỆT NAM TRONG ASEAN TỪ NĂM 1995 ĐẾN NAY

### **1. Về quá trình và quyết định gia nhập ASEAN của Việt Nam**

Quyết định gia nhập ASEAN của Việt Nam là kết quả của quá trình đổi mới tư duy về đối ngoại của Đảng, trong đó có đổi mới nhận thức về tình hình và quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Nam Á, qua các kỳ đại hội, khởi đầu từ Đại hội lần thứ VI của Đảng (1986). Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đề ra chủ trương “mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại... tham gia ngày càng rộng rãi vào sự phân công lao động quốc tế... tích cực phát triển quan hệ kinh tế và khoa học, kỹ thuật với các nước khác, với các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi”<sup>1</sup>. Đây là sự đánh dấu bước chuyển trong tư duy đối ngoại của Đảng, cả trong cách tiếp cận và thực tiễn hoạt động nhằm mở rộng quan hệ quốc tế trên quy mô khu vực và toàn cầu.

Ở khu vực, bước chuyển tư duy bắt đầu từ chủ trương “tiếp tục rút quân tình nguyện Việt Nam ra khỏi Campuchia”, chuyển sang “mong muốn và sẵn sàng cùng các nước

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr. 552-553.



trong khu vực thương lượng để giải quyết các vấn đề ở Đông Nam Á, thiết lập quan hệ cùng tồn tại hòa bình, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác”<sup>1</sup>. Nghị quyết số 13/NQ-TW của Bộ Chính trị (tháng 5/1988) về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới, đã xác định hòa bình và phát triển kinh tế là lợi ích cao nhất, đồng thời “thay đổi cuộc đấu tranh từ tình trạng đối đầu hiện nay sang đấu tranh và cùng tồn tại trong hòa bình”<sup>2</sup>. Quan điểm này tiếp tục được duy trì trong Báo cáo Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (tháng 3/1989) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991).

Ý nghĩa của các chủ trương trên nằm ở chỗ Việt Nam đã xác định đúng mức tầm quan trọng của an ninh khu vực Đông Nam Á, gắn hòa bình và ổn định của khu vực với an ninh và phát triển của Việt Nam. Việt Nam đã chọn các nước ASEAN để mở đầu đối thoại giải quyết vấn đề Campuchia. Điều này xuất phát từ thực tế ASEAN đã dần tách khỏi lập trường của Mỹ và Trung Quốc và từ nỗ lực vận động của Ấnônêxia. ASEAN đã tổ chức các cuộc gặp không chính thức Jakarta về vấn đề Campuchia (JIM) với sự tham gia của ASEAN, Việt Nam, Lào và bốn bên Campuchia tại Jakarta,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.47, tr. 442.

2. TS. Lê Viết Duyên: *Quá trình đổi mới chính sách đối ngoại của Việt Nam với ASEAN giai đoạn 1986- 2016*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr. 81-82.

bao gồm JIM1 (tháng 7/1988), JIM2 (tháng 02/1989) và JIM3 (tháng 02/1990) để tìm giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia<sup>1</sup>. Mặc dù hạn chế trong kết quả thực chất nhưng các cuộc gặp không chính thức này đã cho thấy vai trò của ASEAN trong giải quyết xung đột khu vực và cũng là lần đầu tiên hầu hết các đại diện của Đông Nam Á có thể cùng thảo luận trực tiếp về vấn đề Campuchia. Sau đó, các nước ASEAN đã lần lượt vượt qua hàng rào bao vây cấm vận của Mỹ để cải thiện quan hệ với Việt Nam ngay cả khi vấn đề Campuchia chưa được giải quyết<sup>2</sup>.

Đại hội lần thứ VII của Đảng (1991) đã nêu cao tinh thần: “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”, và đề ra chủ trương “phát triển quan hệ hữu nghị với các nước Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, phấn đấu cho một Đông Nam Á hòa bình, hữu nghị và hợp tác”<sup>3</sup>. Đây có thể xem là mốc đánh dấu tư duy đối ngoại mới của Việt Nam trong việc sẵn sàng phát triển quan hệ hữu nghị với các nước ASEAN trên cơ sở lợi ích dân tộc. Điều này còn thể hiện sự nắm bắt xu thế tăng cường hợp tác, liên kết ở khu vực và đánh giá đúng sự điều chỉnh chính sách của các nước

---

1. Narayanan Ganesan (2013), *Conjunctures and Continuities in Southeast Asian Politics*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, p. 110.

2. Nguyễn Phương Bình (Chủ biên): *Ngoại giao phòng ngừa ở Đông Nam Á*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2003, tr. 79.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.51, tr. 48-49.

ASEAN từ đối đầu sang hợp tác với Việt Nam. Tuyên bố của Thủ tướng Thái Lan Chatichai Choonhavan năm 1989, “biển Đông Dương từ chiến trường thành thị trường”, đã góp phần xóa mờ ranh giới chia cắt địa - chính trị ở Đông Nam Á, mở ra cơ hội đưa ASEAN và Việt Nam xích lại gần nhau hơn<sup>1</sup>. Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã chủ trương “mở rộng, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ đối ngoại cả về chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật... xây dựng *quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực*, tạo môi trường hòa bình, ổn định lâu dài chung quanh nước ta... phù hợp với xu thế các nước tăng cường liên kết vì hòa bình và phát triển”<sup>2</sup>. Tại Hội nghị này, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra chủ trương tham gia các diễn đàn đối thoại với ASEAN, nghiên cứu về việc gia nhập ASEAN trong tương lai<sup>3</sup>.

Triển khai chính sách đối ngoại mới, Việt Nam dần chuyển sang đối thoại trực tiếp, tăng cường quan hệ với từng nước ASEAN và bắt đầu quan hệ với ASEAN, nhất là từ năm 1991. Trong giai đoạn 1990-1995, quan hệ hai bên nồng ấm trở lại, có nhiều tiến triển. Lãnh đạo các nước Indônêxia, Thái Lan, Malaixia, Xingapo đã trao đổi các đoàn

---

1. Le Hong Hiep (2017), “ASEAN at 50: the view from Vietnam”, *The Aspistrategist*.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.52, tr. 65-66.

3. TS. Lê Viết Duyên: *Quá trình đổi mới chính sách đối ngoại của Việt Nam với ASEAN giai đoạn 1986-2016*, Sđd, tr. 89.

cấp cao, Việt Nam bày tỏ mong muốn trở thành một phần của ASEAN và khu vực Đông Nam Á. Hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN bắt đầu khởi sắc. Năm 1992, tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 25, Việt Nam đã ký văn kiện tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á, trở thành quan sát viên của Hiệp hội, tham dự các Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN hằng năm và tham gia các hoạt động hợp tác trong 5 lĩnh vực: khoa học công nghệ, môi trường, y tế, văn hóa - thông tin, phát triển xã hội. Năm 1993, nhân chuyến thăm Thái Lan, Tổng Bí thư Đỗ Mười đã công bố chính sách bốn điểm với ASEAN, thể hiện nguyện vọng “sẵn sàng gia nhập ASEAN vào thời điểm thích hợp”<sup>1</sup>. Trong chuyến thăm chính thức tới Ấn Độ tháng 5/1994, Chủ tịch nước Lê Đức Anh tuyên bố: “Việt Nam đang xúc tiến những công việc thiết thực để sớm trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN”<sup>2</sup>. Ngày 17/10/1994, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm gửi thư đến Chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN để đặt vấn đề Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN. Kết quả là, lễ kết nạp Việt Nam trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN đã diễn ra vào ngày 28/7/1995, tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 28, được tổ chức ở Brunây.

---

1. Đỗ Mười: “Lập trường bốn điểm về ASEAN”, Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 17/10/1993.

2. Phạm Quang Minh: *Chính sách đối ngoại đổi mới của Việt Nam (1986-2010)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2012, tr. 83.

Quyết định gia nhập ASEAN là kết quả và minh chứng rõ nét của đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam thời kỳ sau Chiến tranh lạnh. Khai thông quan hệ với ASEAN vừa xuất phát từ yêu cầu cấp bách phá thế bị bao vây về kinh tế và cô lập về chính trị những năm cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, vừa nhằm phục vụ các lợi ích chiến lược lâu dài của Việt Nam. Kể từ khi gia nhập, ASEAN luôn được xác định là một trong những ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Điều này được nhấn mạnh trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng về đối ngoại, đặc biệt trong Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 08/8/2018 về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030<sup>1</sup>.

## **2. Những lợi ích của Việt Nam**

Việc trở thành thành viên của ASEAN giúp Việt Nam có điều kiện tạo lập và duy trì môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi để phát triển kinh tế, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh xu hướng liên kết khu vực và toàn cầu hóa diễn ra ngày càng nhanh chóng, mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực. Thông qua sự tham gia tích cực trong việc xác định hướng phát triển và các quyết sách lớn

---

1. Phạm Bình Minh: “25 năm Việt Nam tham gia ASEAN: Chung tay vì một Cộng đồng ASEAN gắn kết và thích ứng”, ngày 28/7/2020, xem tại [asean2020.vn](http://asean2020.vn).

của ASEAN, Việt Nam có điều kiện thúc đẩy hiệu quả các ưu tiên và lợi ích quốc gia phù hợp với lợi ích chung của khu vực, nâng cao năng lực xử lý các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, tăng cường vị thế và vai trò trong các vấn đề khu vực và quốc tế dựa trên sự phối hợp lập trường và hành động giữa các nước thành viên. Đặc biệt, Việt Nam và các nước thành viên ASEAN khác đã đề cao nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình, góp phần quan trọng tăng cường hòa bình, ổn định và hợp tác ở khu vực Đông Nam Á. Lập trường chung và vai trò trung tâm của ASEAN đã tạo điều kiện cho Việt Nam vận dụng các nguyên tắc và cơ chế khu vực để củng cố lập trường và vị thế trong việc bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và lợi ích trên Biển Đông.

Gia nhập ASEAN, Việt Nam còn tranh thủ được sự hợp tác, hỗ trợ và các nguồn lực từ ASEAN và các đối tác của ASEAN để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là về xóa đói - giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia, góp phần cải thiện đời sống người dân thông qua việc nâng cao phúc lợi, an sinh xã hội, hài hòa hóa các tiêu chuẩn về công nhận bằng cấp trong giáo dục cũng như kỹ năng nghề giữa các nước ASEAN. Lao động có tay nghề của Việt Nam có điều kiện tự do di chuyển và tìm cơ hội việc làm thuận lợi hơn trong khu vực. Mặt bằng tiêu chuẩn của Việt Nam về chất lượng hàng hóa, dịch vụ, nguồn nhân lực, bảo vệ

quyền của người lao động và chăm sóc sức khỏe cũng được nâng cao. Kinh nghiệm quản lý và năng lực xử lý các vấn đề xuyên quốc gia, như môi trường, thiên tai, biến đổi khí hậu và dịch bệnh cũng được nâng cao.

Hội nhập ASEAN cũng tạo đà cho Việt Nam mở rộng liên kết kinh tế quốc tế. ASEAN là thị trường xuất - nhập khẩu và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) quan trọng trong giai đoạn Việt Nam bắt đầu mở cửa nền kinh tế. Hợp tác kinh tế trong ASEAN tạo điều kiện để Việt Nam thúc đẩy đầu tư và mở rộng thị trường cho hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam sang các nước ASEAN và đối tác của ASEAN. Tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu của Việt Nam với ASEAN ngày càng tăng, năm 2019 đạt hơn 57 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 24,96 tỷ USD và nhập khẩu đạt 32,09 tỷ USD<sup>1</sup>. ASEAN hiện là thị trường xuất khẩu lớn thứ tư của Việt Nam sau Mỹ, Liên minh châu Âu (EU) và Trung Quốc.

Trong nội khối ASEAN, Việt Nam đứng vị trí thứ ba về xuất nhập khẩu, sau Xingapo và Thái Lan<sup>2</sup>. Việt Nam chủ yếu trao đổi thương mại với 6 thị trường là Thái Lan, Malaixia, Xingapo, Ấnônêxia, Philíppin và Campuchia, chiếm 96,4% tổng kim ngạch xuất khẩu Việt Nam - ASEAN<sup>3</sup>. Thái Lan là

---

1. “Xuất nhập khẩu Việt Nam - ASEAN: Từ 3 tỷ đến hàng chục tỷ USD”, *Báo Hải quan Online*, ngày 28/7/2020.

2. Định Hóa: “Việt Nam đứng thứ ba về xuất nhập khẩu trong ASEAN”, *Tạp chí Công thương*, ngày 30/12/2019.

3. Quỳnh Anh: “ASEAN: Đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam”, *Vietnam Business Forum*, ngày 11/8/2017.

đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong ASEAN, với thương mại hai chiều Việt Nam - Thái Lan năm 2019 đạt 16,9 tỷ USD, tăng 25 lần so với năm 1996 khi Việt Nam mới gia nhập ASEAN, chiếm khoảng 30% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam và ASEAN<sup>1</sup>. Đối tác thương mại đứng thứ hai là Xingapo với kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2019 đạt 16,17 tỷ USD, chiếm khoảng 28% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với toàn khối<sup>2</sup>. Malaixia đứng thứ ba với kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2019 đạt 11,122 tỷ USD, tăng khoảng 40 lần so với năm 1996, chiếm 19,3% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với ASEAN<sup>3</sup>.

Về đầu tư, sau khi tham gia ký kết các FTA trong khuôn khổ ASEAN, Việt Nam cũng là điểm đầu tư quan trọng của các doanh nghiệp ASEAN. Tính đến cuối tháng 7/2020, tổng vốn FDI đăng ký của các nhà đầu tư đến từ các nước ASEAN đạt gần 82,2 tỷ USD, chiếm 21,6% tổng vốn FDI đăng ký đầu tư vào Việt Nam. Trong đó, Xingapo là quốc gia thành viên ASEAN dẫn đầu về dòng vốn đầu tư FDI vào Việt Nam với 54,9 tỷ USD đăng ký, chiếm 15,5%. Theo sau là Malaixia và Thái Lan với các con số tương ứng là 12,7 tỷ USD và

---

1. Quang Lộc: “Việt Nam - Thái Lan hướng tới kim ngạch thương mại 20 tỷ USD”, Tạp chí *Công thương*, ngày 21/01/2020.

2. Hầu Tỷ: “Thương vụ - “cầu nối” giúp tăng trưởng xuất khẩu sang Singapore”, Tạp chí *Công thương*, ngày 06/01/2020.

3. Cao Tân: “Malaixia: Thị trường xuất khẩu tiềm năng của doanh nghiệp Việt Nam sau COVID-19”, Báo *Nhân Dân điện tử*, ngày 16/7/2020.



12,4 tỷ USD. Quy mô bình quân một dự án đầu tư của các nước ASEAN vào Việt Nam là 19,9 triệu USD, cao hơn mức trung bình các dự án FDI vào Việt Nam<sup>1</sup>.

ASEAN cũng hỗ trợ Việt Nam thu hẹp khoảng cách phát triển và kết nối tốt hơn với các nền kinh tế trong và ngoài khu vực. Tham gia liên kết kinh tế ASEAN tạo động lực cho Việt Nam hoàn thiện nền kinh tế thị trường, cải thiện môi trường kinh doanh, tái cơ cấu kinh tế, tranh thủ được sự hỗ trợ từ các chương trình hợp tác ASEAN về thu hẹp khoảng cách phát triển và hợp tác tiểu vùng Mê Công, tạo cơ sở để Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), FTA Việt Nam - EU (EVFTA) và Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP).

ASEAN là “sân chơi” giúp Việt Nam thu được nhiều kinh nghiệm hội nhập quốc tế và có vị thế tốt hơn để tham gia và đóng vai trò tích cực trong các tổ chức hợp tác đa phương ở quy mô rộng lớn hơn, như Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và Liên hợp quốc. Quan trọng không kém, ASEAN giúp làm tăng giá trị địa - chiến lược của Việt Nam. Với tư cách là thành viên

---

1. Lê Quân: “Việt Nam sau 25 năm gia nhập ASEAN: Chìa khóa tạo động lực tăng trưởng mới”, Báo *Đầu tư Online*, ngày 27/7/2020; Xem thêm “ASEAN - Vừa là đối tác, vừa là đối thủ trong thu hút đầu tư của Việt Nam”, *Trung tâm WTO VCCI*, ngày 29/7/2020.

của ASEAN, Việt Nam có điều kiện thuận lợi để tăng cường và mở rộng quan hệ với các nước lớn và trung tâm quyền lực trên thế giới, như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, EU.

Tham gia hợp tác và liên kết trong ASEAN còn là cơ hội giúp Việt Nam đào tạo đội ngũ cán bộ làm việc trong môi trường đa phương, hội nhập khu vực và quốc tế, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy và lề lối làm việc, tạo chuyển biến tích cực trong việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, luật lệ và thủ tục trong nước cho phù hợp hơn với yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng toàn diện và sâu rộng hơn.

Tóm lại, thực tiễn 25 năm qua đã khẳng định chủ trương gia nhập ASEAN là một quyết sách đúng đắn, kịp thời, có ý nghĩa lịch sử và chiến lược quan trọng của Việt Nam<sup>1</sup>.

### **3. Những đóng góp của Việt Nam trong ASEAN**

#### *Về tổng thể*

Sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN có thể được coi là đã kết thúc sự nghi kỵ và đối lập ở Đông Nam Á, mở ra cầu nối cho sự gia nhập ASEAN của ba nước Lào (1997), Mianma (1997) và Campuchia (1999). Ngay sau khi gia nhập ASEAN, việc Việt Nam tích cực thúc đẩy kết nạp các nước Lào, Mianma và Campuchia vào ASEAN đã góp phần hiện thực hóa giấc mơ đại gia đình ASEAN gồm cả 10 nước

---

1. Xem thêm Ủy ban Quốc gia ASEAN 2020: *25 năm Việt Nam tham gia ASEAN qua góc nhìn của người trong cuộc*, Sdd.

Đông Nam Á trước khi thế kỷ XX kết thúc. ASEAN-10 là bước khởi đầu giai đoạn phát triển mới về chất của ASEAN, từ một tổ chức tiểu khu vực trở thành tổ chức của khu vực Đông Nam Á, đặt viên gạch đầu tiên cho quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN.

Những đóng góp của Việt Nam trong ASEAN thể hiện lần lượt qua những dấu ấn trong các kỳ đảm nhiệm thành công các nhiệm vụ luân phiên, bao gồm đăng cai tổ chức Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ sáu (năm 1998), Chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN nhiệm kỳ 2000-2001, Chủ tịch ASEAN nhiệm kỳ 2010, Điều phối quan hệ giữa ASEAN với các đối tác quan trọng Mỹ, Nga, EU, Ấn Độ, Nhật Bản, và vừa qua là Chủ tịch ASEAN nhiệm kỳ 2020<sup>1</sup>.

Trong tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, Việt Nam luôn đóng vai trò nòng cốt trong việc xác định mục tiêu, phương hướng phát triển và hình thành các quyết sách lớn của ASEAN, như Tầm nhìn ASEAN 2020 (năm 1997) và các kế hoạch triển khai Tầm nhìn (Chương trình Hành động Hà Nội năm 1998 và Kế hoạch Hành động Viêng Chăn năm 2004), Hiến chương ASEAN (năm 2007), Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009-2015), Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 cùng các kế hoạch triển khai trên từng trụ cột (năm 2015) và nhiều thỏa thuận quan trọng khác, trong đó có Kế hoạch tổng thể về kết nối ASEAN (MPAC).

---

1. Phạm Bình Minh: “Cộng đồng ASEAN 2015 hình thành và dấu ấn đóng góp của Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 2(105), 2015, tr. 8.

Tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 34 được tổ chức ở Thủ đô Hà Nội (năm 2001), với vai trò Chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN, Việt Nam đã chủ động đề xuất và được các nước nhất trí thông qua Tuyên bố Hà Nội về thu hẹp khoảng cách phát triển hướng tới hội nhập ASEAN chặt chẽ hơn. Tuyên bố nhằm cụ thể hóa và triển khai Sáng kiến Liên kết ASEAN (IAI) đã được lãnh đạo cấp cao của Hiệp hội thông qua vào năm 2000. Sau đó, với vai trò là Chủ tịch Nhóm đặc trách về IAI, Việt Nam đã thúc đẩy các nước ASEAN hoàn thành các mục tiêu trong IAI. Những mục tiêu này chính là những nội dung quan trọng hiện thực hóa Cộng đồng ASEAN nói chung và Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) nói riêng, tạo khuôn khổ và nền tảng cho tiến trình xây dựng và hoàn thiện Cộng đồng ASEAN trong giai đoạn về sau. Có thể nói, Việt Nam đã tham gia quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN một cách đầy đủ từ bước hình thành ý tưởng, hoạch định đường lối cho đến việc triển khai các văn kiện cơ bản, qua đó khẳng định năng lực và từng bước nâng cao vị thế trong ASEAN<sup>1</sup>.

Việt Nam cũng đóng vai trò tích cực, nòng cốt trong việc củng cố, tăng cường đoàn kết và thống nhất nội bộ ASEAN. Việt Nam đã cùng các thành viên khác, đặc biệt là các thành viên sáng lập, khéo léo xử lý những khác biệt nảy sinh giữa

---

1. Đặng Cẩm Tú: “Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN sau 2015 và sự tham gia của Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 3 (88), 2014, tr. 176-177.

các nước thành viên, thúc đẩy lập trường và tiếng nói chung trong các vấn đề khu vực. Việt Nam có nhiều đóng góp quan trọng vào việc mở rộng quan hệ và đẩy mạnh hợp tác giữa ASEAN với các đối tác, nâng cao vai trò và vị thế quốc tế của ASEAN, nhất là vai trò trung tâm và chủ đạo trong các diễn đàn khu vực, như Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đàn Hợp tác khu vực ASEAN (ARF) và Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+). Đặc biệt, Việt Nam đã có nhiều dấu ấn đậm nét góp phần nâng cao giá trị và hiệu quả hoạt động của các diễn đàn này, trong đó nổi bật là thúc đẩy thành công việc mở rộng EAS để Nga và Mỹ tham gia, vận động tổ chức và chủ trì thành công ADMM+ lần đầu tiên tại Thủ đô Hà Nội, xây dựng Kế hoạch Hành động Hà Nội thực hiện Tuyên bố Tầm nhìn ARF năm 2010. Đóng góp của Việt Nam còn thể hiện qua vai trò nòng cốt trong quá trình xây dựng Kế hoạch công tác về duy trì và tăng cường vai trò trung tâm của ASEAN (năm 2009) và Kế hoạch công tác sửa đổi về vai trò trung tâm của ASEAN (năm 2015), góp phần thúc đẩy định hình cấu trúc khu vực trên cơ sở các tiến trình do ASEAN giữ vai trò chủ đạo.

Năm 2020, với vai trò Chủ tịch ASEAN, Việt Nam đảm nhận trách nhiệm điều phối các hoạt động của ASEAN trong năm, định hướng các chương trình và kế hoạch hành động, các ưu tiên và sáng kiến để vận hành Cộng đồng ASEAN và quan hệ giữa ASEAN với các nước thành viên và các nước đối tác bên ngoài. Chủ đề “*Gắn kết và Chủ động thích ứng*”

do Việt Nam lựa chọn và được các nước thành viên khác ủng hộ đã phản ánh mong muốn chung về một ASEAN vững vàng trước những tác động của tình hình thế giới, khu vực có nhiều thay đổi và diễn biến phức tạp, đồng thời thể hiện sự sẵn sàng của Việt Nam tích cực đóng góp vào sự vững mạnh của Cộng đồng. Sự bùng phát của dịch bệnh COVID-19 gây ra nhiều tác động bất lợi, là phép thử lớn đối với sự gắn kết và khả năng thích ứng của ASEAN cũng như năng lực dẫn dắt của Việt Nam trên cương vị Chủ tịch ASEAN. Việt Nam đã vận động và tổ chức thành công các cuộc họp trong khuôn khổ ASEAN và giữa ASEAN với các đối tác theo hình thức trực tuyến - một tiền lệ chưa từng có trong lịch sử phát triển của ASEAN. Kết quả của các cuộc họp này đã góp phần duy trì được tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, củng cố vai trò của ASEAN trong thúc đẩy hợp tác ứng phó với những vấn đề do dịch bệnh COVID-19 gây ra, cũng như các vấn đề quan trọng khác, đồng thời thể hiện năng lực và vị thế của Việt Nam trong cộng đồng khu vực.

Tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 53 và các hội nghị liên quan tổ chức tại Hà Nội tháng 9/2020, các bộ trưởng đã xem xét và thông qua số lượng kỷ lục là 42 văn kiện, trong đó có Thông cáo chung của AMM53, Kế hoạch Hành động Hà Nội II của Diễn đàn Khu vực (ARF). Các nước cũng nhất trí với nhiều đề xuất của Việt Nam như ra Tuyên bố Hà Nội kỷ niệm 15 năm thành lập EAS nhân

thành công của Hội nghị Cấp cao EAS lần thứ 15, tổ chức họp Nhóm chuyên gia EAS về COVID-19, ra tuyên bố lãnh đạo ASEAN+3 về tăng cường hợp tác kinh tế. Thành công của 19 hội nghị cấp bộ trưởng và các phiên họp trong bối cảnh đại dịch COVID-19 vẫn đang diễn biến phức tạp cho thấy sự đoàn kết, thống nhất và quyết tâm mạnh mẽ của các nước ASEAN, đồng thời thể hiện sự linh hoạt, chủ động và tích cực của Việt Nam trong vai trò Chủ tịch ASEAN 2020<sup>1</sup>.

### *Về chính trị - an ninh*

Việt Nam đã tham gia xây dựng và nhanh chóng thông qua các văn kiện cơ bản về xây dựng APSC, trong đó có việc ký kết Tuyên bố Bali II năm 2003. Đối với sáng kiến Cộng đồng An ninh mà Indônêxia đưa ra, Việt Nam đã chủ động đề xuất một số sáng kiến cụ thể trong việc soạn thảo các thể chế của APSC<sup>2</sup>. Năm 2008, Việt Nam là một trong năm nước phê chuẩn sớm nhất Hiến chương ASEAN. Trong quá trình soạn thảo Hiến chương, Việt Nam đã góp phần bảo vệ những mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của ASEAN như hòa bình, ổn định và liên kết khu vực, thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN, nguyên tắc đồng thuận và không can thiệp, khẳng định tính chất liên chính phủ của ASEAN,

---

1. Hải Minh: “Thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của ASEAN và vai trò Việt Nam”, Báo *Chính phủ điện tử*, ngày 13/9/2020.

2. Nguyễn Thị Quế và Nguyễn Hoàng Giáp: *Việt Nam gia nhập ASEAN từ 1995 đến nay: Thành tựu, vấn đề và triển vọng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr. 140.

và một số nguyên tắc mới như các thành viên không được sử dụng lãnh thổ của một nước thành viên để chống lại một nước thành viên khác<sup>1</sup>. Trong Chương trình hành động xây dựng Cộng đồng An ninh ASEAN (2004-2009) và Kế hoạch tổng thể về Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (2009-2015), Việt Nam đã nỗ lực vận động để đưa vào nội dung “Chương trình hành động quy định về việc ngăn chặn sự can thiệp quân sự từ bên ngoài dưới bất kỳ hình thức nào, đặc biệt là các quốc gia thành viên không được sử dụng lãnh thổ của mình để chống phá các quốc gia thành viên khác”<sup>2</sup>. Năm 2010, với cương vị là Chủ tịch ASEAN, Việt Nam đã đưa ra khẩu hiệu “*Hướng tới Cộng đồng ASEAN: Từ tầm nhìn đến hành động*”, đẩy mạnh triển khai Kế hoạch tổng thể về xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN. Việt Nam được đánh giá là một trong những nước ASEAN hoàn thành đầy đủ nhất các nội dung của Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị - an ninh, mặc dù nguồn lực còn nhiều hạn chế.

Các cơ quan liên quan của Việt Nam (ngoại giao, quốc phòng và an ninh) ngày càng tham gia tích cực và sâu rộng vào các hoạt động đối thoại và hợp tác khu vực thông qua

---

1. “Việt Nam phê chuẩn Hiến chương ASEAN - bước tiến mới trong quá trình Việt Nam tham gia ASEAN”, Báo Nhân dân, ngày 02/4/2008.

2. Nguyễn Thị Quế và Nguyễn Hoàng Giáp: *Việt Nam gia nhập ASEAN từ 1995 đến nay: Thành tựu, vấn đề và triển vọng*, Sđd, tr. 140.



các cơ chế của ASEAN và do ASEAN dẫn dắt nhằm xử lý các thách thức an ninh, cả truyền thống và phi truyền thống, nhất là trong việc ngăn ngừa nguy cơ xung đột, chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, an ninh mạng, an ninh biển, tìm kiếm cứu nạn, hỗ trợ nhân đạo,...

Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ và hợp tác của ASEAN và các đối tác trong bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia ở Biển Đông. Trong nhiều năm gần đây, vấn đề Biển Đông đã trở thành chủ đề hàng đầu tại các Hội nghị ASEAN và ASEAN mở rộng, được đưa vào văn kiện các hội nghị, trong đó đa số các nước đều bày tỏ quan ngại, kêu gọi các bên giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình và tuân thủ luật pháp quốc tế, thúc đẩy các biện pháp xây dựng lòng tin và ngoại giao phòng ngừa trên biển. Mặc dù diễn biến của vấn đề Biển Đông ngày càng trở nên phức tạp và ASEAN cũng đứng trước nhiều thách thức trong xử lý vấn đề này, song không thể phủ nhận đóng góp của Việt Nam trong việc thu hút sự quan tâm, ủng hộ và can dự của các nước trong và ngoài khu vực nhằm duy trì và bảo vệ hòa bình, an ninh, ổn định ở khu vực. Điển hình là năm 2014, trước sự kiện Trung Quốc đưa giàn khoan HD-981 vào vùng biển đặc quyền kinh tế của Việt Nam, ASEAN đã có lập trường chung mạnh mẽ về vấn đề Biển Đông, thể hiện trong Tuyên bố Chủ tịch Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 24 và Tuyên bố Nay Pyi Taw cùng năm.

Về hợp tác ASEAN trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống, trong khuôn khổ các cơ chế của ASEAN, Việt Nam đã tham gia tích cực, nhất là trong các lĩnh vực phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, Việt Nam gia nhập và tham gia hợp tác trong ASEANAPOL kể từ năm 1996. Các hoạt động hợp tác chính bao gồm: *một là*, trao đổi thông tin tội phạm, phối hợp điều tra, từ đó phát hiện, triệt phá hàng trăm đường dây tội phạm xuyên quốc gia liên quan tới các hoạt động buôn bán ma túy, mua bán người, lừa đảo kinh tế,...; *hai là*, phối hợp lực lượng với cảnh sát các nước ASEAN thực hiện hàng nghìn lượt yêu cầu liên quan đến tương trợ tư pháp hình sự ASEANAPOL, truy bắt tội phạm nước ngoài lẩn trốn tại Việt Nam và ngược lại. Việt Nam đã ba lần đăng cai và tổ chức thành công Hội nghị ASEANAPOL, đó là Hội nghị ASEANAPOL lần thứ 19 (từ 26-28/4/1999), lần thứ 29 (từ 12-16/5/2009) và lần thứ 39 (từ 17-19/9/2019)<sup>1</sup>. Năm 2016, Việt Nam đã sớm thông qua Công ước ASEAN về phòng, chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (ACTIP) và Kế hoạch Hành động

---

1. “ASEANAPOL và Europol: Những đối tác quan trọng của cảnh sát Việt Nam”, *Cảnh sát toàn cầu Online*, ngày 21/02/2015; “Việt Nam coi trọng mối quan hệ hợp tác với Hiệp hội ASEANAPOL”, *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, ngày 18/9/2019.

ASEAN về thực thi ACTIP (APA), góp phần nâng cao vai trò trong ASEAN.

Bên cạnh đó, Việt Nam còn đề xuất các sáng kiến và xây dựng các hoạt động hợp tác cụ thể liên quan đến hợp tác chống khủng bố và chống ma túy trong các khuôn khổ hợp tác ASEAN và ASEAN mở rộng, bao gồm ASEAN+1, ASEAN+3, EAS, ADMM+. Nội dung các sáng kiến này được thể hiện qua Chiến lược hợp tác chống ma túy ASEAN năm 2000, Tuyên bố chung Bắc Kinh về hợp tác chống ma túy năm 2001, Tuyên bố ASEAN về hợp tác chống khủng bố, Tuyên bố chung ASEAN - Mỹ về hợp tác chống khủng bố năm 2002, và Tuyên bố chung ASEAN - EU về hợp tác chống khủng bố năm 2003. Các văn kiện này là cơ sở quan trọng để làm sâu sắc thêm các mối quan hệ hợp tác quốc phòng trên vấn đề an ninh phi truyền thống, đặc biệt trong bối cảnh các bên còn có nhiều khác biệt về các vấn đề này<sup>1</sup>.

Trong lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu, Việt Nam đã chủ động tham gia các diễn đàn thế giới và khu vực, như Ủy ban quản lý thiên tai ASEAN và Trung tâm hỗ trợ nhân đạo ASEAN (AHA). Việt Nam cũng thể hiện cam kết và đóng góp sáng kiến. Tháng 7/2018, tại Hội nghị đặc biệt Bộ trưởng các nước ASEAN về biến đổi khí hậu, Việt Nam tái cam kết

---

1. Xem Đàm Trọng Tùng: *Bảo vệ Độc lập dân tộc của Việt Nam trước mối đe dọa an ninh phi truyền thống từ năm 2001 đến năm 2015*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2016.

hợp tác chặt chẽ cùng đối tác, thay đổi mô hình phát triển chưa bền vững, chung tay thực hiện các mục tiêu về ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Đồng thời, Việt Nam cũng đưa ra các đề xuất về đẩy mạnh hợp tác, hỗ trợ các nước thành viên ASEAN tăng cường năng lực ứng phó với các thiên tai do biến đổi khí hậu gây ra như bão, lũ lụt, nắng nóng thông qua tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, các hiện tượng thời tiết cực đoan, tăng cường bảo tồn và quản lý bền vững tài nguyên rừng. Năm 2020, với vai trò Chủ tịch ASEAN, Việt Nam đã chủ trì xây dựng Tuyên bố chung của ASEAN gửi Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và các vấn đề khác, ban đầu dự kiến diễn ra vào tháng 11/2020 nhưng sau đó đã được quyết định lùi sang tháng 11/2021 do diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19. Việt Nam cũng tích cực nâng cao hiệu quả hợp tác giữa quân đội Việt Nam với quân đội các nước ASEAN trong ứng phó thảm họa, thông qua các cuộc diễn tập ứng phó thảm họa thường niên theo Hiệp định ASEAN về quản lý thảm họa và ứng phó khẩn cấp từ năm 2009, cũng như các cuộc diễn tập trong khuôn khổ ARF, ADMM+.

Về hợp tác trong lĩnh vực dân chủ, nhân quyền, Việt Nam tham gia nghiêm túc vào quá trình xây dựng Tuyên ngôn nhân quyền ASEAN, Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHR) và đóng góp tích cực trong các Ủy ban

ASEAN liên quan đến quyền của phụ nữ và trẻ em, những nhóm người dễ bị tổn thương, lao động di cư,...<sup>1</sup>. Khi đăng cai Hội nghị Cấp cao ASEAN năm 1998, Việt Nam đã lồng ghép, thúc đẩy hợp tác liên quan đến quyền con người trong nội bộ ASEAN trong Chương trình Hành động Hà Nội (1998-2004). Năm 2010, với tư cách là Chủ tịch Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 16, Việt Nam đã điều phối, thúc đẩy đồng thuận về nhiều quyết sách lớn của ASEAN liên quan đến vấn đề quyền con người, tích cực đóng góp cho sự ra đời của Ủy ban ASEAN thúc đẩy và bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em (ACWC). Một trong những sáng kiến khởi đầu và quan trọng được Việt Nam đưa ra trong năm Chủ tịch ASEAN 2020 là Phiên họp đặc biệt của các lãnh đạo ASEAN về tăng quyền năng cho phụ nữ trong kỷ nguyên số tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 36 diễn ra ngày 26/6/2020. Tiếp nối sáng kiến này là Đối thoại giữa các bộ trưởng Ngoại giao ASEAN về tăng cường vai trò của phụ nữ vì hòa bình và an ninh bền vững. Đối thoại không chỉ có ý nghĩa kỷ niệm 20 năm thông qua Nghị quyết số 1325 của Liên hợp quốc (tháng 10/2000) về phụ nữ, hòa bình, an ninh, mà còn có ý nghĩa lớn hơn, đó là định hướng cho các hoạt động của ASEAN trong thời gian tới về phát huy vai trò của phụ nữ

---

1. Luận Thùy Dương: “Quyền con người trong ASEAN”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6 (103), 2016, tr. 50.

trong việc đóng góp cho hòa bình, hòa giải của khu vực, khi rất nhiều vấn đề mới đang được đặt ra<sup>1</sup>.

Trong các ngày 25-27/8/2020, với cương vị Chủ tịch AICHR, Việt Nam đã chủ trì cuộc họp đặc biệt của Ủy ban, xây dựng Kế hoạch công tác AICHR giai đoạn 2021-2025 và Chương trình ưu tiên AICHR 2021. Các văn kiện này đã được thông qua tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 53 tháng 9/2020.

Mặt khác, Việt Nam ủng hộ nguyên tắc bảo đảm độc lập, chủ quyền quốc gia, không sử dụng vấn đề nhân quyền để áp đặt quan điểm và can thiệp công việc nội bộ của nhau. Điều này được thể hiện qua quan điểm của Việt Nam ủng hộ Mianma phát huy vai trò tích cực trong ASEAN, đặc biệt là khi nước này giữ chức Chủ tịch ASEAN năm 2014.

#### *Về kinh tế*

Các bộ, ngành Việt Nam đã chủ động, tích cực tham gia vào tiến trình liên kết kinh tế ASEAN ngay từ đầu trong tất cả các lĩnh vực thương mại, đầu tư, tài chính, tiền tệ, xây dựng các quy định, thỏa thuận quan trọng của ASEAN cũng như việc thực hiện các cam kết. Trong giai đoạn xây dựng và thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Việt Nam đã tham gia tích cực vào quá trình xây dựng phương hướng phát

---

1. Phương Hồ: “Thúc đẩy cộng đồng ASEAN đồng thuận và đoàn kết với các đối tác”, Tạp chí *Tài chính*, ngày 13/9/2020.

triển và hình thành các quyết sách lớn và các sáng kiến cụ thể về hợp tác kinh tế ASEAN như Tầm nhìn ASEAN 2020 và Kế hoạch triển khai AEC, Lộ trình xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN (2009-2015), Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và Kế hoạch tổng thể AEC, kế hoạch hành động chiến lược trong các lĩnh vực chuyên ngành nhằm thực hiện Kế hoạch tổng thể xây dựng AEC 2025, các Kế hoạch tổng thể về kết nối ASEAN và các Kế hoạch công tác Sáng kiến Hội nhập ASEAN<sup>1</sup>. Việt Nam là một trong hai nước có tỷ lệ thực hiện cao nhất các biện pháp ưu tiên trong Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2015 (với tỷ lệ 95,5%, đứng thứ hai sau Xingapo). Việt Nam cũng thuộc nhóm ít nước ASEAN đầu tiên tham gia thành công các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP và RCEP<sup>2</sup>. Hội đồng tư vấn kinh doanh ASEAN Việt Nam - ASEAN BAC Việt Nam tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam hội nhập khu vực ASEAN, gần đây nhất là thông qua việc triển khai Dự án Mạng lưới khởi nghiệp công nghệ số ASEAN 2020. Dự án nhằm tạo dựng một mạng lưới trong khu vực ASEAN để thúc đẩy quá trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cũng như thuận lợi hóa tiến trình chuyển đổi số, nhất là với

---

1. “Những đóng góp của Việt Nam trong thúc đẩy liên kết kinh tế ASEAN”, *Tin tức Trung tâm WTO và Hội nhập*, VCCI, 16/8/2017.

2. Ủy ban Quốc gia ASEAN 2020: *25 năm Việt Nam tham gia ASEAN qua góc nhìn của người trong cuộc*, Sđd, tr. 96.

các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa vốn là các động lực phát triển kinh tế trong ASEAN<sup>1</sup>.

Việt Nam cũng tích cực triển khai các hoạt động trong các lĩnh vực khác, nổi bật là củng cố khả năng cạnh tranh về lương thực, thực phẩm, nông lâm nghiệp của ASEAN, xúc tiến hợp tác về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng, thông qua các văn kiện pháp lý làm cơ sở hợp tác trong các lĩnh vực vận tải hàng không, đường bộ, tăng cường trao đổi thông tin dữ liệu về khoáng sản, các chương trình, biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ. Việt Nam cũng là một trong những nước đi đầu trong thí điểm và triển khai các biện pháp về thuận lợi thương mại như Cơ chế một cửa ASEAN, tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, cơ sở dữ liệu thương mại,...

Nhiều đóng góp của Việt Nam trong lĩnh vực thu hẹp khoảng cách phát triển, nâng cao lợi thế cạnh tranh cho khu vực thông qua triển khai các sáng kiến hội nhập và kết nối ASEAN được các nước ghi nhận và đánh giá cao. Tuyên bố Hà Nội về thu hẹp khoảng cách phát triển năm 2001 do Việt Nam chủ động đề xuất được các nước nhất trí thông qua, trong đó đề ra các phương hướng cụ thể để triển khai Sáng kiến Hội nhập (IAI). Trên cương vị Chủ tịch Nhóm đặc trách về kết nối ASEAN năm 2010, Việt Nam đã cùng các nước thành viên khác hoàn tất xây dựng Kế hoạch tổng thể

---

1. Ủy ban Quốc gia ASEAN 2020: *25 năm Việt Nam tham gia ASEAN qua góc nhìn của người trong cuộc*, Sđd, tr. 111



về kết nối ASEAN, tạo sự liên kết chặt chẽ hơn về hạ tầng giao thông và công nghệ thông tin, nhất là ở khu vực tiểu vùng Mê Công, tạo nền tảng mở rộng kết nối ra toàn khu vực Đông Á. Năm 2020, trên cương vị Chủ tịch ASEAN, Việt Nam đã đề xuất 3 định hướng ưu tiên chính cho trụ cột kinh tế của Cộng đồng ASEAN, đó là thúc đẩy liên kết và kết nối nội khối ASEAN, đẩy mạnh quan hệ đối tác vì hòa bình và phát triển bền vững, và nâng cao năng lực thích ứng và hiệu quả hoạt động của ASEAN thời gian tới<sup>1</sup>. Trong số 13 sáng kiến, ưu tiên về hợp tác kinh tế mà Việt Nam đưa ra trong năm 2020, hai sáng kiến “Xây dựng Chỉ số Hội nhập số ASEAN” và “Kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo ASEAN” đã được hoàn thành tại thời điểm diễn ra Hội nghị AEM lần thứ 52 ngày 25/8/2020. Các sáng kiến, ưu tiên khác tiếp tục được thảo luận và tích cực triển khai theo mục tiêu đề ra trong năm 2020<sup>2</sup>. Thông cáo chung của AMM lần thứ 53 tổ chức tại Hà Nội đặc biệt ghi nhận tất cả những sáng kiến, đề xuất của Việt Nam trong năm 2020 như lập Quỹ ASEAN ứng phó COVID-19, Kho dự phòng vật tư y tế khẩn cấp khu vực, cũng như việc lập ra các tiêu chuẩn ứng phó với dịch bệnh, xây dựng kế hoạch tổng thể phục hồi hậu COVID-19<sup>3</sup>.

---

1. “Việt Nam đề xuất ba ưu tiên chính cho trụ cột kinh tế ASEAN 2020”, *Tin tức Trung tâm WTO và Hội nhập*, VCCI, 13/1/2020.

2. Trang Ly: “Củng cố sức mạnh kinh tế ASEAN, bước qua dịch COVID”, *Báo Nhân dân điện tử*, 28/8/2020

3. Phương Hồ: “Thúc đẩy cộng đồng ASEAN đồng thuận và đoàn kết với các đối tác”, *Tạp chí Tài chính*, 13/9/2020

Việt Nam cũng góp phần quan trọng thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa ASEAN với các nước đối tác, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các nước ASEAN khác nhằm bảo đảm lợi ích cũng như vai trò trung tâm của ASEAN trong đàm phán và triển khai các FTA ASEAN+1, như đảm nhiệm vai trò điều phối hợp tác kinh tế ASEAN - EU, chủ tọa đàm phán nội dung dịch vụ trong Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP), chủ tọa nhóm Đầu tư trong đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực. Đặc biệt, Việt Nam đã tích cực cùng với các nước ASEAN khác và các nước đối tác thúc đẩy việc xử lý dứt điểm những vấn đề còn tồn tại trong đàm phán Hiệp định RCEP - một trong những ưu tiên hợp tác kinh tế của năm Chủ tịch ASEAN 2020 của Việt Nam<sup>1</sup>.

Thông qua việc đăng cai, tổ chức các hội nghị, diễn đàn kinh tế quốc tế trong các khuôn khổ hợp tác khác, Việt Nam thường tranh thủ lồng ghép, kết nối hợp tác với ASEAN. Trong dịp đăng cai tổ chức Hội nghị APEC 2017, Việt Nam đã tổ chức Đối thoại không chính thức lần đầu tiên giữa APEC và ASEAN về chủ đề *“Cùng tạo động lực mới, vì một châu Á - Thái Bình Dương kết nối toàn diện”*, kết nối hai tổ chức đi đầu tại khu vực trong việc thúc đẩy vai trò động

---

1. “Bộ trưởng Trần Tuấn Anh: Việt Nam thúc đẩy hoàn thành 13 sáng kiến, ưu tiên, góp phần nâng cao vai trò Cộng đồng Kinh tế ASEAN”, Tạp chí *Công thương*, 25/8/2020.

lực kinh tế thế giới của châu Á - Thái Bình Dương<sup>1</sup>. Gần đây, Việt Nam thúc đẩy sáng kiến gắn liền phát triển kinh tế ASEAN với Cách mạng công nghiệp 4.0 và đăng cai tổ chức Diễn đàn Kinh tế thế giới ASEAN 2018 (WEF ASEAN) với chủ đề “ASEAN 4.0: Tinh thần doanh nghiệp và Cách mạng công nghiệp 4.0”. Qua đó, Việt Nam đã lồng ghép sự phát triển của ASEAN với Cách mạng công nghiệp 4.0 qua việc tạo ra các diễn đàn giao lưu ý tưởng của lãnh đạo các nước ASEAN, các tổ chức, doanh nghiệp và đối tác lớn về các vấn đề kinh tế “sát sườn” như thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, việc làm ASEAN thời đại 4.0, khai thác nguồn ngoại kiều của ASEAN. Nỗ lực của Việt Nam xuất phát từ nhận thức rằng, Cách mạng công nghiệp 4.0 có vai trò không thể thiếu đối với tiến trình hoàn thiện Cộng đồng ASEAN và hội nhập kinh tế ASEAN với thế giới và đã được các đối tác ủng hộ và đánh giá cao. Giáo sư Klaus Schwab, nhà sáng lập và Chủ tịch điều hành WEF đã nhận định WEF ASEAN năm 2018 do Việt Nam tổ chức là hội nghị khu vực thành công nhất trong 27 năm tổ chức Diễn đàn Kinh tế thế giới về châu Á và ASEAN<sup>2</sup>.

#### *Về văn hóa - xã hội*

Tuy không phải nước đầu tiên đưa ra sáng kiến về xây dựng ASCC nhưng Việt Nam đã tham gia tích cực vào tất cả

---

1. “APEC 2017: Động lực mới cho tăng trưởng, vị thế mới cho Việt Nam”, Báo VOV, 13/11/2017.

2. Vân Anh: “WEF ASEAN 2018: Hội nghị thành công nhất trong 27 năm”, Báo Lao động, 15/9/2018.

các lĩnh vực hợp tác văn hóa - xã hội của ASEAN, đưa ra nhiều sáng kiến thiết thực, lồng ghép các nội dung của Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Văn hóa - Xã hội vào các Chương trình mục tiêu quốc gia và chiến lược phát triển của Việt Nam. Năm 2010, Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị ASCC 3 (tháng 4/2010) và Hội nghị ASCC 4 (tháng 11/2010). Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 16 năm 2010, Việt Nam đã đóng góp thúc đẩy triển khai Kế hoạch tổng thể về kết nối ASEAN và đưa ra định hướng triển khai trong các năm tiếp theo. Cùng với đó, với tư cách là nước Chủ tịch ASEAN, Việt Nam xúc tiến sự đồng thuận của cả khối trong việc xác định các lĩnh vực ưu tiên của ASCC 2010<sup>1</sup>. Đặc biệt, Việt Nam đã nỗ lực gắn kết mục tiêu của ASCC với hai trụ cột còn lại. Vai trò nòng cốt của Việt Nam được thể hiện rõ nét trong việc xây dựng Tuyên bố ASEAN về tăng cường an sinh xã hội và Tuyên bố về phòng chống bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em trong ASEAN, được lãnh đạo cấp cao ASEAN thông qua tháng 11/2014. Nhiều sáng kiến do Việt Nam đưa ra nhận được sự ủng hộ và nhất trí cao của các nước, như việc lập dự án nghiên cứu so sánh luật lao động giữa các nước ASEAN, hay diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm về thanh tra lao động. Việt Nam cũng thúc đẩy xây dựng văn kiện về bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động di cư, tăng cường hợp

---

1. Vu Thi Hai Hoa (2013), *Vietnam and the ASEAN Socio-Cultural Community (ASCC): Prospects, Challenges and Opportunities*, Victoria University of Wellington, Wellington, p. 87.

tác phát triển nguồn nhân lực (hình thành và luật hóa việc đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động trong Luật dạy nghề, xây dựng Khung trình độ quốc gia, đăng cai tổ chức Hội thi tay nghề ASEAN). Trong năm Chủ tịch ASEAN 2020, Việt Nam đã tích cực chủ trì xây dựng Tuyên bố ASEAN về phát triển nguồn nhân lực cho một thế giới công việc đang đổi thay và Điều khoản tham chiếu của Hội đồng phát triển giáo dục nghề nghiệp ASEAN, cũng như kế hoạch phục hồi sau đại dịch COVID-19 nhằm mang lại việc làm và sinh kế cho người lao động và thúc đẩy khả năng vực dậy về kinh tế - xã hội của các nhóm yếu thế. Các nước thành viên khác đã ủng hộ đề xuất của Việt Nam và Ban Thư ký ASEAN về việc tổ chức một loạt hội thảo trực tuyến về các nỗ lực do ASCC chủ trì nhằm giải quyết các vấn đề và hậu quả do COVID-19 tạo ra<sup>1</sup>.

Trong lĩnh vực môi trường và chống biến đổi khí hậu, sau khi gia nhập ASEAN, Việt Nam đã tham gia Hội nghị các quan chức cao cấp ASEAN về môi trường (ASOEN) và thành lập 6 nhóm công tác thuộc ASOEN Việt Nam. Tháng 11/1998, Hội nghị không chính thức các Bộ trưởng Môi trường ASEAN thông qua nội dung hợp tác của Chương trình hành động Hà Nội nhằm thực hiện Tầm nhìn 2020 về một ASEAN xanh và sạch. Khi đó, Việt Nam đã đề xuất sáng kiến tổ chức Diễn đàn Môi trường ASEAN và nhận

---

1. Hà Vũ: “Hợp báo về Hội nghị Hội đồng Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN lần thứ 23”, Báo *Quân đội nhân dân online*, 23/6/2020.

được sự ủng hộ rộng rãi của các thành viên khác. Việc Việt Nam tổ chức thành công Diễn đàn Môi trường ASEAN đầu tiên vào tháng 9/1999 đã góp phần nâng cao uy tín của Việt Nam. Tháng 11/2004, Việt Nam tổ chức thành công cuộc họp Nhóm đặc nhiệm về cháy rừng ASEAN lần thứ 21 và đề xuất sáng kiến tổ chức Hội nghị Đối thoại về chính sách để thúc đẩy việc thực hiện Hiệp ước ASEAN về phòng chống khói mù xuyên biên giới. Những năm tiếp theo, Việt Nam đã tổ chức thành công nhiều Hội nghị Bộ trưởng Môi trường trong khuôn khổ ASEAN, ASEAN+3, Đông Á,... Qua các khuôn khổ này, Việt Nam cũng đã tham gia tích cực vào hoạt động hợp tác của khu vực cũng như giữa ASEAN với các đối tác và toàn cầu, qua đó, chia sẻ các ý tưởng, sáng kiến, biện pháp về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, thành phố bền vững môi trường, giáo dục môi trường, quản lý tài nguyên nước, môi trường biển và đới bờ, quản lý hóa chất, chất thải,...<sup>1</sup>. Trong năm 2020, Việt Nam chủ trì tổ chức Hội nghị Nhóm công tác ASEAN về môi trường biển và đới bờ lần thứ 21 (AWGCME 21), Hội nghị các quan chức cao cấp ASEAN về môi trường lần thứ 31 (ASOEN 31) và các hội nghị có liên quan trong khuôn khổ hợp tác ASEAN về môi trường<sup>2</sup>.

---

1. Nguyễn Hữu Cát, Nguyễn Thị Mai: “20 năm hợp tác Việt Nam - ASEAN về môi trường (1996-2016)”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 9 (198), 2016, tr. 74-78.

2. Yên Thi: “Chủ động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường”, Tạp chí *Tài nguyên và Môi trường*, 30/7/2020.

Trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, Việt Nam bắt đầu hợp tác khoa học - công nghệ trong ASEAN từ năm 1995 nhằm đào tạo cán bộ, học hỏi kinh nghiệm, kiến thức và chuyển giao công nghệ. Việt Nam đã nhiều nhiệm kỳ đảm nhiệm vai trò chủ tịch và tích cực tham gia trong Ủy ban ASEAN về khoa học - công nghệ, Tiểu ban ASEAN về khí tượng và vật lý, Ban tư vấn COSTI, Tiểu ban ASEAN về cơ sở hạ tầng và tiềm lực khoa học công nghệ, Tiểu ban Công nghệ sinh học ASEAN. Việt Nam đã và đang nỗ lực cùng các nước thành viên ASEAN triển khai Chương trình Hành động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ASEAN (APASTI) giai đoạn 2016-2025, Lộ trình đổi mới sáng tạo ASEAN giai đoạn 2019-2025, thúc đẩy cơ chế hợp tác với các đối tác đối thoại của ASEAN nhằm khai thác có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ từ các Quỹ đối tác đối thoại của Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Ấn Độ, EU, tích cực triển khai các sáng kiến hợp tác như Hội tụ hướng tới phát triển nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của ASEAN về thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, Cơ sở hạ tầng tính toán hiệu năng cao ASEAN. Việt Nam cũng đóng góp tích cực cho Quỹ khoa học và công nghệ ASEAN, là một trong 5 nước dẫn đầu về việc đóng góp đầy đủ và đúng hạn cho Quỹ<sup>1</sup>.

Trong giai đoạn 2014-2020, Việt Nam đứng thứ ba trong ASEAN (sau Xingapo và Malaixia) về khoa học, công

---

1. TS. Luận Thùy Dương: *Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN tầm nhìn tới năm 2025*, Sđd, tr. 116-117.

nghe và đổi mới sáng tạo<sup>1</sup>. Với mục tiêu phát triển hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ của Việt Nam đến năm 2030 là một số lĩnh vực đạt được trình độ tiên tiến thế giới, tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Việt Nam đang và sẽ tăng cường hội nhập khu vực, tập trung bố trí tối ưu nguồn lực đổi mới, nâng cao cấp độ và trình độ hợp tác khoa học và công nghệ, cũng như xây dựng các đầu mối đổi mới khoa học và công nghệ khu vực và các cơ sở hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, trong đó ASEAN là một trọng tâm ưu tiên<sup>2</sup>.

Trong lĩnh vực giáo dục, Việt Nam tham gia hợp tác giáo dục với ASEAN và trở thành thành viên chính thức của Hội đồng Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á (SEAMEC) từ năm 1992. Các hoạt động hợp tác chính của Việt Nam trong thời gian qua bao gồm: *thứ nhất là*, tổ chức thành công Hội nghị thường niên lần thứ sáu của Ủy ban Giáo dục ASEAN, đưa ra sáng kiến về bồi dưỡng học sinh năng khiếu, góp phần cung cấp nhân tài cho ASEAN<sup>3</sup>. Năm 2005, Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị Hội đồng Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á lần thứ 40 (SEAMEC 40);

---

1. Global Innovation Index 2014-2020, WIPO.

2. Quyết định số 2245/QĐ-TTg ngày 11/12/2015 phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành khoa học và công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng góp phần phát triển kinh tế.

3. TS. Luận thùy Dương: *Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN tầm nhìn tới năm 2025*, Sđd, tr. 126.



*thứ hai là*, tham gia tích cực trong triển khai hoạt động hợp tác, trao đổi học thuật trong nội khối ASEAN và giữa ASEAN với các đối tác bên ngoài. Thông qua các chuyến thăm và làm việc của các đoàn chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường đại học và trung tâm đào tạo, Việt Nam đã triển khai hàng loạt chương trình hợp tác, trao đổi giáo dục, sinh viên. Từ năm 2000 đến 2017, các trường đại học trọng điểm của Việt Nam đã tiếp nhận 650 lượt giảng viên, 300 lượt sinh viên, học viên các nước ASEAN và đối tác của ASEAN đến trao đổi<sup>1</sup>. Qua các hoạt động đó, Tổ chức Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á (SEAMEO) đã tài trợ cho hơn 1.500 cán bộ Việt Nam tham gia các hội nghị, hội thảo hoặc các khóa đào tạo, và gần 400 lượt người tham dự các khóa đào tạo có cấp chứng chỉ<sup>2</sup>; *thứ ba là*, tham gia xây dựng quy chuẩn chung cho đào tạo nguồn nhân lực nội khối. Năm 2015, Hội nghị Hệ thống trao đổi tín chỉ của ASEAN tại Hà Nội đã nhất trí thông qua quy chuẩn chung trong việc trao đổi tín chỉ, từ đó tạo cơ sở vững chắc trong việc cung cấp nhân lực đồng bộ, làm tiền đề cho sự dịch chuyển lao động tự do khi ASEAN trở thành cộng đồng chung. Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á được thành lập vào năm 1995

---

1. TS. Luận Thùy Dương: *Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN tầm nhìn tới năm 2025*, Sdd, tr. 127-128.

2. “Triển khai nội dung hợp tác giáo dục giữa Việt Nam với ASEAN”, tại <http://www.mofahcm.gov.vn/mofa/nr040807104143/nr040807105001/ns051006090409>.

theo thỏa thuận của các bộ trưởng giáo dục ASEAN, cho tới nay đã phát triển bao gồm 30 trường đại học thành viên chính thức thuộc 10 nước, trong đó có 3 trường đại học của Việt Nam. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Phùng Xuân Nhạ cho rằng “đây là một dấu mốc lớn trong công nhận một cách công bằng về chất lượng lao động giữa các quốc gia trong nội khối ASEAN”<sup>1</sup>.

Trong lĩnh vực y tế, Việt Nam đã ký kết và thực hiện các thỏa thuận, tiêu chuẩn ASEAN về y tế, bao gồm Thỏa thuận về dịch vụ điều dưỡng trong ASEAN (2009); Thỏa thuận thừa nhận về người hành nghề y trong ASEAN (2009); Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về người hành nghề nha khoa (2009) và Thỏa thuận thừa nhận trong giám sát sản xuất thuốc đối với các cơ sở sản xuất dược phẩm trong khu vực ASEAN (2009)<sup>2</sup>. Việt Nam đã chủ trì các Hội nghị ASEAN về hợp tác y tế như Hội nghị Bộ trưởng Y tế ASEAN lần thứ 12 (tháng 9/2014), trong đó, Việt Nam đóng góp tích cực trong Tuyên bố chung và vận động được các bên cùng thông qua; các Hội nghị Bộ trưởng Y tế ASEAN và ASEAN+3 ngày 07/4/2020 đã ra Tuyên bố chung đẩy mạnh hợp tác ứng phó dịch COVID-19. Tuyên bố chung dựa trên Tuyên bố Chủ tịch ASEAN về ứng phó chung của ASEAN trước dịch bệnh

---

1. “Hướng tới liên thông giáo dục giữa các nước thành viên ASEAN”, *Trang thông tin Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*, 30/7/2020

2. TS. Luận Thùy Dương: *Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN tầm nhìn tới năm 2025*, Sđd, tr. 123-124.

COVID-19 do Việt Nam, Chủ tịch luân phiên ASEAN, đưa ra nhấn mạnh về tầm quan trọng của tình đoàn kết ASEAN và tinh thần gắn kết, tương trợ lẫn nhau của cộng đồng ASEAN trong ứng phó đại dịch COVID-19 và những thách thức tương tự. Tuyên bố cũng tái khẳng định cam kết bảo đảm sức khỏe cho mọi người dân trong ASEAN, sẵn sàng ứng phó, phát hiện sớm và điều trị kịp thời, ngăn ngừa dịch bệnh lây lan<sup>1</sup>. Việt Nam cũng tích cực xúc tiến hợp tác y tế giữa ASEAN và các đối tác, thúc đẩy các nội dung thiết thực nhằm hợp tác trên lĩnh vực phòng chống HIV/AIDS, phòng, chống bệnh truyền nhiễm, bao phủ y tế toàn dân<sup>2</sup>,...

Trong lĩnh vực lao động, năm 2010, Việt Nam với vai trò là Chủ tịch ASEAN đã thúc đẩy các hội nghị về nhân lực ASEAN cùng các đề xuất phát triển nhân lực, kỹ năng để hồi phục kinh tế ASEAN trong bối cảnh hậu khủng hoảng kinh tế - tài chính khu vực. Việt Nam đã dự thảo và kêu gọi các thành viên ASEAN phê duyệt Tuyên bố của các nhà lãnh đạo ASEAN về phát triển kinh tế và nguồn nhân lực phục hồi kinh tế và tăng trưởng bền vững<sup>3</sup>. Tại Hội nghị này, các bộ trưởng lao động ASEAN đã thông qua 2 văn kiện quan

---

1. "Hội nghị Bộ trưởng y tế ASEAN", *Trang thông tin điện tử Bộ Y tế*, 08/4/2020.

2. Xem TS. Luận Thùy Dương: *Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN tầm nhìn tới năm 2025*, *Sđd*.

3. "Tuyên bố Hà Nội về tăng cường phúc lợi và phát triển cho phụ nữ", *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, 2010.

trọng là Bộ hướng dẫn của ASEAN về thực tiễn quan hệ lao động công nghiệp hài hòa, và Chương trình làm việc của các bộ trưởng lao động ASEAN giai đoạn 2010-2015. Chương trình làm việc mới bao gồm 4 ưu tiên chiến lược là cơ sở pháp lý, năng lực thể chế, quan hệ xã hội, và phát triển nhân lực và thị trường lao động<sup>1</sup>. Việt Nam đã tham gia thực hiện 12 chương trình/dự án trong khuôn khổ Kế hoạch Hành động về phát triển nguồn nhân lực theo IAI như Chương trình ASEAN - Nhật Bản về quan hệ lao động, Chương trình phát triển nguồn nhân lực ASEAN, Dự án nghiên cứu về AFTA và tác động của quá trình gia nhập AFTA đối với lao động và việc làm ở các nước ASEAN, Dự án tăng cường công nhận kỹ năng nghề trong các nước ASEAN<sup>2</sup>. Trong năm Chủ tịch ASEAN 2020, một trong những dấu ấn của Việt Nam là việc chủ trì tổ chức Hội nghị lần đầu tiên giữa các bộ trưởng lao động và giáo dục ASEAN về phát triển nguồn nhân lực trong một thế giới công việc đang đổi thay. Tại Hội nghị, các bộ trưởng phụ trách lao động và giáo dục của ASEAN đã cùng xem xét và thông qua Lộ trình ASEAN về phát triển nguồn nhân lực cho thế giới và chứng kiến Lễ ra mắt của Hội đồng Giáo dục nghề nghiệp ASEAN. Đây là những nỗ lực nhằm kiến tạo toàn về cả thể chế và định hướng chiến lược thúc đẩy hợp tác ASEAN một cách hiệu quả hơn nữa trong

---

1. Hợp tác về lao động trong ASEAN, *Cổng thông tin ASEAN Việt Nam*.

2. Vụ Hợp tác Quốc tế: “Báo cáo cuối cùng của Dự án nghiên cứu cấp Bộ về định hướng phát triển quan hệ đối tác của Việt Nam với ASEAN về lao động và xã hội”, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2011.

lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực của khu vực và từng quốc gia<sup>1</sup>.

Trong lĩnh vực phúc lợi xã hội và phát triển, hợp tác giữa Việt Nam và các nước ASEAN được triển khai thông qua các khuôn khổ Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về phúc lợi xã hội và phát triển (AMMSWD), Hội nghị các quan chức cao cấp về phúc lợi xã hội và phát triển (SOMSWD) và Ủy ban ASEAN thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em (ACPPWRC)<sup>2</sup>. Trong các khuôn khổ đó, Việt Nam đã xúc tiến việc hợp tác về phúc lợi và phát triển xã hội thông qua việc tổ chức các sự kiện lớn và thúc đẩy các sáng kiến, tham gia xây dựng các dự thảo quan trọng về hợp tác phúc lợi - phát triển xã hội. Năm 1999, Việt Nam đã tổ chức Hội nghị lần thứ 21 Ủy ban Phát triển xã hội ASEAN (COSD). Năm 2010, Việt Nam tổ chức Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về phúc lợi xã hội và phát triển lần thứ 6 (AMMSWD) và tích cực vận động thành lập Ủy ban ASEAN thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em (ACWC)<sup>3</sup>. Việt Nam đã tích cực tham gia triển khai các dự án trong khuôn khổ Kế hoạch công tác của Ủy ban phụ nữ ASEAN (ACW) giai đoạn 2011-2015 mà Việt Nam là đầu mối và tổ chức thành công sự kiện Lễ thành

---

1. Anh Sơn: “ASEAN cam kết phát triển nguồn nhân lực trong thế giới công việc đang đổi thay”, Báo *Thế giới & Việt Nam*, 16/9/2020.

2. Vụ Hợp tác Quốc tế: “Báo cáo cuối cùng của Dự án nghiên cứu cấp Bộ về định hướng phát triển quan hệ đối tác của Việt Nam với ASEAN về lao động và xã hội”, *Tlđđ*.

3. Vu Thi Hai Hoa (2013), *Vietnam and the ASEAN Socio-Cultural Community (ASCC): Prospect, Challenges and Opportunities*, *Ibid*, p. 50.

lập mạng lưới doanh nhân nữ ASEAN ngày 22/4/2014 tại Hà Nội. Năm 2020, Việt Nam chủ trì Hội nghị ASCC lần thứ 23 tại Hà Nội. Với vai trò Chủ tịch ASEAN 2020, Việt Nam đã kêu gọi các nước thành viên đoàn kết và hợp tác hơn nữa, phát huy vai trò của ASCC trong việc điều phối những nỗ lực của Cộng đồng để bảo đảm cho người dân có được một cuộc sống hạnh phúc, bảo đảm ổn định và phát triển xã hội. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng tham gia tích cực vào các chương trình hợp tác trong lĩnh vực này như Chương trình Hành động Viêng Chăn để tạo điều kiện cho nhóm người khuyết tật và dân tộc thiểu số tiếp cận giáo dục, nâng cao hệ thống chăm sóc người cao tuổi, nâng cao chất lượng nhân lực ngành y tế, triển khai thực hiện Tuyên bố chung về giảm thiểu tác động của COVID-19 đến các nhóm dễ bị tổn thương trong ASEAN được thông qua tại Hội nghị đặc biệt của các Bộ trưởng ASEAN phụ trách phúc lợi xã hội và phát triển được tổ chức theo hình thức trực tuyến ngày 10/6/2020 trong năm Chủ tịch ASEAN của Việt Nam.

#### *Về quan hệ đối ngoại của ASEAN*

Việt Nam có nhiều đóng góp quan trọng vào việc mở rộng quan hệ và đẩy mạnh hợp tác giữa ASEAN với các đối tác, nâng cao vai trò và vị thế quốc tế của ASEAN, nhất là vai trò nòng cốt trong các diễn đàn khu vực như ASEAN+1, ASEAN+3, EAS, ARF, ADMM+ và EAMF. Việt Nam đã có nhiều dấu ấn đậm nét góp phần nâng cao giá trị và hiệu quả hoạt động của các diễn đàn này, trong đó nổi bật là thúc đẩy

thành công việc mở rộng EAS để Nga và Mỹ tham gia, vận động và chủ trì thành công Hội nghị ADMM+ lần đầu tiên tại Hà Nội, xây dựng Kế hoạch Hành động Hà Nội thực hiện Tuyên bố Tầm nhìn ARF năm 2010, vận động để đại diện ASEAN dự Hội nghị Thượng đỉnh G20 tại Hàn Quốc và Canada. Giáo sư Carlyle Thayer, chuyên gia nghiên cứu về Việt Nam thuộc Đại học New South Wales, Ôxtrâyli-a cho rằng, chính sách ngoại giao đa dạng hóa, đa phương hóa cũng như kinh nghiệm trong ngoại giao song phương được Việt Nam vận dụng để giúp ASEAN thúc đẩy quan hệ với các đối tác đối thoại, trong đó có Nga và Ấn Độ<sup>1</sup>. Đóng góp của Việt Nam còn thể hiện qua vai trò nòng cốt trong quá trình xây dựng Kế hoạch công tác về duy trì và tăng cường vai trò trung tâm của ASEAN (2009) và Kế hoạch công tác sửa đổi về vai trò trung tâm của ASEAN (2015), góp phần thúc đẩy định hình cấu trúc khu vực trên cơ sở các tiến trình khu vực do ASEAN giữ vai trò chủ đạo. Tại các hội nghị giữa ASEAN và các đối tác nhân dịp Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 53 tổ chức tại Hà Nội tháng 9/2020, ASEAN và các đối tác đã thông qua Kế hoạch Hành động Hà Nội II của Diễn đàn khu vực ARF. Các nước cũng nhất trí với nhiều đề xuất của Việt Nam như ra Tuyên bố Hà Nội kỷ niệm 15 năm thành lập EAS nhân dịp Hội nghị Cấp cao EAS lần thứ 15, tổ chức họp Nhóm chuyên gia EAS về COVID-19,

---

1. Vân Thiêng, Việt Nga: “25 năm Việt Nam đóng góp, thúc đẩy quan hệ đối ngoại của ASEAN”, *VOV5*, 28/7/2020.

ra tuyên bố giữa các nhà lãnh đạo ASEAN+3 về tăng cường hợp tác kinh tế, qua đó tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm của ASEAN trong các cơ chế hợp tác khu vực và dấu ấn của Việt Nam<sup>1</sup>.

#### **4. Một số hạn chế, tồn tại**

*Thứ nhất*, mặc dù sự chủ động, tích cực trong tham gia hợp tác ASEAN của Việt Nam đã ngày càng gia tăng, giai đoạn sau tốt hơn giai đoạn trước, song Việt Nam vẫn chưa có nhiều sáng kiến và đề xuất có giá trị để tận dụng được các cơ hội và lợi ích tiềm năng. Các đề xuất thường được đưa ra trong các năm Việt Nam đóng vai trò Chủ tịch ASEAN. Việt Nam cũng chủ yếu đưa ra các bình luận, đóng góp trong các văn kiện để phát triển, thể chế hóa tổ chức. Trong khi đó, các đề xuất lớn có tính trụ cột trong tiến trình phát triển của ASEAN về cơ bản vẫn do nhóm nước thành viên cũ đưa ra.

*Thứ hai*, hiểu biết về ASEAN và sự tham gia của đông đảo các đối tượng, thành phần ở Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN vẫn còn hạn chế, kể cả một số cơ quan cũng như trong nhân dân và doanh nghiệp. Nhận thức trong nước chưa thực sự đầy đủ, đúng mức và thống nhất về tầm quan trọng của việc tham gia ASEAN. Đáng chú ý, tâm lý coi nhẹ ASEAN có nơi có lúc dẫn đến sự thiếu quan tâm và đầu tư

---

1. Hải Minh: “Thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của ASEAN và vai trò Việt Nam”, *Tlđđ*.



thích đáng cho việc tham gia các hoạt động hợp tác và liên kết trong ASEAN.

*Thứ ba* là những hạn chế liên quan đến lĩnh vực kinh tế. Chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế là một vấn đề. Mặc dù Việt Nam là hình mẫu của một quốc gia thoát nghèo thành công với tốc độ tăng trưởng tốt, nhưng trong nội bộ ASEAN, theo Niên giám thống kê ASEAN 2019, Việt Nam đứng thứ 2 về dân số nhưng chỉ đứng thứ 6 về GDP, bằng 2/3 GDP của nền kinh tế thứ 5 ASEAN là Philíppin. GDP bình quân đầu người của Việt Nam (2.546 USD) xếp thứ 7 khu vực, nhỏ hơn rất nhiều so với Xingapo (64.567 USD), Brunây (30.668 USD), Malaixia (11.067 USD), Thái Lan (7.446 USD)<sup>1</sup>. Chỉ số HDI của Việt Nam đứng thứ 6, xếp hạng năng lực cạnh tranh xếp thứ 7 ASEAN. Sự chênh lệch còn phản ánh qua các yếu tố khác như tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam không đủ để khắc phục sự tụt hậu xa hơn về kinh tế giữa Việt Nam và các nước trong khu vực, trình độ phát triển sản xuất còn thấp, mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là nguyên liệu thô, hàng sơ chế, gia công<sup>2</sup>, và có xu hướng gia tăng phụ thuộc vào FDI, tỷ lệ lao động lành nghề chỉ chiếm 26,7%. Sự chênh lệch này khiến cho Việt Nam, dù có nỗ lực lớn trong hoàn thành các mục tiêu xây dựng AEC,

---

1. *ASEAN Statistical Yearbook 2019*, ASEAN Secretariat.

2. Nguyễn Thị Hải Vân: “Chủ động hội nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN”, Tạp chí *Cộng sản*, số 106, 2015, tr. 88-89.

cũng sẽ gặp phải những trở lực nhất định trong hội nhập kinh tế khu vực và bị hạn chế trong việc hưởng lợi khi AEC được xây dựng đầy đủ<sup>1</sup>.

Bên cạnh đó, mức độ phụ thuộc về kinh tế giữa Việt Nam và ASEAN vẫn còn thấp. Đây là vấn đề của cả ASEAN, khi AEC vẫn bị đánh giá là có mức trao đổi thương mại nội khối thấp khi chỉ chiếm 23,5% tổng trao đổi thương mại ASEAN (năm 2017), so với tỷ lệ khoảng 60% của EU. Trao đổi buôn bán với ASEAN chỉ chiếm 11% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam, cho dù đã có sự tăng trưởng tốt<sup>2</sup>. Đây là một tỷ lệ thấp, chưa tương xứng với tiềm lực của Việt Nam. Việt Nam chưa bao giờ xuất siêu với ASEAN. Trái lại, thâm hụt thương mại trong khối ASEAN ngày càng tăng theo các năm. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam là nguyên liệu thô, hàng sơ chế, gia công, một số sản phẩm điện tử và linh kiện, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, với công nghệ sản xuất thấp, do đó khó cạnh tranh được với sản phẩm của nhóm các nước thành viên cũ nếu thị trường mở cửa hơn nữa<sup>3</sup>.

“Hạ tầng cứng” và “hạ tầng mềm” của Việt Nam vẫn chưa phát triển đồng đều và chưa đáp ứng yêu cầu phát

---

1. Ví dụ, việc luân chuyển tự do lao động trong nội khối ASEAN chỉ áp dụng với lao động lành nghề.

2. “Việt Nam - ASEAN khẳng định vị thế hợp tác khu vực và thế giới”, Báo Đầu tư Online, 27/7/2020

3. Huỳnh Thị Thu Sương: “AEC và những vấn đề đặt ra trong hoạt động thương mại nội khối”, Tạp chí Tài chính, 19/11/2017.

triển. *Hạ tầng cứng* bao gồm hệ thống hạ tầng giao thông. Dù Việt Nam đứng đầu ASEAN trong đầu tư cơ sở hạ tầng<sup>1</sup>, tuy nhiên, hạ tầng kết nối còn nhiều bất cập như tốc độ tăng trưởng vận tải cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP, tốc độ di chuyển và mức tin cậy về dịch vụ vận tải thấp<sup>2</sup>. Bên cạnh đó là các vấn đề như chênh lệch nhu cầu sử dụng các cảng nước, cảng hàng không phát triển chưa theo kịp với sự thay đổi mặt hàng vận tải, chưa định hướng giao thông phát triển theo chuỗi giá trị. *Hạ tầng mềm* là hệ thống công trình hỗ trợ, dịch vụ, hành lang pháp lý, thủ tục hành chính hỗ trợ cho hạ tầng cứng. So sánh với các nước ASEAN khác là Xingapo, Malaixia, Philíppin và Thái Lan, hành lang pháp lý và thủ tục hành chính của Việt Nam chưa thuận lợi cho giao lưu thương mại, thể hiện qua chi phí thương mại ở mức cao, thời gian tuân thủ kiểm tra chuyên ngành kéo dài gần gấp ba lần so với nhóm 4 nước trên. Yếu tố này làm gia tăng gánh nặng, giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong hoạt động thương mại nội khối ASEAN và với các đối tác bên ngoài<sup>3</sup>. Trong khi đó, tham gia hợp tác ASEAN chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam với nguồn vốn, công nghệ, năng lực cạnh tranh còn

---

1. Karl Lester M Yap and Nguyen Dieu Tu Uyen (2017), "In Asia's Infrastructure Race, Vietnam Is Among the Leaders", *Bloomberg*, 22/3.

2, 3. Hồng Hà: "Việt Nam kém cạnh tranh hơn các nước trong khu vực vì đâu?", *Vietnam Business*, 15/6/2018.

thấp, hạn chế về tiềm lực hội nhập kinh tế và ngoại ngữ. Những doanh nghiệp này cũng chưa hiểu biết đầy đủ về lợi ích đến từ AEC và có phần tụt hậu so với các doanh nghiệp của một số nước ASEAN khác trong việc tận dụng những cơ hội mà AEC mang lại<sup>1</sup>.

*Thứ tư*, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm hoạt động quốc tế và trình độ ngoại ngữ của cán bộ Việt Nam tuy đã được nâng cao hơn trước nhiều song so với nhu cầu liên kết, hội nhập trong ASEAN thì vẫn còn yếu và thiếu. Đặc biệt lĩnh vực hợp tác văn hóa - xã hội đòi hỏi sự tham gia, trao đổi một cách tích cực, thường xuyên, sâu sát của các ngành y tế, giáo dục, tư pháp, văn hóa, tài nguyên môi trường, thanh thiếu niên giữa các nước thành viên. Tuy vậy, ở các bộ, ngành vẫn còn tình trạng cán bộ giỏi chuyên môn thì không biết đối ngoại, trong khi cán bộ biết đối ngoại thì không giỏi chuyên môn. Điều này sẽ hạn chế sự tham gia hợp tác hiệu quả của Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN nói chung và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN nói riêng. Hoạt động tham gia hợp tác ASEAN hiện nay mới chỉ tập trung ở một số cán bộ giỏi ngoại ngữ, chuyên về ASEAN, chưa khuyến khích được sự tham gia đông đảo của cán bộ các bộ, ngành cũng như doanh nghiệp và người dân nói chung, từ đó sẽ ảnh hưởng đến mức độ và chất lượng hội nhập.

*Thứ năm*, việc trao đổi thông tin, phối hợp chính sách và hành động giữa các cơ quan của Việt Nam tham gia hợp tác

---

1. “Cộng đồng Kinh tế ASEAN - Cơ hội và thách thức”, *Tlđđ*.

ASEAN, tuy đã được tăng cường đáng kể, nhưng nhiều lúc chưa kịp thời và còn hạn chế về chất lượng, hiệu quả, nhất là khi hoạt động của ASEAN ngày càng đa dạng và phức tạp. Bên cạnh đó, vấn đề bảo đảm nguồn lực tài chính để thực hiện các hoạt động và nhất là nuôi và theo đuổi các sáng kiến của Việt Nam cũng là vấn đề đặt ra, trong bối cảnh một số bộ, ngành phản ánh không đủ kinh phí để tham gia các hoạt động của ASEAN.

## II. SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM TRONG ASEAN THỜI GIAN TỚI

### **1. Vị trí, vai trò của ASEAN trong chính sách đối ngoại Việt Nam**

Khu vực Đông Nam Á và ASEAN có ý nghĩa quan trọng chiến lược đối với Việt Nam vì đây là môi trường an ninh và phát triển trực tiếp của đất nước, là địa bàn và tập hợp lực lượng phù hợp với thế và lực của Việt Nam, là nhân tố quan trọng để Việt Nam mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế, nhất là tạo thế trong quan hệ với các đối tác của ASEAN, đặc biệt là các nước lớn và các trung tâm lớn, nâng cao vai trò và vị thế quốc tế của đất nước. Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh khẳng định chính sách đối ngoại với ASEAN đã trở thành một bộ phận quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam<sup>1</sup>.

---

1. Ủy ban Quốc gia ASEAN 2020: *25 năm Việt Nam tham gia ASEAN qua góc nhìn của người trong cuộc*, Sđd, tr. xxvi.

ASEAN đóng vai trò quan trọng trong chính sách đối ngoại Việt Nam về kinh tế và an ninh bởi các nước thành viên ASEAN đều là các nước láng giềng của Việt Nam, chia sẻ nét chung về văn hóa, mối quan tâm về phát triển kinh tế và chủ quyền quốc gia. Tuy nhiên, vai trò lớn của ASEAN đối với Việt Nam còn là ở chỗ Hiệp hội đã giúp nâng cao vị thế đối ngoại của Việt Nam trong quan hệ với các nước lớn và cộng đồng quốc tế.

Việt Nam chủ trương đẩy mạnh quan hệ với ASEAN vì các lợi ích an ninh và kinh tế trong mối tương tác với lợi ích về vị thế. Về kinh tế, việc thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN tạo ra những cơ hội phát triển to lớn đối với Việt Nam vì những lợi ích mang lại từ thị trường đơn nhất, nền sản xuất chung được xây dựng dựa trên tự do lưu chuyển dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề. Các lợi thế này trong thời gian qua đã giúp Việt Nam mở rộng hoạt động sản xuất sang các nước trong khối, đồng thời tạo nên những chuyển biến sâu sắc về nhận thức trong công tác điều hành và quản lý kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế. Hơn nữa, với vai trò nước thành viên trong khối kinh tế ASEAN - thị trường mà Trung Quốc khó có thể bỏ qua, Việt Nam có thể gia tăng mức độ phụ thuộc lẫn nhau với nền kinh tế Trung Quốc, từ đó giảm bớt tính dễ tổn thương và thâm hụt thương mại trong quan hệ kinh tế với Trung Quốc.

Về an ninh, các cơ chế hợp tác của ASEAN và giữa ASEAN với các đối tác giúp Việt Nam nâng cao vị thế, đặc biệt trong các vấn đề liên quan tới Biển Đông. ASEAN là một hình thức tập hợp lực lượng thích hợp để giúp Việt Nam nâng cao thế và lực, tranh thủ thêm sự ủng hộ, giúp đỡ trong các vấn đề an ninh, chính trị và xử lý quan hệ với các nước lớn, đặc biệt là Trung Quốc và Mỹ.

Những lợi ích quan trọng và thiết thực mà ASEAN trong thập kỷ tới sẽ mang lại cho Việt Nam là: bảo đảm môi trường khu vực hòa bình và ổn định, thuận lợi hơn nữa cho an ninh và phát triển của Việt Nam; tạo thế chiến lược tốt hơn cho Việt Nam trong quan hệ với các đối tác bên ngoài, nhất là các nước lớn, và trong hội nhập quốc tế sâu rộng hơn; mở rộng thị trường cho hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam, tạo môi trường hấp dẫn hơn cho đầu tư và kinh doanh từ bên ngoài vào Việt Nam; tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ và nguồn lực từ bên ngoài để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong nước; và nâng cao năng lực cán bộ, cải tiến tổ chức bộ máy và cơ chế vận hành trong nước, xây dựng và hoàn thiện nội luật cho phù hợp với chuẩn mực chung của khu vực và quốc tế.

Vai trò của ASEAN với Việt Nam trong 5-10 năm tới đã được đề cập trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, trong đó nhấn mạnh việc nhận thức rõ tầm quan trọng của ASEAN trong tổng thể các hoạt động đối ngoại, coi ASEAN là

vành đai an ninh trực tiếp của đất nước, là ngôi nhà chung của Việt Nam. Từ đó, Việt Nam định hướng “Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng vững mạnh” và tiếp tục đẩy mạnh đối ngoại đa phương và hội nhập quốc tế với phương châm “chủ động và tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương...; chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc”<sup>1</sup>. Nói cách khác, ASEAN là một trọng tâm ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Việt Nam nói chung, trong định hướng chiến lược đối ngoại đa phương và chủ trương đẩy mạnh, nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam trong thời gian tới.

Căn cứ vào những mục tiêu và nhiệm vụ đối ngoại cụ thể của đất nước trong thời gian tới, ASEAN đóng vai trò trọng yếu trong chiến lược đối ngoại của Việt Nam từ nay đến sau năm 2025, thể hiện trên các khía cạnh và vì các lý do chính như sau:

ASEAN chính là vành đai an ninh trực tiếp của đất nước và cũng là kênh đối thoại đa phương quan trọng ở cấp độ khu vực, là cơ sở cho phép Việt Nam thực hiện được mục tiêu Đại hội Đảng lần thứ XIII đã đề ra: bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.35; *Chỉ thị số 25/CT-TW ngày 08/8/2018 về đẩy mạnh, nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030*.



của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Trước hết, Việt Nam có đường biên giới giáp 3 quốc gia là Lào, Campuchia và Trung Quốc. Trong đó, Lào và Campuchia là hai nước láng giềng cũng là thành viên của ASEAN. Thông qua ASEAN, Việt Nam có thêm điều kiện để củng cố mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với hai nước láng giềng này và bảo đảm ổn định ở đường biên giới. Hơn nữa, để có thể bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ dựa trên luật pháp quốc tế, Việt Nam cần sự ủng hộ từ cộng đồng quốc tế, đặc biệt qua các kênh đối thoại đa phương. Tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực đang được công nhận và ủng hộ rộng rãi. Hơn thế nữa, ASEAN là một cơ chế gồm các quốc gia vừa và nhỏ ở khu vực Đông Nam Á mà các nước lớn trong khu vực tuy có ảnh hưởng nhất định nhưng không thể chi phối hoạt động của Hiệp hội. Chính vì thế, ASEAN là một sân chơi mà ở đó Việt Nam có thể nâng cao vị thế và tiếng nói trong việc đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc dựa trên các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi.

Một ASEAN phát triển sẽ góp phần thúc đẩy xu thế hợp tác trong khu vực, giải quyết các tranh chấp thông qua đối thoại, từ đó Việt Nam có thể đạt được mục tiêu “bảo vệ vững

chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định”<sup>1</sup>. Có thể thấy được rằng, trong bối cảnh hiện nay, thách thức an ninh lớn nhất của Việt Nam chủ yếu liên quan đến vấn đề Biển Đông. Để có thể giải quyết, hoặc ít nhất là kiểm soát, được tranh chấp trong khi vẫn giữ được môi trường hòa bình, ổn định, Việt Nam phải nỗ lực thúc đẩy các cơ chế đa phương mà tại đó vấn đề Biển Đông có thể được thảo luận. Trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, cho đến nay không cơ chế nào phù hợp hơn ASEAN và các cơ chế do ASEAN giữ vai trò chủ đạo.

ASEAN không chỉ là sân chơi đem lại những lợi ích kinh tế thiết thực cho Việt Nam mà còn là cầu nối cho Việt Nam tranh thủ nguồn lực từ các nước đối tác lớn của ASEAN, từ đó giúp Việt Nam đạt mục tiêu “tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân”<sup>2</sup>. ASEAN là một đối tác kinh tế có tiềm năng được các nước lớn trong khu vực và trên thế giới ngày càng quan tâm, đặc biệt trong bối cảnh hậu COVID-19 với xu hướng nhiều nhà đầu tư chuyển hướng dòng vốn đầu tư và cơ sở sản xuất từ Trung Quốc sang những thành viên của ASEAN<sup>3</sup>. Theo Báo cáo Đầu tư ASEAN 2019, được Ban Thư ký Hiệp

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.153.

3. Anh Quân: “ASEAN đón dòng vốn đầu tư toàn cầu”, Tạp chí *Tài chính*, 15/6/2020.

hội ASEAN công bố vào cuối năm 2019, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ASEAN đã tăng 3 năm liên tiếp, đạt mức kỷ lục 155 tỷ USD trong năm 2018, so với mức 147 tỷ USD năm trước đó. Tỷ lệ đầu tư vào ASEAN trong tổng lượng FDI toàn cầu cũng tăng từ 9,6% năm 2017 lên 11,5% năm 2018<sup>1</sup>. Trong đó, Mỹ là đối tác thương mại lớn thứ hai và nhà đầu tư FDI lớn nhất trong số các đối tác đầu tư của ASEAN<sup>2</sup>. Nhật Bản là đối tác thương mại lớn thứ tư và nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ hai của ASEAN<sup>3</sup>. EU là đối tác thương mại lớn thứ ba và cũng là nhà đầu tư lớn thứ ba của ASEAN<sup>4</sup>. ASEAN và Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của nhau và Trung Quốc là nguồn đầu tư FDI lớn thứ 4 của ASEAN<sup>5</sup>. Hàn Quốc là đối tác thương mại lớn thứ 5 và nguồn FDI lớn thứ 7 của ASEAN<sup>6</sup>. Là một thành viên ASEAN, Việt Nam sẽ có điều kiện tranh thủ được nguồn lực quan trọng từ các đối tác lớn này.

---

1. Hà Nguyễn: “Chung tay đưa ASEAN thành điểm đến đầu tư hấp dẫn”, *Báo Đầu tư online*, 29/8/2020.

2. Lưu Hiệp: “Đối thoại trực tuyến về hợp tác kinh tế giữa ASEAN - Mỹ”, *Báo Công an nhân dân online*, 27/8/2020.

3. “ASEAN - Nhật Bản: Hiện thực hoá 3 mục tiêu trong hợp tác chống dịch COVID-19”, *Báo Thế giới & Việt Nam*, 28/8/2020.

4. “Tăng cường quan hệ hợp tác ASEAN - EU và ASEAN - Ấn Độ”, *Báo Chính phủ điện tử*, 12/9/2020.

5. Hiếu Minh: “Tham vấn trực tuyến về hợp tác kinh tế ASEAN - Trung Quốc”, *Báo Đầu tư chứng khoán*, 27/8/2020.

6. “Hàn Quốc tiếp tục là đối tác thương mại quan trọng của ASEAN”, *Báo Thế giới & Việt Nam*, 29/8/2020.

ASEAN cũng là một sân chơi để Việt Nam phát huy được vai trò và ảnh hưởng, qua đó giúp Việt Nam đạt mục tiêu “nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”<sup>1</sup>. Có thể thấy rằng, tại các sân chơi toàn cầu với sự hiện diện của các nước lớn, tiếng nói của các nước vừa và nhỏ như Việt Nam vẫn còn rất hạn chế. Tại các cơ chế đa phương toàn cầu hiện nay, những nguyên tắc hoạt động vẫn phản ánh chính trị cường quyền và ảnh hưởng của các nước lớn. ASEAN gồm các quốc gia đang phát triển ở khu vực Đông Nam Á là một sân chơi vừa sức và cũng là một diễn đàn mà ở đó Việt Nam có thể chủ động, tích cực phát huy vai trò nhằm đạt được mục tiêu về vị thế. Hơn nữa, Việt Nam có thể tận dụng vị thế của ASEAN để vươn tầm vai trò và ảnh hưởng ra các diễn đàn lớn hơn ở cấp liên khu vực và toàn cầu.

## **2. Vị trí, vai trò của Việt Nam trong ASEAN**

Trong ASEAN, Việt Nam là một trong những nước lớn tính theo các tiêu chí dân số (đứng thứ hai) và diện tích (đứng thứ tư), có vị trí địa - chiến lược và địa - kinh tế quan trọng, thế và lực ngày càng gia tăng, là điểm sáng về ổn định chính trị - an ninh và phát triển kinh tế - xã hội. Việt Nam

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.153.

được coi là nhân tố quan trọng đối với hòa bình, ổn định ở khu vực, là thị trường lớn, quan trọng, nhiều tiềm năng và triển vọng tăng trưởng tốt, mặc dù trình độ phát triển hiện tại còn thấp<sup>1</sup>. Việc Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới với những thành tựu nổi bật được ghi nhận, thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế là phù hợp với lợi ích của các nước và lợi ích của cả khu vực. Các nước ASEAN và các nước đối tác nhìn chung đều coi trọng vị trí và vai trò của Việt Nam trong khu vực, coi Việt Nam là nhân tố quan trọng trong hoạch định và triển khai chính sách ở khu vực.

Đặc biệt, sau hơn một phần tư thế kỷ gia nhập ASEAN, vị trí và vai trò của Việt Nam đã có sự gia tăng đáng kể. Từ một thành viên mới gia nhập ASEAN với mức độ hội nhập khu vực thấp, hơn nữa tham gia với tâm thế “dò đá qua sông”, Việt Nam đã trở thành một trong những thành viên chủ động, tích cực khi hoàn thành tốt các cam kết trong ASEAN và tham gia xây dựng, thúc đẩy sự thể chế hóa và liên kết nội khối của ASEAN. Bất chấp hạn chế về trình độ, khoảng cách phát triển, Việt Nam đã bứt phá từ nhóm CLMV để đóng góp sáng kiến, nguồn lực cho các tiến trình hoạt động, hợp tác của ASEAN tiến đến mức ngang hàng với nhóm các thành viên cũ. Vị trí, vai trò của Việt Nam đối

---

1. Xem Thy Hằng: “Triển vọng kinh tế Việt Nam đứng đầu khu vực châu Á”, Tạp chí *Tài chính*, 10/7/2020.

với ASEAN có thể được nhìn nhận và đánh giá qua những điểm sau:

Việt Nam là nhân tố tạo nên sự đoàn kết khu vực. Việc ASEAN kết nạp Việt Nam đã tạo ra môi trường gắn kết trong khu vực, giải tỏa mâu thuẫn hai khối, mở đường cho ba nước CLV cùng tham gia ASEAN nhờ sự nỗ lực vận động, xúc tiến của Việt Nam. Việc Việt Nam tham gia ASEAN đã giúp hoàn thành tiến trình mở rộng của ASEAN, đưa ASEAN phát triển trở thành Cộng đồng của khu vực Đông Nam Á. Kể từ khi gia nhập, Việt Nam luôn nỗ lực đóng vai trò tích cực, nòng cốt trong việc củng cố, tăng cường đoàn kết và thống nhất nội bộ ASEAN. Việt Nam đã cùng các thành viên khác, đặc biệt là các thành viên sáng lập, khéo léo xử lý những khác biệt nảy sinh giữa các nước thành viên, thúc đẩy lập trường và tiếng nói chung trong các vấn đề khu vực.

Việt Nam thúc đẩy quá trình phát triển và thể chế hóa của Hiệp hội, đấu tranh cho xu hướng phát triển đúng đắn của ASEAN. ASEAN từ một tổ chức hợp tác lỏng lẻo nhỏ bé ở Đông Nam Á đã trở thành một tổ chức hợp tác chặt chẽ với một bộ máy ngày càng hoàn chỉnh và một đối tác quan trọng được đánh giá cao của nhiều nước lớn. Trong tiến trình phát triển ấy, Việt Nam đã đóng vai trò ngày càng tích cực trong việc xác định chiều hướng phát triển, định hướng chiến lược và các quyết sách lớn của ASEAN.

Việt Nam nỗ lực nâng cao vị thế của ASEAN trong khu vực và trên thế giới. Điều đó được phản ánh qua việc

điều phối và thúc đẩy quan hệ đối ngoại song phương của ASEAN với các nước có quan hệ đối thoại chiến lược như Nhật Bản, Nga, Mỹ, Ôxtrâyliia. Với tư cách là nước điều phối quan hệ đối thoại giữa ASEAN với Trung Quốc (2009-2012), EU (2012-2015), Ấn Độ (2015-2018), Nhật Bản (2018-2021) và Hàn Quốc (2021-2024), Việt Nam phát huy vai trò là cầu nối tích cực trong việc tăng cường quan hệ giữa ASEAN và các đối tác. Việt Nam cũng góp phần tháo gỡ vướng mắc, nâng tầm quan hệ giữa hai bên, đã được cả ASEAN và các nước đối tác đánh giá cao. Bên cạnh đó, Việt Nam còn đóng góp tích cực trong các cơ chế, diễn đàn đa phương mà ASEAN là lực lượng khởi xướng (ASEAN+1, ASEAN+3, EAS, ADMM+), giúp ASEAN giữ vai trò trung tâm, chủ đạo của mình.

### **3. Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN thời gian tới: thuận lợi và khó khăn**

#### *- Về thuận lợi:*

Thế và lực của Việt Nam đã tăng lên nhiều sau hơn 30 năm đổi mới với những thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội cũng như đối ngoại. Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh đường lối đổi mới, nhất là thông qua việc triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng và các chính sách, chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Cùng với đó, sau 25 năm tham gia ASEAN, Việt Nam đã khẳng định vị thế là thành viên tích

cực, có trách nhiệm và vai trò nòng cốt trong ASEAN, tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý trong hội nhập khu vực, cải thiện cơ chế vận hành trong nước và đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu về hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Đây là yếu tố thuận lợi có tính nền tảng nhất cho sự tham gia của Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN thời gian tới.

Trong khi đó, ASEAN đã trở thành một thực thể gắn kết hơn và có vai trò quan trọng ở khu vực, hướng tới những mục tiêu của Tầm nhìn Cộng đồng 2025. Các nước thành viên khác của ASEAN và Việt Nam đều có chung lợi ích cơ bản, lâu dài là duy trì môi trường hòa bình và ổn định, đẩy mạnh liên kết ASEAN và tăng cường vai trò của Cộng đồng ASEAN vì mục tiêu an ninh, phát triển và thịnh vượng. Tham gia tiến trình liên kết ASEAN sâu rộng hơn sẽ tiếp tục mang lại cho Việt Nam những lợi ích quan trọng và thiết thực, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho Việt Nam tập trung phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền và lợi ích ở biển Đông, hội nhập khu vực và quốc tế, từ đó lại có đóng góp hiệu quả và thiết thực hơn cho Cộng đồng ASEAN.

Trên thực tế, trước những hạn chế và chỉ trích về vai trò và hiệu quả của ASEAN thời gian qua, đã có ý tưởng về những cơ chế thay thế tại khu vực được đưa ra, như ý tưởng G8 của khu vực châu Á - Thái Bình Dương gồm Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ôxtrâyliya, Ấn Độ, Mỹ và Nga.



Jusuf Wanandi, nguyên cố vấn của Tổng thống Indônêxia Soeharto về chính trị và đối ngoại cho rằng, châu Á - Thái Bình Dương cần một cơ chế gồm các quốc gia mạnh, có vai trò quan trọng đối với khu vực tham gia vào đối thoại chiến lược và hợp tác an ninh<sup>1</sup>. Tuy nhiên, những ý tưởng về một tập hợp bao gồm toàn bộ các nước lớn trong khu vực không được ủng hộ rộng rãi. Simon Tay, Chủ tịch Viện nghiên cứu các vấn đề quan hệ quốc tế Xingapo, đã chỉ ra rằng tại châu Á - Thái Bình Dương, ý tưởng G8 là không thực tế, thậm chí còn đi ngược với nguyên tắc bình đẳng và đồng thuận của khu vực<sup>2</sup>. Trong một khu vực đa dạng chứa đựng các vấn đề phức tạp với nhiều quốc gia đang phát triển và là tâm điểm của cạnh tranh nước lớn như châu Á - Thái Bình Dương, và cả Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, những cơ chế mở, trung lập trong đó các quốc gia đang phát triển như ASEAN có vai trò lớn hơn sẽ dễ có được sự ủng hộ từ cộng đồng quốc tế và phù hợp với xu thế hợp tác, đối thoại trong quan hệ quốc tế hiện nay. Là một thành viên trong cơ chế đóng vai trò trung tâm của khu vực, Việt Nam xác định ASEAN là trọng tâm trong chính sách ưu tiên hội nhập quốc tế và không gian chiến lược quan trọng của đối ngoại đa phương

---

1. Jusuf Wanandi: "The ASEAN Charter and remodeling regional architecture", *East Asia Forum*, 9 November 2008.

2. Trích trong Amitav Acharya, "Asia Pacific Security: Community, Concert or What?", *Pacnet* No.11, Pacific Forum CSIS, 12 March, 2010.

Việt Nam thời kỳ mới<sup>1</sup>. Định hướng này là phù hợp với xu thế phát triển của ASEAN và khu vực, từ đó Việt Nam có điều kiện thuận lợi để triển khai thành công chính sách này.

Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn ở khu vực và trên thế giới. Theo dự báo, khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương về cơ bản vẫn duy trì được hòa bình và an ninh, mặc dù có nhiều nhân tố bất ổn, tiếp tục phát triển năng động và gia tăng liên kết kinh tế, là đầu tàu cho tăng trưởng kinh tế toàn cầu, tuy khó tránh khỏi tác động của những biến động về kinh tế và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Những xu thế lớn ở khu vực và trên thế giới thuận lợi cho hợp tác và phát triển sẽ tạo điều kiện cho Việt Nam đẩy mạnh công cuộc hội nhập quốc tế và đối ngoại đa phương, với ASEAN là một trọng tâm ưu tiên.

*- Về khó khăn, thách thức:*

Tình hình quốc tế và khu vực, trong đó có vấn đề Biển Đông, những năm qua và trong thời gian tới được dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Không loại trừ khả năng có đột biến, nhất là khi cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc, có chiều hướng gia tăng và gay gắt hơn, tác động trực tiếp đến từng nước thành viên và môi trường ổn định, hợp tác chung trong khu vực.

---

1. Nguyễn Nguyệt Nga: “Cộng đồng ASEAN - Không gian chiến lược quan trọng của đối ngoại đa phương Việt Nam thời kỳ mới”, trong Ủy ban Quốc gia ASEAN 2020: 25 năm Việt Nam tham gia ASEAN qua góc nhìn của người trong cuộc, Sđd, tr. 231.

Việc duy trì đoàn kết, thống nhất và vai trò chủ đạo của ASEAN ở khu vực đứng trước nhiều thách thức. Do vẫn tồn tại sự khác biệt khá lớn giữa các nước thành viên về quan điểm, lợi ích và tính toán chiến lược, nhất là lợi ích quốc gia và các tính toán trong quan hệ với các nước lớn, việc đạt đồng thuận trở nên khó khăn và kéo dài hơn. Điều này sẽ tạo ra những khó khăn nhất định đối với những nỗ lực của Việt Nam trong việc thúc đẩy vai trò của Cộng đồng ASEAN về các vấn đề an ninh - chính trị của khu vực, trong đó có cả vấn đề Biển Đông.

Về kinh tế, thách thức lớn nhất là sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế và kết cấu hạ tầng. Sự cạnh tranh của các quốc gia thành viên khác, đặc biệt trong lĩnh vực xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài, có xu hướng gia tăng. Trong khi đó, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam chưa cao, kết cấu hạ tầng cả cứng và mềm còn hạn chế, trình độ phát triển sản xuất còn thấp, mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là nguyên liệu thô, hàng sơ chế, gia công, và có xu hướng gia tăng phụ thuộc vào FDI, tỷ lệ lao động lành nghề trong tổng lao động thấp<sup>1</sup>. Với sức cạnh tranh yếu, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ gặp khó khăn ngay trên thị trường nội địa khi liên kết kinh tế ASEAN sâu rộng hơn và do đó càng khó có khả năng vươn ra, chiếm lĩnh thị trường

---

1. “Nâng cao năng suất lao động của Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0”, Tạp chí *Khoa học Công nghệ Việt Nam điện tử*, ngày 17/01/2020.

các nước thành viên khác, cũng như khó giành vị trí cao hơn trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Về văn hóa - xã hội, thách thức lớn nhất đối với Việt Nam là sự hạn chế về nguồn lực để triển khai các thỏa thuận, cam kết. Việt Nam cũng có thể gặp những khó khăn nhất định trong một số lĩnh vực nhạy cảm, như lao động di cư và hợp tác với các tổ chức phi chính phủ. Việc cùng các nước hướng tới mặt bằng chung về phúc lợi, an sinh xã hội, triển khai các cam kết về bảo vệ môi trường, công nhận lẫn nhau về bằng cấp, kỹ năng nghề,... cũng đặt ra cho Việt Nam những vấn đề phải xử lý, cả về đối nội và đối ngoại. Người lao động Việt Nam có thể sẽ gặp nhiều khó khăn hơn khi tìm việc làm do phải cạnh tranh với lao động của các nước ASEAN vào Việt Nam cũng như tại thị trường ASEAN nói chung, từ đó đặt ra vấn đề việc làm/thất nghiệp và kéo theo đó là những vấn đề kinh tế - xã hội khác.

Để tham gia hội nhập khu vực sâu rộng hơn và đóng vai trò tích cực hơn trong liên kết ASEAN đòi hỏi Việt Nam phải nỗ lực lớn hơn và chuẩn bị nội bộ tốt hơn mới có thể mang lại lợi ích thiết thực; đồng thời, phải xử lý thỏa đáng các vấn đề phức tạp nảy sinh trên cơ sở vừa bảo đảm các mục tiêu và lợi ích cơ bản của Việt Nam, vừa phù hợp với lợi ích của các nước khác và cộng đồng khu vực. Việt Nam cũng đứng trước thách thức khi phải đáp ứng yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách, điều chỉnh, sửa đổi hoặc ban hành mới nhiều văn bản pháp quy cả ở tầm vĩ

mô và vi mô để phù hợp với tiến trình hội nhập khu vực, tăng cường và nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp liên bộ/ngành, tăng cường bộ máy chuyên trách tham gia hợp tác ASEAN, đầu tư thích đáng hơn về nguồn lực, nhất là về tài chính và cán bộ tham gia hoạt động đa phương.

Việt Nam có thể đối mặt với hạn chế về nguồn lực khi tham gia nhiều hoạt động, cơ chế đa phương, nhất là trong bối cảnh còn phải xử lý nhiều vấn đề trong nước. Trong thời gian tới, ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, khu vực trong nước, giữa Việt Nam với khu vực và thế giới, tránh bẫy thu nhập trung bình, ứng phó và phục hồi trước tác động của dịch bệnh, biến đổi khí hậu, phát triển thị trường lao động - việc làm bền vững, già hóa dân số,... tiếp tục là những vấn đề then chốt cần tập trung nguồn lực để giải quyết.

Hơn nữa, nguồn nhân lực tiếp tục là một trong những thách thức lớn của Việt Nam. Năng suất lao động ở hầu hết các nhóm ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam hiện nay đều ở mức gần thấp nhất hoặc thấp nhất so với các nước Đông Nam Á, chủ yếu do năng suất tổng hợp (TFP) tăng chậm<sup>1</sup>. Đáng chú ý là, khoảng cách chênh lệch tuyệt đối trong năng suất lao động của Việt Nam so với các nước

---

1. Nguyễn Đức Thành, Ohno Kenichi: *Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2018*, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.

ASEAN khác vẫn tiếp tục gia tăng và Việt Nam sẽ phải đối mặt với thách thức rất lớn trong thời gian tới để có thể bắt kịp mức năng suất lao động của các nước<sup>1</sup>. Năm 2019, năng suất lao động của Việt Nam đạt tương đương 4.791 USD/lao động, chỉ bằng 7,6% mức năng suất của Xingapo, 19,5% của Malaixia, 37,9% của Thái Lan, 45,6% của Indônêxia, 56,9% của Philíppin và 87,4% của Lào<sup>2</sup>. Đây là thách thức lớn khi giai đoạn dân số vàng và lợi thế giá lao động rẻ của Việt Nam qua đi sau năm 2030<sup>3</sup>. Nói cách khác, Việt Nam còn có thêm nguy cơ mắc phải bẫy thu nhập trung bình với hệ quả là nguồn lực dành cho công tác đối ngoại khó có thể tăng mạnh trong thời gian tới. Theo đó, nguồn lực và sự quan tâm dành cho công tác đối ngoại đa phương nói chung và ASEAN nói riêng có thể sẽ bị ảnh hưởng theo hướng giảm đi.

Hội nhập sâu rộng hơn cũng đặt ra cho Việt Nam những yêu cầu mới về nâng tầm nhận thức, tư duy, đổi mới cách thức triển khai để nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, giảm thiểu các thách thức và tác động mặt trái. Ngoài ra,

---

1. “Toàn cảnh “bức tranh” năng suất lao động Việt Nam”, Báo *Chính phủ*, 05/8/2019.

2. Nguyễn Thị Thu Trang: “Thực trạng năng suất lao động của Việt Nam và một số giải pháp tăng năng suất lao động”, Báo *Công Thương*, 17/7/2020.

3. Dự báo tới 2030, dân số Việt Nam sẽ bắt đầu ổn định ở mức 104 triệu người với mức sinh thay thế (Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, tháng 10/2017).

mặc dù là một trong những nước đi đầu trong ASEAN và là một trong những nước đang phát triển ở châu Á tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu nhiều nhất, nhưng khả năng tận dụng lợi ích từ hội nhập và liên kết kinh tế quốc tế của Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực, chủ yếu do quá trình chuẩn bị và cải cách trong nước chưa theo kịp với thực tiễn liên kết kinh tế quốc tế. Theo đánh giá của UNCTAD, mức độ Việt Nam tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu là 2,1%, song mức tận dụng rất thấp và chỉ đạt 0,3% (so với các tỷ lệ tương ứng của Ấn Độ là 0,6% và 1,1%, Malaixia 0,8% và 1,5%, Thái Lan 0,8% và 1,0%, Ấn Độ 1,1% và 1,6%, Trung Quốc 8,9% và 5,2%)<sup>1</sup>. Nói cách khác, Việt Nam sẽ phải tuân thủ các cam kết đa phương quốc tế với những nội dung kinh tế chứa đựng nhiều thách thức và có tính lan tỏa sang các lĩnh vực chính trị - xã hội, mà nếu không xử lý khéo có thể gây tác động đến ổn định chính trị - xã hội của đất nước thời gian tới.

Về chính trị - an ninh và văn hóa - xã hội, càng hội nhập sâu, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa Việt Nam và các nước trong khu vực ngày càng sâu sắc. Việt Nam sẽ đứng trước thách thức phải xử lý thỏa đáng mối quan hệ giữa bản sắc quốc gia với bản sắc của Cộng đồng ASEAN, giữa hội nhập sâu và toàn diện với giữ vững độc lập chủ quyền, định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa lợi ích quốc gia và trách nhiệm thành

---

1. UNCTAD (2013), *Measuring Value in Global Value Chains*.

viên ASEAN, giữa lợi ích và nghĩa vụ đóng góp trong ASEAN, giữa mục tiêu kinh tế với mục tiêu chính trị - an ninh và vị thế, ảnh hưởng.

### III. MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ ĐỊNH HƯỚNG THAM GIA ASEAN CỦA VIỆT NAM

Bộ Chính trị đã thông qua Đề án về phương hướng và biện pháp Việt Nam tham gia hợp tác ASEAN đến năm 2015 và Đề án về phương hướng và biện pháp Việt Nam tham gia hợp tác ASEAN đến năm 2025. Chính phủ cũng đã ban hành chương trình hành động để thực hiện các đề án này. Các đề án và chương trình hành động đã cơ bản định hình chính sách của Việt Nam đối với ASEAN và tiến trình Việt Nam tham gia ASEAN trong thời gian qua và thập kỷ tới. Tuy nhiên, sự vận động nhanh chóng, phức tạp của tình hình thế giới, khu vực đang và sẽ tạo ra những tác động và vấn đề, cả cũ và mới, đối với các thể chế đa phương khu vực trong đó có ASEAN. Trên cơ sở dự báo tầm nhìn và triển vọng phát triển của ASEAN sau năm 2025, đồng thời tổng kết, đánh giá thực tiễn Việt Nam tham gia hoạt động hợp tác ASEAN, và nhất là căn cứ theo yêu cầu mới của quá trình phát triển của đất nước và công tác đối ngoại của Việt Nam, định hướng tham gia ASEAN từ nay đến sau năm 2025 cần được tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, cụ thể hóa nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Một số định hướng chính bao gồm:



## 1. Tăng cường nhận thức đúng về ASEAN

*Thứ nhất*, cần khẳng định coi trọng nhân tố ASEAN hơn nữa trong hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam thời gian tới. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII và XIII nêu phương hướng, nhiệm vụ đối ngoại theo thứ tự ưu tiên là: “Chú trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, truyền thống với các nước láng giềng, thúc đẩy quan hệ với các đối tác lớn, đối tác quan trọng. Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng vững mạnh. Mở rộng, làm sâu sắc hơn và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân”<sup>1</sup>. Theo đó, lãnh đạo Đảng và Nhà nước luôn khẳng định tiếp tục coi ASEAN là “một trong những trụ cột, ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước”<sup>2</sup>. Nhận thức này phản ánh tầm quan trọng chiến lược hàng đầu của ASEAN trong tổng thể chính sách đối ngoại của Việt Nam. Trong thời gian tới, ASEAN cần được tiếp tục nhìn nhận và khẳng định là trụ cột và ưu tiên hàng đầu trong chính sách và quan hệ đối ngoại của Việt Nam.

Chính sách và quan hệ đối ngoại của Việt Nam từ nay đến sau năm 2025 về cơ bản vẫn tập trung vào 3 ưu tiên

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.154.

2. Phạm Bình Minh: “Hướng tới cộng đồng ASEAN đoàn kết, vững mạnh và rộng mở”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 3(90), 2012; Nhật Đăng: “Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc: ASEAN là trụ cột chính sách đối ngoại của Việt Nam”, Báo *Tuổi trẻ Online*, ngày 08/8/2020.

hàng đầu, đó là nước lớn, nước láng giềng/khu vực và các cơ chế đa phương mà Việt Nam là thành viên. Bài học về cách ứng xử với các nước lớn trong lịch sử và hiện tại đã cho thấy mối quan hệ tốt với các nước láng giềng khu vực Đông Nam Á và vị thế của Việt Nam trong các cơ chế/tổ chức đa phương khu vực - đặc biệt là ASEAN - đóng vai trò rất quan trọng trong việc hóa giải các thách thức và phát huy các cơ hội do tương tác quan hệ nước lớn tạo ra. Tương lai phát triển của Cộng đồng ASEAN bảo đảm cho Việt Nam tiếp tục có quan hệ ổn định với các láng giềng Đông Nam Á. Đây là cơ sở thiết yếu để Việt Nam tạo vị thế trong quan hệ với các nước lớn, thông qua việc có thêm nguồn lực, công cụ thể chế đa phương, và cùng với đó là thể mặt cả tập thể để xử lý các thách thức và cơ hội do sự chuyển động nhanh chóng, phức tạp và khó lường của quan hệ nước lớn đưa đến.

Xét từ góc độ đó, nhận thức về vai trò của ASEAN đối với toàn bộ quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại Việt Nam cần nhấn mạnh tính chất chiến lược hàng đầu của ASEAN đối với Việt Nam. ASEAN đã trở thành sự lựa chọn chiến lược trong chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới. Sau 25 năm tham gia hợp tác ASEAN, thực tế đã chứng tỏ trong mọi thành tựu đối ngoại của Việt Nam đều có vai trò của ASEAN, cả trên bình diện song phương và đa phương, cả trên các kênh chính thức và không chính

thức, và trên mọi lĩnh vực quan hệ đối ngoại của Việt Nam. Nhân tố ASEAN tiếp tục có vai trò then chốt trong sự nghiệp và tiền đồ đối ngoại của Việt Nam trong tương lai.

*Thứ hai*, cần khắc phục cả hai trạng thái tâm lý: hoặc coi thường hoặc quá kỳ vọng vào ASEAN. Tâm lý này tồn tại khá phổ biến, xuất phát từ lý do hoặc không nhìn thấy những giá trị thiết thực của việc Việt Nam tham gia hợp tác ASEAN đối với đất nước, các bộ, ngành, cơ quan và cuộc sống của từng người dân, hoặc bị tác động bởi các thách thức của việc thực thi các cam kết, nhất là kinh tế, khi tham gia ASEAN, và đặc biệt là lo ngại trước các diễn biến trên Biển Đông và sự khó khăn, phức tạp trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, biển đảo nói riêng và xử lý quan hệ với nước lớn nói chung. Để khắc phục tâm lý này, cần nhận thức rõ và đúng thể mạnh và hạn chế của ASEAN để không quá thất vọng hay quá kỳ vọng về vai trò của ASEAN đối với an ninh và phát triển của Việt Nam.

Trước tiên, cần nhận thức rõ hơn về mô hình chủ nghĩa đa phương của ASEAN. Cần nhìn nhận thực tế khách quan rằng ASEAN là một tập hợp của các nước vừa và nhỏ khác biệt về nhiều mặt, cơ chế ASEAN lỏng lẻo, ASEAN không đi theo con đường của EU xây dựng thể chế siêu quốc gia và vẫn tiếp tục là một thể chế hợp tác liên chính phủ, trong đó các nước thành viên vẫn ưu tiên chủ quyền và lợi ích quốc gia - dân tộc của mình. Đặc biệt, các nước thành viên cũng

như các nước đối tác ngoài khu vực của ASEAN vẫn muốn giữ mô hình hợp tác của ASEAN như vậy.

Từ đó, cần hiểu rõ hơn rằng các điểm đặc thù này lại chính là điểm mạnh của cách tiếp cận thể chế mềm mà ASEAN chủ trương, và rằng phương cách ASEAN là tương thích và phù hợp để thực hiện hiệu quả các chức năng của ASEAN cho đến nay và trong tương lai vẫn là bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác trước hết giữa các nước thành viên và rộng hơn là trong tương tác giữa các nước thành viên với các đối tác ngoài khu vực, nhất là các nước lớn. Như vậy, cần khắc phục hiện tượng “phê phán nhằm địa chỉ” khá phổ biến trong khu vực mà Noor đã chỉ ra, rằng những thành tích trong việc duy trì hòa bình khu vực của ASEAN đã không được nhìn nhận thích đáng<sup>1</sup>.

Đồng thời, nhận thức đúng về chức năng của ASEAN cũng có nghĩa là cần nhận thức rõ hơn rằng ASEAN không có chức năng và vai trò giải quyết tranh chấp, nhất là tranh chấp lãnh thổ và tranh chấp tài nguyên, kể cả giữa các nước thành viên, rằng ASEAN không có nguồn lực để đáp ứng lợi ích phát triển của các nước thành viên, và rằng ASEAN không chủ trương can thiệp vào công việc nội bộ của các nước thành viên. ASEAN chỉ đề cao các nguyên tắc xử lý khác biệt, tạo điều kiện cho các bên có tranh chấp thảo luận

---

1. Farish Noor (2017), “ASEAN at 50: Giving Credit Where It Is Due”, *ASEAN Future Forward: Anticipating the Next 50 Years*, ISIS Malaysia, Kuala Lumpur.

và kiểm soát tình hình, không để tình hình vượt quá tầm kiểm soát gây tác động tiêu cực đến an ninh, ổn định và hợp tác khu vực. Như vậy, trong thời gian tới cần khắc phục tâm lý “thất vọng” cũng đang khá phổ biến trong khu vực, xuất phát từ kỳ vọng không thực tế về chức năng của ASEAN.

Bên cạnh đó, cần tăng cường hơn nữa nhận thức ở Việt Nam, nhất là trong giới doanh nghiệp, về các cơ hội và thách thức từ việc tham gia Cộng đồng ASEAN. Có tới 70% doanh nghiệp được khảo sát vẫn còn ‘mù mờ’ về Cộng đồng Kinh tế ASEAN và các nghĩa vụ cũng như quyền lợi của Việt Nam trong việc thực thi các cam kết trong ASEAN, quan trọng hơn là về tăng cường khả năng “vận dụng” các cơ hội mà ASEAN đem lại trong việc tăng lợi thế đàm phán của Việt Nam trong ASEAN và các khuôn khổ đa phương khác.

Nói cách khác, cần thống nhất nhận thức rằng các hạn chế của ASEAN là cố hữu, không thể khắc phục trong thời gian ngắn, nhưng cũng không đến mức cản trở ASEAN thực hiện thành công các chức năng cơ bản của mình. ASEAN vẫn là công cụ tốt nhất mà các nước thành viên có trong tay, và trong thời gian tới khó có khả năng thay thế. Điều quan trọng nhất là phải tăng cường đoàn kết và nhất trí trong ASEAN, nhất là khi các nước lớn tiếp tục gia tăng cạnh tranh ảnh hưởng ở khu vực và lôi kéo các nước thành viên, đồng thời phải giữ vững các thủ tục, luật chơi, phương cách ASEAN. Nếu ASEAN không giữ được đoàn kết và khả năng thích ứng linh hoạt với những biến đổi của tình hình

thì vai trò của ASEAN sẽ ngày càng suy giảm và khả năng bảo vệ lợi ích của các nước thành viên, trong đó có Việt Nam sẽ giảm theo.

Tóm lại, việc khẳng định ASEAN là trụ cột và ưu tiên hàng đầu trong chính sách và quan hệ đối ngoại của Việt Nam cần phải đi cùng với việc củng cố nhận thức đúng về điểm mạnh, điểm hạn chế “cố hữu” của ASEAN để có một cái nhìn khách quan và thực tế hơn về ASEAN, từ đó làm cơ sở hoạch định và triển khai chính sách của Việt Nam đối với ASEAN.

Mặt khác, cũng cần ghi nhận thực tế là mức độ nhận thức về ASEAN ở Việt Nam tuy cần phải tăng cường theo các hướng đã nêu trên, nhưng vẫn còn cao hơn so với ở một số nước thành viên ASEAN khác, kể cả trong nhóm thành viên cũ. Điều này cũng đặt ra yêu cầu lớn hơn đối với việc Việt Nam dùng kinh nghiệm của mình để quảng bá về ASEAN, qua đó tạo ra nhận thức đầy đủ hơn về Hiệp hội ở cả trong và ngoài khu vực Đông Nam Á.

## **2. Xác định cao hơn vai trò, vị trí của ASEAN và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác ASEAN trong tổng thể chính sách đối ngoại của Việt Nam**

Đường lối và chính sách đối ngoại của Việt Nam là nhằm mục tiêu bảo đảm cao nhất lợi ích của quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế. Theo đó, các nhiệm vụ đối ngoại

chủ yếu trong thời gian tới tiếp tục là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. ASEAN hội tụ đủ các yếu tố để trở thành công cụ hàng đầu giúp Việt Nam thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại chủ yếu trong thời gian tới.

ASEAN gắn chặt với các định hướng quan trọng của đối ngoại Việt Nam để đạt được các mục tiêu an ninh, phát triển và ảnh hưởng Đó là nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại đa phương, chủ động và tích cực định hình các thể chế đa phương, triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược và các nước lớn có vai trò quan trọng đối với phát triển và an ninh của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập vào thực chất.

ASEAN đã trở thành nhân tố trung tâm gắn kết ba định hướng quan trọng nhất của công tác đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ mới là bảo đảm môi trường hòa bình

ổn định, triển khai mạnh mẽ chiến lược hội nhập quốc tế, và đẩy mạnh, nâng tầm công tác đối ngoại đa phương. Nói cách khác, cần định vị ASEAN trong giao điểm của ba định hướng đối ngoại trên trong chính sách đối ngoại Việt Nam thời gian tới, để theo đó các chính sách cụ thể phải thể hiện sự gắn kết chặt chẽ giữa ba định hướng. Điều đó có nghĩa là ASEAN đóng vai trò trung tâm trong các hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong thời gian tới. Chính sách của Việt Nam trong hoạt động hợp tác ASEAN thời gian tới nên được triển khai theo các hướng cụ thể sau:

*(i) Đẩy mạnh các hoạt động để ASEAN thực sự gắn liền với nhiệm vụ đối ngoại lớn nhất của Việt Nam là bảo đảm môi trường hòa bình ổn định để tập trung nguồn lực bên trong, tranh thủ nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước.* ASEAN là môi trường chiến lược trực tiếp của Việt Nam, với giá trị địa - chiến lược và địa - kinh tế quan trọng hàng đầu của Việt Nam; hòa bình, ổn định của Việt Nam trước hết phụ thuộc vào hòa bình và ổn định của khu vực Đông Nam Á. Chức năng cơ bản của ASEAN đã tạo điều kiện cho Việt Nam thực hiện nhiệm vụ đối ngoại hàng đầu của mình.

Giá trị của các cơ chế hợp tác đa phương trong ASEAN và các cơ chế khu vực do ASEAN dẫn dắt tiếp tục giúp Việt Nam nâng giá trị trong chiến lược của các nước đối tác quan trọng của Việt Nam trong và ngoài ASEAN, từ đó sẽ giúp Việt Nam củng cố quan hệ song phương và góp phần đưa quan hệ của Việt Nam với các đối tác đi vào chiều sâu.



Bên cạnh đó, xu hướng tập hợp lực lượng của các nước vừa và nhỏ trong khu vực để hạn chế tác động tiêu cực của sự gia tăng cạnh tranh giữa các nước lớn tiếp tục có tác động nâng cao vai trò của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực và, do đó, nâng cao hơn nữa giá trị chiến lược của Việt Nam.

Xét từ góc độ phát triển, ASEAN là đối tác thương mại lớn thứ hai của Việt Nam (sau Trung Quốc). Hoạt động thương mại giữa Việt Nam và ASEAN giai đoạn 2011-2019 luôn có sự tăng trưởng và ổn định, đặc biệt giai đoạn 2016-2018 có sự tăng trưởng mạnh sau khi Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao APEC<sup>1</sup>. Một thị trường thống nhất trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN làm tăng tính hấp dẫn của nền kinh tế Việt Nam trong con mắt của giới đầu tư ngoài khu vực. ASEAN tiếp tục có vai trò quan trọng giúp Việt Nam tạo ra và thu hút các nguồn lực để phát triển kinh tế, nâng cao giá trị của Việt Nam trong các chuỗi sản xuất và giá trị trong khu vực.

Các định hướng về nhiệm vụ đối ngoại liên quan đến ASEAN cần tiếp tục được triển khai mạnh mẽ trong thời gian tới bao gồm: chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng vững mạnh và hiệu quả; cùng các nước thành viên khác bảo đảm vai trò trung

---

1. Nguyễn Thị Thanh Xuân, Nguyễn Hoàng Vinh, Nguyễn Duy Minh, Nguyễn Phương Nam: “Cán cân thương mại Việt Nam - ASEAN trong bối cảnh căng thẳng thương mại Mỹ - Trung”, Tạp chí *Công Thương*, ngày 08/4/2020.

tâm của ASEAN trong các cơ chế, sáng kiến an ninh và kinh tế trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đang định hình - nhất là trong IPS/FOIP, BRI, và RCEP, FTAAP; giữ vững các nguyên tắc và phương cách ASEAN, nhất là nguyên tắc đồng thuận và tham vấn; chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương chung của ASEAN, các cơ chế ASEAN+, và các cơ chế tiểu vùng trong ASEAN; kiên trì cùng các nước ASEAN thúc đẩy thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và tiến tới xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử trên biển Đông (COC). Các hướng triển khai chính sách này cần được đặt trong nhận thức và kỳ vọng đúng và có cơ sở về ASEAN như đã nêu ở phần trên.

*(ii) Tăng cường sử dụng các công cụ do ASEAN đem lại trong việc tiếp tục triển khai định hướng chiến lược chủ động và hội nhập quốc tế.* Hội nhập quốc tế của Việt Nam đã trở thành một tiến trình đa ngành, đa chủ thể trong đó có sự tham gia của tất cả các bộ, ngành, địa phương, các kênh đối ngoại Quốc hội, đối ngoại Đảng, ngoại giao nhân dân của Việt Nam, các doanh nghiệp và nhiều thành phần kinh tế khác - tức là huy động sự tham gia của toàn bộ hệ thống chính trị cũng như của toàn dân Việt Nam và thể hiện cách tiếp cận đa lĩnh vực, trong đó hội nhập quốc tế diễn ra không chỉ trong lĩnh vực chính trị - an ninh, mà cả kinh tế, văn hóa - xã hội, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác. Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột chính trị - an ninh, kinh

tế và văn hóa - xã hội đã giúp tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam đạt được tính đa ngành, đa lĩnh vực kể trên. Tham gia tích cực vào hội nhập ASEAN sẽ tạo vị thế và kinh nghiệm tốt hơn giúp Việt Nam hội nhập hiệu quả hơn ở các sân chơi lớn về chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội với các cơ chế lớn hơn, khu vực địa lý rộng hơn và các lĩnh vực toàn diện hơn. ASEAN, do đó, trở thành công cụ hàng đầu trong tiến trình hội nhập sâu rộng hơn của Việt Nam.

*Trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao:* Hội nhập của Việt Nam trong ASEAN thời gian tới nên tiếp tục góp phần tích cực vào việc định hình kiến trúc an ninh khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương, và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; đề cao luật pháp quốc tế, các nguyên tắc cơ bản và chuẩn mực hành xử của ASEAN, đàm phán và thực thi quy tắc ứng xử khu vực, trong đó có DOC và COC áp dụng cho Biển Đông, tăng cường các biện pháp xây dựng lòng tin, ngoại giao phòng ngừa, kiểm soát khủng hoảng, ủng hộ và tuân thủ các tiến trình ngoại giao, pháp lý trong việc xử lý các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống.

*Trong lĩnh vực kinh tế - phát triển:* Việt Nam nên nỗ lực nâng mức độ hội nhập kinh tế của Việt Nam ngang bằng mức trung bình của các nước ASEAN-6; đẩy mạnh hợp tác đa phương về kinh tế - phát triển song song với quá trình tăng cường liên kết giữa các ngành, vùng miền trong nước dựa trên phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo gắn với

công nghệ số hóa; góp phần mở rộng thị trường và không gian phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh, đưa Việt Nam tham gia vào tầng nấc cao hơn của các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.

Cụ thể, Việt Nam có thể đóng vai trò nòng cốt trong xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2025 và giai đoạn hậu 2025, tích cực triển khai và khai thác hiệu quả các cơ hội và hạn chế các thách thức từ khu vực thương mại tự do ASEAN, phát huy vai trò của ASEAN trong việc thúc đẩy hợp tác, tham gia định hình xu thế liên kết kinh tế ở châu Á - Thái Bình Dương trong APEC, trong tiến trình RCEP và FTAAP, khuyến khích, thúc đẩy sự tham gia của địa phương, doanh nghiệp trong quá trình xây dựng, điều chỉnh luật lệ, áp dụng và nội luật hóa các cam kết, tiêu chí, chuẩn mực khu vực về kinh tế - xã hội và phát triển.

*Trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh:* để tăng cường hội nhập trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh trong khuôn khổ ASEAN, Việt Nam nên triển khai các hoạt động đối ngoại đa phương về quốc phòng - an ninh phù hợp với tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh quốc gia, khai thác hiệu quả các nguồn lực thông qua hợp tác đa phương; từng bước nâng cao mức độ đan xen lợi ích về quốc phòng - an ninh theo hướng tăng cường nhận thức, hợp tác về các vấn đề có chung quan tâm, lợi ích với khu vực và quốc tế.

*Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội và các lĩnh vực khác:* nên đẩy mạnh các hoạt động tạo điều kiện hỗ trợ cho hội nhập

kinh tế quốc tế, giao lưu nhân dân, trao đổi và hợp tác học thuật đa phương, xây dựng bản sắc chung của ASEAN; góp phần nâng trình độ phát triển và mức độ hội nhập của Việt Nam trong các lĩnh vực này ngang bằng trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực.

Cụ thể, Việt Nam có thể tăng cường vai trò trong triển khai Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN đến năm 2025 và sau đó, tích cực đóng góp, thúc đẩy hợp tác về các vấn đề xã hội, trong đó ưu tiên triển khai Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc vì sự phát triển bền vững mà ASEAN cũng ủng hộ, đẩy mạnh tham gia hợp tác ASEAN trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ; bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên thiên nhiên, ứng phó biến đổi khí hậu và thiên tai, phát triển nguồn nhân lực chất lượng trong kỷ nguyên số, phát triển các giá trị văn hóa, giao lưu văn hóa, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân và chất lượng dân số, nâng cao sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp trong hợp tác ASEAN về các lĩnh vực trên.

*(iii) Chú trọng vai trò của ASEAN trong chủ trương chiến lược về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam.* Tại Đại hội lần thứ XII của Đảng, lần đầu tiên đối ngoại đa phương được chính thức đưa vào văn kiện của Đảng và được xác định là một định hướng chiến lược của đối ngoại Việt Nam. Triển khai định hướng đó, ngày 08/8/2018, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 25-CT/TW về đẩy mạnh và nâng tầm

đối ngoại đa phương đến năm 2030, đặt ra yêu cầu phải cụ thể hóa và triển khai các định hướng về mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp của đối ngoại đa phương Việt Nam dựa trên cơ sở thế và lực mới của đất nước và nhằm phát huy hơn nữa những thành tựu đã đạt được trong công tác đối ngoại đa phương.

Trong quá trình triển khai đó, ASEAN đóng vai trò quan trọng hàng đầu. Lý do là chủ nghĩa đa phương mà ASEAN đại diện vẫn còn sức sống trong khu vực châu Á - Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và được công nhận trên thế giới; các hoạt động đối ngoại đa phương trong các khuôn khổ do ASEAN chủ trì và dẫn dắt vẫn diễn ra đều kỳ, có sự tham gia của tất cả các nước lớn, trong các lĩnh vực thuộc lợi ích sát sườn của Việt Nam. Đồng thời, các diễn đàn đa phương trong khuôn khổ ASEAN là “sân chơi” vừa sức mà Việt Nam đã có kinh nghiệm và uy tín. Hơn nữa, hoạt động đối ngoại đa phương trong ASEAN bổ sung và tạo điều kiện cho Việt Nam đạt được hai nhiệm vụ đối ngoại chủ yếu là xây dựng môi trường hòa bình, ổn định để bảo vệ, phát triển đất nước và đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

Hoạt động của Việt Nam trong khuôn khổ ASEAN, nhất là từ góc độ đẩy mạnh và nâng tầm công tác đối ngoại đa phương cần thể hiện rõ ràng và sinh động các khía cạnh sau:

*Tư duy mới về lợi ích quốc gia - dân tộc:* Nếu như từ Đại hội XI, Đảng Cộng sản Việt Nam đề cao lợi ích quốc gia dân

tộc là tối thượng thì tới Đại hội XII với việc nhấn mạnh đối ngoại đa phương là một định hướng chiến lược, quan niệm về lợi ích quốc gia - dân tộc đã được mở rộng hơn. Trong quá trình triển khai công tác đối ngoại đa phương trong ASEAN, Việt Nam trước hết ưu tiên phục vụ mục tiêu lợi ích của quốc gia dân tộc, nhưng nhấn mạnh sự hài hòa lợi ích giữa các chủ thể trong nước và sự hài hòa giữa lợi ích của Việt Nam với lợi ích của các nước thành viên khác của ASEAN, cũng như lợi ích chung của cả cộng đồng khu vực và quốc tế.

Định hướng và nội dung hoạt động đối ngoại đa phương Việt Nam trong khuôn khổ ASEAN cần thể hiện sự chuyển hướng mạnh mẽ từ “tham gia” sang “chủ động, tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự kinh tế - chính trị quốc tế”, tiến tới đóng vai trò lớn hơn trong các cơ chế đa phương của ASEAN và khu vực, theo hướng “nòng cốt, hòa giải, dẫn dắt” tương ứng với thế và lực đang tăng lên của Việt Nam. Theo đó về cơ bản Việt Nam đang theo hướng vượt trên mức tuân thủ luật chơi để tiến tới mức tham gia định hình luật chơi và cách chơi để phục vụ lợi ích của Việt Nam một cách hiệu quả hơn.

*Nhận thức ngày càng rõ hơn về chủ nghĩa đa phương trong quan hệ quốc tế đương đại nói chung và chủ nghĩa đa phương trong ASEAN nói riêng; thể hiện sự hiểu biết*

kỹ hơn về chức năng của các cơ chế của ASEAN và các cơ chế do ASEAN dẫn dắt mà Việt Nam tham gia; đồng thời thể hiện trình độ cao hơn của đội ngũ cán bộ làm công tác đa phương trong việc sử dụng và khai thác các công cụ thể chế đa phương để đưa đối ngoại đa phương Việt Nam trong khuôn khổ ASEAN tiếp tục trở thành công cụ hữu hiệu kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, phục vụ sự nghiệp đối ngoại của Việt Nam trong thời gian tới.

*Cách tiếp cận đa ngành, đa lĩnh vực trong hoạt động hợp tác ASEAN*, theo đó, hợp tác đa phương trong ASEAN cần tiếp tục mang nội hàm kinh tế, chính trị, an ninh, luật pháp, văn hóa, xã hội và các lĩnh vực khác của hợp tác quốc tế với các lĩnh vực tham gia được căn cứ theo mức độ liên quan lợi ích của Việt Nam. Đặc biệt, trong thời gian tới, cần lồng ghép việc triển khai các định hướng đối ngoại đa phương trong ASEAN với các chiến lược phát triển chính trị - quốc phòng - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội cũng như các chiến lược phát triển của ngành, lĩnh vực trong nước của Việt Nam.

*Tính đa chủ thể và phương thức tiến hành đối ngoại đa phương* nói chung và trong ASEAN nói riêng của Việt Nam cần được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, sự quản lý của Nhà nước với lực lượng bao gồm tất cả các bộ, ngành, địa phương, các thành phần kinh tế, văn hóa - xã hội khác nhau; tiến hành tổng hợp các loại hình ngoại giao Nhà nước; đối ngoại Đảng; đối ngoại Quốc hội; ngoại giao



nhân dân; đối ngoại quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa..., trong đó ngoại giao Nhà nước đóng vai trò chủ đạo.

\*

\* \*

Thực tiễn đã khẳng định chủ trương gia nhập ASEAN là một quyết sách đúng đắn, kịp thời, có ý nghĩa lịch sử và chiến lược quan trọng của Việt Nam. Gia nhập ASEAN đã giúp Việt Nam phá thế bị bao vây về kinh tế và cô lập về chính trị khi đó, giải quyết nhiều vấn đề tồn tại trong quan hệ với một số nước, chấm dứt tình trạng chia rẽ, đối đầu và xây dựng quan hệ mới về chất với các nước Đông Nam Á. Trong 25 năm qua, Việt Nam đã tham gia ASEAN với tinh thần tích cực, chủ động, có trách nhiệm, đã có đóng góp quan trọng cho sự trưởng thành và lớn mạnh của ASEAN, đồng thời thu được nhiều lợi ích quan trọng và thiết thực mà bao trùm là tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Cùng với đó, những thành tựu đổi mới của Việt Nam trong hơn 30 năm qua vừa đóng góp cho sự phát triển của ASEAN, vừa tạo cơ sở vững chắc cho Việt Nam đẩy mạnh triển khai chiến lược hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện hơn.

Việc gia nhập và tham gia ASEAN luôn gắn liền và hỗ trợ đắc lực cho việc triển khai đường lối, chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, chủ động hội nhập khu vực và quốc

tế, và đẩy mạnh đối ngoại đa phương. Định hướng tham gia ASEAN của Việt Nam từ nay đến sau năm 2025 cần được bổ sung, cụ thể hóa trên cơ sở: *một là*, nâng cao nhận thức đúng về ASEAN và tầm quan trọng chiến lược của ASEAN đối với Việt Nam, để từ đó có cách nhìn đúng đắn, sự quan tâm và đầu tư thích đáng, hợp lý cho việc tham gia hợp tác ASEAN; *hai là*, coi trọng việc bảo vệ đoàn kết, thống nhất và các nguyên tắc cơ bản của ASEAN, bảo đảm và nâng cao chất lượng các hoạt động của ASEAN trong phương châm “thống nhất trong đa dạng”; *ba là*, nâng cao hiệu quả tham gia hợp tác ASEAN và phát huy vai trò của Việt Nam trong ASEAN, xác định rõ trọng tâm, trọng điểm và ưu tiên trong từng lĩnh vực, vấn đề, thời điểm cụ thể; *bốn là*, kết hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa các kênh song phương và đa phương, ngoại giao nhà nước, ngoại giao nhân dân và các kênh đối ngoại khác, huy động sự tham gia và đóng góp của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và người dân trong các hoạt động hợp tác, liên kết ASEAN.

## KẾT LUẬN

ASEAN là sản phẩm và là biểu trưng của quá trình khu vực hóa và chủ nghĩa khu vực ở Đông Nam Á. Sau hơn 50 năm tồn tại và phát triển, từ một cơ cấu có tính hợp tác tiểu khu vực ở Đông Nam Á, ASEAN đã trở thành một thực thể chính trị - kinh tế mạnh và gắn kết, có vai trò “trung tâm” đối với hòa bình, an ninh ở Đông Nam Á nói riêng và châu Á - Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nói chung. Đây là những thành tựu không thể phủ nhận, đưa ASEAN trở thành một trong những tổ chức khu vực thành công nhất trên thế giới. Tại phiên họp lần thứ 92 vào tháng 8/2017, Đại Hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Nghị quyết kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Đây là lần đầu tiên Liên hợp quốc thông qua một nghị quyết kỷ niệm thành lập một tổ chức khu vực, điều đó cho thấy sự công nhận của tổ chức quốc tế lớn nhất hành tinh đối với thành công và vai trò ngày càng quan trọng của ASEAN.

Có ba nhân tố cơ bản lý giải những thành công mà ASEAN đã đạt được. *Một là*, các nước thành viên đều chia sẻ nhận thức và lợi ích chung về hòa bình, ổn định và hợp tác cũng như nhu cầu liên kết khu vực nhằm phục vụ mục tiêu an ninh và phát triển của từng nước và của cả khu vực. *Hai là*, ASEAN đã bảo đảm được sự “thống nhất trong đa dạng” trên cơ sở cam kết chính trị của các nước thành viên, những lợi ích chung, các mặt tương đồng và các nguyên tắc cơ bản của “phương cách ASEAN”, nhất là hai nguyên tắc đồng thuận và không can thiệp vào công việc nội bộ. *Ba là*, ASEAN đã thể hiện khả năng năng động và linh hoạt, kịp thời điều chỉnh và thích ứng với sự thay đổi của tình hình, biết tận dụng các ưu thế về địa - chính trị, địa - chiến lược và địa - kinh tế, giữ được vai trò cân bằng và điều hòa lợi ích của các nước lớn ở khu vực.

Bước sang thập kỷ thứ ba của thế kỷ XXI, ASEAN tiếp tục vận hành và phát triển trong sự vận động của môi trường thế giới và khu vực châu Á - Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương với nhiều biến chuyển nhanh, phức tạp và khó lường, đặt ASEAN trước nhiều thách thức. Thách thức rõ nhất là đối với đoàn kết và thống nhất trong ASEAN. Ở nội khối, sự khác biệt về thể chế chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, vốn là hạn chế đặc thù của ASEAN, chưa thể được khắc phục và tiếp tục dẫn đến khác biệt về cách nhìn nhận và theo đuổi lợi ích quốc gia

giữa các thành viên, từ đó đưa đến các mức độ cam kết khác nhau của các nước thành viên đối với sự đoàn kết và thống nhất của ASEAN. Ở ngoại khối, xu hướng các nước lớn, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc, gia tăng cạnh tranh với nhau và lôi kéo các nước Đông Nam Á trong cuộc tranh giành ảnh hưởng giữa họ đang và sẽ làm tăng khả năng chia rẽ trong ASEAN, khiến ASEAN khó đạt được đồng thuận về các vấn đề quan trọng trong khu vực liên quan đến nước lớn. Điều này dẫn đến thách thức vai trò trung tâm và tính thống nhất của ASEAN, khắc sâu thêm sự khác biệt trong nội bộ và ảnh hưởng ngược trở lại tới tính hợp lý và hiệu quả của Cộng đồng ASEAN đối với các nước thành viên<sup>1</sup>.

Thách thức nổi trội khác là việc thúc đẩy sự phát triển bền vững và an ninh khu vực, tăng khả năng tự cường của ASEAN trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0, tăng cường liên kết nội khối ASEAN. Sự suy giảm thương mại toàn cầu, xu hướng bảo hộ gia tăng, Cách mạng công nghiệp 4.0 và sự nổi lên của các thách thức phi truyền thống mang tính xuyên quốc gia đang và sẽ tạo ra những khó khăn lớn và mới đối với ASEAN. Hiện đã có nhiều lo ngại rằng, sự không đồng đều liên quan đến mức độ sẵn sàng của các nước Đông Nam Á đối với Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ

---

1. Xem Natalegawa, Marty, *Does ASEAN Matter? A View from Within*, *Ibid*, pp. 142-145.

làm tăng khoảng cách về trình độ phát triển giữa các thành viên ASEAN.

Khoảng cách về công nghệ số đã thể hiện rõ với 90% người sử dụng Internet trong khu vực Đông Nam Á chỉ tập trung ở 5 nước là Ấn Độ, Malaixia, Philippin, Thái Lan và Việt Nam<sup>1</sup>. Sự thiếu hụt lực lượng lao động có trình độ công nghệ số dẫn đến nguy cơ làm giảm khả năng của ASEAN trong việc nắm bắt đầy đủ các lợi ích của việc phát triển nền kinh tế số. Trong khi đó, chủ nghĩa bảo hộ sẽ tác động đến quá trình sản xuất, thương mại và đầu tư toàn cầu, trong đó có khu vực Đông Nam Á là nơi mô hình tăng trưởng vẫn tiếp tục lệ thuộc vào xuất khẩu và đầu tư nước ngoài. Nhiều ý kiến cho rằng, công nghệ, toàn cầu hóa, chủ nghĩa bảo hộ và dân túy sẽ tạo nên những yếu tố gây biến động trong xã hội từng nước ASEAN, trong quan hệ giữa các nước thành viên ASEAN, giữa các nước thành viên ASEAN với các nước đối tác ngoài khu vực, và giữa ASEAN với các tổ chức đa phương khác<sup>2</sup>. Những khó khăn, thách thức mà chủ nghĩa đa phương thời gian gần đây gặp phải cũng tạo ra nhiều hoài nghi về triển vọng liên kết ASEAN, trong khi các nước thành viên ngày càng trở nên dễ tổn thương hơn trước các

---

1. Lee Chen Chen, "In the Driver's Seat - Vietnam's Priorities as ASEAN Chair 2020", *AsiaLink*, 2019.

2. Dai Di (2016), "ASEAN Needs a Revolution in Education, Business Leaders Warn", *World Economic Forum*.

nguy cơ an ninh phi truyền thống đang nổi lên như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, an ninh nguồn nước và nhiều nguy cơ khác.

Trong bối cảnh như vậy, việc tăng cường gắn kết và chủ động thích ứng trở thành hai điều kiện then chốt mà ASEAN cần có để vượt qua thách thức, nắm bắt cơ hội tiếp tục phát triển và phát huy vai trò đối với các nước thành viên cũng như đối với khu vực. Tầm quan trọng của hai yếu tố này đã được minh chứng qua lịch sử tiến trình phát triển của ASEAN, là một trong ba nhân tố cốt lõi đằng sau những thành tựu mà ASEAN đã đạt được trong hơn 50 năm qua. Gắn kết và chủ động thích ứng càng trở nên thiết yếu trong bối cảnh hiện nay và sắp tới khi các lực lôi kéo, chia rẽ và những biến động của tình hình trong và ngoài khu vực đang tác động ngày càng mạnh đến ASEAN.

Gắn kết là tăng cường thống nhất, đoàn kết trong ASEAN, phát huy sức mạnh nội lực của Hiệp hội thông qua đồng thuận, liên kết nội khối. Gắn kết bao hàm gắn kết về kinh tế, chính trị - an ninh, văn hóa - xã hội trong khuôn khổ Cộng đồng ASEAN cũng như sự gắn kết của mỗi quốc gia với cộng đồng trong sự phát triển lấy con người làm trung tâm.

Chủ động thích ứng là linh hoạt điều chỉnh trước các diễn biến trong tình hình quốc tế và khu vực, trong nội bộ từng nước thành viên và trong cả Cộng đồng. Chủ động

thích ứng còn là nâng cao năng lực giải quyết sao cho các vấn đề của các nước thành viên có thể được chia sẻ và xử lý hiệu quả thông qua hợp tác và liên kết ASEAN, đồng thời không để các vấn đề nội bộ của từng nước ảnh hưởng đến tiến trình xây dựng Cộng đồng và sự gắn kết của Cộng đồng. Đối với bên ngoài, chủ động thích ứng là để ASEAN duy trì khả năng dẫn dắt và vai trò trung tâm trong việc bảo đảm hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển ở khu vực, theo kịp những tư duy mới và tránh bị lôi kéo vào cạnh tranh giữa các nước lớn.

Giữa gắn kết và chủ động thích ứng có mối quan hệ tương hỗ. Gắn kết là để tăng khả năng chủ động thích ứng, và ngược lại chủ động thích ứng để duy trì sự gắn kết và phát huy sức mạnh tập thể của cả Cộng đồng vì lợi ích riêng của các thành viên và lợi ích chung của khu vực. Tầm quan trọng và mối liên hệ chặt chẽ giữa gắn kết và chủ động thích ứng trong quá trình phát triển của ASEAN chính là nội hàm cơ sở để Việt Nam lựa chọn chủ đề cho năm Chủ tịch ASEAN 2020 là “Gắn kết và chủ động thích ứng”. Chủ đề này đã được tất cả các thành viên khác trong ASEAN ủng hộ và đánh giá cao. Việc xác định chủ đề như vậy được hiểu là xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ về xây dựng Cộng đồng ASEAN và giải quyết những vấn đề đặt ra cho ASEAN trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực có nhiều thay đổi và diễn biến phức tạp, thể hiện mong muốn



về một ASEAN vững vàng trước những tác động của tình hình. Với chủ đề “Gắn kết và chủ động thích ứng”, những ưu tiên của ASEAN trong nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN 2020 của Việt Nam được xác định dựa trên việc tiếp nối, phát huy các ưu tiên trước đó, đồng thời tạo nền tảng cho các bước phát triển tiếp theo của ASEAN trong tương lai. Năm ưu tiên trọng tâm theo hướng tăng cường gắn kết và chủ động thích ứng bao gồm:

*Một là*, trên cơ sở tăng cường đoàn kết, thống nhất nội bộ, phát huy vai trò và đóng góp tích cực của ASEAN trong việc duy trì môi trường hòa bình, an ninh và ổn định ở khu vực, ứng phó kịp thời và hiệu quả với các thách thức; đẩy mạnh tinh thần gắn bó, tương trợ, ủng hộ lẫn nhau và khả năng phối hợp lập trường chung giữa các nước thành viên trong xử lý các vấn đề khu vực và quốc tế; thúc đẩy hình thành và tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực ứng xử chung trong quan hệ giữa các quốc gia;

*Hai là*, thúc đẩy liên kết sâu rộng và kết nối toàn diện trong nội khối và với các đối tác, nâng cao khả năng thích ứng và tận dụng các cơ hội của Cách mạng công nghiệp 4.0; thúc đẩy tăng trưởng bền vững và bao trùm về kinh tế, tài chính và xã hội trên nền tảng đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số và các công nghệ mới; tiếp tục nỗ lực thu hẹp khoảng cách phát triển; xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường các dịch vụ xã hội phục vụ người

dân và nhóm yếu thế; hiện đại hóa nền hành chính công; xây dựng môi trường xanh;

*Ba là*, thúc đẩy ý thức cộng đồng và bản sắc ASEAN, tạo dựng các giá trị chung của ASEAN và phổ biến rộng rãi trong người dân, tăng cường nhận thức về một Cộng đồng ASEAN thống nhất trong đa dạng, nâng cao hình ảnh của Cộng đồng ASEAN trong khu vực và trên thế giới;

*Bốn là*, đẩy mạnh quan hệ đối tác vì hòa bình và phát triển bền vững với các nước trên thế giới, phát huy vai trò và đóng góp của ASEAN trong cộng đồng quốc tế; mở rộng và nâng tầm quan hệ với các đối tác trên toàn cầu, góp phần định hình cấu trúc và luật chơi mới của khu vực và thế giới;

*Năm là*, nâng cao năng lực thích ứng và hiệu quả hoạt động của bộ máy ASEAN thông qua cải tiến thể chế, điều chỉnh, hoàn thiện và nâng cấp các quy trình, quy chuẩn trong ASEAN.

Có thể thấy, đây không chỉ là những trọng tâm ngắn hạn trong nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN năm 2020 của Việt Nam. Quan trọng hơn, đó còn là những định hướng chiến lược quan trọng để ASEAN hoàn thành Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và phát triển thành một cộng đồng, một đối tác toàn cầu tích cực hơn nữa sau năm 2025 trong bối cảnh thế giới và khu vực dự kiến còn nhiều thay đổi, nhất là khi các vấn đề chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội ngày càng đan xen và có nhiều thách thức hơn, mối quan hệ giữa

các nước lớn và hệ lụy đối với các nước nhỏ hơn cũng phức tạp, khó lường hơn<sup>1</sup>. Nói cách khác, gắn kết và chủ động thích ứng là hai yếu tố cốt lõi trong tầm nhìn và triển vọng của ASEAN sau năm 2025.

Theo Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, ASEAN hướng tới phát triển trở thành một Cộng đồng dung nạp, gắn kết và bền vững, hoạt động dựa trên luật lệ trong một khu vực hòa bình, ổn định, tự cường, kinh tế phát triển năng động và liên kết chặt chẽ, rộng mở và gắn kết với cộng đồng các quốc gia toàn cầu. Sau năm 2025, mục tiêu và triển vọng phát triển của ASEAN là đạt tới trình độ liên kết nội khối cao hơn với năng lực lớn hơn trong việc định hình sự phát triển của khu vực và toàn cầu. Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025, theo đó, sẽ tập trung vào cam kết sâu và mạnh hơn của các thành viên đối với tiến trình xây dựng cộng đồng và liên kết nội khối, nâng cao tính dung nạp và bền vững, Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, thu hẹp khoảng cách phát triển, tăng cường sự can dự chiến lược với các nước lớn và trong các công việc toàn cầu.

Mặc dù tiến trình xây dựng cộng đồng và liên kết ASEAN đã đạt những thành tựu quan trọng, nhưng không phải tất cả các chương trình nghị sự đặt ra đến năm 2025 sẽ được

---

1. Dato Lim Jock Hoi: “Thúc đẩy xây dựng Cộng đồng ASEAN sau năm 2025”, trong Ủy ban quốc gia ASEAN 2020: *25 năm Việt Nam tham gia ASEAN qua góc nhìn của người trong cuộc*, Sđd, tr. 160-177.

hoàn thành. Một số biện pháp có thể gặp phải những thách thức trong quá trình thực hiện và cần tiếp tục trong giai đoạn sau năm 2025. Cam kết chính trị của các quốc gia thành viên được xem là thế mạnh cốt yếu giúp ASEAN tồn tại, phát triển và tiếp tục gắn kết, thích ứng với các vấn đề đang nổi lên, thách thức khả năng tự cường của Cộng đồng<sup>1</sup>. Tuy nhiên, sau năm 2025, các cam kết này cần được cụ thể hóa để đem lại các kết quả rõ nét hơn. Điều này cũng nhằm khắc phục những hạn chế tồn tại của ASEAN là có nhiều tuyên bố, khuôn khổ, định hướng và văn kiện chiến lược nhưng các biện pháp thực thi và kết quả kèm theo chưa tương xứng.

Các diễn biến trên thế giới, đặc biệt trong đại dịch COVID-19 gần đây, đã cho thấy cuối cùng, các chính phủ và tổ chức cần chứng tỏ tính chính danh, vai trò và năng lực của mình bằng những lợi ích cụ thể cho đối tượng phục vụ của họ - mà quan trọng nhất là người dân của mỗi quốc gia và của các quốc gia thành viên trong tổ chức quốc tế. Theo đó, ASEAN cần chứng tỏ rằng chương trình nghị sự liên kết và xây dựng cộng đồng khu vực mang tính dung nạp, có sự tham gia của tất cả các bộ phận trong xã hội và đem lại lợi ích thiết thực cho họ. Có nghĩa là, những ích lợi do Cộng

---

1. Dato Lim Jock Hoi: “Thúc đẩy xây dựng Cộng đồng ASEAN sau năm 2025”, trong Ủy ban quốc gia ASEAN 2020: *25 năm Việt Nam tham gia ASEAN qua góc nhìn của người trong cuộc*, Sđd, tr. 166.

đồng ASEAN mang lại cần được phân bổ rộng đều trong mỗi nước và giữa các nước ASEAN, không phân biệt giới tính, nông thôn - thành thị, mức độ thu nhập, quy mô doanh nghiệp, trình độ chuyên môn, lao động,... Dung nạp là bảo đảm phát triển đồng đều, bền vững giữa các vùng, miền, giữa các quốc gia, các thành phần khác nhau trong xã hội, để không ai bị bỏ lại phía sau, gắn kết chặt chẽ phát triển ở các tiểu vùng với tiến trình phát triển chung của Cộng đồng ASEAN. Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN hiện đang tập trung vào trọng tâm này, trong đó có phát triển nông thôn, bình đẳng giới, xóa nghèo, giáo dục, an toàn xã hội. Tuy nhiên, sau năm 2025, những vấn đề này cần được đưa vào kế hoạch hành động của cả hai cộng đồng trụ cột còn lại mới bảo đảm thực hiện toàn diện và có hiệu quả.

Cùng với tính dung nạp, tính bền vững cũng đã trở thành một trọng tâm trong chương trình nghị sự xây dựng cộng đồng và liên kết ASEAN. Bền vững bao hàm bền vững trên mọi khía cạnh và lĩnh vực của đời sống. Tuy nhiên, sau năm 2025, tính bền vững cần được bảo đảm tốt hơn trong Cộng đồng ASEAN với hai trọng tâm là bảo vệ môi trường và xã hội trên các khía cạnh khác nhau của quá trình phát triển và cách tiếp cận kinh tế theo vòng tròn - theo tiến trình loại bỏ rác thải và nâng cao hiệu quả của tài nguyên trong khu vực. Cần có cách tiếp cận đồng bộ giữa tất cả các bộ phận, lĩnh vực để có thể đạt tới sự phát triển dung nạp và bền

vững trong phạm vi Cộng đồng ASEAN. Với trọng tâm tăng cường tính dung nạp, việc thu hẹp khoảng cách phát triển trong từng nước thành viên và giữa các nước thành viên ASEAN có tầm quan trọng thiết yếu, đặc biệt trong bối cảnh các thách thức tác động đến an ninh con người có nguy cơ gây bất ổn và ảnh hưởng đến tăng trưởng trong khu vực.

Trên cơ sở trình độ liên kết nội khối cao hơn, ASEAN sẽ cần và có thể đảm nhận trách nhiệm lớn hơn trong cộng đồng các quốc gia toàn cầu. Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 tuy có đề cập vai trò toàn cầu của ASEAN nhưng vẫn chủ yếu tập trung vào liên kết nội khối. Sau năm 2025, với những thành tựu và uy tín đã đạt được về xây dựng cộng đồng và liên kết, các nước ASEAN sẽ cần định vị rõ hơn vai trò và vị trí của ASEAN trên thế giới, nhất là khi ngày càng nhiều quốc gia ngoài khu vực muốn tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á và thúc đẩy quan hệ ở tầm chiến lược với ASEAN. Duy trì vai trò trung tâm trong hợp tác và cấu trúc khu vực ở châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đã trở thành mục tiêu xuyên suốt của ASEAN. Sau năm 2025, ASEAN cần khẳng định rằng vai trò trung tâm của ASEAN được duy trì không chỉ vì chưa có cơ chế nào tốt hơn có thể thay thế ASEAN, mà quan trọng hơn là do các đối tác bên ngoài coi trọng vai trò trung tâm của ASEAN trong việc phục vụ lợi ích chung của khu vực và cả lợi ích của riêng họ. Để nâng cao vai trò

ở khu vực và trên toàn cầu, lập trường và tiếng nói thống nhất của ASEAN về các vấn đề chiến lược quan trọng là yêu cầu thiết yếu.

Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025 sẽ là sự tiếp nối các tầm nhìn trước đó của ASEAN, đồng thời hướng tới một ASEAN phát triển vững mạnh hơn trên cơ sở phát huy các thành tựu đã đạt được và khắc phục những hạn chế, tồn tại của những thập kỷ trước. Cuộc thảo luận khởi động suy nghĩ về định hướng tầm nhìn của ASEAN sau năm 2025 đã được Việt Nam đề xuất và chủ trì trong năm Chủ tịch ASEAN 2020. Đa số các nước thành viên cho rằng, sau năm 2025, cách tiếp cận phù hợp với ASEAN là tiếp tục tiệm tiến, đồng thời lấy liên kết kinh tế làm trọng tâm ưu tiên và cơ sở để thúc đẩy liên kết trong các lĩnh vực khác, hướng nhiều hơn nữa đến người dân và đặt người dân vào trung tâm của quá trình phát triển và tiếp cận toàn cộng đồng (liên trụ cột), trong đó các lĩnh vực, chủ thể có sự tương tác và phối hợp chặt chẽ, khác với cách tiếp cận theo từng trụ cột như trong Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025.

Trên hết, trong các mục tiêu, phương cách, nội dung và biện pháp hợp tác ASEAN đều hàm chứa sự đoàn kết và năng lực ứng phó của Hiệp hội trước sự biến đổi và phát triển của tình hình bên trong và bên ngoài khu vực. Nói cách khác, sự gắn kết và chủ động thích ứng đã, đang và sẽ tiếp tục là chìa khóa để ASEAN phát triển thành Cộng đồng

vững mạnh hơn, phục vụ lợi ích của các nước thành viên - về an ninh, phát triển và vị thế - một cách hiệu quả hơn, giữ vai trò trung tâm và động lực thúc đẩy các tiến trình đối thoại, xây dựng lòng tin và hợp tác ở khu vực, đồng thời tham gia tích cực hơn nữa vào các nỗ lực bảo đảm hòa bình và phát triển của cộng đồng quốc tế trong giai đoạn sau năm 2025. Lựa chọn “Gắn kết và Chủ động thích ứng” làm chủ đề cho năm Chủ tịch ASEAN 2020, Việt Nam sẽ cùng các nước thành viên khác tiếp tục phát huy tinh thần này trong giai đoạn phát triển tiếp theo của Cộng đồng, góp phần thiết thực đưa ASEAN phát triển vững mạnh, góp phần vào an ninh, ổn định và phát triển của khu vực và thế giới.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập* (Đại hội lần thứ VI, VII, VIII, IX, X), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: “Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội 2011-2020”, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016.

4. “ASEAN và vị thế mới của Đông Nam Á”, tài liệu phục vụ Hội nghị cán bộ ngoại giao quán triệt và triển khai Nghị quyết Đại hội VIII, tháng 8/1996, Hà Nội.

5. Bộ Công Thương: *Vai trò và vị thế của Việt Nam trong cộng đồng kinh tế ASEAN*, Nxb. Công Thương, Hà Nội, 2013.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ: *Khoa học và Công nghệ Việt Nam 2016*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2017.

7. Đàm Trọng Tùng: *Bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam trước mối đe dọa an ninh phi truyền thống từ năm 2001 đến năm 2015*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2016.

8. Đặng Cẩm Tú: “Cộng đồng Kinh tế ASEAN và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam,” Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 2 (57), 2004.

9. Đặng Cẩm Tú: “Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN sau 2015 và sự tham gia của Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 3 (98), 2014.

10. Đặng Cẩm Tú: “Đối ngoại đa phương Việt Nam: lý luận và thực tiễn,” Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 1 (108), 2017.

11. Đặng Cẩm Tú: “Chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ 2017 và chiều hướng quan hệ Mỹ - Trung thời gian tới”, Tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế*, số 3 (114), 2018.

12. Đặng Cẩm Tú: “Những nhân tố thuận lợi cho phát triển của ASEAN”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 6, 2019.

13. Đặng Cẩm Tú: “Hướng tới Cộng đồng ASEAN gắn kết và chủ động thích ứng trong nhiệm kỳ Chủ tịch của Việt Nam năm 2020”, Tạp chí *Cộng sản*, số 934, 1-2020.

14. Đặng Cẩm Tú: “Hai mươi lăm năm Việt Nam tham gia ASEAN và chặng đường phía trước”, Tạp chí *Cộng sản*, số 951, 10/2020.

15. Đặng Đình Quý (Chủ biên): *Chủ nghĩa đa phương trên thế giới và đối ngoại đa phương của Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2019.

16. Đỗ Mười: “Lập trường 4 điểm về ASEAN”, Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 17/10/1993.

17. Đỗ Thanh Hải, Nguyễn Thị Linh: “Triển vọng ASEAN 2025”, Tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế*, số 4 (111), 2018.

18. Hà Thị Ngọc Hà, Nguyễn Quốc Hùng, Nguyễn Văn Lịch: *ASEAN - 40 năm nhìn lại và hướng tới*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2007.

19. Học viện Ngoại giao: *150 câu hỏi và đáp về ASEAN - Hiến chương ASEAN và Cộng đồng ASEAN*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2010.

20. Lê Hoài Trung (Chủ biên): *Đối ngoại đa phương Việt Nam trong thời kỳ chủ động và tích cực hội nhập quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017.

21. Lê Hoài Trung: “Hợp tác về an ninh - chính trị: Nền tảng phát triển của cộng đồng ASEAN”, Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số tháng 4/2016.

22. Lê Viết Duyên: “ASEAN với sự tham gia chủ động, tích cực và có trách nhiệm của Việt Nam”, Tạp chí *Cộng sản*, số 873, tháng 7/2015.

23. Lê Viết Duyên: *Quá trình đổi mới chính sách đối ngoại của Việt Nam với ASEAN giai đoạn 1986- 2016*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017.

24. Luận Thùy Dương: “Hội nghị Cấp cao Hà Nội: ASEAN hướng tới tương lai”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 26, 1998.

25. Luận Thùy Dương: “Quyền con người trong ASEAN”, Tạp chí *Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 6 (103), 2016.

26. Luận Thùy Dương: *Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN tầm nhìn tới năm 2025*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Thành phố Hồ Chí Minh, 2017.

27. Lý Quang Diệu: *Bí quyết hóa rồng: Lịch sử Singapore 1965-2000*, Nxb. Trẻ, Hà Nội, 2000.

28. Nguyễn Duy Dũng (Chủ biên): *ASEAN: từ Hiệp hội đến Cộng đồng - Những vấn đề nổi bật và tác động đến Việt Nam*, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2012.

29. Nguyễn Hữu Cát, Nguyễn Thị Mai: “20 năm hợp tác Việt Nam - ASEAN về môi trường (1996-2016)”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 9 (198), 2016.

30. Nguyễn Phú Tân Hương: “Nguyên nhân ASEAN điều chỉnh trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 187, 2015.

31. Nguyễn Phú Trọng: “Ngoại giao Việt Nam: Chủ động, sáng tạo, hiệu quả, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XXI”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 3(104), 2018.

32. Nguyễn Phương Bình (Chủ biên): *Ngoại giao phòng ngừa ở Đông Nam Á*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2003.

33. Nguyễn Thị Hải Vân: “Chủ động hội nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN”, Tạp chí *Cộng sản*, số 106, 2015.

34. Nguyễn Thị Quế, Nguyễn Hoàng Giáp: *Việt Nam gia nhập ASEAN từ 1995 đến nay: Thành tựu, vấn đề và triển vọng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

35. Nguyễn Thu Phương: “Cộng đồng ASEAN: Vận mệnh chung, tương lai chung”, Tạp chí *Cộng sản*, số 878, 2015.

36. Nguyễn Thương Huyền: “Sự phát triển hợp tác chính trị - an ninh của ASEAN”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 1 (166), 2014.

37. Nguyễn Vũ Tùng và Đặng Cẩm Tú: “ASEAN: Chặng đường 50 năm của một tổ chức hợp tác khu vực thành công”, Tạp chí *Cộng sản*, số 848, 2017.

38. Phạm Bình Minh, “Đường lối đối ngoại Đại hội XI và những phát triển quan trọng trong tư duy đối ngoại của Đảng ta”, Báo *Nhân Dân*, ngày 19/5/2011.

39. Phạm Bình Minh: “Cộng đồng ASEAN 2015 hình thành và dấu ấn đóng góp của Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 2(105), 2016.

40. Phạm Gia Khiêm: “ASEAN bước vào giai đoạn phát triển mới và phương hướng tham gia của Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 2 (73), 2008.

41. Phạm Quang Minh: *Chính sách đối ngoại đổi mới của Việt Nam (1986-2010)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2012.

42. Phạm Quang Minh: “ASEAN và sự lựa chọn của Việt Nam trong giải quyết xung đột ở Biển Đông”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 1 (166), 2014.

43. Phạm Sanh Châu và Đặng Cẩm Tú: “Thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN: Những thách thức đặt ra trên con đường đi tới Cộng đồng”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 1 (68), 2007.

44. Phan Doãn Nam: “ASEAN một năm nhìn lại”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 26, 2003.

45. Thái Văn Long: “Nhận diện chủ nghĩa dân túy trong bối cảnh thế giới hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 4-2017.

46. Trần Thị Bảo Hương: “Củng cố vị trí trung tâm của ASEAN trong bối cảnh TPP”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 4 (99), 2014.

47. Trần Việt Thái: “Vai trò của ASEAN trong các cơ chế đối thoại nước lớn và các vấn đề quốc tế”, *Tạp chí Đối ngoại*, số 96, 2017.

48. Ủy ban quốc gia ASEAN 2020: *25 năm Việt Nam tham gia ASEAN qua góc nhìn của người trong cuộc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

49. Vụ ASEAN, Bộ Ngoại giao: “Tài liệu thông tin về ASEAN và sự tham gia của Việt Nam”, tài liệu thông tin, Bộ Ngoại giao, tháng 7/2017.

50. Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: “Báo cáo cuối cùng của Dự án nghiên cứu cấp Bộ về định hướng phát triển quan hệ đối tác của Việt Nam với ASEAN về lao động và xã hội”, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2011.

## **Tiếng Anh**

1. Acharya, Amitav (2011), “ASEAN 2030: Challenges of Building a Mature Political and Security Community”, presented at Workshop ASEAN 2030: Growing together for shared Prosperity, on 11-12 July 2011, Indonesia.

2. Acharya, Amitav (2012), "ASEAN and Myanmar: Past and Prologue", *Asian Security Outlook*.
3. Acharya, Amitav (2003), "Will Asia's Past be its Future?", *International Security*, Volume 28, No. 3.
4. Adler, E. and M. Barnett (eds) (1998), *Security Communities*, Cambridge University Press, Cambridge.
5. Alagappa, Muthiah (1993), "Regionalism and the Quest for Security, ASEAN and the Cambodian Conflict", *Australian Journal of International Affairs*, Volume 47, No. 4.
6. Alison, Graham (2017), *Destined for War: Can America and China Escape Thucydides's Trap?*, Houghton Mifflin Harcourt, Boston.
7. APEC (2008), "Malaysian Perspective on East Asian Regionalism", *APEC Study Centers Consortium*, Piura Peru.
8. ASEAN (1967), *Bangkok Declaration*, ASEAN.
9. ASEAN (1992), *Framework Agreement On Enhancing ASEAN Economic Cooperation*, ASEAN, Singapore.
10. ASEAN (2003), *Bali Concord II*, ASEAN.
11. ASEAN (2007), *ASEAN Charter*, ASEAN.
12. ASEAN (2009), *Cha-am Hua Hin Declaration on the Roadmap for the ASEAN Community (2009-2015)*, ASEAN.
13. ASEAN (2009), *Roadmap for an ASEAN Community (2009-2015)*, ASEAN.
14. ASEAN Secretariat (2015), *ASEAN Economic Community 2015: Progress and Key Achievements*, The ASEAN Secretariat, Jakarta.

15. Balassa, B. (1961), *The Theory of Economic Integration*, Routledge, London.

16. Beukel, Erik (2008), "ASEAN and ARF in East Asia's Security Architecture: The Role of Norms and Powers", *DIIS Report 2008:4*, Danish Institute for International Studies, Copenhagen.

17. Buzan, B. and O. Wæver (2003), *Regions and Powers: The Structure of International Security*, Cambridge University Press, Cambridge.

18. Chachavalpongpan, Pavin (2009), "The Last Bus to Naybidaw, Myanmar/Burma", *Inside Challenges, Outside Interest*, Brookings Institution Press, Washington D.C.

19. Chong, Alan (2018), *International Security in the Asia-Pacific: Transcending towards Transitional Polycentrism*, Palgrave Macmillan, Basingstoke.

20. Colson, David A. (2003), "Sovereignty over Pulau Ligitan and Pulau Sipadan", *The American Journal of International Law*, Volume 97, Issue 2.

21. Dang Cam Tu (2016), "Vietnam's Foreign Policy after the 12<sup>th</sup> Party Congress: An Analysis of the Priorities and Emphases," *Indian Foreign Policy Research Centre Journal*, Vol.3

22. Duxbury, A. and Tan Hsien-Li (2016), "Can ASEAN Take Human Rights Seriously", Paper Presented at the Third Plenary of the ASEAN Integration Through Law Project with the Theme "The ASEAN Way in a Comparative Context: Plenary on the Rule



of Law in the ASEAN Community”, 25 August 2013, Singapore.

23. Emmers, Ralf (2018), “The Role of Middle Powers in Asian Multilateralism”, *Asia Policy*, Volume 13, No. 4, National Bureau of Asian Research, Seattle.

24. Evans, G. and Newnham, J. (1992), *The Dictionary of World Politics*, Harvester & Wheatsheaf, London.

25. Fisher, C.A. (1962), “Southeast Asia: The Balkans of the Orient? A Study in Continuity and Change”, *Geography*, Volume 47, No.4.

26. Frost, F. (2009), *Australia’s Proposal for An “Asia Pacific Community”: Issues and Prospects*, Parliament Library, Parliament of Australia - Department of Parliament Services.

27. Hopf, T. (1998), “The Promise of Constructivism in International Relations Theory”, *International Security*, Vol. 23, No. 1.

28. Hurrell, Andrew (1995), “Regionalism in Theoretical Perspective”, *Regionalism in World Politics*, Oxford University Press, New York.

29. Hussey, Antonia (1991), “Regional Development and Cooperation Through ASEAN”, *Geographical Review*, No. 81.

30. Ikenberry, J.G. and Kupchan, A. C. (1990), “Socialization and Hegemonic Power”, *International Organization*, Vol. 44, No. 3.

31. IMF), *World Economic Outlook Report*, 2018.

32. Institute of Strategic and International Studies (ISIS)

Malaysia, *ASEAN Future Forward: Anticipating the Next 50 Years*, Kuala Lumpur, 2017

33. Jackson, R. and Sorensen, G. (2007), "Chapter 4: Liberalism", *Introduction to International Relations: Theories and Approaches*, Oxford University Press, Oxford.

34. Keohane, R. (1984), "Chapter 4: Cooperation and International Regimes", *After Hegemony: Cooperation and Discord in the World Political Economy*, Princeton University Press, New Jersey.

35. Khoman, Thanat (1992), "ASEAN Conception and Evolution", *The ASEAN Reader*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore.

36. Kraft, H. J. (2000), "ASEAN and Intra-ASEAN Relations: Weathering the Storm?", *The Pacific Review*, Volume 13, No.3.

37. Kurlantzick, J (2012), "ASEAN's Future and Asian Integration", *Council on Foreign Relations' Working Paper*, Council on Foreign Relations, Washington DC

38. Lake, D. and Morgan, P. (1997), "The New Regionalism in Security Affairs", *Regional Orders: Building Security in a New World*, The Pennsylvania State University Press, Pennsylvania.

39. Lundry, Chris (2018), "Assessing Indonesia's Foreign Policy under Jokowi", *Asia Policy*, National Bureau of Research, Volume 13, No. 4, Washington DC..

40. Mahbubani K., Jeffery Sng (2017), *The ASEAN Miracle: A Catalyst for Peace*, Ridge Books, Singapore.

41. MF Keling, H Md Som, MN Saludin, M Shuib (2011), "The Development of ASEAN from Historical Approach", *Asian Social Science*, No.7.

42. Mohamad, M. (2004), *Reflections on ASEAN: Selected Speeches by Mahathir Mohamad*, Hashim Makaruddin (ed.), Pelanduk Publications, Subang Jaya.

43. Mohd Azizudin Mohd Sani (2001), "America strategy to control East Asia Region", *Pemikir*, No. 24.

44. Mun, Tang Sew (2018), "ASEAN's Tough Balancing Act", *Asia Policy*, Volume 13, No. 4, National Bureau of Asian Research, Seattle.

45. Narayanan Ganesan (2013), *Conjunctures and Continuities in Southeast Asian Politics*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore.

46. Narine, Shaun (2009), "ASEAN in the 21st Century: a Skeptical Review", *Cambridge Review of International Affairs*, Volume 22, No.3, University of Cambridge, Cambridge.

47. Natalegawa, Marty (2018), *Does ASEAN Matter? A View from Within*, ISEAS - Yusof Ishak Institute

48. National Intelligence Council (2009), *Southeast Asia and Pacific Islands: The Impact of Climate Change to 2030*, National Intelligence Council.

49. Nguyen Vu Tung & Dang Cam Tu (2018), "Vietnam's Decision to Join ASEAN: The South China Sea Disputes

Connection,” in *Vietnam’s Foreign Policy under Doi Moi*, Yushof Ishak Institute, ISEAS Publishing, Singapore.

50. Noor, Farish (2017), “ASEAN at 50: Giving Credit Where It Is Due”, *ASEAN Future Forward: Anticipating the Next 50 Years*, ISIS Malaysia, Kuala Lumpur.

51. Nouwens, V. (2017), “ASEAN at 50: Time for a Stronger Political and Security Community”, *Royal University Service Institute*.

52. Nye, Joseph (1968), “International regionalism”, *Regionalism in World Politics*, No. 12, Little Brown and co., Boston.

53. Nye, Joseph (1968), “Regionalism in Historical Perspective”, *International regionalism*, Little Brown and co., Boston.

54. Ortouste, Maria (2018), “The ARF as a Strategic Waypoint: A Long View of the Forum’s 25-Year Journey”, *Asia Policy*, Volume 13, Number 4, National Bureau of Asian Research, Seattle, pp. 53-59.

55. “Peace, Stability and Prosperity in Southeast Asia: an Indonesian View” (1987), *Indonesia Quarterly*, No. 15.

56. Sacnchita Basu Das (2016), “Huge Challenges Awaits AEC 2025,” *ISEAS Perspective*, No. 48.

57. See, Seng Tan (2018), “Asia’s ‘Tragic’ Return to Great-Power Politics?”, *Asia Policy*, Volume 13, No. 4, National Bureau of Asian Research, Seattle.

58. See, Seng Tan (2015), *Multilateral Asian Security Architecture: Non-ASEAN Stakeholders*, Routledge, Singapore.

59. Severino, Rodolfo (2006), *Southeast Asia in Search of an ASEAN Community: Insights from the Former ASEAN Secretary-General*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore.

60. The ASEAN Secretariat (2015), *ASEAN 2025: Forging Ahead Together*, The ASEAN Secretariat, Jakarta.

61. Tow, William (2018), "Sea Change or More of the Same? Trump's Security Policies in Asia", *Asia Policy*, Volume 13, No. 4, National Bureau of Asian Research, Seattle.

62. Vu Thi Hai Hoa (2013), *Vietnam and the ASEAN Socio-Cultural Community (ASCC): Prospects, Challenges and Opportunities*, Victoria University of Wellington, New Zealand.



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	7
MỞ ĐẦU	15
Chương I	
ASEAN TỪ NĂM 1967 ĐẾN NAY	21
I. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ASEAN TRONG CHIẾN TRANH LẠNH	22
1. Sự ra đời của ASEAN lý giải từ góc độ lý luận và thực tiễn	22
2. Các giai đoạn phát triển của ASEAN-5	31
II. ASEAN SAU CHIẾN TRANH LẠNH: MỞ RỘNG THÀNH VIÊN VÀ XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG	38
III. ASEAN SAU 50 NĂM: THÀNH TỰU, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM	47
1. Thành tựu	48
2. Hạn chế và tồn tại	76
Chương II	
ASEAN TRÊN CHẶNG ĐƯỜNG PHÍA TRƯỚC: TRIỂN VỌNG 60 NĂM VÀ TẦM NHÌN SAU NĂM 2025	88
I. TẦM NHÌN CỘNG ĐỒNG ASEAN 2025	89
1. Mục tiêu Cộng đồng ASEAN qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025	90

2. Bản chất hợp tác ASEAN qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025	95
II. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HỢP TÁC ASEAN TRONG KHUÔN KHỔ CỘNG ĐỒNG	107
1. Các nhân tố thuận lợi	108
2. Các nhân tố không thuận lợi và thách thức	121
III. TRIỂN VỌNG CỦA ASEAN SAU NĂM 2025	144
1. Kịch bản bi quan	144
2. Kịch bản lạc quan	148
3. Kịch bản hiện thực	151
Chương III	
VỀ SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM TRONG ASEAN	164
I. VIỆT NAM TRONG ASEAN TỪ NĂM 1995 ĐẾN NAY	166
1. Về quá trình và quyết định gia nhập ASEAN của Việt Nam	166
2. Những lợi ích của Việt Nam	171
3. Những đóng góp của Việt Nam trong ASEAN	176
4. Một số hạn chế, tồn tại	206
II. SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM TRONG ASEAN THỜI GIAN TỐI	211
1. Vị trí, vai trò của ASEAN trong chính sách đối ngoại Việt Nam	211
2. Vị trí, vai trò của Việt Nam trong ASEAN	218
3. Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN thời gian tới: thuận lợi và khó khăn	221
III. MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ ĐỊNH HƯỚNG THAM GIA ASEAN CỦA VIỆT NAM	230
1. Tăng cường nhận thức đúng về ASEAN	231



2. Xác định cao hơn vai trò, vị trí của ASEAN và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác ASEAN trong tổng thể chính sách đối ngoại của Việt Nam	236
<i>Kết luận</i>	249
<i>Tài liệu tham khảo</i>	263

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy Hà Nội**  
**ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn**

**TÌM ĐỌC SÁCH**  
**CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

**GS.TS. Nguyễn Thái Yên Hương (Chủ biên)**  
**ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA MỸ VÀ SỰ TÁC ĐỘNG**  
**TỚI CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA MỸ**

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh  
Học viện Chính trị Khu vực I  
**PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy Hà (Chủ biên)**  
**GIÁO TRÌNH ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM**

**Lê Hoài Trung (Chủ biên)**  
**ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ**  
**CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ**



**Giá: 115.000đ**